

PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

01. ĐUỔI KỊP QUÁ KHỨ
02. ĐỨC CHÚA TRỜI CHÚNG TA THỜ PHƯỢNG
03. NHỮNG BÍ QUYẾT CỦA SỰ VÂNG LỜI
04. HÃY XEM BẠN RA SAO
05. HÃY THỜ PHƯỢNG NGÀI TRONG LỄ THẬT
06. THỨC ĂN VÀ NHỮNG KỶ LỄ
07. QUAN XÉT, VUA, THẦY TẾ LỄ VÀ THƯỜNG DÂN
08. TỘI NGỘ SÁT, CHIẾN TRẬN VÀ TỘI SÁT NHÂN
09. NHỮNG TRANH CHẤP VÀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH
10. SỰ VÂNG PHỤC VÀ SỰ BẤT TUÂN
11. BÀI CA MÔI-SE
12. SỰ CUỐI CÙNG CỦA MỘT KỶ NGUYÊN
13. ÔN LẠI SÁCH PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ - HỌC ĐỂ NHỚ - NHỚ ĐỂ HỌC

1. ĐUỐI KỊP QUÁ KHỨ (Phu 1:1-3:29)

Người hướng dẫn chúng ta nghe làm báo dạy chúng ta rằng đoạn đầu của mỗi bài báo phải cho độc giả biết về “ai, điều gì, ở đâu, khi nào và tại sao” của sự kiện đang được thuật lại. Phu 1:1-5 không phải là một bài báo, nhưng nó được viết theo nguyên tắc trên nên rất hấp dẫn. Dân Y-sơ-ra-ên ở tại Ca-đe Ba-nê-a trong năm thứ 40 sau khi họ được giải cứu khỏi Ai Cập, và Môi-se lãnh đạo của họ sắp giải nghĩa luật pháp Đức Chúa Trời và chuẩn bị cho thế hệ mới đi vào Ca-na-an. Dù bản thân Môi-se sẽ không vào xứ, ông sẽ giải thích cho dân sự điều họ phải làm để chiến thắng kẻ thù, tuyên bố di sản được hứa ban của họ và sống thành công nơi quê hương mới của mình cho vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời sẽ ban cho dân sự Ngài một cơ hội thứ hai và Môi-se không muốn thế hệ mới bỏ lỡ như tổ phụ họ đã bỏ lỡ trước đây. Y-sơ-ra-ên lẽ ra phải vào Ca-na-an 38 năm trước (2:14), nhưng trong sự vô tín họ đã chống nghịch với Đức Chúa Trời. Chúa đã kết án họ phải lang thang trong đồng vắng cho đến khi thế hệ đi trước đã chết, ngoại trừ Giô-suê và Ca-lép (Dan 13:1-14:45). Triết gia George Santayana đã viết, “những ai không thể nhớ quá khứ đều bị kết án là lặp lại nó” (1) vì vậy điều đầu tiên Môi-se làm trong bài giảng tạm biệt của ông là ôn trở lại quá khứ của Y-sơ-ra-ên và nhắc nhở thế hệ mới họ là ai và thế nào họ đi đến nơi họ đang có mặt (Phu 1:1-5:33). Biết quá khứ của mình, thế hệ mới ở Y-sơ-ra-ên có thể tránh lặp lại những tội lỗi của tổ phụ họ.

1. Y-sơ-ra-ên ra đi (Phu 1:6-18)

Sự hiểu thấu về lịch sử là quan trọng đối với mọi thế hệ vì nó cho một ý thức nhận biết. Nếu bạn biết mình là ai và mình từ đâu đến bạn sẽ có một thời gian dễ dàng hơn để khám phá điều mình sẽ phải làm. Một thế hệ không có sự nhận biết thì giống như một người không có khai sinh, tên họ, địa chỉ hay một gia đình. Nếu chúng ta không biết nguồn cội lịch sử của mình, chúng ta có thể trở nên giống như loài cỏ rác bị thổi đây đó và không bao giờ đến được nơi đến của mình.

Một người cha nọ đưa con trai nhỏ của ông đến Viện bảo tàng địa phương để giúp nó hiểu rõ hơn đời sống ra sao trước khi nó ra đời. Sau khi nhìn một cách cau có một số vật trưng bày, cậu bé cuối cùng nói, “Bố ơi, chúng ta hãy đi đến nơi nào đó mà người ta là thật”.

Giống như cậu bé khó chịu đó, nhiều người có tư tưởng rằng quá khứ không thật và không quan trọng, lại chẳng có ý nghĩa gì đối với đời sống hôm nay, và giống như cậu bé đó, họ sai lầm. Những người hoài nghi tuyên bố rằng tất cả những gì chúng ta học từ lịch sử là điều chúng ta không học từ lịch sử, nhưng tín hữu Cơ Đốc trưởng thành biết rằng A.T.Person đã đúng khi ông nói “Lịch sử là câu chuyện của Ngài”. Kinh Thánh không phải là một viện bảo tàng chán ngắt nơi mọi thứ đều bất động. Đó là một vở kịch sống động dạy chúng ta về Đức Chúa Trời và khích lệ chúng ta vâng lời Ngài và hưởng những ơn phước của Ngài (Ro 15:4 ICo 10:1-12). Không có quyển sách nào đương thời hơn Kinh Thánh, và mỗi thế hệ mới đều phải học bài học quan trọng này.

Y-so-ra-ên ở núi Si-nai (Phu 1:6-8 Dan 1:10) (2). Sau khi dân tộc này rời Ai Cập, họ đã đi đến núi Si-nai, đến nơi vào ngày 15 tháng thứ 3 (Xu 19:1), và ở đó Chúa đã tỏ chính Ngài trong quyền năng và đại vinh. Ngài ban luật pháp cho Môi-se là người tuyên bố nó cho dân sự, và họ chấp nhận những điều khoản của giao ước. Dân Do Thái rời núi Si-nai vào ngày 20 tháng thứ 2 của năm thứ hai sau cuộc kinh lý rời Ai Cập (Dan 10:11), nghĩa là họ đã ở núi Si-nai chưa đến một năm. Trong khi dân tộc này đóng trại ở núi Si-nai, đền tạm được xây dựng và các thầy tế lễ cùng người Lê-vi được biệt riêng để hầu việc Chúa.

Vì sao Chúa để cho dân Do Thái nấn ná quá lâu ở núi Si-nai? Ngài muốn ban cho họ luật pháp Ngài và dạy họ cách thờ phượng. Chúa ban luật pháp Ngài cho Y-so-ra-ên không phải để cứu họ khỏi tội lỗi họ, vì “không có xác thịt nào được xưng công bình bởi những việc làm của luật pháp” (Ga 2:16). Dưới giao ước cũ, con người được cứu bởi đức tin giống như tội nhân ngày nay được cứu bởi đức tin vậy (Ro 4:1-12 Ga 3:22 He 11:1-40). Luật pháp bày tỏ tội lỗi con người và tính cách thánh khiết của Đức Chúa Trời. Nó giải thích điều Đức Chúa Trời cần nơi dân sự Ngài nếu họ muốn làm đẹp lòng Ngài và hưởng ơn phước của Ngài. Luật dân sự cho Y-so-ra-ên có một xã hội trật tự công bằng và những luật tôn giáo giúp họ có thể sống với tư cách dân của Đức Chúa Trời, được biệt riêng khỏi những dân tộc khác để làm vinh hiển danh Ngài. Luật pháp cũng dọn đường cho sự đến của Đấng Mê-si-a của Y-so-ra-ên (Ga 4:1-7), và các vật dụng khác nhau trong đền tạm cùng những nghi lễ đều chỉ về Chúa Giê-xu.

Biết rằng những cuộc chiến và những hiểm họa ở trước mặt mình, nhiều người trong dân sự có thể thỏa lòng để ở tại núi Si-nai, nhưng Chúa ra lệnh họ di chuyển. Chúa không chỉ ra lệnh họ nhưng Ngài cũng khích lệ họ: “Kìa, ta phó xứ này cho các ngươi!” (Phu 1:8). Ngài hứa giữ giao ước Ngài đã lập với các trưởng tộc là những người Ngài nhân từ hứa ban cho họ xứ Ca-na-an (Sa 13:14-18 15:7-21 17:8 28:12-15 Xu 3:8). Tất cả những gì quân đội Y-so-ra-ên phải làm là vâng theo những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời và Chúa sẽ ban cho họ sự chiến thắng trên những kẻ thù của họ ở Ca-na-an.

Y-so-ra-ên trên đường đến Ca-de Ba-nê-a (Phu 1:9-18 Dan 10:11-12:16). Không dễ để Môi-se dẫn dắt dân tộc lớn này vì ông thường phải giải quyết những vấn đề mới và lắng nghe những lời phàn nàn mới. Đã quen với sự tiện nghi trong trại quân của mình ở núi Si-nai, dân sự bực bội về những khó khăn trong hành trình của họ đến Đất Hứa. Họ đã quen sự khốn khổ trong những năm nô lệ của họ ở Ai Cập và thậm chí muốn xoay lại để trở về! Họ đã quen với ma-na Đức Chúa Trời ban cho họ từ trời mỗi buổi sáng và mau chóng xem nhẹ nó, rồi họ ao ước về thịt thom ngon và rau họ đã thưởng thức ở Ai Cập không có gì ngạc nhiên khi Môi-se trở nên nản lòng và kêu cầu với Chúa! (3). Ông muốn rút lui và thậm chí xin Đức Chúa Trời cất đi mạng sống của ông! (Dan 11:15).

Sự đáp lời của Đức Chúa Trời đối với lời cầu nguyện của Môi-se là ban cho ông 70 trưởng lão để giúp đỡ ông quản lý những công việc của trại quân. Môi-se là một lãnh đạo lớn và là một vĩ nhân thuộc linh, thậm chí ông có thể làm thật nhiều việc thì ông và các trưởng lão đã phải chia dân tộc thành những nhóm ngàn người, trăm người, 50 người

và 10 người, với những lãnh đạo có năng lực đảm trách mỗi nhóm. Điều này tạo ra một dây chuyền mệnh lệnh giữa Môi-se và dân sự để ông không phải liên quan trong mọi cuộc tranh chấp nhỏ. Ông có thể bỏ hết tâm sức vào việc thưa chuyện với Chúa và giúp giải quyết những vấn đề quan trọng nhất trong trại quân.

Nhiệm vụ Môi-se giao cho những lãnh đạo mới được chỉ định là một nhiệm vụ phải được chú ý bởi tất cả những ai phục vụ ở một vị trí có quyền hạn, dù là vị trí thuộc tôn giáo hay dân sự (Phu 1:16-18). Sự nhấn mạnh là về tính cách, sự chính trực và sự nhận biết rằng Đức Chúa Trời là quan án và là uy quyền quyết định. Nếu tất cả các quan chức thực hiện những quyết định của họ trên cơ sở của quốc tịch, chủng tộc, địa vị xã hội hay sự giàu có, họ sẽ phạm tội nghịch với Đức Chúa Trời và xuyên tạc sự công chính. Suốt luật pháp của Môi-se có một sự nhấn mạnh về sự công chính và bày tỏ sự nhân từ cùng sự công bằng đối với người nghèo, đặc biệt là góa phụ, cô nhi và khách kiều ngụ trong xứ (Xu 22:21-24 Le 19:9-10 Phu 14:28-29 16:9-12 24:17-21). Các tiên tri thường nổi giận nghịch với các chủ đất giàu có, vì họ đã ngược đãi người nghèo và người cô thế trong xứ (Es 1:23-25 10:1-3 Gie 7:1-6 22:3 Am 2:6-7 5:11 Xa 7:8) “Kẻ hà hiếp người nghèo khổ làm nhục Đấng Tạo Hóa mình” (Ch 14:31).

2. Y-so-ra-ên chống nghịch (Phu 1:19-46) (Dan 13:1-14:45)

Ca-đe Ba-nê-a là cửa ngõ vào Đất Hứa, nhưng Y-so-ra-ên đã không vào xứ vì sự sợ hãi và sự vô tín. Họ bước đi bởi ngoại cảnh chứ không bởi đức tin nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời. Môi-se bảo họ rằng “Kìa, Giê-hô-va Đức Chúa Trời người phó xứ này cho người, hãy đi và lấy tài sản của nó. Đừng sợ, đừng nản lòng” (Phu 1:21 NIV). Thật có lý khi nói rằng đức tin không phải là tin bất chấp chứng cứ – đó là sự mê tín, nhưng là vâng lời bất chấp những hoàn cảnh và hậu quả. Dân sự cần thêm chứng cứ mức độ nào để cho thấy Đức Chúa Trời có thể đánh bại kẻ thù và ban cho họ xứ? Ngài đã chẳng đánh bại và sỉ nhục mọi tà thần của Ai Cập, bảo vệ Y-so-ra-ên và chu cấp cho họ trong hành trình hành hương của họ đó sao? Mệnh lệnh của Đức Chúa Trời luôn là điều Đức Chúa Trời có thể làm được, và để giành được chiến thắng, dân sự Ngài chỉ cần tin cậy và vâng lời.

Thăm dò xứ (Phu 1:22-25 Dan 19:1-22). Sự bày tỏ đầu tiên cho thấy dân tộc đang dao động trong đức tin là yêu cầu của họ rằng Môi-se chỉ định một ủy ban để thăm dò xứ. Y-so-ra-ên sau đó sẽ biết tình trạng xứ và dễ dàng có thể chuẩn bị kế hoạch tấn công của họ. Đây là phương cách mà bất cứ quân đội nào cũng sẽ sử dụng - nó được gọi là “cuộc trinh sát” - nhưng Y-so-ra-ên không phải chỉ là “quân đội tầm thường”. Họ là quân đội của Đức Chúa Trời và Chúa đã thực hiện “cuộc trinh sát” cho họ. Ngay từ đầu, Đức Chúa Trời đã cho Môi-se biết rằng Ca-na-an là một xứ tốt tươi đượm sữa và mật, và Ngài còn cho biết tên của các dân tộc sống trong xứ (Xu 3:7-8 Sa 15:19-21). Chắc chắn dân sự biết rằng ý muốn Đức Chúa Trời sẽ không dẫn họ đến nơi mà ân điển và quyền năng của Đức Chúa Trời không thể giữ họ.

Khi Môi-se nói với Đức Chúa Trời về đề nghị của dân sự, Chúa nhân từ cho phép ông chấp nhận thỉnh cầu của họ (Dan 13:1). Đức Chúa Trời biết chúng ta yếu đuối ra sao, vì

vậy đôi khi Ngài tự thích nghi với điều kiện của chúng ta (Thi 103:13-14 Cac 6:36-40). Tuy nhiên, thực hiện ý muốn cho phép của Đức Chúa Trời hoàn toàn không giống như vâng theo “ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn” của Ngài (Ro 12:2). Khi Đức Chúa Trời để chúng ta làm theo ý riêng mình, đó là một sự nhượng bộ của Ngài để khiến chúng ta phải bước đi trong sự kính sợ và khiêm nhường. Vì sao? Vì luôn có hiểm họa chúng ta sẽ trở nên kiêu ngạo và chủ quan rồi bắt đầu cho Đức Chúa Trời biết điều phải làm! Thực hiện ý muốn rõ ràng của Đức Chúa Trời là đường lối an toàn nhất vì Đức Chúa Trời không bao giờ sai lầm. Đôi khi những ước muốn của chúng ta và những nhượng bộ của Đức Chúa Trời kết hợp lại để tạo ra những kỷ luật đau thương.(4).

Mười hai người đã do thám xứ trong 40 ngày và trở về trại quân với sự tường thuật nhất trí đầy nhiệt tình rằng mọi điều Đức Chúa Trời đã nói về xứ là đúng. Sự tường thuật này lẽ ra sẽ không làm mọi người ngạc nhiên vì Lời Đức Chúa Trời luôn đáng tin cậy.

Chối bỏ xứ (Phu 1:26-40). Nhưng sau đó 10 thám tử chứng kiến rằng Y-so-ra-ên không thể chinh phạt xứ vì các thành được bảo vệ bởi những vách thành cao và có những người khổng lồ trong xứ. Thiếu số người (Giô-suê và Ca-lép) đã dạn dĩ khẳng định rằng Chúa có thể ban cho dân sự Ngài chiến thắng vì Ngài vĩ đại hơn bất cứ kẻ thù nào. Tiếc thay, dân tộc đã đứng về phía đa số và trở nên nản lòng, thậm chí sợ hãi hơn. Môi-se đã hai lần bảo họ đừng sợ (1:21,29), nhưng lời nói ông đã rơi vào những cái tai điếc. Thay vì các lãnh đạo hát bài ca khải hoàn của họ và tiến về phía trước bằng đức tin (Dan 10:35), họ và dân sự ngồi trong trại than thở, khóc lóc và định trở về Ai Cập. Ngoại trừ 4 người; Môi-se, A-rôn, Giô-suê và Ca-lép (14:5-6), toàn dân tộc đã chống nghịch với Chúa và không giành lấy xứ Ngài đã hứa ban cho họ. Chúa đã có thể đem họ ra khỏi Ai Cập nhưng Ngài không thể đem họ vào Ca-na-an!

Nguyên nhân sự thất bại của Y-so-ra-ên ở Ca-đe Ba-nê-a là gì? “Họ quên việc Ngài đã làm, những sự lạ lùng Ngài đã cho họ thấy... Họ không nhớ quyền năng của Ngài” (Thi 78:11,42 NIV). Đức Chúa Trời đã bày tỏ đại quyền của Ngài bằng cách giáng những tai vạ trên Ai Cập và bằng cách rẽ Biển Đỏ ra để Y-so-ra-ên có thể thoát nạn, nhưng không có việc nào trong những sự lạ lùng này thật sự ghi vào tâm trí và tấm lòng của dân sự Ngài. Thậm chí sự chu cấp kỳ diệu về bánh, thịt và nước cũng không làm gia tăng đức tin của họ. Họ vui mừng tiếp nhận những sự ban cho nhưng không ghi vào lòng sự nhân từ và ân điển của Đấng Ban Cho. Ngược lại, họ cứng lòng với Chúa và phát triển một “tấm lòng xấu xa của sự vô tín” (He 3:7-19). Nếu những ơn phước của Đức Chúa Trời không khiến lòng chúng ta hạ xuống và khiến chúng ta tin cậy Ngài hơn, vậy chúng sẽ làm cứng lòng chúng ta và làm suy yếu đức tin của chúng ta. Nếu chúng ta không tiếp nhận Lời Ngài vào lòng mình và tạ ơn Đức Chúa Trời về những ơn phước của Ngài, chúng ta trở nên kiêu ngạo ích kỷ và bắt đầu xem nhẹ những ơn phước của Đức Chúa Trời.

Có một sự khác biệt giữa sự vô tín và sự nghi ngờ. Sự vô tín là một vấn đề của ý chí, nó khiến con người chống nghịch Đức Chúa Trời và nói “Dù Chúa nói gì, tôi sẽ không tin và vâng lời!” Tuy nhiên, sự nghi ngờ là một vấn đề của tấm lòng và cảm xúc. Đó là điều con người trải qua khi họ dao động giữa sự sợ hãi và đức tin (Mat 14:31 Gia 1:5-8).

Người nghi ngờ nói “Lạy Chúa, tôi tin, xin hãy giúp cho sự vô tín của tôi!” Đức Chúa Trời tìm cách khích lệ người nghi ngờ và giúp họ tin, nhưng tất cả những gì Ngài có thể làm với những người chống nghịch là đem đến sự xét đoán. Tại Ca-đe, Ngài ra lệnh rằng dân tộc này sẽ lang thang 38 năm kế tiếp (họ đã ở trong đồng vắng 2 năm) cho đến khi tất cả những người từ 20 tuổi trở lên đều chết. Sau đó Ngài sẽ sử dụng thế hệ mới trẻ con và thiếu niên những người mà các lãnh đạo nói chúng sẽ bị kẻ thù cắn xé và dẫn họ vào xứ nơi họ sẽ chiến thắng kẻ thù và giành lấy di sản mình.

Tấn công kẻ thù (Phu 1:40-46 Dan 14:40-45). Khi dân Do Thái nghe sự xét đoán của Đức Chúa Trời được tuyên bố, họ tìm cách xóa tội mình theo cách riêng của họ, nhưng họ chỉ làm cho những vấn đề tệ hại hơn. Họ nói “chúng tôi đã phạm tội” nhưng đó là một lời xưng tội hời hợt mà thật sự có nghĩa là “chúng tôi tiếc cho những hậu quả của tội lỗi mình”. Đó không phải là sự ăn năn thật; Đó chỉ là sự hối hận. Sau đó họ tìm cách tấn công một số dân trong xứ, nhưng những nỗ lực của họ thất bại và Đức Chúa Trời đem đến một sự chiến bại nhục nhã (Phu 1:41-46). Xét cho cùng, Chúa đã không ở cùng họ và không ra lệnh cho họ đánh trận. Toàn bộ sự việc là một sự cố gắng yếu đuối của những người nam Y-so-ra-ên để thực hiện bằng sức riêng của họ điều mà Đức Chúa Trời sẽ thực hiện cho họ nếu họ chỉ tin cậy Ngài. Điều duy nhất dân tộc tội lỗi có thể làm thay đổi ý định của Đức Chúa Trời. Dân sự đã không nghe tiếng Đức Chúa Trời, vì vậy Ngài không nghe tiếng họ.

Ca-lép và Giô-suê tin Đức Chúa Trời, vì vậy Đức Chúa Trời phán rằng họ sẽ sống suốt thời kỳ lang thang trong đồng vắng và bước vào Đất Hứa. Nhưng sau đó, ngay cả Môi-se và A-rôn cũng chống nghịch với Đức Chúa Trời và bị đày ở ngoài xứ (c.37 Dan 20:1-13,24). Khi Đức Chúa Trời chỉ dẫn Môi-se cung cấp nước bằng cách nói với hòn đá, ông đã đập hòn đá và nói: “Hãy nghe đây, những kẻ chống nghịch! Chúng ta phải đem nước cho các người từ hòn đá này chăng?” (c.10 NKJV)). Vì Môi-se không tin Đức Chúa Trời và làm vinh hiển Ngài, ông đã đánh mất quyền dẫn dắt Y-so-ra-ên vào xứ (5). Tội của ông không phải là tội của kẻ nghi ngờ nhưng là tội của kẻ chống nghịch: ông đã cố tình bất tuân Đức Chúa Trời và tự tôn cao mình.

Khi Môi-se nói rằng Đức Chúa Trời đã nổi giận với ông “vì có các người” (Phu 1:37 “vì các người” NIV), ông không tự biện hộ mình bằng cách trách cứ dân Y-so-ra-ên. Điều mà việc này có ý nghĩa đó là thái độ chống nghịch của dân sự đã khiêu khích ông làm điều ông đã làm và nói điều ông đã nói. Môi-se bị làm khổ thường xuyên bởi những người hay phàn nàn và bất tuân đến nỗi tất cả cuối cùng đi đến một đỉnh điểm và ông đánh mất sự nhu mì mà ông đã nổi tiếng về điều đó. Ngay cả những lãnh đạo thuộc linh cao trọng nhất cũng chỉ là những con người yếu đuối nếu không có ân điển của Đức Chúa Trời, và nhiều người trong số họ đã thất bại trong những điểm mạnh nhất của họ. Sức mạnh lớn nhất của Môi-se là sự nhu mì của ông, nhưng ông đã mất bình tĩnh. Áp-ra-ham nổi tiếng về đức tin lớn của ông, nhưng trong một thời điểm thử thách ông đã trốn đến Ai Cập và nói dối về vợ mình. Sức mạnh lớn của Đa-vít là sự chính trực của ông (Thi 78:72) nhưng ông đã thất bại thảm hại và trở thành một kẻ nói dối và một kẻ giả hình;

còn sức mạnh lớn của Phi-e-rơ là sự can đảm của ông, nhưng ba lần ông đã trở nên sợ hãi và chối Chúa mình. “Vậy thì, ai tưởng mình đứng hãy giữ kéo ngã” (ICo 10:12)

3. Y-sơ-ra-ên chiến thắng (Phu 1:19-46) (Phu 2:1-3:20)

Đây là một tóm tắt về sự ghi chép được trình bày trong Dan 20:14-31:54 mô tả dân Y-sơ-ra-ên đánh bại các dân và các vua trong hành trình họ đến Đất Hứa. Trong bài nói chuyện này, Môi-se không cho chi tiết nào về những gì Y-sơ-ra-ên kinh nghiệm trong khi lang thang 38 năm trong đồng vắng (6). Suốt những năm đó, Y-sơ-ra-ên đã ở ngoài đặc ân giao ước của Đức Chúa Trời, và không có ghi chép nào cho thấy họ đã giữ lễ Vượt Qua hay thậm chí làm phép cắt bì cho các con trai của họ. Sau khi Giô-suê dẫn dân tộc qua sông Giô-đanh, ông quan tâm những trách nhiệm đó và Y-sơ-ra-ên đã trở lại trong ơn phước giao ước của Đức Chúa Trời (Gios 5:1-15). Dân sự trong hội chúng của Môi-se là những người 19 tuổi khi những cuộc lang thang bắt đầu thì giờ đây đã 57 tuổi (19+38 tuổi) và chắc chắn sẽ nhớ những năm khó khăn ấy và kể lại cho con cháu họ về họ.

Tránh dân Ê-đôm (Phu 2:1-8 Dan 20:14-21). Môi-se được Đức Chúa Trời ra lệnh chờ tuyên chiến trên dân Ê-đôm và tìm cách chiếm xứ họ. Dân Ê-đôm là con cháu của Ê-sau, anh Gia-cốp và do đó có liên hệ với dân Do Thái (Sa 36:1-43) Môi-se trước tiên thử một cách tiếp cận thân mật, nhưng dân Ê-đôm sẽ không chấp nhận anh em của họ dựa trên bất cứ điều khoản nào, vì vậy Môi-se dẫn dân sự bằng con đường khác đi qua núi Sê-i-rơ. Dân Ê-đôm lẽ ra phải tỏ cho Y-sơ-ra-ên thấy tình yêu anh em, nhưng ngược lại, họ thích làm sống mãi mối hận thù xưa, giữa Gia-cốp và Ê-sau (Sa 27:32-33). Nhiều thế kỷ sau, Ê-đôm vẫn giận dữ với Y-sơ-ra-ên và vui mừng khi dân Ba-by-lôn hủy phá thành Giê-ru-sa-lem (Thi 137:7 Exe 25:12-14 Am 1:11 Ap 1:10-13).

Trong tất cả những vấn đề chúng ta đối diện trong đời sống, những bất đồng gia đình có thể là những vấn đề đau đớn nhất và khó giải quyết nhất, nhưng Kinh Thánh ghi lại rất nhiều về những vấn đề đó. Ca-in đã giết A-bên em mình (Sa 4:1-26); Gia-cốp và Ê-sau là những thù địch, các bà vợ của Gia-cốp ganh với nhau (29:1-30:43); Gia-cốp yêu thích Giô-sép và do đó các anh của Giô-sép ghét người em út của họ (37:1-36), và vua Sau-lơ cha vợ của Đa-vít đã truy lùng ông và tìm cách giết ông (ISa 19:1-20:18). Ngay cả trong gia đình Cơ Đốc, anh chị em trong Hội Thánh địa phương không phải lúc nào cũng yêu thương nhau. Hội Thánh Cô-rinh-tô bị phân rẽ bốn phương diện ICo 1:12 các tín hữu Ga-la-ti đã cắn xé nhau (Ga 5:15); Các thánh đồ ở Ê-phê-sô cắn tử tế và tha thứ lẫn nhau (Eph 4:31-32); và trong Hội Thánh Phi-líp có hai người đàn bà mâu thuẫn với nhau (Phi 4:2-3). Những hận thù gia đình và những bất đồng trong Hội Thánh ít nhất có phần bị hạn chế, nhưng khi tất cả các dân phát triển và duy trì sự thù ghét lẫn nhau và sinh ra chiến trận, nhiều người vô tội bị tổn thương.

Môi-se đã làm điều đúng đắn bằng cách vâng theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời và cố ý tránh cuộc chạm trán tai hại và không có tội. “Phước cho những kẻ làm cho người hòa thuận, vì sẽ được gọi là Con Đức Chúa Trời” (Mat 5:9). “Vậy chúng ta hãy đi theo những điều hướng đến sự hòa bình” (Ro 14:19). Có những lúc khi tránh né sự mâu thuẫn là hèn nhát, nhưng có những lúc khác khi đó là một dấu hiệu của sự can đảm và khôn

ngoan (Gia 3:13-18 Mat 5:21-26). Giống như Gia-cơ và Giăng, có thể chúng ta cảm thấy thích gọi lửa từ trời giáng trên những người khước từ chúng ta, nhưng tốt hơn là nên noi theo gương của Môi-se và Chúa Giê-xu mà đi con đường khác (Lu 9:51-56).

Một yếu tố nữa trong sự “làm hòa” này nên được chú ý: Đức Chúa Trời đã nhân từ chăm sóc Y-so-ra-ên và chúc phước cho dân sự Ngài thậm chí suốt những năm họ lang thang, vì vậy họ không cần phải tấn công anh em mình và bóc lột họ (Phu 2:7). Đức Chúa Trời sẽ ban cho Y-so-ra-ên toàn xứ họ cần mà họ không phải đi ra trận. Nếu có nhiều cá nhân, gia đình và dân tộc hài lòng với những ơn phước Đức Chúa Trời ban cho họ, sẽ có ít sự chiến đấu giữa vòng họ.

Tránh dân Mô-áp và Am-môn (Phu 2:9-23). Giống như dân Ê-đôm không bị tấn công và chinh phạt vì họ có liên hệ với Gia-cốp, thì dân Mô-áp và Am-môn cũng được tha vì họ là con cháu của Lót – cháu Áp-ra-ham (Sa 19:30-38). Đức Chúa Trời là chí cao tể trị trên mọi dân tộc và ấn định những địa phận của họ theo ý muốn tối cao của Ngài (Cong 17:26-28 IISu 20:6). Thật ra, Chúa thậm chí đã giúp đỡ những dân tộc khác đánh bại kẻ thù họ và giành lấy xứ họ (Phu 2:20-23). Đức Chúa Trời ngự trên ngôi Ngài và đối xử với các dân tộc theo ý muốn trọn vẹn của Ngài (Đa 4:35). Dân Mô-áp hay dân Am-môn đều không đáng được sự nhân từ này, nhưng Chúa đôi khi chúc phước cho dân này vì có mối liên hệ của họ với dân khác. Y-so-ra-ên chắc chắn được chúc phước vì có những giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham và Đa-vít còn Hội Thánh ngày nay được chúc phước vì có giao ước đòi hỏi của Đức Chúa Cha với Chúa Giê-xu Christ (He 13:20).

Đó là một bước ngoặt trong lịch sử khi dân Do Thái đi qua khe Xê-rết, giờ đây thế hệ đi trước đã mất ngoại trừ Môi-se, Ca-lép và Giô-suê (Phu 2:13-16). Với thời gian của kỷ luật Đức Chúa Trời đã chấm dứt, Y-so-ra-ên giờ đây có thể mong đánh bại kẻ thù họ và đi vào xứ Chúa đã hứa ban cho họ.

Đánh bại dân Am-môn (Phu 2:24-3:11). Si-hôn và Óc là những vua hùng mạnh trong miền của dân A-mô-rít ở về phía Đông sông Giô-đanh, và Chúa đã quyết định tiêu diệt họ và dân họ. Những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời trong 2:24-25,31 tóm tắt kiểu mẫu Y-so-ra-ên sẽ làm theo trong việc họ chinh phạt Đất Hứa. Đức Chúa Trời sẽ cho Giô-suê biết thành hay dân nào phải tấn công; Ngài sẽ bảo đảm với họ về chiến thắng và Ngài sẽ đi cùng họ để giúp họ thắng trận. Việc Y-so-ra-ên đánh bại Si-hôn và Óc đặc biệt quan trọng vì nó sẽ nhấn một sứ điệp đến trước các dân tộc ở Ca-na-an và đem đến nỗi sợ hãi cho lòng họ (11:25). vào thời điểm Giô-suê sẵn sàng đi vào xứ, tin tức về cuộc hành quân vô địch của Y-so-ra-ên đã đi trước họ (Gios 2:8-11 Xu 15:14-16).

Như đã làm với dân Ê-đôm dân Mô-áp và dân Am-môn, Môi-se trước tiên đưa ra cho Si-hôn một đề nghị có thiện ý, hứa đi ngang qua xứ một cách hòa bình và trả tiền cho lương thực với nước mà dân sự dùng. Tuy nhiên Chúa muốn Y-so-ra-ên đánh bại Si-hôn và chiếm toàn xứ ông, vì vậy Ngài làm cứng lòng vua như Ngài đã làm cứng lòng Pha-ra-ôn ở Ai Cập (7). Khi Si-hôn dẫn quân đội ông ra tấn công Y-so-ra-ên, Đức Chúa Trời ban cho Môi-se một chiến thắng lớn và tất cả dân trong xứ bị giết, chiến thắng này trên Si-hôn đã cho Y-so-ra-ên sự khích lệ để chạm trán Óc, và họ cũng thắng trận đó và chiếm

toàn xứ. Việc các thành có tường cao (Phu 3:5) và việc có là một người khổng lồ (c.11) dường như không đưa ra bất cứ vấn đề nào để thế hệ đi trước sợ hãi (Dan 13:28). Đức Chúa Trời lớn hơn mọi tường thành và vĩ đại hơn mọi kẻ khổng lồ!

Những nhà học giả tự do về Kinh Thánh bày tỏ sự quan tâm về cách Y-so-ra-ên tiêu diệt tất cả các dân tộc, giết “những người vô tội” và tịch thu các thành cùng xứ của họ. Nhưng những dân này “vô tội” như thế nào? Những nhà chỉ trích Kinh Thánh (và Đức Chúa Trời) có thể không nhận biết rằng các dân tộc mà Y-so-ra-ên đã chạm trán ở phía Đông sông Giô-đanh và trong Ca-na-an là gian ác không tả xiết. Họ là dân tàn bạo đã tể con cái mình cho các tà thần họ thờ phượng. Các dĩ điểm phục vụ trong các đền thờ của họ và sự giao cấu là một phần quan trọng của tôn giáo Ca-na-an.

Những dân này đã không bị bỏ đi mà không có chứng cứ từ Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo (Ro 1:18) cũng như qua đời sống của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp là những người đã sống ở Ca-na-an. Hơn nữa, tin tức về sự hủy diệt Sô-đôm và Gô-mô-rơ những tai vạ ở Ai Cập, và sự giải cứu Y-so-ra-ên qua Biển Đỏ (Gios 2:8-11) đã đến tai những dân này và làm chứng rằng chỉ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật. Đức Chúa Trời đã nhẫn nhục với những dân tộc gian ác này thậm chí trong thời của Áp-ra-ham, nhưng giờ đây thời gian của họ đã hết và sự xét đoán của họ đã đến (Sa 15:16). Nếu những nền văn minh gian ác này không bị tiêu diệt, Y-so-ra-ên sẽ ở trong hiểm họa thường trực về việc bị cám dỗ bởi sự thờ hình tượng ngoại bang. Thật ra, đó là điều đã xảy ra suốt thời kỳ các quan xét, và Đức Chúa Trời đã phải trừng phạt dân sự Ngài để đem họ trở về với Đức Chúa Trời chân thật. Y-so-ra-ên có công việc quan trọng để làm trên đất trong việc tạo ra Kinh Thánh được viết tay và đem Chúa Cứu Thế vào thế gian, và việc bắt chước các dân tộc ngoại đạo sẽ làm Y-so-ra-ên ô uế và đe dọa kế hoạch cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời đối với nhân loại.

Phu 2:1-37; xem giải nghĩa Phu 1:19-46

Phu 3:1-11; xem giải nghĩa Phu 1:19-46

4. Y-so-ra-ên chuẩn bị (Phu 3:12-29)

Những chiến thắng trên Si-hôn và Ốc, hai vua hùng mạnh của những xứ ở phía Đông sông Giô-đanh, chính là sự chuẩn bị cho những cuộc chiến Y-so-ra-ên sẽ đánh khi họ vào xứ Ca-na-an. Thế hệ mới sẽ có vị giác thật đầu tiên của họ về chiến tranh và nhanh chóng khám phá rằng Đức Giê-hô-va có thể tin cậy được để đắc thắng mọi kẻ thù. tất cả những gì quân đội phải làm là vâng theo những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời, tin cậy những lời hứa của Ngài, và dạn dĩ đương đầu với kẻ thù.

Bước chuẩn bị thứ hai cho cuộc chinh phạt là sự ổn định hai chi phái rưỡi trong địa phận này mà đã bị bắt giữ ở phía Đông sông Giô-đanh. Xứ này đã được ban cho hai chi phái Ru-bên và Gát, và nửa chi phái Ma-na-se. Họ đặc biệt muốn xứ này vì họ là những người chăn gia súc và địa phận này thích hợp cho bầy gia súc của họ (Dan 32:1-42). Hai chi phái rưỡi được phép củng cố các thành cho gia đình họ sống và cũng xây những chuồng cho bầy chiên cùng bầy gia súc của họ. Nhưng điều đó được hiểu rằng những

người tham chiến trong các chi phái sẽ đi qua sông Giô-đanh với những chi phái khác và giúp anh em họ chinh phạt xứ. Một khi việc đó đã được thực hiện và tất cả các chi phái đã được ấn định di sản họ, những người phái Ru-bên, Gát và Ma-na-se có thể trở về nhà với gia đình họ (Gios 22:1-34). Việc Môi-se cho họ xứ này và việc những người này sẵn sàng rời những người thân yêu của họ, là chứng cứ về đức tin của họ rằng Đức Chúa Trời sẽ ban cho Y-so-ra-ên chiến thắng trong Ca-na-an.

Môi-se mô tả chiến thắng này là “Chúa ban sự yên nghỉ” (Phu 3:20), một nhóm từ thường được sử dụng trở lại trong 12:10 và 25:19 và thường trong sách Giô-suê (Gios 1:13-15 11:23 14:15 21:4 22:4 23:1). Y-so-ra-ên ở Ca-đe Ba-nê-a muốn trở lại Ai Cập, và các tín hữu Do Thái mà sách Hê-bơ-rơ được viết cho họ, đã muốn trở lại đời sống cũ và tôn giáo cũ. Nhưng không thể có sự yên nghỉ nào trong Do Thái giáo sắp biến khỏi hiện trường, vì vậy tác giả kêu gọi dân sự tiến lên bởi đức tin để vào trong sự yên nghỉ mà chỉ có Đấng Christ mới có thể ban cho (Mat 11:28-30). Ca-na-an không phải là một bức tranh về Thiên Đàng; Đó là bức tranh về sự giàu có thuộc linh của chúng ta trong Đấng Christ, di sản chúng ta có trong Ngài.

Bước chuẩn bị thứ 3 cho cuộc chinh phạt là việc chỉ định Giô-suê kế nghiệp Môi-se và dẫn dắt dân tộc vào Ca-na-an (Dan 27:18-23). Theo mệnh lệnh của Chúa, Môi-se công khai đặt tay trên Giô-suê và với sự giúp đỡ của thầy tế lễ cả Ê-lê-a-sa phong ông vào chức vụ mới. Môi-se cũng bắt đầu trao phần quyền hạn của ông cho Giô-suê (27:20 NIV), hầu cho lúc Môi-se vắng mặt, Giô-suê sẵn sàng đảm trách nhiệm vụ. Tuy nhiên, Giô-suê là một người có đức tin lớn với sự từng trải và hoàn toàn đủ tư cách lãnh đạo dân sự Đức Chúa Trời. Ông đã hầu việc với tư cách tôi tớ của Môi-se (Xu 33:11) và lãnh đạo quân đội (17:8-16), và ông đã ở trên núi Si-nai với Môi-se (24:13). Tại Ca-đe Ba-nê-a, ông đã chứng tỏ đức tin và sự vâng lời của mình bằng cách đứng về phía Môi-se và Ca-lép chống lại 10 thám tử và cả dân tộc vô tín.

Đám mây duy nhất phủ trên toàn bộ lễ chiến thắng này đó là Môi-se không được phép vào Đất Hứa vì trọng tội của ông đã đập hòn đá (Dan 20:1-11 27:12-14). Nhưng ngay cả điểm đáng buồn này cũng mang theo nó một tiếng kèn của sự khích lệ trong điều Môi-se nói: “Lạy Chúa chí cao, Ngài đã bắt đầu tỏ cho tôi tớ Ngài sự vĩ đại của Ngài và bàn tay mạnh mẽ của Ngài” (Phu 3:24 NIV). Những chiến thắng của Y-so-ra-ên kỳ diệu như thế, chúng cũng chỉ là một sự bày tỏ nhỏ bé về sự vĩ đại và quyền năng của Đức Chúa Trời và Môi-se không muốn bỏ lỡ bất cứ điều lớn lao nào Đức Chúa Trời sắp làm ở Ca-na-an. Chúa sẽ không cho phép Môi-se vào xứ, nhưng trước khi Môi-se chết, ông được phép nhìn thấy xứ từ đỉnh núi Pisgah (Nê-bô, xem 32:48-52 34:1-6). Nhiều thế kỷ sau đó, Môi-se đã đứng nơi xứ Thánh trong sự vinh hiển trên Núi Hóa Hình với Chúa Giê-xu và Ê-li (Mat 17:1-3).

Tất cả những điều Môi-se nói trong phần đầu bài nói chuyện tạm biệt của ông đã dọn đường cho sự trình bày và ứng dụng luật pháp Đức Chúa Trời, vì lịch sử và trách nhiệm đi đôi với nhau. Đức Chúa Trời đã làm những việc mạnh mẽ cho dân sự Ngài, cả trong việc chúc phước và sửa phạt họ, và dân Y-so-ra-ên có một trách nhiệm yêu mến Đức

Chúa Trời và vâng lời Ngài. Suốt bài nói chuyện này, Môi-se sẽ thường nhắc nhở dân Do Thái rằng họ là một dân có đặc quyền, dân của Đức Chúa Trời, được biệt riêng cho Chúa từ giữa mọi dân tộc trên đất. Đó là lúc chúng ta quên sự kêu gọi cao cả đến nỗi chúng ta sa vào lối sống thấp hèn.

Hội Thánh ngày nay cần bắt kịp quá khứ và phải được nhắc nhở về tất cả những điều Chúa đã làm cho dân Ngài cùng tất cả những gì dân Ngài đã làm và chưa làm để đáp lại những ơn phước của Ngài. Nếu một thế hệ tín hữu mới muốn đi vào tương lai trong sự chiến thắng, họ cần phải trở lại với nguồn cội của mình và học lại những điều cơ bản về ý nghĩa của việc làm dân của Đức Chúa Trời.

2. ĐỨC CHÚA TRỜI CHÚNG TA THỜ PHƯỢNG (Phu 4:1-5:33)

Dân Y-sơ-ra-ên được chúc phước vượt hơn mọi dân trên đất, vì họ thuộc về Đức Chúa Trời chân thật hằng sống và ở trong mối liên hệ giao ước với Ngài. Giờ đây họ đang chuẩn bị bước vào xứ Đức Chúa Trời hứa ban cho họ khi Ngài kêu gọi Áp-ra-ham tổ phụ của dân tộc họ (Sa 12:1-3 13:14-18), và một phần của sự chuẩn bị đó là cẩn thận nghe một bài nói chuyện chia tay của Môi-se, tiên tri của Đức Chúa Trời và là lãnh đạo của họ. Sau khi đã trình bày lại lịch sử của dân tộc (Phu 1:1-3:29), Môi-se nhắc nhở dân sự về tính cách Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và họ phải đáp ứng ra sao với Ngài. Nếu chúng ta không biết tính cách của Đức Chúa Trời Đấng chúng ta thờ phượng, làm sao chúng ta có thể thờ phượng Ngài “bằng tâm thần và lẽ thật” được? (Gi 4:24)

1. Đức Chúa Trời phán - hãy nghe Ngài (Phu 4:1-2)

Học giả Do Thái nổi tiếng Abraham Joshua Heschel đã viết: “Để tin, chúng ta cần Đức Chúa Trời, một linh hồn, và Lời Ngài” (1). Học giả Do Thái khác, sứ đồ Phao-lô, đã đi đến kết luận tương tự và viết: “Vậy, đức tin đến bởi sự nghe, và sự nghe đến bởi Lời Đức Chúa Trời” (Ro 10:17 NKJV).

Đức Chúa Trời Đấng làm cho sự sáng tạo tồn tại bằng cách phán ra Lời Ngài (Thi 33:6-9) đã định rằng dân sự Ngài phải sống bằng cách nghe và vâng theo Lời Ngài.

Từ “nghe” được sử dụng gần 100 lần trong sách Phục Truyền Luật Lệ Ký, lời xưng nhận đức tin theo truyền thống Do Thái (Phu 6:4-5) được gọi là “The Shema” từ tiếng Hê-bơ-rơ nghĩa là “nghe, chú ý, hiểu, vâng lời”. Đối với dân Do Thái thời Cựu Ước và Cơ Đốc nhân thời Tân Ước việc nghe Lời Đức Chúa Trời bao gồm nhiều hơn cả những làn sóng âm thanh tác động đến lỗ tai con người. Nghe Lời Đức Chúa Trời là một vấn đề tập trung toàn bộ con người chúng ta tâm trí, tấm lòng và ý chí vào Chúa tiếp nhận điều Ngài phán với chúng ta và vâng lời. Lời Đức Chúa Trời phải đâm thấu lòng chúng ta và trở thành một phần của con người bên trong chúng ta nếu nó cần phải đổi thay đời sống chúng ta. Đó là điều Chúa Giê-xu muốn nói khi Ngài phá “Ai có tai, hãy nghe!”. Lời đó được tìm thấy ít nhất 8 lần trong các sách Phúc Âm, vì vậy nó chắc hẳn là quan trọng (Phu 29:4 Exe 12:2).

Thắng của mình trong Lời Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta không biết Đức Chúa Trời ra lệnh điều gì, chúng ta không thể vâng lời Ngài. Nhưng nếu chúng ta biết những mạng lệnh của Ngài, tin và vâng theo, thì quyền năng Ngài hành động trong đời sống chúng ta. “Điều răn của Ngài chẳng phải là nặng nề” (IGi 5:3). Việc vâng lời Chúa trở thành một đặc quyền vui mừng khi bạn nhận biết rằng những điều răn của Ngài là những sự bày tỏ về tình yêu của Ngài, những sự bảo đảm và sức mạnh của Ngài, những lời mời gọi đến những phước hạnh của Ngài, những cơ hội tăng trưởng và quy vinh hiển cho Ngài, và những cơ hội để vui hưởng tình yêu và sự thông công của Ngài khi chúng ta tìm cách làm đẹp lòng Ngài. Lời Đức Chúa Trời là cửa rộng mở dẫn vào kho tàng ân điển của Ngài.

Môi-se thêm vào một lời cảnh cáo chống lại việc thay đổi Lời Đức Chúa Trời bằng cách thêm vào hoặc cắt bớt Lời Ngài (Phu 4:2 12:32 Ch 30:6 Ga 3:15 Kh 22:18-19). Những bản Kinh Thánh viết tay đầu tiên đã được sao chép bằng tay, và sẽ dễ dàng để người sao chép thực hiện những thay đổi, nhưng Đức Chúa Trời canh giữ Lời Ngài (Gie 1:12) và xét đoán những ai giả mạo nó. Những người Pha-ri-si trong Nghe và vâng lời Đức Chúa Trời chính là sự sống của Y-so-ra-ên (Phu 4:1a). Khi Đức Chúa Trời phán, Ngài đặt trước mặt chúng ta sự sống và sự chết (30:15-20), nên đáp ứng của chúng ta quyết định nó sẽ là cái gì. “Hãy giữ các mạng lệnh và luật lệ của ta, vì người nào vâng theo thì sẽ nhờ đó mà được sống. Ta là Đức Giê-hô-va” (Le 18:5 NIV). Sự nhấn mạnh trong Phu 4:1-2 và 5:1-33 là sự ra lệnh và dạy dỗ, vì Chúa không chỉ cho chúng ta biết điều gì phải làm mà Ngài còn giải thích lẽ thật đằng sau những mệnh lệnh của Ngài. Chúa Giê-xu có thể đã nghĩ đến điều này khi Ngài cho các môn đồ Ngài biết rằng Ngài đối xử với họ như bạn hữu (“người trong nhà”) chứ không như tôi tớ, vì Ngài giải thích cho họ điều Ngài sẽ làm (Gi 15:14-15).

Không chỉ là sự sống của Y-so-ra-ên tùy thuộc vào sự vâng lời Đức Chúa Trời, nhưng chiến thắng của họ trên kẻ thù cũng vậy (Phu 4:1b) không có đức tin và sự vâng lời, Y-so-ra-ên không thể bước vào xứ và đánh bại các dân tộc bám trụ mạnh mẽ ở đó. Làm sao Chúa có thể đi trước dân sự Ngài và ban cho họ chiến thắng nếu họ không vâng phục đi theo Ngài? (1:30). Mười thám tử không hiểu thấu quyền năng những lời hứa của Đức Chúa Trời đã dẫn Y-so-ra-ên vào sự nản lòng, sự chiến bại và sự chết vì sự vô tín của họ (Dan 13:1-14:45). “Và đây là chiến thắng chế ngự thế gian – đức tin của chúng ta” (IGi 5:4NKJV) và đức tin đó được phát sinh bởi Lời Chúa (Ro 10:17).

Tín hữu hôm nay phải tìm thấy sự sống và sự chiến thắng Chúa Giê-xu đã bảo vệ Kinh Thánh một cách chặt chẽ, nhưng họ đã phạm tội cắt bớt Lời Đức Chúa Trời bằng cách thay thế nó bằng những lời truyền khẩu của chính họ (Mac 7:1-13). Nếu Lời Đức Chúa Trời là sự sống của chúng ta, vậy chúng ta đang làm hại tương lai mình nếu chúng ta không tôn trọng Lời Chúa và vâng theo từ tấm lòng (Eph 6:6)

2. Đức Chúa Trời là thánh khiết - hãy kính sợ Ngài (Phu 4:3-4)

Tội lỗi dai dẳng của Y-so-ra-ên là sự thờ hình tượng và những hành động đồi bại kèm theo. Trong khi sống ở Ai Cập, dân Do Thái đã nếm mùi vị của sự thờ hình tượng và thậm chí thực hành nó suốt thời kỳ họ lang thang trong đồng vắng (Cong 7:42-43). Khi Môi-se ở với Đức Chúa Trời trên núi Si-nai dân sự trong trại quân đang thờ lạy một bò

con vàng (Xu 32:1-35). Sự thờ hình tượng là một tội lỗi gây đau khổ vì Y-so-ra-ên đã được “gả” cho Đức Giê-hô-va khi dân tộc chấp nhận giao ước tại núi Si-nai, vì vậy sự thờ hình tượng của họ thật sự là tội tà dâm (Gie 3:1-25 Os 1:1-2:23). Đó là một tội lỗi nghịch với tình yêu của Đức Chúa Trời cũng như là một sự vi phạm Luật pháp Đức Chúa Trời. Cuối cùng Chúa đã phải đưa dân sự Ngài đến Ba-by-lôn để chữa trị cho họ bệnh thờ hình tượng.

Đây có thể là lý do Môi-se nêu lên bi kịch về những tội lỗi của Y-so-ra-ên nơi Ba-anh Phê-ô (Phu 4:3-4 Dan 25:1-19). Sự kiện này mới mẽ đủ để dân sự nhớ đến. Tiên tri giả Ba-la-am đã được vua Ba-lác thuê mượn để rửa sả dân Y-so-ra-ên, nhưng mỗi khi Ba-la-am tìm cách rửa sả dân Do Thái, ông đều đi đến chỗ chúc phước cho họ (22:1-24:25). Những lời rửa sả của ông không hiệu quả nhưng ông có một kế hoạch thật hiệu quả. Ông và Ba-lác đã mời những người nam Do Thái tham dự một trong những kỳ lễ tôn giáo của dân Mô-áp và khích lệ họ tham gia trọn vẹn (25:1-19). Điều này có nghĩa là thông dâm cùng với những kỹ nữ đền thờ, và một người thậm chí đã đem “cuộc hẹn hò” của mình vào trong trại quân! Việc Đức Chúa Trời xét đoán dân sự Ngài và giết 24.000 người cho thấy có nhiều người Do Thái đã háo hức tham gia lễ hội gian ác này. Điều mà kẻ thù không thể thực hiện bằng những lời rửa sả và sự chiến đấu thì hắn đã thực hiện bằng sự thỏa hiệp và “tình bạn”.

Những người Do Thái chối từ lời mời và cứ trung thành với Chúa thì vẫn sống, vì Lời Ngài là sự sống của chúng ta, và sự vâng Lời Đức Chúa Trời giữ chúng ta trong mối thông công với Chúa (II Co 6:14-7:1). Dân sự Đức Chúa Trời phải cẩn thận đừng trở nên thân thiết với thế gian (Gia 4:4) hay bị ô uế bởi thế gian (1:27), vì điều này dẫn đến việc yêu mến thế gian (IGi 2:15-17) và thích nghi với thế gian (Ro 12:2). Lối sống kiểu này mời gọi sự sửa phạt của Đức Chúa Trời, vì “Chúa sẽ xét đoán dân mình” và “sa vào tay Đức Chúa Trời hằng sống là sự đáng kinh khiếp thay” (He 10:30-31).

Kính sợ Chúa nghĩa là tôn trọng địa vị Ngài, bản chất Ngài và điều Ngài phán, và bằng sự đầu phục cùng sự vâng lời Ngài cho thấy chúng ta yêu Ngài và muốn làm đẹp lòng Ngài. Ngài là Đấng tạo hóa và chúng ta là những tạo vật, Ngài là Cha và chúng ta là con; Ngài là Chủ và chúng ta là tôi tớ khi chúng ta chối từ quyền hạn của Ngài một cách ý thức chỉ dẫn chúng ta đến sự đau đớn và sự mất mát bi thảm. Điều đó thật không đáng như vậy. Nếu bạn muốn nhận biết những ơn phước mà các tín hữu bỏ lỡ khi họ không kính sợ Chúa, hãy đọc và suy gẫm những câu này Phu 6:24 Thi 25:12 31:19 34:9,12 145:19 Ch 1:7 Es 33:6 Eph 5:21 Eph 5:21 He 12:28-29.

3. Đức Chúa Trời là khôn ngoan - hãy học từ Ngài (Phu 4:5-9)

Lời Đức Chúa Trời là sự bày tỏ về sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, và chúng ta cần biết và làm theo sự khôn ngoan của Ngài nếu đời sống chúng ta phải làm đẹp lòng và làm vinh hiển Ngài. Sự khôn ngoan của thế gian là sự đại dột đối với Đức Chúa Trời (ICo 3:19), và những ai làm theo nó sẽ bị thất vọng. Trong Cựu Ước từ “khôn ngoan” có liên quan đến tính cách hơn là trí thông minh của con người và mô tả cách sử dụng đúng tri thức. Tiến sĩ Roy Zuck (2) nói rằng: “Sự khôn ngoan nghĩa là khéo léo và thành công trong những mối liên hệ và trách nhiệm của mình, quan sát và làm theo những nguyên

tắc của Đấng Tạo Hóa về trật tự trong thế giới tâm linh”. Thực hành sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời nghĩa là bạn không chỉ sống mà là tạo nên một đời sống.

Vì sao thật quan trọng để Y-so-ra-ên biết và vâng theo sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời. Trước hết, đây là sự bảo đảm về thành công của họ trong việc sở hữu Đất Hứa (Phu 4:5). Khi bạn đọc sách Giô-suê, bạn khám phá rằng Đức Chúa Trời đã thực hiện toàn bộ chiến dịch và Giô-Suê chỉ việc vâng theo... Hai lần Giô-suê đã không tìm kiếm sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, dân tộc đã kinh nghiệm sự thất bại nhục nhã (Gios 7:1-26 9:1-27)

Khi biết sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, dân Y-so-ra-ên sẽ không chỉ thành công trong sứ mệnh của họ, mà họ sẽ còn là chứng nhân cho các dân tộc khác (Phu 4:6-8). Những dân tộc ngoại đạo ở Ca-na-an đã tìm cách có được sự hướng dẫn của các tà thần bằng phương tiện phù phép và những hình thức khác của thuyết thông linh, mà tất cả đều bị cấm đối với dân Do Thái (18:9-14 Es 47:12-14). Những luật lệ của Đức Chúa Trời rõ ràng bày tỏ cho Y-so-ra-ên điều gì đúng, sai và kiểm soát mọi quyết định họ sẽ phải thực hiện. Tín hữu ngày nay có Lời Đức Chúa Trời đầy đủ và sự bảo đảm rằng nếu chúng ta vâng theo điều Đức Chúa Trời đã dạy chúng ta, Ngài sẽ cho chúng ta sự hướng dẫn chúng ta cần trong những lãnh vực đặc biệt của đời sống (Gi 7:17). Những người sống theo sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời không khỏi bày tỏ cho những người quanh họ rằng Đức Chúa Trời là thật và việc làm theo sự khôn ngoan của Ngài đem lại những phước hạnh (3). Mọi điều về tôn giáo của Y-so-ra-ên vượt xa tôn giáo của những dân tộc xung quanh đến nỗi những người ngoại đạo không tin đã không khỏi bị gây ấn tượng: Sự hiện diện của Đức Chúa Trời trong nơi thánh của Y-so-ra-ên, những luật lệ thiêng liêng điều khiển đời sống họ, sự dẫn dắt của Đức Chúa Trời và sự vắng bóng của sự hung ác và sự bất khiết. Bị kích đó là Y-so-ra-ên đã quá quen thuộc với những ơn phước này đến nỗi họ khởi đầu bắt chước những láng giềng của họ và đánh mất chứng cứ của họ.

Có một lợi ích thứ 3 chúng ta hưởng được khi chúng ta làm theo sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời: Nó giúp xây dựng những gia đình tin kính (Phu 4:9-10). Bị vây quanh bởi dân ngoại đạo, Y-so-ra-ên luôn là một thế hệ gần như đánh mất ơn phước của Đức Chúa Trời, và Hội Thánh ngày nay cũng vậy (1ITi 2:2). Nếu chúng ta không dạy cho con cái chúng ta về Đức Chúa Trời và Lời Ngài, sẽ đến ngày mà một thế hệ sẽ nổi lên không biết Chúa, là điều cuối cùng đã xảy ra cho Y-so-ra-ên (Cac 2:7-15) “Song, khi Con Người đến, Ngài há sẽ thấy đức tin trên đất chăng?” (Lu 18:8 NKJV).

Làm sao cha mẹ tin kính có thể gây ảnh hưởng tốt nhất cho con cái họ để tin cậy Chúa và sống bởi sự khôn ngoan của Ngài? Môi-se cho những người lớn ba gợi ý: Hãy làm những tấm gương cho con cái bạn; Đừng để Lời Đức Chúa Trời trôi qua tâm trí và tấm lòng của bạn. Hãy nhớ điều Chúa đã làm cho bạn trong quá khứ và chia sẻ những kinh nghiệm này với con cái bạn. Mỗi đứa trẻ Do Thái thời Môi-se đều phải biết câu chuyện về cuộc kinh lý rời Ai Cập (Phu 6:20-25 Xu 10:1-2 12:24-28 13:1-16) và trong tương lai, mỗi đứa trẻ đều phải biết ý nghĩa của việc Y-so-ra-ên vượt qua sông Giô-đanh (Gios 4:1-7,21-24). Trách nhiệm của thế hệ đi trước là phải chỉ dẫn cho thế hệ sau và làm một

tấm gương cùng sự khích lệ cho họ (6:1-3 32:44-47 Thi 34:11 44:1 71:17-19 78:1-8 Tit 2:1-8). Cha mẹ không nên giao trách nhiệm này cho các giáo viên trường Chúa Nhật hay những người hướng dẫn nhóm học Kinh Thánh, những chức vụ đó là quan trọng, vì cha mẹ Cơ Đốc tận tâm là những người được chọn đầu tiên của Đức Chúa Trời làm thầy giáo của con cái họ. Tội lỗi của cha mẹ – đặc biệt là sự xao lãng thuộc linh và gương xấu có thể được con cái bắt chước và sinh ra những hậu quả đáng buồn sau đó trong đời sống (Phu 5:8-10 Xu 20:5-6 Dan 14:17-18).

4. Chỉ một mình Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời - Hãy thờ phượng Ngài (Phu 4:10-43)

Các dân tộc quanh Y-sơ-ra-ên đã thờ lạy nhiều thần, nhưng Y-sơ-ra-ên phải thờ phượng chỉ mình Đức Chúa Trời duy nhất chân thật. “Hỡi Y-sơ-ra-ên, hãy nghe Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta là Giê-hô-va có một không hai” đó là nguyên lý đầu tiên và cơ bản trong sự xưng nhận đức tin của người Do Thái, “The Shema” (Phu 6:4-5), và điều răn đầu tiên trong mười điều răn là “Trước mặt ta, ngươi chớ có các thần khác” (5:7). Vì sao? Vì tất cả các “thần” khác chỉ là tác phẩm của những trí tưởng tượng đầy tội lỗi chớ chẳng phải là thần gì cả (Ro 1:18). Thờ phượng các thần khác là thờ lạy hư không và trở thành hư không (Thi 115:8). Một trong những từ Hê-bơ-rơ chỉ về “hình tượng” nghĩa là “sự hư ảo, sự hư không”. Trong sứ điệp này, Môi-se đưa ra nhiều lý lẽ để bảo vệ lời cảnh cáo này chống lại sự thờ phượng.

Kinh nghiệm của Y-sơ-ra-ên tại núi Si-nai (Phu 4:10-19). Môi-se nhắc Y-sơ-ra-ên về kinh nghiệm đáng sợ của dân tộc tại núi Si-nai khi Đức Chúa Trời lập giao ước Ngài với họ, núi rực lửa và bị che phủ bởi những đám mây và sự tối tăm lớn, sấm và sét làm dân sợ hãi, và sau một hồi lớn dần, Đức Chúa Trời gọi Môi-se lên đỉnh núi (Xu 19:16-19 He 12:18-21). Dân sợ nghe Đức Chúa Trời phán Lời Ngài nhưng họ không thấy bất cứ hình dạng nào của Đức Chúa Trời. Chúa cho biết rất rõ rằng Y-sơ-ra-ên sẽ là một dân có Lời Chúa, nghe Đức Chúa Trời của họ phán nhưng không xem được bất cứ hình dạng nào có thể được sao chép và sau đó được thờ phượng (Phu 4:12,15). Một hiền triết Do Thái đã nói “Ngài Đấng có thể nghe có thể thấy” và ông đã đúng.

“Các ngươi không thấy hình dạng nào ngày mà Đức Giê-hô-va phán với các ngươi tại núi Hô-rếp từ lửa” (c.15 NIV). Kết luận thật rõ ràng: Đức Chúa Trời cấm dân Ngài thờ phượng những vật hữu hình đại diện cho Đức Chúa Trời hay cho bất cứ cái gì Đức Chúa Trời đã tạo nên, dù là con người, loài thú, loài chim, loài cá hoặc mặt trời, mặt trăng và những ngôi sao. Thờ phượng sự sáng tạo thay cho Đấng Sáng Tạo là bản chất của sự thờ hình tượng (Ro 1:22-25). Đức Chúa Trời đã tạo dựng con người theo hình ảnh của Ngài nhưng kẻ thờ thần tượng tạo ra các thần theo hình ảnh của chính họ và bởi đó làm hạ giá bản thân họ và sỉ nhục Đức Chúa Trời (5).

Sự giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập (Phu 4:20). Môi-se đề cập đến tất cả các dân tộc (c.19), vì vậy ông nhắc nhở dân sự rằng Y-sơ-ra-ên khác biệt với những dân tộc khác này vì Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời và là di sản đặc biệt của Ngài (Xu 19:1-6). Chúa đã chọn Áp-ra-ham và con cháu ông để đem những ơn phước của Ngài đến cho cả

thế gian (Sa 12:1-3 Gi 4:22), và để thực hiện nhiệm vụ quan trọng đó, Y-so-ra-ên phải là một dân được biệt riêng. Mỗi năm khi dự lễ Vượt Qua, dân Do Thái sẽ được nhắc nhở rằng họ từng là nô lệ ở Ai Cập và Chúa đã giải cứu họ bằng đại quyền của Ngài, và họ là dân sự của Ngài. Chính khi Y-so-ra-ên bắt đầu bắt chước các dân tộc khác và thờ phượng các thần đáng gớm ghiếc của họ, thì Y-so-ra-ên đã thôi làm một dân tộc được dâng hiến hoàn toàn cho Chúa. Vì họ đã quên những đặc quyền của mình họ đánh mất những đặc ân của mình.

Hội Thánh ngày nay có thể học một bài học từ điều này. Chúng ta được kêu gọi để làm một dân biệt riêng không bị thích nghi với thế gian này (II Co 6:14-7:1 Ro 12:1-2), nhưng khuynh hướng ngày nay là để cho các Hội Thánh thi hành chức vụ theo kiểu mẫu những gì thế gian đang làm. Triết lý này đó là Hội Thánh sẽ làm hấp dẫn nhiều người hơn nếu những người hư mất cảm thấy thoải mái hơn với những lễ thờ phượng. Bi kịch đó là nơi thánh trở thành một rạp hát và “chức vụ” trở thành trò giải trí. Nhưng Kinh Thánh và lịch sử Hội Thánh cho biết rõ rằng điều Campbell Morgan nói là đúng: “Hội Thánh đã làm nhiều nhất cho thế gian khi Hội Thánh ít giống với thế gian nhất”. Chúa Giê-xu đã không thỏa hiệp với thế gian nhưng Ngài đã thu hút những tội nhân và dạy dỗ họ một cách hữu hiệu (Lu 15:12). Nếu chúng ta không phải là một dân được biệt riêng, dâng mình hoàn toàn cho Chúa, chúng ta không bao giờ có thể noi theo gương Ngài.

Kinh nghiệm của Môi-se tại Ca-đê (Phu 4:21-24 Dan 20:1-13). Khi Môi-se đập hòn đá thay vì nói với nó, Đức Chúa Trời đã nhân từ cung cấp nước dồi dào cho dân sự khát nước của ông, nhưng Ngài đã kỷ luật tội tớ Ngài là người làm vinh hiển chính mình thay vì làm vinh hiển Đức Chúa Trời. Chỉ Đức Chúa Trời là Đức Chúa Trời, và chỉ mình Ngài phải được quy vinh hiển. “Ta là Đức Giê-hô-va, ấy là danh ta. Ta chẳng nhường sự vinh hiển ta cho một đấng nào khác” (Es 42:8). Môi-se cảnh cáo dân sự “Vì Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi là một đám lửa hay thiêu đốt, một Đức Chúa Trời ghen tương” (Phu 4:24 He 12:29). Đức Chúa Trời ghen với dân sự Ngài giống như một người chồng ghen với vợ mình hay một người mẹ ghen với con cái bà (Phu 5:9 6:15 13:2-10 29:20 33:16,21). Ngài muốn điều thật tốt nhất cho chúng ta, nhưng khi chúng ta cố tình đi con đường riêng của mình, chúng ta làm buồn lòng Ngài và bỏ lỡ tất cả những gì Ngài muốn làm cho chúng ta.

Giao ước yêu thương của Đức Chúa Trời (Phu 4:25-31). Đức Chúa Trời đã lập một giao ước với dân sự Ngài và Ngài mong họ giữ nó. Từ “giao ước” được sử dụng ít nhất 27 lần trong sách Phục Truyền và đến từ tiếng Hê-bơ-rơ mà một số học giả nói nó có nghĩa là “ăn bánh”. Ở phương Đông, khi người ta bẻ bánh với nhau, họ lập một giao ước hay hiệp ước rằng họ sẽ giúp đỡ và bảo vệ nhau (Sa 26:26-35). Khi Đức Chúa Trời thiết lập giao ước Ngài với Y-so-ra-ên tại núi Si-nai, Môi-se và các trưởng lão Do Thái đã ăn trước mặt Đức Chúa Trời trên núi (Xu 24:11). Những điều khoản của giao ước thật đơn giản: Nếu Y-so-ra-ên vâng theo những luật lệ của Đức Chúa Trời, Ngài sẽ chúc phước cho họ; Nếu họ bất tuân, Ngài sẽ sửa phạt họ - Ngài sẽ bày tỏ tình yêu Ngài cho họ bằng sự chúc phước lẫn sửa phạt, “Vì Chúa sửa phạt kẻ Ngài yêu” (He 12:6).

Môi-se giải thích kỹ những chi tiết của giao ước trong bài nói chuyện của ông sau đó (Phu 28:1-30:20), nhưng ở đây ông cảnh cáo dân sự rằng họ sẽ bị trừng phạt bị phân tán, và bị tiêu diệt với tư cách một dân tộc nếu họ không nhận những trách nhiệm của giao ước một cách nghiêm túc. Tiếc thay, đây là điều đã xảy ra. Suốt những năm cuối triều đại của Sa-lô-môn, để làm hài lòng nhiều bà vợ của mình, ông đã cho sự thờ hình tượng vào xứ (IVua 1:1-53) và điều này đã dẫn đến sự xét đoán của Đức Chúa Trời cùng sự chia rẽ và sự sa đọa của dân tộc (12:1-33). Vào năm 722 TC, A-si-ry đã chiếm giữ 10 chi phái đã tạo nên vương quốc Sa-ma-ri phía Bắc, và Ba-by-lôn chiếm vương quốc Giu-đa phía Nam vào năm 586 TC. Từ năm 70 SC cho đến ngày 15/5/1948, khi quốc gia Y-sơ-ra-ên mới được công nhận, dân Do Thái đã bị phân tán khắp thế giới và không có tổ quốc.

Tình yêu của Đức Chúa Trời (Phu 4:32-43). Khi bạn đang nuôi con nhỏ, bạn sử dụng những phần thưởng và những hình phạt để dạy chúng vâng lời, nhưng khi chúng lớn lên, bạn hy vọng rằng tính cách và tình yêu sẽ thúc đẩy chúng tránh xa điều ác và làm điều đúng đắn khi Y-sơ-ra-ên quay lưng với Đức Chúa Trời hằng sống chân thật và bắt đầu thờ hình tượng, họ đã phạm tội nghịch với ân điển và tình yêu của Đức Chúa Trời. Chúa đã không chọn bất cứ dân tộc nào khác và ban cho họ giao ước Ngài, Ngài cũng không phán với bất cứ dân tộc nào khác và ban cho họ Thánh luật của Ngài, Đức Chúa Trời đã dẫn dắt dân Ngài và chăm sóc họ từ thời Áp-ra-ham cho đến thời của Môi-se, và Ngài đã không làm điều này cho bất cứ dân tộc nào khác. Tại sao? Đó không phải vì Y-sơ-ra-ên xứng đáng được những ơn phước này nhưng là vì tình yêu bất diệt của Đức Chúa Trời (c.37 7:7-8,13 23:5).

Đức Chúa Trời không muốn con cái Ngài vâng lời Ngài chỉ để nhận phước hạnh hoặc để tránh sự sửa phạt, nhưng vì họ yêu Ngài từ tấm lòng. Từ “tấm lòng” được đề cập hơn 40 lần trong bài nói chuyện của Môi-se và bài Shema (6:4-5) nhấn mạnh từ tình yêu đối với Chúa (10:12 11:1,13,22 13:3 19:9 30:6 16:20). Khi Môi-se ban luật pháp cho thế hệ trước tại núi Si-nai nhấn mạnh về sự kính sợ Chúa (Xu 19:10-25 20:20, nhưng việc ông ứng dụng luật pháp cho thế hệ mới tán dương tình yêu Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên và tầm quan trọng của việc Y-sơ-ra-ên yêu mến Chúa. Giờ đây họ phải là một dân trưởng thành vâng lời Đức Chúa Trời từ tấm lòng. Chúa là một Đức Chúa Trời đầy lòng thương xót (Phu 4:31), nhưng chúng ta không nên thử Ngài vì Ngài cũng là một Đức Chúa Trời ghen tương (c.24).

Như chứng cứ về tình yêu và lòng thương xót của Đức Chúa Trời, Môi-se biệt riêng ba “thành ấn náu” ở phía Đông sông Giô-đanh, cho những người nào vô tình giết ai đó có thể chạy trốn, nhận được công lý và tìm thấy sự bảo vệ (c.41-43). Chủ đề này sẽ được đề cập chi tiết trong 19:1-14.

5. Đức Chúa Trời là Chúa tất cả - Hãy vâng lời Ngài (Phu 4:10-43) (Phu 4:44-5:39)

Cái xuống của nhà khảo cổ học này bày tỏ rằng sách Phục Truyền Luật Lệ Ký đi theo một kiểu mẫu văn chương được sử dụng trong vùng Cận Đông cổ đại làm những hiệp ước giữa các vua và các nước chư hầu của họ. Dĩ nhiên, với Y-sơ-ra-ên Chúa đã chinh phạt những kẻ thù của họ và giải phóng dân Do Thái, và họ là dân đặc biệt của Ngài,

nhưng khi họ vào xứ của họ, sự tự do này đòi hỏi những trách nhiệm. Họ là một dân giao ước và sách Phục Truyền định rõ những điều khoản của giao ước. Giống như những hiệp ước chur hầu xưa, sách Phục Truyền Luật Lệ Ký có một lời mở đầu (1:1-5) và một sự ôn lại lịch sử đằng sau hiệp ước (1:6-4:49). Sau đó nó liệt kê những quy định của vua về cách cư xử của thần dân ông (chương 5-26) và điều sẽ xảy ra nếu họ bất tuân (chương 27-30). Nó kết thúc bằng một sự giải thích cách hiệp ước sẽ có tác dụng trong các thế hệ tương lai (chương 31-34).

Môi-se mở đầu bằng cách kêu gọi Y-so-ra-ên nghe giao ước của Đức Chúa Trời, học nó và làm bất cứ điều gì nó đòi hỏi (5:1). Như chúng ta đã hiểu, “nghe” có ý nghĩa hơn hẳn là lắng nghe tình cờ những lời ai đó đang nói. Nó có nghĩa là chăm chú nghe, hiểu, chú ý và vâng theo. Khi Đức Chúa Trời lập giao ước này, nó kể đến mọi thế hệ của dân tộc Y-so-ra-ên từ thời đó trở đi chứ không chỉ với thế hệ đã nhóm tại núi Si-nai. Môi-se đang nói với một thế hệ mới, nhưng ông nói: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta có lập giao ước cùng chúng ta tại Hô-rếp” (c.2). Giống như giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham bao gồm người Do Thái của những thế hệ tương lai thì giao ước Ngài tại Si-nai cũng vậy; Vì Đức Chúa Trời là “nơi ở trong mọi thế hệ” (Thi 90:1). Hầu hết những người ở Si-nai đã chết suốt thời kỳ lang thang trong đồng vắng nhưng giao ước của Đức Chúa Trời vẫn đứng vững.

Môi-se là người trung gian giữa Đức Giê-hô-va và Y-so-ra-ên vì dân sợ nghe tiếng Đức Chúa Trời (Phu 5:23-27 Xu 20:18-21 Ga 3:19). Nếu chúng ta là những người tin kính và vâng lời, việc nghe tiếng Đức Chúa Trời nghĩa là phước hạnh và sự khích lệ, nhưng nếu lòng chúng ta không ngay thẳng với Đức Chúa Trời tiếng của Ngài có nghĩa là sự xét đoán.

Luật pháp Đức Chúa Trời (Phu 5:6-21 Xu 20:1-17). Chúa đã mở đầu sự tuyên bố về luật pháp Ngài bằng cách nhắc nhở rằng Ngài chính là Đấng giải cứu họ khỏi ách nô lệ ở Ai Cập (Ph 5:6 Ne 9:9-11 Thi 77:14-15 105:23-28 136:10-15 Es 63:11-14). Hành động cứu chuộc lớn lao này phải là một động cơ đủ để dân sợ lắng nghe Luật pháp Đức Chúa Trời và vâng theo, giống như sự cứu chuộc chúng ta có trong Đấng Christ phải thúc đẩy chúng ta vâng lời Ngài. Mỗi năm vào lễ Vượt Qua, dân Do Thái được nhắc nhở về hành động cứu rỗi vĩ đại của Đức Chúa Trời, và mỗi lần Hội Thánh dự Tiệc Thánh, chúng ta được nhắc nhở rằng Đấng Christ đã chết thay chúng ta để chúng ta có thể được cứu khỏi tội lỗi mình và thuộc về Ngài, Chúa muốn chúng ta vâng lời Ngài, không phải như nô lệ khúm núm trước mặt Chủ, nhưng như những đứa con biết ơn, yêu Cha trên trời của mình và cảm kích mọi điều Ngài dành cho chúng ta và làm cho chúng ta.

Bốn điều răn đều có liên quan đến mối liên hệ của Y-so-ra-ên với Đức Chúa Trời cách riêng tư: nhận biết rằng chỉ có một Chúa (Phu 5:6), tránh khỏi sự thờ hình tượng (c.8-10), tôn trọng danh Đức Chúa Trời (c.11), và giữ lễ Sa-bát (c.12-15). Điều răn đầu tiên (c.6-7) được trình bày trong bài cầu nguyện “Shema” (6:4-5) và điều răn thứ hai (c.8-10) là sự bày tỏ lô-gic của điều răn thứ nhất. Nếu chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật, vậy làm và thờ lạy hình tượng càng vô lý, nhưng đó là một sự phủ nhận về sự xưng nhận đức tin

của dân Do Thái. Y-sơ-ra-ên đã được “gả” cho Đức Giê-hô-va tại Si-nai và sự thờ hình tượng là một vi phạm về giao ước hôn nhân đó và tương đương với tội tà dâm. Hãy nhớ rằng ở Đông phương thời đó, sự thờ hình tượng có thể có liên quan đến sự giao cấu với các kỹ nữ đền thờ.

Chúng ta lưu ý rằng Chúa không phạt con cháu vì có tội lỗi của tổ phụ họ (Exe 18:1-32), nhưng Ngài có thể cho phép những hậu quả đáng buồn của những tội lỗi đó ảnh hưởng đến những thế hệ tương lai, về mặt thuộc thể, tinh thần và thuộc linh. Con cái có xu hướng bắt chước cha mẹ, và dân Đông phương đã sống trong những gia đình đông đúc, với 3, 4 thế hệ thường ở trong cùng một gia đình. Dễ thấy rằng những người lớn trong gia đình có những cơ hội gây ảnh hưởng cho những người trẻ tuổi về điều xấu và điều tốt. Nhưng Chúa cũng chúc phước cho những thế hệ thành công có những người tôn trọng và vâng lời Ngài. Ông cố tôi đã cầu nguyện để sẽ có một người rao Phúc Âm trong mọi thế hệ của gia đình chúng tôi, và đã có. Tôi thi hành chức vụ hôm nay vì có những tổ phụ tin kính đã tin cậy Chúa.

Trong điều răn thứ 3, danh Đức Chúa Trời đại diện cho bản tính và danh tiếng của Đức Chúa Trời, và tôn trọng danh Ngài nghĩa là làm cho Ngài trở nên “có vẻ tốt lành” đối với những người quanh ta. Tất cả các cha mẹ đều muốn con cái mình đem vinh dự đến cho dòng họ. Chúng ta hãy cầu nguyện “danh Cha được tôn thánh” (Mat 6:9) rồi sau đó chúng ta hãy sống và nói cách mà chúng ta giúp đáp lời cầu nguyện đó. Sử dụng danh Đức Chúa Trời dưới lời thề để bảo vệ cho một lời nói không trung thực, cũng như rửa sả và thề thốt, đều là những cách làm hổ danh Đức Chúa Trời. Mang danh đó và sống như một Cơ Đốc nhân sẽ tôn cao thanh danh của Ngài trước một thế giới đang quan sát (IPhi 4:12-16).

Chín trong mười điều răn được lặp lại trong các thư tín Tân Ước để Hội Thánh vâng lời; ngoại trừ điều răn thứ tư (Phu 5:12-15) nói về ngày Sa-bát. Tại sao? Ngày Sa-bát là một dấu hiệu đặc biệt giữa Y-sơ-ra-ên và Chúa (Xu 31:12-17 Ne 9:13-15 Exe 20:12,20) và không được dành cho bất cứ dân tộc nào khác (Thi 147:19-20). Ngày Sa-bát đã có khởi đầu của nó trong sự sáng tạo (Sa 2:1-3) và vì lý do đó nó là một phần của đời sống tôn giáo Y-sơ-ra-ên thậm chí trước khi luật pháp được ban ra ở Si-nai (Xu 16:23,25). Nhưng tại Si-nai, việc giữ lễ Sa-bát đã trở thành một phần giao ước của Đức Chúa Trời với Y-sơ-ra-ên và được liên tưởng với sự giải cứu họ khỏi Ai Cập (Phu 5:15). Ca-na-an sẽ là nơi yên nghỉ của Y-sơ-ra-ên (3:20 12:10 25:19) và lễ Sa-bát hằng tuần sẽ cho họ một sự nếm trước về sự yên nghỉ đó. Tín hữu hôm nay có sự yên nghỉ của mình trong Đấng Christ (Mat 11:28-30 He 3:1-4:16) và trông đợi sự yên nghỉ đời đời trên trời (Kh 14:13). Tiếc thay, Y-sơ-ra-ên đã không tôn trọng những ngày Sa-bát và năm Sa-bát, và Chúa phải kỷ luật họ (IISu 36:14-21 Exe 20:1-44 Es 58:13-14 Gie 17:19-27).

Nhiều người có thiện chí gọi Chúa Nhật là “Ngày Sa-bát Cơ Đốc” nhưng nói một cách chính xác, đây là một sự dùng từ sai. Chúa Nhật là ngày đầu tuần, ngày của Chúa, và ngày Sa-bát là thứ bảy, ngày thứ 7 trong tuần. Ngày Sa-bát tượng trưng cho Giao ước cũ của luật pháp: bạn lao động 6 ngày và sau đó bạn nghỉ ngơi. Ngày của Chúa kỷ niệm

Giao ước Mới của ân điển: Nó mở đầu tuần lễ bằng sự yên nghỉ trong Đấng Christ và những công việc theo sau. Ngày Sa-bát và Ngày của Chúa nhấn mạnh tầm quan trọng của việc dâng hiến một ngày trong 7 ngày cho Chúa để thờ phượng và hầu việc. Mọi ngày đều thuộc về Chúa và thật không phù hợp với Kinh Thánh khi khiến cho việc giữ các ngày trở nên một sự kiểm nghiệm về tính thuộc linh và tính chính thống (Co 2:16-17 Ro 14:1-15:7 Ga 4:1-11).

Điều răn thứ 5 (Phu 5:16) đưa chúng ta đi từ mối liên hệ của chúng ta với Chúa đến việc sống theo mối liên hệ đó với người khác bắt đầu trong gia đình, những khía cạnh của luật pháp về mặt Đức Chúa Trời và con người là quan trọng và không nên bị tách rời, vì chúng ta được dạy phải yêu mến Chúa và cũng yêu kẻ lân cận mình (Mac 12:28-34). Lòng mộ đạo khởi đầu từ gia đình với sự tôn kính cha mẹ, một luật lệ rất quan trọng trong Y-sơ-ra-ên (Phu 27:16 Xu 21:15,17 Le 19:3,32 Ch 1:8 16:31 20:20 23:22 30:17) và vẫn quan trọng trong Hội Thánh (Eph 6:1-3 ITi 5:1-2). Có quá nhiều người trong xã hội ngày nay tôn sùng tuổi trẻ và chống lại ý nghĩ lão hóa, và vì lý do này mà những người già thường bị thờ ơ, ngược đãi, và ở một số quốc gia, họ bị giết chết một cách hợp pháp (sự chết không đau đớn “tự sát có trợ giúp”).

Điều này dẫn đến điều răn thứ 6 một cách hợp lý (Phu 5:17), là điều răn đòi hỏi chúng ta tôn trọng nhân mạng và không phạm tội giết người. Đức Chúa Trời là Đấng ban sự sống và chỉ mình Ngài có quyền cất nó đi. Vì chúng ta được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời, nên tội giết người là một sự tấn công nghịch với Đức Chúa Trời (Sa 1:26-27 9:6). Kinh Thánh không cấm việc tự vệ (Xu 22:2), nhưng chỉ chính quyền mới có quyền cất đi mạng sống con người trong những trường hợp về sự phạm tội xử tử (Ro 13:1-14). Chúa Giê-xu đã cảnh cáo rằng tội giết người thường khởi đầu bằng sự giận dữ (Mat 5:21-26), và mặc dù tội giết người tồi tệ hơn nhiều, nhưng sự tức giận tương đương với tội giết người về mặt đạo đức. Đáng chú ý rằng luật pháp đã được ban cho Y-sơ-ra-ên để kiểm chế con người và trừng phạt họ vì những tội lỗi họ, chứ không sửa đổi họ. Mặc dù luật pháp không thể thay đổi lòng người (He 7:19), nó có thể kiểm chế và phạt những ai coi thường quyền hạn của nó và không chịu vâng theo những mệnh lệnh.

Điều răn thứ bảy (Phu 5:18) đòi hỏi sự tinh sạch về mặt sinh dục và sự kính trọng hôn nhân như cách Đức Chúa Trời chỉ định để có sự sử dụng đúng đắn và vui hưởng bản năng sinh dục của con người. Ở Y-sơ-ra-ên thời xưa, tội tà dâm bị xem là một tội xử tử (22:22), trong khi ở xã hội ngày nay, nó hầu như không bị xem là một tội lỗi, chứ đừng nói chi là một sự phạm tội. Đức Chúa Trời có thể tha thứ những tội lỗi, chứ đừng nói chi là một sự phạm tội. Đức Chúa Trời có thể tha thứ những tội về tình dục (ICo 6:9-11), nhưng Ngài không hứa can thiệp vào những hậu quả đau đớn (IISa 12:13-14 Ch 6:20-35 Ga 6:7-8 He 13:4). Thật đáng ghê tởm cách mà phương tiện truyền thông ca tụng tình dục và biến sự gian dâm và ngoại tình thành thú tiêu khiển.

Đức Chúa Trời quan tâm không chỉ về cách chúng ta đối xử với người khác mà còn quan tâm về cách chúng ta đối xử với tài sản của người khác. Điều răn thứ 8 (Phu 5:19) đơn giản nói: “Người chớ trộm cướp”. Ngắn gọn và vào trọng tâm, nó bao gồm nhiều sự

vi phạm: ăn cắp tài sản, ăn cắp thanh danh của một người (vu cáo) gian lận trong một kỳ thi và thậm chí ăn cắp con người (chiếm hữu nô lệ, bắt cóc). Eph 4:28 nói rõ rằng chỉ có ba cách để có tài sản: Làm việc để có nó, nhận nó như một món quà, hoặc ăn cắp nó. Chỉ có hai cách đầu là được Chúa chấp nhận.

Điều răn thứ chín (Phu 5:20) cấm mọi hình thức nói dối, dù trên ghế nhân chứng trong tòa án hay trên lá chắn phía sau (17:6-13). Sự thật là chất xi măng giữ vững xã hội, và mọi sự đổ vỡ khi con người không giữ những lời hứa của họ, dù là những hợp đồng trong thương mại hay những lời thề tại bàn thờ hôn nhân. Điều răn này cũng cấm sự vu cáo, tức là nói dối về người khác (Xu 23:1 Ch 10:18 12:17 19:9 24:28 Tit 3:1-2 Gia 4:11 IPhi 2:1). Dân sự Đức Chúa Trời phải được biết đến về việc nói ra lẽ thật trong tình yêu thương (Eph 4:15).

Trọng tâm của điều răn thứ mười là sự tham lam (Phu 5:21), ước muốn tội lỗi trong lòng về bất cứ điều gì đúng ra chúng ta không nên có. Điều răn này và điều răn thứ nhất (c.1) đề cập đến những thái độ bên trong hơn là những hành động bên ngoài, nhưng vi phạm một trong hai điều răn này có thể dẫn đến việc vi phạm tất cả những điều răn còn lại. Vì có sự tham lam, con người đã cướp bóc, phạm tội tà dâm, nói dối và thậm chí giết người. Nếu chúng ta vâng theo điều răn thứ nhất và thật sự yêu mến Đức Chúa Trời và thờ phượng chỉ một mình Ngài, vậy sự tham lam sẽ không phải là một vấn đề (Mat 6:33 Lu 12:16 Eph 5:3 Co 3:5).

Những tín hữu Cơ Đốc nhờ cậy nơi Đức Thánh Linh ngự trị (Ga 5:22-26) và sống bởi luật yêu thương (Ro 13:8-10) không cần phải cố gắng vâng theo những điều răn này, vì sự sống của Đức Chúa Trời sẽ tuôn chảy qua họ và giúp họ có thể làm trọn sự công bình của Đức Chúa Trời (8:1-17). Bản chất cũ không biết luật pháp, nhưng bản chất mới không cần luật pháp. Có thể có một luật lệ trong thành phố của bạn đòi hỏi cha mẹ phải chăm sóc con cái họ, nhưng có bao nhiêu cha mẹ nghĩ về luật đó? Cha mẹ chăm sóc cho con cái mình vì họ yêu thương chúng, chứ không phải vì sợ vào nhà tù.

Vì chúng ta đã được tái sinh trong gia đình Đức Chúa Trời và nhận bản chất thiêng liêng của Đức Chúa Trời ở trong, chúng ta được Thánh Linh giúp sức để có thể vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời và sống đời sống tin kính (IGi 3:1-9).

Đức Chúa Trời của luật pháp (Ph 5:22-33). Mục đích của luật pháp Đức Chúa Trời là để bày tỏ Đức Chúa Trời của luật pháp, và khi bạn tập trung vào Ngài, bạn thấy đó là một sự vui mừng để vâng theo những mạng lệnh của Ngài (Thi 40:8). Môi-se kết thúc việc ôn lại Mười Điều Răn bằng cách nhắc nhở thế hệ mới rằng tại núi Si-nai Đức Chúa Trời đã bày tỏ vinh hiển và sự vĩ đại của Ngài. Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên không nên bị xem thường vì Ngài là một Đức Chúa Trời thánh khiết. Y-sơ-ra-ên sẽ không bao giờ lại một lần nữa đến núi Si-nai và nhìn thấy lửa, mây, sự tối tăm, tia chớp và nghe tiếng nói đáng kinh sợ của Đức Chúa Trời phán từ núi; nhưng họ cần nhớ sự oai nghi của Đức Chúa Trời họ và quyền phép của Lời Ngài.

Nhiều Hội Thánh ngày nay đã đánh mất khái niệm Kinh Thánh về sự oai nghi và quyền phép của Đức Chúa Trời như đã được bày tỏ trong luật pháp của Ngài. Sự thiếu sót này đã làm hạ giá sự thờ phượng của chúng ta, biến sự rao giảng Tin Lành thành nghệ thuật bán hàng và biến Kinh Thánh thành một cuốn sách tự lực bảo đảm khiến bạn trở nên một người thành công. A.W.Tozer đã đúng khi ông nói rằng “không tôn giáo nào lớn hơn ý niệm của nó về Đức Chúa Trời”. Ông cũng nói “Thực chất của sự thờ hình tượng là sự nuôi dưỡng những tư tưởng về Đức Chúa Trời không xứng đáng cho Ngài” (6). Nếu đó là đúng, và tôi tin như vậy, thì nhiều Cơ Đốc nhân Tin Lành phạm tội thờ hình tượng.

Trong lời kêu gọi Y-sơ-ra-ên, Môi-se thúc giục họ nhớ lại sự oai nghi của Đức Chúa Trời và tôn trọng Lời Đức Chúa Trời. Ông trích dẫn chính lời của Đức Giê-hô-va “Ồ, chớ chi lòng họ có khuynh hướng kính sợ ta và luôn giữ mọi mệnh lệnh của ta” (Phu 5:29 NIV). Sự vâng lời luôn là một vấn đề của tấm lòng, và nếu chúng ta yêu mến Chúa, chúng ta sẽ giữ những điều răn của Ngài (Gi 14:15,21-24). Không có mâu thuẫn giữa sự vĩ đại của Đức Chúa Trời và ân điển của Đức Chúa Trời tính siêu việt và tính nội tại của Ngài; vì chúng ta có thể yêu mến Chúa và kính sợ Chúa với cùng một tấm lòng (Thi 2:10-12 34:8-9). Sự kính sợ Chúa là một chủ đề chính trong sách Phục Truyền (Phu 6:2,13,24 10:20 14:23 17:19 31:12), nhưng tình yêu của Đức Chúa Trời đối với chúng ta (7:7 10:15 23:5) cũng như tình yêu của chúng ta đối với Ngài (6:5 10:12 11:1,13,22 19:9 30:6,16,20) cũng là một chủ đề chính. Tín hữu chưa trưởng thành có một sự hiểu biết thần học nông cạn nhìn thấy một sự mâu thuẫn ở đây, nhưng tín hữu trưởng thành vui mừng trong sự quân bình được bày tỏ trong Lời Chúa: “Đức Chúa Trời là sự yêu thương” và “Đức Chúa Trời là sự sáng” (IGi 4:8 1:5).

Dù con cái Đức Chúa Trời sống dưới ân điển chớ không phải dưới luật pháp Môi-se (Ro 6:14 Ga 5:1), nhưng cũng quan trọng để chúng ta biết luật pháp của Đức Chúa Trời hầu cho chúng ta có thể biết rõ hơn Đức Chúa Trời của luật pháp và làm đẹp lòng Ngài. Đấng Christ đã làm trọn những kiểu mẫu và biểu tượng được tìm thấy trong luật pháp, vì vậy chúng ta không còn thực hiện những nghi lễ Cựu Ước như dân Y-sơ-ra-ên đã làm. Đấng Christ đã mang sự rửa sả của luật pháp trên thập tự giá (Ga 3:10-13) để chúng ta không cần phải sợ sự xét đoán (Ro 8:1). Nhưng luật đạo đức vẫn đứng vững và Đức Chúa Trời vẫn xét đoán tội lỗi. Ngày nay, nói dối, ăn cắp, phạm tội tà dâm và giết người cũng sai trái như khi Môi-se nhận hai bảng luật pháp tại núi Si-nai. Thật ra, nó còn tồi tệ hơn, vì chúng ta ngày nay có sự bày tỏ đầy đủ về ý muốn của Đức Chúa Trời qua Chúa Giê-xu Christ, và chúng ta phạm tội nghịch với sự sáng tràn ngập.

“Tôi sẽ vui mừng trong những luật lệ của Chúa; Tôi sẽ không quên lời của Chúa” (Thi 119:16).

Phu 4:44-49; xem giải nghĩa Phu 4:10-43

Phu 5:1-39; xem giải nghĩa Phu 4:10-43

3. NHỮNG BÍ QUYẾT CỦA SỰ VÂNG LỜI (Phu 6:1-7:26)

Môi-se là một thầy giáo khôn ngoan dạy lẽ thật của Đức Chúa Trời. Trước tiên ông ôn lại điều Chúa đã làm cho Y-so-ra-ên (Phu 1:1-4:49) và nhắc nhở dân sự về sự thương xót và nhân từ của Đức Chúa Trời. Sau đó ông tái khẳng định những nguyên tắc cơ bản của luật pháp Đức Chúa Trời (5:1-6:25), điều mà chúng ta biết là Mười Điều Răn (10:4). Trong chương 6 và 7, Môi-se bàn luận những động cơ cho sự vâng lời và giải thích lý do dân sự phải tôn trọng những luật lệ của Đức Chúa Trời. Ông muốn sự vâng phục của dân tộc được đặt cơ sở trên những nguyên tắc thuộc linh, chứ không phải chỉ những ý kiến cá nhân, và được khích lệ bởi những động cơ đúng đắn. Chỉ sau khi Môi-se đặt nền tảng chắc chắn này, ông mới áp dụng những điều răn của Đức Chúa Trời vào những lãnh vực cụ thể của đời sống Y-so-ra-ên.

Đức Chúa Trời ban luật pháp Ngài để xây dựng dân sự cách cá nhân cũng như dân tộc theo tính tập thể. Làm sao hơn hai triệu người có thể sống và làm việc với nhau, chưa kể đến việc cùng chiến đấu với kẻ thù nếu họ không có những luật lệ và quy tắc điều khiển họ? Sự hòa bình trong dân sự và phúc lợi chung tùy thuộc vào việc dân sự tôn trọng luật pháp và vâng theo. Tiếc thay, qua nhiều năm, một số lãnh đạo tôn giáo đã thêm vào luật pháp Đức Chúa Trời nhiều sự truyền khẩu đến nỗi dân sự cảm thấy như họ đang mang một cái ách khó chịu (Cong 15:10 Ga 5:1).

Luật pháp cũng có ý nghĩa bày tỏ Đức Chúa Trời và kéo dân sự đến gần Ngài. Nếu Y-so-ra-ên muốn làm một dân Thánh và một nước thầy tế lễ (Xu 19:1-8), họ cần một luật pháp thánh hướng dẫn họ. Chắc chắn Đức Chúa Trời quan tâm về cách cư xử bề ngoài của dân sự Ngài, nhưng Ngài cũng quan tâm việc tấm lòng họ được dâng hiến cho Ngài. Khi bạn đọc Thi 119:1-172 bạn khám phá điều luật pháp Đức Chúa Trời có ý nghĩa đối với dân Do Thái là những người có tinh thần thuộc linh và tận tụy cho Chúa trong lòng họ. Họ nhìn thấy luật pháp công bình của Đức Chúa Trời không như một cái ách nặng nề, nhưng như mật (119:109), ánh sáng (119:105), châu báu (119:14,72,127,162), sự tự do (119:45) và một nguồn vui mừng lớn (119:14). Họ vui mừng trong luật pháp và suy gẫm về nó (119:15-16,23-24,47-48,77-78 Phu 1:1-32). Vâng, Mười Điều Răn đã được khắc trên những bảng đá, nhưng người Do Thái thuộc linh này cũng có Lời Chúa giấu trong lòng ông (Thi 119:11).

Một trong những chủ đề chính trong Phục Truyền chương 6 và 7 là động cơ thúc đẩy cho sự vâng lời. Hai chương này trả lời câu hỏi: “Tại sao chúng ta phải vâng lời Đức Chúa Trời giữa một thế giới nơi mà hầu hết người ta bỏ qua nó hoặc cố tình bất tuân điều ấy?” Môi-se giải thích bốn động cơ căn bản cho sự vâng lời.

1. Tình yêu đối với Chúa (Phu 6:1-9)

Môi-se đã nhấn mạnh tình yêu của Đức Chúa Trời đối với Y-so-ra-ên và tầm quan trọng của tình yêu Y-so-ra-ên đối với Đức Chúa Trời (4:32-43), và ông sẽ đề cập chủ đề này nhiều lần trước khi ông kết luận bài nói chuyện của mình. Nếu Y-so-ra-ên vâng lời Chúa, họ sẽ thắng kẻ thù, sở hữu xứ, sinh sôi trong xứ, và vui hưởng một đời sống trường thọ trong nơi ơn phước của Đức Chúa Trời (6:1-3). Ít nhất sáu lần trong sách này, Môi-se gọi Ca-na-an là “một xứ đượm sữa và mật” (c.3 11:9 26:9,15 27:3 31:20), một nhóm từ mô tả sự giàu có và màu mỡ của xứ. Sữa là một thức ăn chính và mật là một hàng xa xỉ, vì

vậy “một xứ đượm sữa và mật” sẽ cung cấp tất cả những gì dân sự cần, sẽ có những đồng cỏ thích hợp cho bầy chiên cùng bầy gia súc của họ và có đủ cây trong đồng ruộng cho những con ong kiến được phấn hoa. Làm sao dân sự không thể yêu mến và vâng lời Đức Giê-hô-va khi Ngài ban phước cho họ quá dồi dào?” (1).

Giao ước (Phu 6:3). Luôn có một nguy cơ thế hệ mới sẽ trở nên kiêu ngạo và nghĩ rằng Đức Chúa Trời đã chúc phước cho họ vì họ tốt hơn những thế hệ đi trước. Môi-se nhắc nhở họ rằng tất cả những ơn phước của họ đến từ Chúa vì có giao ước Ngài với tổ phụ họ, Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Thật ra, chính lễ thật này đã mở đầu bài nói chuyện của ông (1:8,21,35), và ông sẽ đề cập nó trở lại (6:10 9:5,27 29:13 30:20 34:4 Xu 6:8 33:1). Lời hứa nhân từ của Đức Chúa Trời đối với các trưởng tộc đã cho Y-so-ra-ên quyền sở hữu xứ, nhưng chính sự vâng lời Chúa của họ đã bảo đảm cho việc họ sở hữu và vui hưởng xứ (2). Tiếc rằng sau khi Y-so-ra-ên đã sống trong xứ, họ xem nhẹ những ơn phước của họ, bất tuân luật pháp Đức Chúa Trời và đã phải bị trừng phạt vì sự chống nghịch của họ. Trước tiên họ bị sửa phạt trong xứ (được mô tả trong sách Các quan xét) và sau đó họ bị dời khỏi xứ và bị bắt đến Ba-by-lôn.

Tín hữu ngày nay cần được nhắc nhở rằng mọi ơn phước của chúng ta đến với chúng ta vì có giao ước đời đời của Đức Chúa Trời với Con Ngài (He 13:20) và Giao ước Mới mà Chúa Giê-xu đã lập qua sự chết hy sinh của Ngài trên thập tự giá (Lu 22:20 ICo 11:25 He 8:1-9:28). Chúng ta được chúc phước không phải vì chúng ta là gì trong chính mình những vì có chúng ta là gì trong Đấng Christ (Eph 1:13-14).

Sự xưng nhận (Phu 6:4). Sự xưng nhận đức tin của dân Do Thái chính thống được gọi là “Shema” theo từ Hê-bơ-rơ nghĩa là “nghe”. Lời xưng nhận này vẫn được đọc thuộc mỗi buổi sáng và chiều bởi những người Do Thái mộ đạo trên khắp thế giới, khẳng định “Đức Giê-hô-va, Ê-lô-im của chúng ta, Đức Giê-hô-va có một” (Mat 22:37-38 Mac 12:29-30 Lu 10:27). Lời xưng nhận này quan trọng đến nỗi những bé trai Do Thái trong các gia đình chính thống bị đòi hỏi phải thuộc lòng ngay khi chúng có thể nói được. Những dân tộc quanh Y-so-ra-ên thờ phượng nhiều thần, nhưng Y-so-ra-ên khẳng định với tất cả rằng chỉ có một Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp.

Từ Hê-bơ-rơ được dịch là “có một” (ehad) cũng có thể nghĩa là “một sự hiệp nhất” cũng như “sự duy nhất về số”. Nó được sử dụng cách đó trong Sa 2:24 mô tả sự duy nhất của A-đam và Ê-va, và cũng trong Xu 26:6,11 mô tả “sự hiệp nhất” của những bức màn trong đền tạm (xem NIV). Từ này cũng mang ý niệm về “sự vô song”. Trái ngược với nhiều thần ngoại bang, Đức Giê-hô-va là có một không hai, vì chỉ có một Đức Chúa Trời thật; chỉ mình Ngài là Đức Chúa Trời và không thuộc trong số các thần; Ngài là một sự đơn nhất điều mà các Cơ Đốc nhân giải thích là sự nhường chỗ cho Ba Ngôi (Mat 28:19-20 3:16-17). Khi Y-so-ra-ên bắt đầu đặt Đức Giê-hô-va kế bên những tà thần của các dân ngoại, họ đã phủ nhận lời tuyên xưng đức tin mình. Dân ngoại có thể từ bỏ tà thần của họ và tin cậy Đức Chúa Trời chân thật, Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên, nhưng một người

Do Thái chính thống không bao giờ có thể đặt Đức Giê-hô-va ở cùng mức độ như các thần của dân ngoại.

Dân ngoại (Phu 6:5). Có thể nào ra lệnh cho ai đó phải yêu thương? Tình yêu không phải là sự mâu nhiệm vừa xuất hiện một cảm xúc kỳ diệu nào đó chẳng? Không, không theo Kinh Thánh. Trong đời sống của tín hữu, tình yêu phải là một hành động của ý chí: chúng ta quyết định liên hệ với Đức Chúa Trời và với những người khác một cách yêu thương dù chúng ta có thể cảm thấy ra sao. Tình yêu Cơ Đốc đơn giản nghĩa là chúng ta đối xử với người khác cách Đức Chúa Trời đối xử với chúng ta. Trong tình yêu của Ngài, Đức Chúa Trời nhân từ và tha thứ đối với chúng ta, vì vậy chúng ta tìm cách nhân từ và tha thứ đối với kẻ khác (Eph 4:32). Đức Chúa Trời muốn điều thật tốt nhất cho chúng ta, vì vậy chúng ta mong muốn điều tốt nhất cho người khác, dù điều đó đòi hỏi sự hy sinh của chúng ta. Tình yêu không đơn giản là một cảm xúc bên ngoài; Tình yêu dẫn đến hành động. “Đức Chúa Trời yêu thương ... đến nỗi đã ban...” (Gi 3:16). Những đức tính của tình yêu được liệt kê trong ICo 13:4-7 mô tả cách chúng ta đối xử với con người chớ không chỉ là cách chúng ta cảm nhận về họ.

Yêu mến Đức Chúa Trời, thờ phượng và hầu việc Ngài là đặc quyền cao nhất chúng ta có thể có, vì vậy khi Chúa ra lệnh chúng ta yêu thương, Ngài đang mời chúng ta đến điều tốt nhất. Nhưng tình yêu của chúng ta đối với Đức Chúa Trời phải bao gồm toàn bộ con người bên trong chúng ta “với cả tấm lòng linh hồn và sức lực của người”. Không cần thiết để định nghĩa và phân biệt những yếu tố này, như thể chúng là ba chức năng bên trong của con người. trong một số câu Kinh Thánh, chỉ có hai yếu tố được kể đến (Phu 4:29 10:12 Gios 22:5) trong khi những câu Kinh Thánh tương tự khác có bốn yếu tố (Mac 12:30 Lu 10:27). Nhóm từ này đơn giản nghĩa là “mọi điều gì ở trong người” (Thi 103:1), một sự dâng hiến hoàn toàn cho Chúa. Nếu con người bên trong hoàn toàn được đầu phục Chúa và lắng nghe Lời Ngài được Thánh Linh hành động, vậy những cảm xúc sẽ đi theo. Nhưng dù những cảm xúc đó không kéo theo, chúng ta vẫn phải liên hệ với người khác như Chúa liên hệ với chúng ta.

Sự truyền đạt (Phu 6:6-9). Khi chúng ta nghe Lời Đức Chúa Trời và tiếp nhận nó vào lòng mình (ITe 2:13), khi ấy Thánh Linh có thể sử dụng lẽ thật để biến đổi chúng ta từ bên trong (II Co 3:1-3 Gi 17:17). Đức Chúa Trời “viết” Lời Ngài nơi lòng chúng ta và chúng ta trở nên “những thư tín sống” mà những người khác có thể đọc được, và đời sống chúng ta có thể gây ảnh hưởng để họ tin Đấng Christ. Cách chúng ta sống là quan trọng vì nó hỗ trợ điều chúng ta nói. Môi-se khuyên các cha mẹ bàn luận Lời Đức Chúa Trời trong gia đình, giữa vòng con cái, và để Lời Chúa hướng dẫn tâm trí cùng bàn tay của chúng khi chúng làm việc suốt ngày. Lời Chúa thậm chí phải kiểm soát ai được phép đi qua cổng và đi qua cửa vào trong nhà. Dân Do Thái hiểu những điều răn này theo nghĩa đen và viết những phần của Kinh Thánh (3) trong những hộp nhỏ gọi là những thẻ bài da trên trán và cánh tay trái của họ (Mat 23:5). họ cũng gắn một hộp Kinh Thánh nhỏ, được gọi là bùa bình yên, vào cửa trước và mọi cánh cửa trong nhà. Mỗi người ở trong nhà đều rờ bùa bình yên một cách kính cẩn mỗi khi người ấy đi qua một cửa (Thi 121:8).

Chúng ta không khỏi khâm phục sự kính trọng như thế đối với Lời Đức Chúa Trời, nhưng có lẽ sự nhấn mạnh của điều răn này là sự vâng lời Đức Chúa Trời trong mọi điều chúng ta nghĩ và làm hơn là mang Lời Kinh Thánh một cách thực tế trên trán và cánh tay. Ít nhất điều đó dường như là sự nhấn mạnh trong Phu 11:18-21. Tuy nhiên, chúng ta đồng ý hết lòng rằng dân sự Đức Chúa Trời phải tạo nên những gia đình nơi Đức Chúa Trời ngự vào, nơi Lời Kinh Thánh được tôn trọng, và chúng ta không xấu hổ về đức tin mình. Không nhất thiết phải biến mọi căn phòng thành một nhà nguyện, nhưng một cuốn Kinh Thánh trên bàn và một số Lời Kinh Thánh trên tường ít nhất cũng làm chứng rằng chúng ta thuộc về Chúa và mong muốn làm đẹp lòng Ngài.

2. Sự biết ơn đối với Chúa (Phu 6:10-25)

Môi-se đang trang bị cho thế hệ mới bước vào và nhận lấy Đất Hứa, và ông biết rằng Ca-na-an sẽ là một nơi của sự cám dỗ cũng như một nơi của sự chiến thắng. Trước hết, khi dân Y-sơ-ra-ên chiến thắng các dân tộc ở Ca-na-an, họ sẽ hưởng của cải dư dật và sẽ bị cám dỗ để quên Chúa là Đấng đã khiến cho những chiến thắng của họ có thể xảy ra. Sự cám dỗ thứ 2 sẽ là để cho Y-sơ-ra-ên thỏa hiệp với các dân tộc ngoại đạo quanh họ và không duy trì vị trí được biệt riêng của họ với tư cách là dân sự của Chúa (Môi-se sẽ đề cập sự cám dỗ thứ hai này trong 7:1-16).

Đa số người thấy giải quyết nghịch cảnh dễ hơn sự thịnh vượng (Phi 4:10-20) vì nghịch cảnh thường kéo chúng ta đến gần Đức Chúa Trời hơn khi chúng ta tìm kiếm sự khôn ngoan và sự giúp đỡ của Ngài. Khi mọi sự tiến triển tốt đẹp, chúng ta có xu hướng nói lóng những kỷ luật thuộc linh của mình, xem nhẹ những ơn phước của mình, và quên “ngợi khen Đức Chúa Trời Đấng mà từ Ngài tuôn tràn những ơn phước”. Những điều vật chất chúng ta chờ đợi và hy sinh dường như có ý nghĩa với chúng ta nhiều hơn những sự ban cho rơi xuống trong vạt áo chúng ta mà không có sự trợ giúp của chúng ta.

Môi-se kể tên một số phước hạnh về vật chất Chúa sẽ ban cho dân Y-sơ-ra-ên trong Đất Hứa: những thành lớn trù phú, những ngôi nhà đầy các thứ của cải khác nhau, những giếng nước, những vườn nho và những rừng cây ô-li-ve, cũng như chính xứ này. Bất cứ khi nào dân Do Thái lấy nước từ giếng hay hoa quả từ cây nho và các cây khác, họ đều phải nhìn lên Chúa với sự biết ơn. Nước là một mặt hàng quý giá ở Đông phương và dân sự thậm chí không cần phải lao nhọc đào giếng! Họ cũng không phải trồng những vườn nho hay rừng ô-li-ve và sau đó đợi chờ các cây lớn lên và chín tới. Đức Chúa Trời đã sử dụng những chiến lợi phẩm này để đền bù cho dân Do Thái về những số tiền công họ đã không nhận được khi họ bị làm nô lệ ở Ai Cập, và đồng thời Ngài nhắc nhở họ về ân điển dư dật của Ngài.

Trách nhiệm luôn đến cùng với đặc quyền và trách nhiệm của Y-sơ-ra-ên là phải kính sợ Đức Giê-hô-va và vâng lời Ngài (Phu 6:13), câu Kinh Thánh mà Chúa Giê-xu đã trích dẫn khi Ngài trả lời sự cám dỗ thứ ba của Sa-tan (Mat 4:10). Khi chúng ta trau dồi tấm lòng cung kính và đầu phục, chúng ta sẽ có một ý chí vâng lời và thậm chí không muốn đề cập tên của các tà thần. Y-sơ-ra-ên cần phải nhớ rằng Chúa làm chủ xứ (Le 25:23) và họ chỉ là những “tá điền” của Ngài. Di sản của họ trong xứ là sự ban cho của Đức Chúa

Trời đối với dân Ngài nhưng nếu họ bất tuân giao ước Ngài, họ sẽ đánh mất xứ và những phước hạnh của nó. Chúa ghen tương với dân Ngài và sẽ không chia sẻ tình yêu với sự thờ phượng của họ cho bất cứ tà thần nào (Phu 5:8-10 32:16-26).

Môi-se cảnh cáo dân sự đừng thử Chúa như thế hệ trước đã làm tại Ma-sa (Xu 17:1-7). Chúng ta thử Chúa khi chúng ta chất vấn khả năng Ngài một cách công khai và vô tín hoặc coi thường quyền hạn của Ngài bởi điều chúng ta nói hoặc làm. Sau khi Chúa giải cứu Y-so-ra-ên khỏi Ai Cập, Ngài cố tình dẫn họ qua những khó khăn để Ngài có thể dạy họ tin cậy Ngài. Trước tiên họ đến chỗ nước đắng tại Ma-ra và than vãn về điều đó thay vì cầu xin Chúa giúp đỡ họ (15:22-26). Sau đó họ đố hỏi về “nồi thịt của Ai Cập” rồi làm bầm với Chúa và Chúa đã chu cấp ma-na hằng ngày để duy trì họ (16:1-8). Khi họ đến Rê-phi-đim, không có nước để uống và một lần nữa họ trách cứ Chúa thay vì tin cậy (17:1-7). “Có Đức Giê-hô-va ở giữa chúng ta chăng?” là câu hỏi của họ, nghĩa là “Nếu Ngài có ở giữa chúng ta, sao Ngài không làm điều gì đó?”.

Môi-se đã làm điều mà dân sự lẽ ra nên làm: ông quay sang Chúa để được sự giúp đỡ, và Đức Chúa Trời đã cung cấp nước họ cần. Nhưng nơi đó được đặt hai cái tên đặc biệt: “Ma-sa” nghĩa là “thử” và “Mê-ri-ba” nghĩa là “sự cãi nhau, sự cãi lộn” (c.7 Thi 95:1-11 He 3:7-15). Bởi thái độ và lời nói của mình, Y-so-ra-ên đã coi thường Chúa và chứng tỏ rằng họ không yêu mến Ngài và cũng không tin cậy Ngài. Thân xác họ ở trong trại quân, nhưng tấm lòng của họ vẫn ở Ai Cập. Nếu Đức Chúa Trời không nhân từ và nhẫn nhục, Ngài có thể đã xét đoán họ nghiêm khắc, nhưng Ngài biết rằng dân Ngài chỉ là đất sét (Thi 103:8-14).

Chúa thử nghiệm đức tin chúng ta, không chỉ trong những khủng hoảng lớn của đời sống mà thậm chí nhiều hơn trong những sự kiện nhỏ không ngờ đến, như là một sự trì hoãn việc đi lại, một sự ngắt lời dễ gây cáu giận, một cơn bệnh bất ngờ, hay một ví tiền bị thất lạc. Cách chúng ta đáp ứng trong những trường hợp này sẽ cho thấy cái gì trong lòng chúng ta, vì điều mà đời sống làm cho chúng ta tùy thuộc vào điều mà đời sống tìm thấy nơi chúng ta. Nếu chúng ta yêu mến và tin cậy Chúa, chúng ta sẽ giao vấn đề cho Ngài và làm điều Ngài bảo chúng ta; nhưng nếu chúng ta chất vấn Chúa và chống nghịch vì cơ chúng ta không đạt được ý riêng của mình, vậy chúng ta ở trong hiểm họa thử Ngài. Một trong những sự bảo vệ tốt nhất chống lại việc thử Chúa, là một tấm lòng biết ơn. Nếu chúng ta ở trong thói quen cảm tạ Chúa trong mọi sự, kể cả những kinh nghiệm đau đớn của đời sống, vậy Thánh Linh sẽ đổ đầy lòng chúng ta bằng tình yêu và sự ngợi khen thay vì Sa-tan đổ đầy chúng ta bằng nọc độc cay đắng. Có bao nhiêu “Ma-sa” và “Mê-ri-ba” được đánh dấu trên bản đồ hành trình đức tin của chúng ta?

Dĩ nhiên, ơn phước lớn nhất để Y-so-ra-ên phải cảm tạ là sự giải cứu họ khỏi Ai Cập (Phu 6:20-25). Trong bài nói chuyện tạm biệt, Môi-se thường đề cập đến phép lạ này, và trong những năm sau đó, các tiên tri cũng làm vậy. Nếu Y-so-ra-ên cứ ở trong Ai Cập, sẽ không lập được nước, không có nơi thánh, không có chức tế lễ, và không có hy vọng; nhưng Chúa đã giải cứu họ, đem họ vào xứ họ và thực hiện những lời hứa của Ngài. Ngày nay, chúng ta có một quyển Kinh Thánh và một Chúa Cứu Thế vì có Môi-se đã dẫn

dân sự ông ra khỏi Ai Cập, một sự kiện được kỷ niệm hằng năm vào lễ Vượt Qua. Những người cha Do Thái được lệnh phải dạy cho con cái họ ý nghĩa của lễ Vượt Qua, và những luật lệ Đức Chúa Trời đã ban cho Y-so-ra-ên, hầu cho thế hệ tiếp nối sẽ hiểu cách tin cậy Đức Giê-hô-va, yêu mến Ngài, và vâng theo những luật lệ của Ngài. Khi con cái chúng ta thiếu hiểu biết về quá khứ, chúng sẽ không có hy vọng cho tương lai.

Một thái độ biết ơn là một vũ khí kỳ diệu chống lại sự vô tín, sự bất tuân, một tấm lòng cứng cõi và một tinh thần cay đắng. “Hãy vui mừng mãi mãi. Hãy cầu nguyện không thôi. Trong mọi sự hãy dâng lời cảm tạ vì đây là ý muốn của Đức Chúa Trời trong Chúa Giê-xu đối với anh em” (Itê 5:16-18). Thay vì phàn nàn về điều chúng ta không có, chúng ta hãy cảm tạ về điều chúng ta có, vì Đức Chúa Trời luôn ban điều tốt nhất của Ngài cho những ai giao sự chọn lựa này cho Ngài.

3. Sự biệt riêng cho Chúa (Phu 7:1-16)

Tiên tri Ba-la-am làm thuê đã nói về Y-so-ra-ên rằng “một dân ở riêng ra, không kể chính họ giữa vòng các quốc gia” (Dan 23:9 NKJV). Từ sự kêu gọi Áp-ra-ham đến cuộc kinh lý rời Ai Cập, dân Y-so-ra-ên phải là một dân được biệt riêng, không phải vì họ tốt lành hơn bất cứ dân tộc nào khác, nhưng vì họ khác biệt. Họ là tuyển dân của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đã ra lệnh Áp-ra-ham rời U-rơ thuộc xứ Canh-đê và đi đến xứ Ngài sẽ chỉ cho ông (Sa 11:31-12:4), và khi Áp-ra-ham rời xứ đó và đi xuống Ai Cập để được sự giúp đỡ, Đức Chúa Trời đã phải sửa phạt ông (c.10-20). Suốt lịch sử của mình, khi Y-so-ra-ên duy trì một vị trí được biệt riêng bằng cách vâng theo những luật lệ của Đức Chúa Trời và tìm cách làm đẹp lòng Ngài, họ thành công trong mọi điều họ làm. Nhưng khi họ bắt đầu thỏa hiệp với các dân tộc khác và thờ phượng các thần của họ, điều đó dẫn đến sự thất bại và chiến bại.

Sự biệt riêng có nghĩa là sự an toàn (Phu 7:1-6). Trong Kinh Thánh, sự biệt riêng không phải là sự cô lập, vì nếu các tín hữu bị cô lập, làm sao họ có thể là “muối của đất” và “ánh sáng của thế gian” (Mat 5:13-16) mà gây ảnh hưởng đến những người khác cho Chúa được? Tín hữu có thể được biệt riêng khỏi tội lỗi, được biệt riêng cho Chúa và vẫn có liên quan trong những thử thách bình thường cùng những hoạt động của đời sống con người. Áp-ra-ham đã được liên minh với một số láng giềng của ông ở Ca-na-an, cùng họ đánh bại những kẻ xâm lược và giải cứu dân Sô-đôm với Gô-mô-rơ (Sa 14:1-24); Nhưng Áp-ra-ham không bao giờ sống hay thờ phượng như các láng giềng của ông đã làm. Chúa Giê-xu là “bạn của người thu thuế và kẻ có tội” (Mat 11:19), nhưng Ngài “thánh khiết, không tội, không ô uế, biệt khỏi kẻ có tội” (He 7:26). Chúa Giê-xu đã tiếp xúc với thế gian và con người nhưng Ngài không bị ô nhiễm từ sự tiếp xúc đó. Chúng ta khác biệt với thế gian nhưng không dư thừa. Khi bạn khác biệt, bạn thu hút người khác và có những cơ hội để chia sẻ tin tốt lành về Đấng Christ, nhưng khi bạn dư thừa, bạn chống lại người khác và họ đóng sập cửa trên sự làm chứng của bạn.

Đức Chúa Trời hứa đuổi các dân tộc ngoại đạo và giao họ vào tay của quân đội Do Thái. Với sự giúp đỡ của Chúa, Y-so-ra-ên sẽ đánh bại những dân tộc đó và tiêu diệt họ cùng mọi thứ có liên hệ với tôn giáo của họ (4). Y-so-ra-ên phải giữ mình biệt riêng với

những dân tộc này. Chúa sẽ không cho phép hôn nhân khác chủng tộc, những hiệp ước chính trị, hay bất cứ sự chịu đựng nào hoặc sự quan tâm về tôn giáo ngoại đạo trong xứ. Lý do thật rõ ràng bất cứ sự liên kết nào với tôn giáo trái đạo của dân Ca-na-an cũng có thể dẫn Y-so-ra-ên vào những sự sửa phạt của Ngài. Y-so-ra-ên là tuyển dân và là sự sở hữu quý giá của Đức Chúa Trời và sự biệt riêng của họ khỏi sự thờ hình tượng ở Ca-na-an là quan trọng đối với sự lành mạnh thuộc linh và tương lai chính trị của dân tộc.

Như một gương về sự thận trọng mà Y-so-ra-ên phải thực hành, chính Đức Chúa Trời Đấng đã để cho Y-so-ra-ên nhận chiến lợi phẩm từ dân Ai Cập, cảnh cáo họ thậm chí đừng tham lam hay lấy đi những kim loại quý đã bao bọc ngoài nhiều hình tượng của dân Ca-na-an (Phu 7:25). Tiêu diệt hình tượng có liên quan đến những điều thuộc về ma quỷ (ICo 10:14-22), nên việc mang vào trại quân Y-so-ra-ên vàng bạc của sự thờ hình tượng sẽ làm ô uế trại quân và mở đường cho sự tấn công của Sa-tan. Tự nó, bạc và vàng đều không phải là xấu; nhưng vì nó có liên quan với ma quỷ, nên kim loại quý giá này mang một đặc tính mới khiến nó trở nên hữu ích cho kẻ thù. Bất cứ ai sử dụng kim loại đó, thậm chí để làm một vật xinh đẹp, đều sẽ giải quyết cái gì đó liên quan đến điều ác.

Sự biệt riêng nghĩa là phước hạnh (Phu 7:7-16). Việc Chúa chọn Áp-ra-ham và Sa-ra là một hành động của ân điển tối cao. Họ là những người thờ hình tượng ở U-rơ thuộc xứ Canh-đê khi “Đức Chúa Trời của sự vinh hiển” xuất hiện (Cong 7:1-3 Gios 24:1-3). Họ không có con cái nhưng lại được hứa ban cho con cháu nhiều như cát bờ biển và sao trên trời. Sau đó, họ có một con trai là Y-sác, rồi ông có hai con trai, Ê-sau và Gia-cốp; và từ 12 con trai của Gia-cốp hình thành 12 chi phái của Y-so-ra-ên. Khi gia đình Gia-cốp tập hợp ở Ai Cập, có 70 người (Sa 46:1-34), nhưng vào thời gian họ được giải cứu khỏi Ai Cập, họ đã trở thành một dân tộc lớn. Vì sao điều này đã xảy ra? Vì Đức Chúa Trời yêu họ và giữ những lời hứa Ngài đã lập với tổ phụ họ.

Chúng ta không nên bỏ qua điểm tương tự giữa Y-so-ra-ên và Hội Thánh. Tất cả những ai được tái sinh bởi đức tin trong Chúa Giê-xu Christ đều “được chọn trong Ngài (Đấng Christ) trước khi sáng thế” (Eph 1:4). Sự cứu rỗi này đến với chúng ta “không phải bởi những việc công bình chúng ta đã làm, nhưng theo sự thương xót của Ngài” (Tit 3:5). Một trong những giáo sư thần học của tôi có lần đã nói “tìm cách giải thích sự lựa chọn thiêng liêng thì bạn có thể mất trí, nhưng tìm cách thanh minh nó thì bạn sẽ mất linh hồn mình”. Giống như Y-so-ra-ên, Hội Thánh là tuyển dân của Đức Chúa Trời và là sở hữu quý giá của Ngài, một nước thầy tế lễ và một dân tộc thánh (IPhi 2:5,9); và giống Y-so-ra-ên, chúng ta được kêu gọi làm một sự sáng cho thế giới hư mất (Mat 5:14-16).

Đặc quyền luôn mang đến trách nhiệm, và trách nhiệm của Y-so-ra-ên là vâng theo những điều răn của Đức Chúa Trời, vì sau đó Ngài có thể chúc phước cho họ như Ngài đã hứa. Giao ước của Đức Chúa Trời là một giao ước của tình yêu và Ngài sẽ bày tỏ tình yêu Ngài bằng cách chúc phước cho họ nếu họ vâng lời và sửa phạt họ nếu họ bất tuân. Chúa sẽ chúc phước cho họ với con cháu và gia tăng dân số của họ thật nhiều. Ngài cũng sẽ gia tăng những mùa màng và gia súc của họ để họ sẽ có đủ ăn và một sự thặng dư để

bán. Vì sự vâng lời của mình, Y-so-ra-ên sẽ thoát khỏi những bệnh tật khủng khiếp họ nhìn thấy trong xứ Ai Cập cũng như những tai vạ Đức Chúa Trời giáng cho xứ.

Tất cả những ơn phước này trên Y-so-ra-ên sẽ quy vinh hiển cho Chúa. Những dân tộc khác sẽ thấy sự màu mỡ của xứ cùng dân sự và hỏi: “Lý do về điều này là gì?” Dân Do Thái khi ấy sẽ trả lời “Đây là ơn phước của Chúa trên dân sự Ngài!”. Điều đó sẽ cho dân Do Thái những cơ hội chia sẻ lẽ thật về Đức Giê-hô-va cho những người không tin và có lẽ thuyết phục họ tin Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật. Những phước hạnh của dân tộc họ cũng sẽ cho cha mẹ cơ hội dạy con cái họ tầm quan trọng của việc vâng Lời Đức Chúa Trời (5).

Phần này của luật pháp mở đầu với, “Ngươi sẽ chiến thắng chúng (các dân tộc) và tiêu diệt chúng hoàn toàn” (Phu 7:2), và nó kết thúc với lời khuyên tương tự (c.16) (6). Môi-se sẽ lặp lại lời cảnh cáo này nhiều lần trong bài nói chuyện tạm biệt của ông, vì ông biết thể nào dân Y-so-ra-ên sẽ dễ dàng thỏa hiệp với kẻ thù, kết thân với họ, và cuối cùng bắt chước họ. Đa số Cơ Đốc nhân ngày nay sống trong những xã hội theo tuyệt đa nguyên ở những nước dân chủ và không có quyền tiêu diệt tất cả những ai thờ phượng một Đức Chúa Trời giả mạo, họ cũng không nên cần quyền hạn đó. Nhiệm vụ của chúng ta là yêu mến những ai chúng ta bất đồng và tìm cách thu phục họ tin cậy Đấng Christ. Nhưng đồng thời, chúng ta phải duy trì một vị trí được biệt riêng và không bị ô uế bởi những tư tưởng và hành động của một vị trí được biệt riêng và không bị ô uế bởi những tư tưởng và hành động của thế gian hư mất (Thi 1:1).

Phân đoạn chính trong Tân Ước nói về sự biệt riêng là IICo 6:14-7:1. Trong đó Phao-lô chỉ ra rằng có những yếu tố tiêu cực và tích cực trong sự biệt riêng theo tinh thần Kinh Thánh. Vì cơ bản chất chúng ta trong Đấng Christ – sự công bình, sự sáng, đền thờ của Đức Chúa Trời. Chúng ta không có chung điều gì về mặt thuộc linh với những người không tin mà ông mô tả là sự không công bình, sự tối tăm và những người thờ hình tượng sự biệt riêng đơn giản là sống đúng theo bản chất chúng ta trong Đấng Christ. Nếu chúng ta biệt mình khỏi tội lỗi, Đức Chúa Trời sẽ có thể đối xử với chúng ta như con cái biết vâng phục. Ngài sẽ giao thông với chúng ta và chúc phước cho chúng ta. “Hãy làm cho mình sạch” là phần tiêu cực của đời sống tin kính, nhưng “lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn việc nên thánh” là phần tích cực, và hai điều đi đôi với nhau (IICo 7:1).

Chúng ta phải biệt riêng mình khỏi thế gian (ICo 5:9-13) vì thế gian cần sự làm chứng và sự hầu việc của chúng ta. Chúng ta hợp tác với những người khác nhau ở những thời điểm khác nhau vì những lý do khác nhau, nhưng chúng ta cần thận không thỏa hiệp sự làm chứng của mình cho Đấng Christ. Chúng ta làm một số việc này vì ích lợi của con người và những việc khác vì chúng ta là công dân hoặc những người làm công. Nhưng bất cứ điều gì chúng ta làm, chúng ta tìm cách làm điều đó vì vinh hiển Đức Chúa Trời (c.9-20).

4. Những lời hứa từ Chúa (Phu 7:17-26)

Động cơ đầu tiên Môi-se đề cập về sự vâng lời của Y-so-ra-ên là tình yêu đối với Chúa (6:1-9), vì tình yêu là động cơ lớn nhất trong đời sống. “Nếu các người yêu mến ta, hãy giữ những điều răn của ta” (Gi 14:15 NKJV). Động cơ thứ hai là sự biết ơn (Phu 6:10-25), vì bày tỏ sự biết ơn là một cách bày tỏ tình yêu. Chúng ta đừng bao giờ quên điều Chúa đã làm cho chúng ta. Động cơ thứ ba là sự biệt riêng khỏi tội lỗi và biệt riêng cho Chúa (7:1-16), vì chúng ta cần sống theo tất cả những gì Đức Chúa Trời kêu gọi chúng ta. Ngài đã kêu gọi chúng ta làm một dân thánh, một tuyển dân, một dân quy vinh hiển cho danh Ngài và chúng ta không thể thực hiện bất cứ điều gì trong những sự kêu gọi đáng vinh dự đó nếu chúng ta không biệt mình khỏi những gì là gian ác và trung thành với Chúa.

Nhưng ba động cơ này đều tùy thuộc vào đức tin nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời, vì “không có đức tin thì không thể làm đẹp lòng Đức Chúa Trời” (He 11:6). Y-so-ra-ên không hành động theo điều thế gian gọi là “đức tin mù quáng” vì họ có những lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời khích lệ họ và sự ghi chép dài về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời để làm yên lòng họ. Dân sự Đức Chúa Trời không sống bởi những lời giải thích: Họ sống bởi những lời hứa, lúc cuối đời, Giô-suê nhắc nhở dân sự “hãy hết lòng hết ý nhận biết rằng trong các lời lành mà Giê-hô-va Đức Chúa Trời các người đã phán về các người, chẳng có một lời nào sai hết” (Gios 23:14).

Đức Chúa Trời thành tín trong quá khứ (Phu 7:17-19). Thế hệ trước không tin rằng chiến thắng có thể xảy ra ở Ca-na-an (Dan 13:1-14:45), vì vậy họ chống nghịch Đức Chúa Trời và cuối cùng chết trong đồng vắng. Nhưng thế hệ mới lẽ ra không có vấn đề gì khi tin những lời hứa của Đức Chúa Trời sau mọi điều Ngài đã làm cho họ. Chúa đã đánh bại Pha-ra-ôn và sỉ nhục các thần của Ai Cập. Chúa cũng giúp Y-so-ra-ên đánh bại dân Ma-đi-an, Si-hôn, vua Hết-bôn; và Óc, vua Ba-san. Ngài giúp các chi phái Ru-bên, Gát, Ma-na-se định cư gia đình họ ở phía Đông sông Giô-đanh, trong khi những người nam của các chi phái đó chuẩn bị tiến vào Ca-na-an và chiếm lấy xứ. Từ lúc Y-so-ra-ên đến khu vực sông Giô-đanh, không một dân tộc nào có thể chống lại dân sự Đức Chúa Trời, vì dân sự Đức Chúa Trời tin cậy Chúa. Chính Đức Chúa Trời Đấng đã ban chiến thắng ở Ai Cập và địa phận phía Đông sông Giô-đanh cũng có thể ban chiến thắng trong xứ Ca-na-an.

Đức Chúa Trời sẽ đi trước Y-so-ra-ên (Phu 7:20-21). Sự kinh hãi của Chúa đi trước Y-so-ra-ên và đem sự sợ hãi đến cho lòng dân Ca-na-an (Gios 2:11 Xu 15:16). Tin tức về sự chiến bại của Ai Cập, việc mở Biển Đỏ, và việc giết các dân ở phía Đông sông Giô-đanh đã làm tê liệt ngay cả những kẻ mạnh mẽ nhất trong xứ, các nhà nghiên cứu Kinh Thánh không đồng ý về ý nghĩa của “ong lỗ” trong Phu 7:20 (Xu 23:27-30 Gios 24:12), nhưng có lẽ đó là côn trùng châm chích thông thường tụ lại trong xứ và tấn công dân sự. Dân Ca-na-an là một dân mê tín thấy những điềm báo trong mỗi việc xảy ra bất thường và họ có thể đã giải nghĩa việc xảy ra kỳ lạ này là một sự thông báo về sự chiến bại. Côn trùng đôi khi được sử dụng làm những ẩn dụ về các dân tộc (Es 7:18), và một số nhà nghiên cứu hiểu “ong lỗ” chỉ về các dân tộc xâm lược mà Đức Chúa Trời đã đặt trong Ca-na-an trước khi Y-so-ra-ên đến. Những cuộc chiến địa phương này sẽ làm suy yếu những sự phòng thủ của

quân đội Ca-na-an và dọn đường cho sự xâm lấn của Y-so-ra-ên. Dù sự giải thích này là gì, sự giải thích theo nghĩa đen tạo nên ý nghĩa hợp lý, hai sự việc là rõ ràng: Đức Chúa Trời đi trước dân sự Ngài và mở đường cho chiến thắng, và Ngài có thể sử dụng thậm chí những côn trùng bé nhỏ để thực hiện những mục đích của Ngài.

Sự bảo đảm rằng Chúa ở cùng dân sự Ngài khi họ xâm chiếm xứ (Phu 7:21) phải khích lệ dân Y-so-ra-ên can đảm và vâng lời. Bốn mươi năm trước, khi thế hệ trước chống nghịch tại Ca-đe Ba-nê-a (Dan 13:1-14:45), Ca-lép và Giô-suê đã dùng lời hứa về sự hiện diện của Chúa làm một lý lẽ cho sự can đảm và vâng lời: “Đức Giê-hô-va ở cùng chúng ta: “chớ sợ họ” (14:9). Điều đặc biệt về dân tộc Y-so-ra-ên đó là Chúa ở cùng họ (Xu 33:12-17). Lời bảo đảm về sự hiện diện của Đức Chúa Trời truyền suốt từ Y-sác (Sa 26:24), Gia-cốp (28:15) và thường được lặp lại cho Y-so-ra-ên khi họ cần sự khích lệ (Es 41:10 43:5 Gie 46:28 Ag 1:13 2:4) và lời bảo đảm kỳ diệu này đã được dành cho Hội Thánh ngày nay (Mat 28:18-20 He 13:5-6).

Nhà bình luận người Anh G.Campbell Morgan kể về cuộc thăm viếng một vài người chị em lớn tuổi khi ông còn là một mục sư trẻ và ông đọc Mat 28:18-20 làm phần giảng dạy của ông cho họ. Nhóm từ “Này ta ở cùng các ngươi luôn” đã đụng đến Morgan bằng quyền năng và ông nói “Đó không phải là một lời hứa sao!” một người chị em đáp: “Chàng trai à, đó không phải là một lời hứa. Đó là một sự thật!” Đúng biết bao! “Đức Giê-hô-va vận quân ở cùng chúng tôi, Đức Chúa Trời Gia-cốp là nơi nương náu của chúng tôi” (Thi 46:7,11).

Đức Chúa Trời có một thời gian biểu cho sự chinh phạt (Phu 7:22-23) vâng lời Chúa nghĩa là làm đúng việc, đúng cách vào đúng thời gian với đúng lý do, vì vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đa-vít đã cảnh cáo “Chớ như con ngựa và con la” (Thi 32:9), vì con ngựa muốn bỏ đi trước, còn con la muốn tụt lại sau và dờ chừng. Đức Chúa Trời có một thời gian cho mọi sự (Tr 3:1-8), và khi Chúa Giê-xu thi hành chức vụ trên đất này, Ngài đã làm theo một thời gian biểu thiêng liêng (Gi 11:9 2:4 7:6,8,30 8:20 12:23 13:1 17:1). Hạnh phúc cho tín hữu nào có thể thành thật nói “kỳ mạng tôi ở nơi tay Chúa” (Thi 31:15).

Khi dần dần đi qua xứ Ca-na-an, đạt được chiến thắng này đến chiến thắng khác, dân Do Thái sẽ tăng trưởng trong đức tin của họ và biết rõ hơn cách tin cậy Chúa. Nhưng bằng cách theo thời gian biểu của Đức Chúa Trời, họ sẽ chăm sóc xứ tốt hơn (Xu 23:28-30) và ngăn ngừa thú hoang sinh sôi nhanh chóng và trở thành một mối đe dọa. Theo sự ghi chép trong sách Giô-suê, Y-so-ra-ên đã mất khoảng bảy năm để điều khiển toàn xứ. Trước tiên, Giô-suê đi thẳng qua Ca-na-an và chia xứ (Gios 1:1-8:35); Sau đó, ông chinh phạt các dân tộc ở phía Nam (9:1-10:43) và rồi những dân tộc ở phía Bắc (11:1-23). Nhưng điều này vẫn để lại những hoạt động “càn quét” đối với những chi phái riêng, một số chi phái chẳng bao giờ loại bỏ kẻ thù khỏi địa phận của họ (13:1 Cac 1:1-2:23). Những nhóm tà giáo này đã đem đến sự căm dỗ lớn với sự rắc rối cho dân Do Thái và dẫn đến kỷ luật thiêng liêng.

Đức Chúa Trời mong dân tộc vâng lời Ngài (Phu 7:23-26). “Đức tin mà không có việc làm thì chết” (Gia 2:14-20) vì đức tin thật luôn dẫn đến sự vâng lời. “Bởi đức tin Áp-ra-

ham... đã vâng lời” (He 11:8). Người ta có thể nói về đức tin, phân tích đức tin, và tìm cách giải thích nó, nhưng họ sẽ không bao giờ hiểu đức tin nói về điều gì cho đến khi nào họ làm điều Đức Chúa Trời ra lệnh. Dân Y-sơ-ra-ên đã phải vâng theo mệnh lệnh rõ ràng của Đức Chúa Trời để diệt sạch các dân tộc ngoại đạo và tôn giáo của họ. Mọi thứ trong xứ phải được dâng cho Đức Chúa Trời và không ai có quyền chiếm lấy nó. Những thứ đáng gớm ghiếc phải bị dành cho sự hủy diệt hoàn toàn để chúng sẽ không trở thành những cạm bẫy đối với dân Do Thái. Bất cứ ai ăn cắp một vật đã được dâng hiến của Đức Chúa Trời và đem nó về nhà cũng sẽ bị dành cho sự hủy diệt, là điều đã xảy ra cho A-can (Gios 6:1-7:26)

Nhưng chưa đủ để dân Do Thái chỉ vâng theo mệnh lệnh hủy diệt những gì Đức Chúa Trời đã kết án, họ phải vâng lời từ tấm lòng mình. họ phải “tuyệt đối gớm ghê” và “tuyệt đối ghét bỏ” những thứ đáng gớm ghiếc mà họ chạm trán ở Ca-na-an (Phu 7:26). Chắc chắn A-can đã giúp tiêu diệt nhiều vật gớm ghiếc khi Y-sơ-ra-ên chinh phạt Giê-ri-cô, nhưng ông quyết định rằng một số bạc vàng và quần áo đẹp không thật sự đáng gớm ghiếc, vì vậy ông lấy chúng (Gios 7:20-23). Ông thích có những chiến lợi phẩm hơn là hưởng những phước hạnh của việc vâng lời Chúa (Thi 119:14,72,127,162) và điều đó khiến ông trả giá đắt, vua Sau-ơ đã phạm sai lầm tương tự này và mất ngôi (ISa 15:1-35).

Khi chúng ta tăng trưởng trong ân điển, chúng ta biết yêu mến và vui hưởng những gì làm đẹp lòng Đức Chúa Trời, khinh ghét và chối bỏ điều gì không làm đẹp lòng Ngài. Đó không chỉ là một vấn đề về ý chí của chúng ta để vâng theo những mạng lệnh của Đức Chúa Trời, Đó cũng là một vấn đề về việc phát triển một tấm lòng vui hưởng việc vâng lời Đức Chúa Trời (Eph 6:6). Có thể làm theo ý muốn Đức Chúa Trời bằng một cách mà những người khác nhận ơn phước nhưng chúng ta thì không! Điều này đúng với các tiên tri của Đức Chúa Trời, Môi-se và Giô-na. Môi-se đã kiêu ngạo đập hòn đá và Đức Chúa Trời đã cung cấp nước, nhưng Môi-se đánh mất đặc quyền bước vào Đất Hứa (Dan 20:1-29). Giô-na cuối cùng đã vâng theo ý muốn của Đức Chúa Trời nhưng ông đã không làm điều đó từ tấm lòng mình, và trở thành một con người cay đắng (Gion 4:1-11). Điều này đưa chúng ta trở lại với động cơ đầu tiên mà Môi-se đã bàn luận – tình yêu đối với Chúa (Phu 6:1-9). Tình yêu khiến cho sự vâng lời trở thành một phước hạnh chứ không phải một gánh nặng.

Thật ích lợi để dân sự Đức Chúa Trời thỉnh thoảng tạm nghỉ và hỏi “vì sao chúng ta làm điều chúng ta đang làm?” Nó phải làm hài lòng chúng ta hay người khác, hay để gây ấn tượng cho thế gian? Có phải chúng ta đang làm theo ý muốn Đức Chúa Trời vì chúng ta muốn Ngài chúc phước cho chúng ta? Hay chúng ta đang “làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời từ tấm lòng” (Eph 6:6) vì chúng ta yêu Ngài? Vâng lời Đức Chúa Trời chỉ để tránh sự trừng phạt và nhận ơn phước là một động cơ ích kỷ theo triết lý của Satan (Giop 1:1-2:13), nhưng nếu chúng ta vâng lời Đức Chúa Trời vì tình yêu, điều đó làm đẹp lòng Ngài và Ngài sẽ ban cho chúng ta điều tốt nhất và điều làm Ngài vinh hiển nhất.

Giống như Y-sơ-ra-ên ngày xưa, Hội Thánh ngày nay phải tiến về phía trước bằng đức tin, chiến thắng kẻ thù, và tuyên bố địa phận mới cho Chúa (Eph 6:10-18 IICo 2:14-17). Nhưng không giống Y-sơ-ra-ên, chúng ta sử dụng những vũ khí thuộc linh, không phải vũ khí của loài người, vì bởi đức tin chúng ta thắng hơn những bức tường ngăn trở Satan đã đặt vào tâm trí của tội nhân (Gi 18:36 IICo 10:1-6 Eph 6:17 He 4:12). Hội Thánh thời các sứ đồ không có những tòa nhà, ngân quỹ (Cong 3:6), trình độ học thức (Cong 4:13), hay ảnh hưởng chính trị, nhưng nhờ cậy lời Đức Chúa Trời và cầu nguyện (6:4) và Đức Chúa Trời đã ban cho họ đắc thắng.

Ngài không thể làm những điều tương tự cho dân sự Ngài hôm nay sao? Chúa Giê-xu đã chiến thắng thế gian và ma quỷ (Gi 12:31 16:33 Eph 1:19-21 Co 1:13 2:15). Do đó, chúng ta chiến đấu từ chiến thắng chớ không phải chỉ vì chiến thắng. “Nếu Đức Chúa Trời vừa giúp chúng ta, thì còn ai nghịch với chúng ta?” (Ro 8:31).

4. HÃY XEM BẠN RA SAO (Phu 8:1-11:32)

Oliver Cromwell nói với họa sĩ vẽ chân dung ông rằng ông không trả thậm chí một đồng xu nếu bức tranh đó không thật sự trông giống ông, kể cả “những cái mụn, những mụn cóc, và mọi thứ như anh nhìn thấy tôi” (1). Rõ ràng vị chúa bảo hộ khối cộng đồng Anh, Scot-len và Ái Nhĩ Lan đang can đảm ngồi làm chân dung. Khi ông đang lãnh đạo một đội quân trên chiến trường. Đa số chúng ta không can đảm như thế. Chúng ta khó chịu khi nhìn những bản nháp hình ảnh chúng ta chưa được sửa lại, và chúng ta chắc chắn sẵn sàng trả tiền cho một bức họa đã cải thiện bên ngoài của chúng ta.

Trong phần này ở bài nói chuyện tạm biệt của mình, Môi-se đã vẽ dân Y-sơ-ra-ên như họ thật sự là vậy, “đủ mọi khuyết tật”. Quan trọng cho đời sống thuộc linh của họ khi Môi-se làm điều này, vì một trong những bước đầu tiên hướng đến sự trưởng thành là chấp nhận sự thật và làm điều gì đó về nó. Nhưng chúng ta đừng chỉ vào Y-sơ-ra-ên mà không nhìn chính mình, vì những bức tranh Môi-se vẽ áp dụng cho chúng ta hôm nay. Chúng ta cần nhìn thấy chính mình như Đức Chúa Trời nhìn thấy chúng ta, và sau đó, bằng ân điển Ngài, hãy tìm cách trở nên tất cả những gì chúng ta có thể trở nên trong Chúa Giê-xu Christ.

1. Con cái trong đồng vắng (Phu 8:1-5)

Ba yếu tố cần thiết cho sự chinh phạt của Y-sơ-ra-ên và việc hưởng Đất Hứa là: Lắng nghe Lời Đức Chúa Trời, ghi nhớ lời ấy, và vâng theo chúng vẫn là những yếu tố cần thiết cho một đời sống Cơ Đốc thành công và thỏa lòng hôm nay. Khi chúng ta bước đi qua thế gian này, chúng ta không thể thành công nếu không có sự hướng dẫn, bảo vệ và chu cấp của Đức Chúa Trời, và điều đó cũng giúp có một ký ức tốt đẹp. Bốn lần trong những chương này Môi-se ra lệnh chúng ta phải nhớ (8:2,18 9:7,27) và bốn lần nữa ông khuyên chúng ta đừng quên (8:11,14,19 9:7). Sứ đồ Phao-lô đã dành bức thư thứ hai của ông cho chức vụ nhắc nhở dân sự Đức Chúa Trời nhớ điều mà những sứ đồ dạy dỗ (IIPhi 1:12-18 3:1-2). Môi-se chỉ ra bốn chức vụ Đức Chúa Trời đã thực hiện cho Y-sơ-ra-ên và

chức vụ Ngài thực hiện cho chúng ta ngày nay khi Ngài tìm cách làm cho chúng ta trưởng thành và chuẩn bị cho chúng ta điều Ngài đã hoạch định cho chúng ta.

Đức Chúa Trời thử nghiệm chúng ta (Phu 8:1-2). Đức Chúa Trời biết điều gì trong lòng con cái Ngài, nhưng con cái Ngài không phải lúc nào cũng biết hoặc muốn biết. “Và mọi Hội Thánh sẽ rõ ta là Đấng dò biết lòng dạ loài người” (Kh 2:23). Đời sống là một trường học (Thi 90:12) và chúng ta thường không biết bài học là gì cho đến khi chúng ta rớt kỳ thi! Người ta đôi lúc nói “Ồ, tôi biết chính lòng mình” nhưng sự thật đáng sợ đó là chúng ta không biết chính lòng mình. “Lòng người dối trá hơn mọi vật và vô phương chữa trị. Ai có thể hiểu nó?” (Gie 17:9 NIV).

Cách chúng ta đáp ứng với những thử nghiệm của đời sống bày tỏ điều gì thật sự trong lòng ta, đặc biệt khi những thử nghiệm đó có liên quan đến kinh nghiệm hằng ngày của đời sống. Dân Y-so-ra-ên thường đói khát và mệt mỏi vì cuộc hành trình, và chính vào những dịp đó họ đã trở nên bực bội và chỉ trích. Ma quỷ cám dỗ chúng ta để đem ra những điều tồi tệ nhất trong chúng ta. Khi Đức Chúa Trời để cho một hoàn cảnh khó khăn thử nghiệm chúng ta chúng ta sẽ tin cậy Ngài và trở nên trưởng thành hơn, hoặc chúng ta sẽ thử Ngài và trở nên khổ sở hơn. Vậy chúng ta phải làm gì? Phải Tin những lời hứa của Đức Chúa Trời và nhờ cậy nơi Chúa chăm sóc chúng ta và giúp chúng ta vượt qua trở ngại vì vinh hiển Ngài và vì ích lợi của chúng ta.

Đức Chúa Trời dạy dỗ chúng ta (Phu 8:9). Mỗi buổi sáng suốt thời gian dân Do Thái đi trong đồng vắng, Đức Chúa Trời đã ban cho họ “thức ăn của thiên sứ” (Thi 78:21-25) để dạy họ nhờ cậy Ngài về những điều họ cần. Nhưng ma-na còn hơn cả phương tiện sinh sống hằng ngày về thuộc thể; Nó là một kiểu mẫu về sự đến của Đấng Mê-si-a là “bánh của sự sống” (Gi 6:35) (2). Khi Sa-tan cám dỗ Chúa Giê-xu biến đá thành bánh (Mat 4:1-4), Ngài đã trích dẫn Phu 8:3 và cho biết rằng Lời Đức Chúa Trời cũng là bánh của Đức Chúa Trời, vì chúng ta “sống nhờ” Chúa Giê-xu Christ khi chúng ta “sống nhờ” Lời Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời dạy dân Do Thái nhìn xem Ngài để có “bánh hằng ngày” (Mat 6:11) và để bắt đầu mỗi ngày suy gẫm Lời Đức Chúa Trời. Những ai vâng lời Đức Chúa Trời trong trách nhiệm hằng ngày lượm ma-na sẽ có xu hướng vâng theo những điều răn còn lại của Đức Chúa Trời. Mối liên hệ của chúng ta với Lời Đức Chúa Trời (ma-na) cho thấy mối liên hệ của chúng ta với Đức Chúa Trời của Lời Ngài.

Đức Chúa Trời chăm sóc chúng ta (Phu 8:4 29:5). Đức Chúa Trời không chỉ cho dân Do Thái ăn “bánh phép lạ” mỗi sáng, Ngài còn giữ cho quần áo họ khỏi hư mòn và chân họ khỏi sưng phồng, ba câu hỏi cấp bách về đời sống đối với đa số người là “chúng ta sẽ ăn gì? Chúng ta sẽ uống gì? Chúng ta sẽ mặc gì?” (Mat 6:25-34) và Chúa đã đáp ứng tất cả những nhu cầu này cho dân sự Ngài trong 40 năm. “Hãy trao mọi điều lo lắng mình cho Ngài, vì Ngài hay chăm sóc anh em” (IPhi 5:7). “Vì Cha các người ở trên trời biết các người cần mọi thứ này” (Mat 6:32 NKJV). Đức Chúa Trời không phát bánh, nước, và quần áo một cách mẫu nhiệm trước cử chúng ta mỗi ngày, nhưng Ngài ban cho chúng ta việc làm và khả năng kiếm tiền (Phu 8:18) để chúng ta có thể mua những gì chúng ta cần (3). Chính Chúa Đấng đã chu cấp những nhu cầu của Y-so-ra-ên mà không cần phương tiện loài

người cũng có thể chu cấp những nhu cầu của chúng ta bằng cách sử dụng phương tiện loài người.

Đức Chúa Trời kỷ luật chúng ta (Phu 8:5). Đức Chúa Trời nhìn con cái Y-so-ra-ên như con cái của Ngài những người Ngài hết sức yêu thương. “Y-so-ra-ên là con ta, tức trưởng nam ta” (Xu 4:22 Os 11:1). Sau những năm nô lệ ở Ai Cập, dân Do Thái đã biết sự tự do là gì và thế nào để sử dụng nó một cách có trách nhiệm. Chúng ta thường nghĩ về “kỷ luật” chỉ là một sự trừng phạt cho sự bất tuân, nhưng có liên quan nhiều hơn kỷ luật là “huấn luyện con trẻ”, chuẩn bị cho đứa trẻ tuổi trưởng thành đầy trách nhiệm. Một quan tòa chỉ trừng phạt một phạm nhân bị kết án để bảo vệ xã hội và gìn giữ luật, nhưng một người cha kỷ luật đứa con một cách yêu thương để giúp đứa con đó trưởng thành (4). Kỷ luật là một bằng chứng về tình yêu của Đức Chúa Trời và về mối liên hệ của chúng ta trong gia đình của Đức Chúa Trời (He 12:5-8 Ch 3:11-12).

Khi bạn nghĩ về việc Chúa kỷ luật con cái ngài, đừng hình dung một người cha giận dữ trừng phạt một đứa con. Đúng hơn, hãy nhìn thấy một người Cha yêu thương thách thức con cái Ngài rèn luyện cơ bắp của họ (thân thể và trí óc) để họ sẽ trưởng thành và có thể sống giống như những người lớn đáng tin cậy. Khi chúng ta bị kỷ luật, bí quyết của sự tăng trưởng là hạ mình và đầu phục ý muốn của Đức Chúa Trời (Phu 8:2-3 He 12:9-10). Chống lại sự sửa phạt của Đức Chúa Trời là làm cứng lòng mình và nghịch với ý muốn của Cha. Giống như một vận động viên đang luyện tập, chúng ta phải rèn luyện bản thân và sử dụng mọi thử thách làm một cơ hội cho sự tăng trưởng.

2. Những người chiến thắng trong xứ (Phu 8:6-20)

Sau khi được giải phóng khỏi Ai Cập, nơi đến của Y-so-ra-ên không phải là đồng vắng; Đó là Đất Hứa, nơi có di sản của họ, “Ngoài (Đức Chúa Trời) đã đem chúng ta ra khỏi xứ ấy (Ai Cập) để Ngài có thể đem chúng ta vào” (6:23). Vì vậy với đời sống Cơ Đốc: được tái sinh và được cứu chuộc khỏi tội lỗi chỉ là khởi đầu bước đường của chúng ta với Đấng Christ, một khởi đầu lớn, hẳn nhiên cũng chỉ là một khởi đầu. Nếu giống như Y-so-ra-ên tại Ca-đe Ba-nê-a, chúng ta chống nghịch trong sự vô tín, thì chúng ta sẽ lang thang suốt cuộc đời mà chẳng bao giờ hưởng điều Đức Chúa Trời đã hoạch định cho chúng ta (Eph 2:10 He 3:1-4:16). Nhưng nếu chúng ta đầu phục Chúa và vâng theo ý muốn của Ngài, Ngài sẽ giúp chúng ta có thể làm “những người chiến thắng bội phần” (Ro 8:37) khi chúng ta tuyên bố di sản của mình trong Đấng Christ và hầu việc Ngài.

Hưởng ơn phước Đức Chúa Trời (Phu 8:6-9). “Chìa khóa” mở cửa vào Đất Hứa đơn giản là: vâng theo những điều răn của Đức Chúa Trời, bước đi trong những đường lối của Ngài và kính sợ Ngài (c.6). Nếu dân Y-so-ra-ên bất tuân Lời Đức Chúa Trời, đi theo lối riêng của họ, và không tỏ sự kính sợ Chúa, điều này sẽ mời gọi sự xét đoán của Đức Chúa Trời trên dân tộc. Nhưng tại sao Y-so-ra-ên không muốn bước vào và hưởng Đất Hứa xứ tốt tươi mà Đức Chúa Trời đã chuẩn bị cho họ? Đó là một xứ dành cho họ tất cả những gì họ có thể muốn hoặc cần để dẫn đến một đời sống hạnh phúc.

Vì nước là một mặt hàng quý giá ở Đông phương, Môi-se đề cập nó trước tiên: sông, hồ, và suối chảy trong trũng và trên đồi. Sau đó ông sẽ đề cập lời hứa của Đức Chúa Trời giáng mưa mỗi năm (11:14), cơn mưa đầu vào mùa thu và cơn mưa sau vào mùa xuân. Với ơn phước của Đức Chúa Trời, một sự dư dật về nước sẽ khiến xảy ra một sự dư dật về mùa màng, và dân Y-so-ra-ên sẽ thu hoạch lúa, nho vả và ô-li-ve, và họ cũng sẽ tìm thấy mật ong. Sẽ có nhiều đồng cỏ cho bầy chiên và bầy gia súc, còn đồng và sắt thì được chôn trong đá và đồi. Thật vậy, đó là một xứ đượm sữa và mật, một xứ không thiếu thứ gì. Tất cả điều này tiêu biểu cho tín hữu hôm nay về của cải thuộc linh chúng ta có trong Đấng Christ: sự giàu có về ân điển Ngài (Eph 1:7 2:7), sự giàu có về vinh hiển Ngài (1:18 3:16), sự giàu có về lòng thương xót của Ngài (2:4) và “sự giàu có không dò được của Đấng Christ” (3:8). Chúng ta trọn vẹn trong Christ (Co 2:10) Đấng mà trong Ngài có mọi sự đầy đủ (1:19) và do đó chúng ta có mọi sự chúng ta sẽ cần để sống một đời sống Cơ Đốc trọn vẹn vì vinh hiển Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời có một đời sống kỳ diệu được hoạch định cho mỗi con cái Ngài (Eph 2:10) và ngài chu cấp tất cả những gì chúng ta cần để thực hiện kế hoạch đó.

Quên sự nhân từ của Đức Chúa Trời (Phu 8:10-18). Có sự nguy hiểm trong cảnh thịnh vượng và tiện nghi, vì chúng ta có thể trở nên được bao phủ trong những phước hạnh đến nỗi chúng ta quên Đấng ban cho chúng ta những phước hạnh. Vì lý do này, Môi-se khuyên dân Do Thái ngợi khen Đức Chúa Trời sau khi họ dùng bữa để họ sẽ không quên Đấng ban cho món quà tốt lành và trọn vẹn (c.10 Gia 1:17). Khi tôi còn là một cậu bé, chú Si-môn của tôi “người chú giảng đạo” xứ Thụy Điển của tôi, thỉnh thoảng thăm gia đình tôi, và tôi nhớ rằng chú ấy không chỉ tạ ơn vào đầu bữa ăn, mà chú luôn kết thúc bữa ăn bằng một sự cầu nguyện tạ ơn. Đến những năm sau đó tôi mới biết rằng chú ấy vâng theo Phu 8:10). Tạ ơn về thức ăn khi chúng ta đói là điều tự nhiên, nhưng cũng khôn ngoan để tạ ơn sau khi chúng ta no.

Môi-se báo hiệu những nguy hiểm có liên quan đến việc quên rằng Đức Chúa Trời là nguồn mọi ơn phước chúng ta hưởng. Nếu chúng ta quên Đức Chúa Trời, thì sự thành công có một cách khiến chúng ta kiêu ngạo (c.14) và chúng ta quên mình ra sao trước khi Chúa kêu gọi chúng ta. Dân Do Thái từng là nô lệ ở Ai Cập, và giờ đây họ sẽ sống trong những ngôi nhà đẹp, quan sát bầy chiên và bầy gia súc của họ gia tăng, tập hợp vàng bạc, và quên điều Chúa đã làm cho họ. Họ là dân du mục trong đồng vắng, và giờ đây họ sẽ định cư trong một xứ giàu có, hưởng sự hòa bình và thịnh vượng với con cháu của họ. Sẽ dễ dàng biết bao để Y-so-ra-ên trở nên kiêu ngạo, quên họ bất lực thế nào trước khi Chúa cứu họ, và nghĩ rằng sự thành công của họ do sức riêng và sự khôn ngoan của họ và nghĩ rằng họ xứng đáng điều đó! “Nhưng hãy nhớ Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, vì chính Ngài ban cho người khả năng tạo ra của cải” (c.18).

Chối bỏ quyền hạn Đức Chúa Trời (Phu 8:19-20). Đỉnh điểm của sự đi chệch này về thuộc linh đó là “dân Y-so-ra-ên giàu có” sẽ xây lưng với Chúa, Đức Chúa Trời hằng sống chân thật, và bắt đầu thờ phượng các tà thần của láng giềng họ. Sự thờ hình tượng bắt đầu trong tấm lòng khi sự biết ơn đối với Đấng ban cho bị thay thế bởi sự tham lam

những thứ ban cho. “Vì khi họ biết Đức Chúa Trời, họ không làm vinh hiển Ngài là Đức Chúa Trời, cũng không tạ ơn” (Ro 1:21). Một tấm lòng vô ơn có thể nhanh chóng trở thành một nơi trú ẩn cho tất cả mọi thái độ tội lỗi và những tham muốn thỏa mãn xác thịt. Chúa sẽ làm gì? Ngài sẽ đối xử với sự thờ hình tượng của dân Ngài giống như Ngài đã đối xử với sự thờ hình tượng của các dân tộc mà họ đã bị truất quyền sở hữu, và Ngài sẽ hủy diệt Y-so-ra-ên cùng những tà thần của họ. Trước khi Môi-se hoàn tất bài nói chuyện của ông, ông phác họa những điều khoản của giao ước Đức Chúa Trời với Y-so-ra-ên và sự sửa phạt Đức Chúa Trời sẽ giáng xuống nếu dân sự cứ ở trong sự thờ hình tượng.

Sự thịnh vượng, sự vô ơn, sự thờ hình tượng: ba bước tiến đến sự đổ nát. Nhưng đây không phải là những tội lỗi xưa, vì chúng hiện diện trong những tấm lòng, những gia đình, những công việc và những Hội Thánh ngày nay.

3. Những người chống nghịch Chúa (Phu 8:6-20) (Phu 9:1-10:11)

Lần thứ 5 trong bài nói chuyện của mình, Môi-se nói: “Hỡi Y-so-ra-ên, hãy nghe!” (4:1 5:1 6:3-4). Ông đang rao cho họ Lời Đức Chúa Trời và khi Đức Chúa Trời phán với dân sự Ngài, họ phải lắng nghe. Từ “nghe” được sử dụng trên 50 lần trong sách Phục Truyền, vì dân sự Đức Chúa Trời sống bởi đức tin, và “đức tin đến bởi sự nghe, và sự nghe đến bởi Lời Đức Chúa Trời” (Ro 10:17). Dân Do Thái không thể nhìn thấy Đức Chúa Trời của họ, nhưng họ có thể nghe Ngài, trong khi các láng giềng ngoại đạo của họ có thể nhìn thấy các thần của họ nhưng không thể nghe các vị thần ấy (Thi 115:5). Trong phân đoạn này, Môi-se nhắc nhở dân sự rằng hạnh kiểm của họ từ lúc rời Ai Cập chẳng gương mẫu chút nào, dù có sự nhẫn nhục và ân điển của Ngài.

Ân điển của Đức Chúa Trời (Phu 9:1-6). Nhóm từ “ngày nay” không có nghĩa là đúng ngày Môi-se đang nói, vì Y-so-ra-ên đã không bước vào xứ Ca-na-an cho đến hơn 40 năm sau (1:3 34:8 Gios 4:19). Từ “ngày” chỉ về một khoảng thời gian Đức Chúa Trời sắp làm một việc đặc biệt như là ngày của sự sáng tạo, là 6 ngày (Sa 2:4) hoặc “Ngày của Chúa” khi Đức Chúa Trời sẽ xét đoán thế gian (Gio 2:1-32). Đức Chúa Trời nhắc nhở Y-so-ra-ên về sự vô tín của thế hệ trước tại Ca-đe Ba-nê-a, khi họ nhìn thấy những trở ngại ở Ca-na-an nhưng quên quyền năng của Đức Chúa Trời họ (Phu 9:1-2 Dan 13:1-14:45). Đức Chúa Trời bảo đảm với dân sự Ngài rằng không cần phải sợ tương lai vì Ngài sẽ đi trước họ để giúp họ đánh bại những kẻ thù của họ. Ngài sẽ không làm điều đó thay vì họ, vì họ phải làm phần của họ và đánh trận, Ngài cũng sẽ không làm điều đó bất chấp họ, vì họ phải vâng lời và tôn trọng những luật lệ của Ngài; nhưng Ngài sẽ làm việc trong họ và qua họ để chiến thắng các dân tộc trong xứ (Phi 2:12-13 Ch 21:31).

Một lần nữa Môi-se nhắc dân sự rằng xứ là một món quà từ Chúa, không phải một phần thưởng cho sự công bình của họ. Đức Chúa Trời đã nhân từ lập giao ước với Áp-ra-ham để ban cho ông và con cháu ông xứ Ca-na-an (Sa 12:1-3 13:14-17 15:7-21), và Ngài sẽ giữ lời hứa Ngài. dân trong xứ gian ác và chín mùi cho sự xét đoán; và dân Y-so-ra-ên không phải là một dân hoàn hảo, Đức Chúa Trời sẽ sử dụng họ để đem đến sự xét đoán đó. Sự nhấn mạnh là về ân điển Đức Chúa Trời chớ không phải sự tốt lành của dân sự Đức Chúa Trời, và sự nhấn mạnh này cần thiết hôm nay (Tit 2:11-3:7). Khi chúng ta quên

ân điển Đức Chúa Trời, chúng ta trở nên kiêu ngạo và bắt đầu nghĩ rằng chúng ta xứng đáng được tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm cho chúng ta và sau đó Đức Chúa Trời phải nhắc chúng ta về sự nhân từ của Ngài cùng tội lỗi của chúng ta, và sự nhắc nhở đó có thể rất đau đớn. Đó là chủ đề của phần tiếp theo trong sứ điệp của Môi-se.

Kỷ luật của Đức Chúa Trời (Phu 9:7-10:11). Môi-se đang nói với một thế hệ mới, nhưng họ cần nghe phần sứ điệp này và nhận ra rằng họ chỉ là những tội nhân như tổ phụ họ. Chủ đề này được nói thẳng thừng trong 9:24 “Từ ngày ta (Chúa) biết các ngươi (chọn các ngươi) cho đến bây giờ các ngươi đã phản nghịch Đức Giê-hô-va”. Đức Chúa Trời đã kêu gọi Áp-ra-ham và dẫn ông đến Đất Hứa, nhưng sau đó ông trốn sang Ai Cập vì nạn đói. Vừa được giải phóng khỏi ai-cập chưa bao lâu thì họ bắt đầu phàn nàn về cách Đức Chúa Trời dẫn dắt họ và nuôi họ (Xu 15:22). Cảnh này trong vở kịch của đời sống đức tin có thể thay đổi, nhưng diễn viên và kịch bản khá giống nhau: Đức Chúa Trời chúc phước, chúng ta hưởng phước hạnh, sau đó chúng ta chống nghịch với những kỷ luật của Ngài và bỏ lỡ phước hạnh Ngài đã hoạch định cho chúng ta.

Trong sự ôn lại về lịch sử chống nghịch của Y-sơ-ra-ên, Môi-se bắt đầu với việc họ thờ phượng bò con vàng tại núi Si-nai (Phu 9:7-21:25 10:11 Xu 32:1-35) và sau đó đơn giản đề cập đến những nơi họ chống nghịch trong hành trình từ Si-nai đến Ca-đe Ba-nê-a (Phu 9:22). Sau đó ông tuyên bố sự vô tín và chống nghịch của dân tộc tại Ca-đe Ba-nê-a (c.23-24), theo sau bởi một sự nhắc nhở thứ hai về tình tiết bò con vàng (c.25 10:11). Môi-se không đi theo sự tường thuật về tất cả các sự kiện trong lịch sử Y-sơ-ra-ên theo niên đại một cách nghiêm khắc, nhưng nhấn mạnh hai tội lỗi lớn nhất của họ: Thờ bò con vàng tại Si-nai và từ chối vào xứ ở Ca-đe Ba-nê-a.

Y-sơ-ra-ên đã phạm một tội rất lớn khi họ thờ phượng bò con vàng (Xu 32:1-34:35). Đằng sau họ là lịch sử về sự giải cứu họ khỏi Ai Cập, một sự bày tỏ ân điển và quyền năng của Chúa; Nhưng họ đã chống nghịch lại Đấng Cứu Chuộc của họ. Y-sơ-ra-ên là dân của Đức Chúa Trời, được cứu chuộc bởi tay Ngài, nhưng họ đã chế tạo một thần mới! Trước mặt họ là núi Si-nai nơi họ nhìn thấy vinh hiển và sự thánh khiết của Đức Chúa Trời được bày tỏ và từ đó họ đã nhận được luật pháp của Chúa. Trong luật pháp đó, Đức Chúa Trời ra lệnh chúng ta phải thờ phượng một mình Ngài và không tạo ra các hình tượng rồi thờ lạy chúng. Họ đã chấp nhận luật pháp đó và hai lần hứa vâng theo (24:4,7), nhưng họ đã vi phạm điều răn thứ nhất và thứ hai bằng cách bận rộn trong cuộc truy hoan dâm dục như một phần của “sự thờ phượng” của họ.

Sự thiếu kiên nhẫn và sự vô tín đã gây ra trọng tội của Y-sơ-ra-ên tại núi Si-nai, vì Môi-se đã ở trên núi với Chúa trong 40 ngày đêm (24:1-18). A-rôn lẽ ra phải chống đối đề nghị của họ về một thần mới, nhưng ngược lại ông đã thỏa hiệp và thuận theo những đòi hỏi của họ, hy vọng điều đó sẽ đem đến sự hòa bình cho trại quân. Hãy tưởng tượng thầy tế lễ cả đầu tiên đang làm một hình tượng! Môi-se đã cho anh của ông quyền hành trong lúc ông vắng mặt (c.14) và A-rôn có thể tập hợp các quan trưởng chi phái và kêu gọi dân Y-sơ-ra-ên vâng lời Chúa, nhưng ông muốn làm hài lòng dân sự để tránh xung

đột. Nhiều thế kỷ sau, Bôn-xơ Phi-lát sẽ phạm sai lầm tương tự khi ông vâng theo đám đông muốn Chúa Giê-xu bị đóng đinh (Mac 15:15).

Đừng bao giờ đánh giá thấp tầm quan trọng của chức lãnh đạo thuộc linh kích lệ sự vâng lời Đức Chúa Trời. A-rôn đã quên Đức Chúa Trời, Đấng đã chỉ định ông làm thầy tế lễ cả; ông đã quên người em mình là người nhờ cậy ông hướng dẫn dân tộc, và ông quên dân sự những người hết sức cần chức lãnh đạo thuộc linh mạnh mẽ. Khi Môi-se đối chất ông, A-rôn tìm cách bào chữa cho tội lỗi ông bằng cách trách cứ dân sự! Tất cả những gì ông đã làm là lấy vòng vàng của họ rồi quăng vào lửa, và ra một bò con! (Xu 32:22-24). Môi-se đã trải 40 ngày đêm trên núi, cầu thay cho A-rôn và dân sự. Đức Chúa Trời sẵn sàng giết A-rôn, diệt sạch dân tộc và bắt đầu một dân tộc mới với Môi-se, nhưng Môi-se cầu thay cho A-rôn cùng dân sự và từ chối đề nghị của Đức Chúa Trời khiến ông trở nên cha của một dân tộc mới. Môi-se đã đối diện cuộc thử nghiệm tương tự này tại Ca-đe Ba-nê-a và lần nữa đặt vinh hiển Đức Chúa Trời cùng ích lợi của dân sự lên trên sự thăng chức cá nhân (Dan 14:12). Môi-se quan tâm nhiều về vinh hiển của Đức Chúa Trời và thanh danh của Ngài trước các dân tộc ngoại đạo, vì ông biết rằng sự kính sợ Đức Chúa Trời phải đi trước Y-sơ-ra-ên nếu họ muốn chinh phạt xứ và tuyên bố di sản của mình.

Chúng ta không khỏi khâm phục Môi-se với tư cách lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời. Ông đã trả qua 40 ngày trên núi, học cách hướng dẫn dân sự trong việc họ thờ phượng Đức Chúa Trời, và sau đó ông trải qua 40 ngày khác kiêng ăn và cầu nguyện, cầu thay cho một dân tộc hay phàn nàn, chống nghịch chức lãnh đạo của ông, và chống nghịch với Chúa. Nhưng những lãnh đạo được thử nghiệm giống như những người đi theo được thử nghiệm, và Môi-se đã vượt qua cuộc thử nghiệm. Ông bày tỏ rằng mối quan tâm lớn của ông không phải là danh tiếng hay địa vị nhưng là vinh hiển của Đức Chúa Trời và ích lợi của dân sự. Thật ra, ông sẵn sàng chết thay dân sự hơn là nhìn thấy Đức Chúa Trời tiêu diệt họ (Xu 32:31-34). Một người chần chừ thật phớ sự sống mình vì bầy chiên (Gi 10:11).

Sau khi nhìn lại trọng tội của Y-sơ-ra-ên tại Si-nai, Môi-se đề cập đến những sự chống nghịch được lặp đi lặp lại của Y-sơ-ra-ên trên đường đến Ca-đe Ba-nê-a (Phu 9:22). Tại Tha-rê-ba, dân sự phàn nàn về “những khó khăn” và Đức Chúa Trời đã giáng lửa thiêu cháy một số người ở ngoài trại quân (Dan 11:1-3) (5). Sau đó những người phàn nàn với Môi-se đã nài nỉ ông cầu nguyện cho họ, và Đức Chúa Trời lắng nghe Môi-se và những sự xét đoán. “Tha-rê-ba” nghĩa là “cháy” và tên này phải nhắc nhở tất cả chúng ta rằng phàn nàn là một tội lỗi (Phi 2:14-15 ICo 10:10). Ở Ma-sa, dân Do Thái đã phàn nàn vì họ khát nước, vì vậy Môi-se đập hòn đá và Đức Chúa Trời cung cấp nước dồi dào (Xu 17:1-7). “Ma-sa” nghĩa là “thử” và được kết hợp với “Mê-ri-ba” nghĩa là “cãi lộn”. “Kip-rot Hathava” nghĩa là “mồ của sự tham muốn” và chỉ về thời gian Y-sơ-ra-ên trở nên chán ma-na và ao ước có thịt để ăn (Dan 11:4). Đức Chúa Trời giáng xuống những đàn chim cút trên trại quân Y-sơ-ra-ên và tất cả những gì dân sự phải làm là hạ gục chim, làm thịt nó, nấu và ăn nó. Chính “sự thèm muốn Ai Cập” xưa đã lần nữa xác định chính nó, xác thịt chống lại Thánh Linh. Trong khi dân sự ăn thịt, sự xét đoán của Đức Chúa Trời ập xuống và

Ngài giáng một tai vạ cho trại quân. “Vì vậy Ngài ban cho họ điều họ cầu xin, nhưng Ngài giáng một tai vạ theo cùng” (Thi 106:15 NLT). Đôi khi sự xét đoán lớn nhất của Đức Chúa Trời là để chúng ta theo ý riêng mình (Ro 1:22-28).

Cuối cùng, Môi-se nhắc lại thất bại lớn của Y-so-ra-ên tại Ca-đe Ba-nê-a (Phu 9:23-24 Dan 13:1-14:45). Suốt hành trình từ Ai Cập đến Ca-đe, dân Do Thái đã nhìn thấy bàn tay Đức Chúa Trời hành động ngày này sang ngày khác, đáp ứng mọi nhu cầu của họ, nhưng tại Ca-đe, họ cảm thấy Đức Chúa Trời không vĩ đại đủ để ban cho họ chiến thắng trên các dân tộc ở Ca-na-an. Họ có “lòng dữ của sự vô tín (He 3:12), mà thật sự là sự chống nghịch với Chúa. Sự vô tín là một tội lỗi của ý chí. Nó thử Chúa và nói “Ta sẽ không tin cậy Chúa và làm điều Ngài ra lệnh ta phải làm!”. Mười tám tử vô tín đã bước đi bởi ngoại cảnh chớ không bởi đức tin, và chỉ nhìn thấy những vấn đề trong xứ. Môi-se, A-rôn, Ca-lép và Giô-suê đã bước đi bởi đức tin và tin rằng Đức Chúa Trời có thể đánh bại bất cứ kẻ thù nào và thắng hơn mọi trở ngại.

Sự nhìn lại này về tội lỗi Y-so-ra-ên hoàn toàn là một bản cáo trạng, nhưng Đức Chúa Trời không bao giờ bỏ rơi dân Y-so-ra-ên và thường tha thứ họ khi Ngài phải xét đoán họ. “Ngài không đả chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi, cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác của chúng tôi” (Thi 103:10 Exo 9:13). Đức Chúa Trời luôn thành tín với những lời hứa của Ngài, khi chúng ta không để Ngài cai trị, Ngài sẽ tể trị và vẫn thực hiện những mục đích của Ngài. Tuy nhiên, chúng ta sẽ bỏ lỡ phước hạnh Ngài đã hoạch định cho chúng ta.

Mọi tín hữu và mọi chức vụ Cơ Đốc dù đó là một Hội Thánh địa phương, hay một chức vụ ngoài Hội Thánh, cũng phải tin cậy Đức Chúa Trời đáp ứng những nhu cầu của mình từng ngày từng giờ. Nếu chúng ta phàn nàn luôn luôn, chúng ta chỉ đang đưa ra chứng cứ rằng chúng ta không tin cậy Đức Chúa Trời nhưng nghĩ mình biết nhiều hơn Ngài về điều gì tốt nhất cho chúng ta. Khi chúng ta đi đến những nơi “Ca-đe Ba-nê-a” đó trong đời sống, khi chúng ta phải tuyên bố điều gì Đức Chúa Trời đã hoạch định cho chúng ta và tiến lên phía trước bởi đức tin, chúng ta không nên chống nghịch Đức Chúa Trời và từ chối tin cậy vâng lời. Nếu chúng ta làm vậy, chúng ta có thể thấy mình lang thang suốt đời sống, không thực hiện điều Đức Chúa Trời đã hoạch định cho chúng ta. Tuyên bố di sản của mình trong Đấng Christ là một trong những chủ đề chính của sách Hê-bơ-rơ, và tác giả dùng Y-so-ra-ên làm sự minh họa chính (He 3:1-4:16).

Phu 9:1-29; xem giải nghĩa Phu 8:6-20

Phu 10:1-11; xem giải nghĩa Phu 8:6-20

4. Những tội tớ của Chúa (Phu 10:12-22) (Phu 10:12-11:32)

“Và bây giờ, hỡi Y-so-ra-ên” (10:12) tạo nên một sự chuyển tiếp khi Môi-se đi vào phần cuối của phần này trong bài nói chuyện của ông, một phần đoạn trong đó ông nhắc nhở dân sự lý do họ phải vâng lời Giê-hô-va Đức Chúa Trời của họ. Đây không phải là một chủ đề mới nhưng đây là một chủ đề quan trọng, và Môi-se muốn họ nhận lấy sự điệp và không quên nó: sự vâng phục yêu thương đối với Chúa là chìa khóa cho mọi

phước hạnh. Chúa Giê-xu từng lặp lại những lẽ thật Ngài đã chia sẻ, và Phao-lô đã viết cho những người Phi-líp, “Đối với tôi, viết những điều tương tự cho anh em thì không chán, nhưng đối với anh em điều đó là an toàn” (Phi 3:1 NKJV). Không phải mọi người nghe đều nhận sứ điệp lần đầu, và một số người nhận sứ điệp có thể quên nó. Dân Do Thái đã không mang những cuốn Kinh Thánh bỏ túi và phải cậy nơi trí nhớ của họ, vì vậy sự nhắc lại là quan trọng.

Vâng lời vì có những điều răn của Đức Chúa Trời (Phu 10:12-13). Chuỗi 5 mệnh lệnh thật ý nghĩa: Hãy kính sợ, hãy bước đi, hãy yêu thương, hãy hầu việc và hãy giữ. Sự kính sợ Chúa là sự sợ sệt cách tôn kính mà chúng ta mắc nợ Ngài đơn giản vì Ngài là Chúa. Cả trong Cựu Ước và Tân Ước, đời sống đức tin được so sánh với một sự bước đi (Eph 4:1,17 5:2,8,15). Nó bắt đầu bằng một bước của đức tin trong sự tin cậy Đấng Christ và dâng mình cho Ngài, nhưng điều này dẫn đến mối thông công hằng ngày với Ngài khi chúng ta bước đi với nhau trong con đường Ngài đã hoạch định. Sự bước đi của Cơ Đốc nhân ngụ ý sự tiến bộ và nó cũng ngụ ý sự quân bình: đức tin và việc làm, tính cách và hạnh kiểm, sự thờ phượng và sự hầu việc, sự vắng vẻ và mối thông công. Sự biệt riêng khỏi thế gian và chức vụ cùng sự làm chứng cho thế gian. Vâng lời Ngài là “vì ích lợi của riêng chúng ta” (Phu 10:19) vì khi chúng ta vâng lời Ngài, chúng ta dự phần mối thông công của Ngài, hưởng những phước hạnh của Ngài, và tránh những hậu quả đáng buồn của sự bất tuân.

Yếu tố trung tâm trong năm mệnh lệnh này là tình yêu, một từ được Môi-se sử dụng 6 lần trong phân đoạn này (c.12,15,19 11:1,13,22). Có thể vừa kính sợ, vừa yêu mến Chúa cùng lúc được chăng? Vâng, có thể vì sự kính sợ mà chúng ta bày tỏ cho Ngài là một sự tôn trọng yêu thương đến từ tấm lòng. Môi-se sử dụng từ “tấm lòng” năm lần trong phân đoạn này trong bài nói chuyện của ông (10:12,16 11:13,16,18), vì vậy ông cho biết rõ rằng Đức Chúa Trời muốn nhiều hơn sự vâng lời bên ngoài. Ngài muốn chúng ta làm theo ý muốn Đức Chúa Trời từ tấm lòng (Eph 6:6), một sự vâng lời yêu thương đem đến niềm vui cho Cha chúng ta trên trời. Tình yêu là sự làm trọn luật pháp (Ro 13:10), vì vậy nếu chúng ta yêu mến Đức Chúa Trời, sự hầu việc Ngài và giữ những điều răn của Ngài sẽ không phải là một gánh nặng hay một cuộc chiến. Năm yếu tố này giống như những phần của một kính viễn vọng thuộc về nhau và làm việc với nhau.

Vâng lời vì tính cách của Đức Chúa Trời (Phu 10:14-22). Một sự kính sợ Chúa được quân bình với tình yêu Chúa là kết quả của một sự hiểu biết tăng trưởng về những thuộc tính của Đức Chúa Trời, và những thuộc tính này được mô tả trong Kinh Thánh. Ngài là Đấng Tạo Hoá (c.14), “Mọi vật được nên bởi Ngài và vì Ngài” (Co 1:16). Trong lúc sống ở Ai Cập, dân Do Thái đã nhìn thấy quyền năng của Đấng Tạo Hoá khi Ngài giáng lửa và mưa đá, sự tối tăm, ếch nhái, chấy rận và thậm chí sự chết, chứng tỏ rằng Ngài điều khiển mọi sự. Ngài đã mở Biển Đỏ để Y-sơ-ra-ên thoát ra, và sau đó Ngài đóng biển lại để quân đội Ai Cập không thể thoát ra. Ngài đã ban nước từ hòn đá và bánh từ trời. Khi Đấng Sáng Tạo vũ trụ là Cha của bạn, tại sao bạn phải lo lắng?

Khi chúng ta nhìn xem sự sáng tạo, chúng ta có thể dễ dàng thấy rằng có một Đức Chúa Trời Đấng quyền năng và khôn ngoan, vì chỉ có một vị thần quyền năng mới có thể sáng tạo cái gì đó từ chỗ không có gì, và chỉ một vị thần khôn ngoan mới có thể làm cho nó trở nên phức tạp và kỳ diệu như vậy, và giữ nó hoạt động hài hòa. Dù bạn nhìn chăm chăm qua một viễn vọng kính hay ngắm qua một kính hiển vi, bạn sẽ đồng ý với Isaac Watts:

Lạy Chúa, những sự lạ lùng của Ngài được bày tỏ

Bất cứ nơi đâu tôi đảo mắt,

Nếu tôi quan sát đất tôi đạp lên

Hay nhìn chăm chăm lên bầu trời! (6)

Sự sáng tạo không bày tỏ rõ ràng tình yêu và ân điển của Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta thật sự thấy những thuộc tính này của Đức Chúa Trời trong những giao ước Ngài đã lập với dân sự Ngài (Phu 10:15-16). Đức Chúa Trời đã chọn Y-sơ-ra-ên vì Ngài yêu họ, và vì tình yêu đó, Ngài đã lập giao ước làm Đức Chúa Trời của họ và chúc phước cho họ. Ấn chứng của giao ước đó là phép cắt bì làm Đức Chúa Trời của họ và chúc phước cho họ. Ấn chứng của giao ước đó là phép cắt bì được ban ra đầu tiên cho Áp-ra-ham (Sa 17:9-14) và được ra lệnh phải thực hành cho mọi con cháu phái nam của ông. Phép cắt bì quan trọng đối với dân Do Thái đến nỗi họ nói về dân ngoại là “những kẻ không chịu cắt bì” hoặc “sự không cắt bì” (Cac 14:3 Isa 17:26,36 Cong 11:3 Eph 2:11). Nhưng Y-sơ-ra-ên quá phóng đại lễ nghi thuộc thể đến nỗi họ quên lễ thật thuộc linh, phép cắt bì đó đánh dấu họ là dân sự Đức Chúa Trời với những đặc quyền và trách nhiệm thuộc linh. Phép cắt bì không phải là một sự bảo đảm rằng mọi người nam Do Thái sẽ lên Thiên đàng (Mat 3:7-12). Nếu không có một sự thay đổi trong tấm lòng, được trui rèn bởi Đức Chúa Trời để đáp ứng đức tin, con người không thuộc về Chúa trong phương diện sự sống. Đó là lý do Môi-se kêu gọi họ, hãy để Đức Chúa Trời “hoạt động” trong lòng họ và làm một công việc thuộc linh lâu dài (Phu 30:6), một sứ điệp được lặp đi lặp lại bởi các tiên tri (Gie 1:4 Exe 44:7,9) và sứ đồ Phao-lô (Ro 4:9-12 Cong 7:51).

Tiếp thay, sự mù lòa thuộc linh tương tự này ở cùng chúng ta hôm nay, vì nhiều người tin rằng phép báp-tem, sự xác nhận, tư cách thuộc viên Hội Thánh, hay sự tham dự trong Tiệc Thánh tự động bảo đảm cho sự cứu tối của họ, ý nghĩa như những điều đó, sự bảo đảm và ấn chứng cứu rỗi của Cơ Đốc nhân không phải là một nghi thức thuộc thể nhưng là một công việc thuộc linh của Đức Thánh Linh ở trong lòng người (Phi 2:10 Co 2:9-12). Phép cắt bì Do Thái chỉ bỏ đi một phần nhỏ của thể xác, nhưng Đức Thánh Linh cởi bỏ toàn bộ “những tội lỗi của xác thịt” và khiến chúng ta trở nên những tạo vật mới trong Đấng Christ (Co 2:11). Dân Do Thái thời Cựu Ước biết họ ở trong giao ước vì một hoạt động thuộc thể, các Cơ Đốc nhân Tân Ước biết họ ở trong giao ước vì sự hiện diện của Đức Thánh Linh ở bên trong (Eph 1:13 4:30 Ro 8:9,16).

Đức Chúa Trời Đấng chúng ta thờ phượng cũng thánh khiết và công bình. “Đức Chúa Trời là sự sáng, trong Ngài chẳng có sự tối tăm” (IGi 1:5). Sau khi vượt qua Biển Đỏ, dân

Y-so-ra-ên đã hát “Hỡi Đức Giê-hô-va! Trong vòng các thần, ai giống như Ngài? Trong sự thánh khiết, ai được vinh hiển như Ngài, đáng sợ, đáng khen, hay làm các phép lạ?” (Xu 5:11 Thi 22:3 Es 6:3). Tình yêu của Đức Chúa Trời rất được nhấn mạnh ngày nay đến nỗi chúng ta có khuynh hướng quên rằng đó là một tình yêu thánh khiết và “Đức Chúa Trời chúng ta là đánh lửa hay thiêu đốt” (He 12:29). Vì Đức Chúa Trời là thánh khiết, tất cả những gì Ngài làm là công bình, vì Đức Chúa Trời không thể phạm tội. Con người có thể tố cáo Đức Chúa Trời là bất công, nhưng Ngài vô tư trong những cách đối xử của Ngài và không thể bị hối lộ bởi những lời hứa của chúng ta hay việc thiện của chúng ta. Đức Chúa Trời có một mối quan tâm đặc biệt đối với những người cô thế, đặc biệt là góa phụ, cô nhi và những khách kiều ngụ vô gia cư (Phu 27:19 Xu 22:21-24 23:9 Le 19:33 Thi 94:6 Es 10:2). Đức Chúa Trời chăm sóc cho dân Do Thái khi họ là khách kiều ngụ ở Ai Cập, và Ngài mong họ chăm sóc những khách kiều ngụ khác khi Y-so-ra-ên đã định cư trong xứ của họ.

Vâng lời vì cơ sự chăm sóc của Đức Chúa Trời (Phu 10:21-11:7). Nhóm từ “việc Ngài đã làm” hay nhóm từ tương đương của nó được sử dụng 6 lần trong đoạn này, vì sự nhấn mạnh là về những hành động mạnh mẽ của Ngài, và cánh tay giơ thẳng ra của Ngài (11:2). Điều gì Đức Chúa Trời đã làm cho Y-so-ra-ên? Trước hết, khi họ làm nô lệ trong xứ Ai Cập, Ngài đã chăm sóc họ và khiến họ sinh sôi nảy nở rất nhiều. Gia-cốp và gia đình ông đã đi đến Ai Cập để ở cùng Giô-sép (Sa 46:1-34), và 70 người đã trở thành một dân tộc hùng mạnh có lẽ hai triệu người (7). Đức Chúa Trời chắc chắn đã giữ lời hứa Ngài với Áp-ra-ham để làm cho con cháu ông nhiều lên như sao trên trời và bụi đất (13:14-16 15:5 22:17 26:4).

Trong khi dân Do Thái ở Ai Cập, họ nhìn thấy quyền năng mạnh mẽ mà Đức Chúa Trời giáng trên Pha-ra-ôn và dân tộc này khi Ngài giáng sự xét đoán này đến sự xét đoán khác mà cuối cùng dẫn đến sự giải phóng Y-so-ra-ên. Quyền năng Đức Chúa Trời không chỉ làm sụp đổ xứ và tiêu diệt đội quân Pha-ra-ôn mà nó còn bày tỏ rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật và rất cả các thần của Ai Cập chỉ là những hình tượng câm lặng và bất lực. Một khi Y-so-ra-ên đã định cư trong xứ, họ sẽ giữ lễ Vượt Qua hằng năm và ghi nhớ điều Chúa đã làm cho họ.

Môi-se cũng nhắc nhở thế hệ mới rằng Đức Chúa Trời đã chăm sóc cho họ suốt thời gian họ lang thang trong đồng vắng, nhưng ông chỉ đề cập một sự kiện cụ thể, sự xét đoán của Đức Chúa Trời đối với Đa-than và A-bi-ram (Phu 11:5-6 Dan 16:1-22 Cac 11:1-40). Cô-rê, một người Lê-vi, đã tranh thủ được Đa-than và A-bi-ram cùng 250 quan trưởng trong Y-so-ra-ên đứng về phía ông để thách thức quyền hạn của Môi-se, vì Cô-rê muốn những người Lê-vi có đặc quyền hầu việc như những thầy tế lễ. Đây là điều nghịch lý với ý muốn Đức Chúa Trời, vì vậy Môi-se và A-rôn giao vấn đề này cho Chúa. Đức Chúa Trời đã mở đất ra, là đất đã nuốt ba người chống nghịch, và Ngài giáng lửa tiêu diệt 250 quan tướng trong các chi phái (8). Thật quan trọng để thế hệ mới biết tôn trọng những lãnh đạo của Đức Chúa Trời và vâng theo những điều răn của ngài có liên quan đến chức tế lễ. Thậm chí hôm nay, những người kiêu ngạo muốn tự đề xướng mình và

làm “quan trọng” trong Hội Thánh nên coi chừng những kỷ luật và xét đoán của Đức Chúa Trời (Cong 5:1-11 ICo 3:9-23 He 13:17 Gi 1:9-12).

Vâng lời vì những lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời (Phu 11:8-25). Từ chính trong phân đoạn này là “xứ”, được sử dụng ít nhất là 13 lần, chỉ về xứ Ca-na-an mà Đức Chúa Trời đã hứa ban cho Áp-ra-ham và con cháu ông khi Ngài bước vào một mối liên hệ giao ước với ông (Sa 13:14-17 15:7-21 17:8,13 5:12 Xu 3:8). Ca-na-an không chỉ là Đất Hứa vì Đức Chúa Trời đã hứa ban nó cho Y-so-ra-ên, mà nó cũng là “xứ của những lời hứa” vì trong xứ đó Đức Chúa Trời sẽ thực hiện nhiều lời hứa có liên quan đến món quà to lớn của Ngài về sự cứu rỗi cho cả thế gian. Xứ Y-so-ra-ên sẽ là sân khấu mà trên đó vở kịch lớn về sự cứu chuộc sẽ được diễn ra. Ở đó Chúa Cứu Thế sẽ ra đời và sống, và ở đó Ngài sẽ chết thay cho tội lỗi của thế gian. Ngài sẽ được khiến sống lại từ cõi chết, thăng thiên và Ngài sẽ ban món quà về Đức Thánh Linh cho những người được tái sinh trong xứ đó. Từ xứ đó, dân Ngài sẽ lan rộng ra thế giới và chia sẻ sứ điệp về sự cứu rỗi.

Nếu Y-so-ra-ên muốn sở hữu xứ, ở trong đó và vui hưởng nó, họ phải vâng theo những điều răn của Chúa, vì Ngài làm chủ xứ Y-so-ra-ên (Le 25:2,23,28). Chỉ có Ngài mới có thể mở sông Giô-đanh ra để Y-so-ra-ên có thể vào xứ, và chỉ mình Ngài mới có thể ban cho dân Do Thái chiến thắng trên các dân tộc đã sống trong xứ. Những dân tộc đó mạnh hơn Y-so-ra-ên và dân sống trong các thành có tường bao quanh. Nhưng thậm chí sau khi Y-so-ra-ên vào và chinh phạt xứ, họ sẽ không ở trong xứ để hưởng nó nếu họ không lắng nghe Lời Đức Chúa Trời và vâng theo. Nguyên tắc tương tự cũng áp dụng cho tín hữu ngày nay, trong Đấng Christ chúng ta có “mọi ơn phước thuộc linh” (Eph 1:3) nhưng chúng ta không thể có chúng hay hưởng chúng nếu chúng ta không tin những lời hứa của Đức Chúa Trời và vâng theo những mệnh lệnh của Ngài.

Đất Hứa là một “xứ đượm sữa và mật” nhưng nếu mưa không đến vào những mùa được chỉ định của nó, không vật gì sẽ mọc lên và dân sự sẽ chết đói, và chỉ Đức Chúa Trời mới có thể giáng mưa. Ba-anh là thần bảo của dân Ca-na-an, và thường trong lịch sử của họ, dân Do Thái đã quay sang tà thần này để được sự giúp đỡ, và Đức Chúa Trời đã phải sửa phạt họ. Cuộc chạm trán đầy kịch tính của Ê-li trên núi Cạt-mên với các thầy tế lễ của Ba-anh chứng minh rằng Chúa Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống (IVua 18:16). Không giống như xứ Ai Cập, nơi nhờ vào sự trước tiên từ sông Nile (9), xứ Y-so-ra-ên nhận những cơn mưa ban sự sống từ trời, do Chúa ban đến. Thường trong lịch sử Do Thái, Đức Chúa Trời đã đóng các từng trời và kỷ luật dân Ngài cho đến khi họ xưng ra tội lỗi của họ và trở lại với Ngài (Phu 28:23-24 IISu 7:12-14). Đức Chúa Trời sẽ canh giữ và chăm sóc xứ cùng cư dân của nó (Phu 11:12). Nếu dân tộc Y-so-ra-ên kính sợ Đức Chúa Trời, yêu mến Ngài và vâng lời Ngài, Ngài sẽ ban mùa màng trong các mùa của chúng và nuôi dân sự cùng bầy chiên với bầy gia súc. Đức Chúa Trời không “mua” sự vâng lời của họ, Ngài thưởng cho đức tin của họ và dạy họ những niềm vui của việc biết và hầu việc Ngài.

Vấn đề không phải là Đức Chúa Trời hoặc là xứ mà chính là lòng dân sự. “Hãy cẩn thận để lòng các ngươi không bị dụ dỗ” (c.16). Nếu dân sự từ bỏ việc thờ phượng Đức

Giê-hô-va, con giận của Ngài sẽ nổi phùng và Ngài sẽ phải kỷ luật họ. Vì sự thờ hình tượng của họ làm xức ô uế, Đức Chúa Trời sẽ phải cất họ khỏi xứ và thanh tẩy xứ; và Ngài đã làm điều này khi Ngài đưa dân Do Thái vào sự giam cầm ở Ba-by-lôn. Điều ngăn trở lớn nhất đối với sự thờ hình tượng là Lời Đức Chúa Trời (c.18-21 Phu 6:6-9), của báu mà Đức Chúa Trời đã ban cho Y-so-ra-ên và không cho dân tộc nào khác. Lời Đức Chúa Trời đó phải điều khiển đời sống của họ và là chủ đề của cuộc nói chuyện của họ. Như chúng ta đã thấy, dân Do Thái hiểu điều răn này theo nghĩa đen và làm những thẻ bài da cho cánh tay và đầu của họ cùng bùa bình yêu cho nhà họ nhưng không tiếp nhận Lời Chúa trong lòng họ. Cơ Đốc nhân ngày nay cũng đối diện với hiểm họa tương tự. Mang cây thập tự giá vàng trên con người chúng ta thật dễ hơn nhiều so với mang thập tự giá của Đấng Christ trong đời sống hằng ngày, và treo những câu Kinh Thánh trên tường nhà chúng ta dễ hơn giấu Lời Đức Chúa Trời trong lòng mình. Nếu chúng ta yêu mến Chúa và trung thành với Ngài, chúng ta sẽ muốn biết Lời Ngài và vâng theo trong mọi lãnh vực của đời sống mình.

Chúng ta tuyên bố những ơn phước của Đức Chúa Trời thế nào? Bằng cách bước ra bởi đức tin (11:24-25). Đây là điều Đức Chúa Trời đã ra lệnh Áp-ra-ham phải làm (Sa 13:17) cũng như Giô-suê (Gios 1:3). Chính lời hứa này mà Ca-lép đã tuyên bố khi ông cầu xin di sản của mình trong Đất Hứa (14:6-15) và đó là lời hứa mà tất cả các tín hữu phải tuyên bố nếu họ mong hưởng những phước hạnh Đức Chúa Trời dành cho họ. Bạn đừng “tuyên bố xứ” bằng cách nghiên cứu bản đồ và mơ về sự chinh phạt. Bạn hãy tuyên bố xứ bằng cách bước ra bởi đức tin, tin Lời Đức Chúa Trời và nhờ cậy sự thành tín của Ngài. J.HudsonTaylor, người sáng lập Hội Chiana Inland. Mission, giờ là Overseas Missionary Fellowship (Hội truyền giáo Hải ngoại) đã nói “Không phải bằng cách phấn đấu sau đức tin, nhưng bằng cách yên nghỉ trong Đấng thành tín” (10).

Vâng lời vì sự sửa phạt của Đức Chúa Trời (Phu 11:26-32). Kết quả cuối cùng của toàn bộ vấn đề đó là dân tộc phải thực hiện một sự lựa chọn hoặc vâng lời Đức Chúa Trời và hưởng sự chúc phước của Ngài, hoặc bất tuân Ngài và kinh nghiệm sự sửa phạt của Ngài. Họ có thể vui hưởng xứ, chịu sự sửa phạt trong xứ (sách Các quan xét) hoặc bị đui khỏi xứ (sự giam cầm ở Ba-by-lôn). Bạn sẽ nghĩ rằng sự lựa chọn này sẽ là một sự lựa chọn dễ dàng, vì ai sẽ muốn bị Chúa sửa phạt? Nhưng giống như con cái xem thường những mệnh lệnh của cha mẹ chúng, biết rõ rằng sự bất tuân sẽ đem đến sự trừng phạt, thì dân sự Đức Chúa Trời cũng cố ý bất tuân Đức Chúa Trời và xem thường ý muốn của Ngài. Họ không có sự kính sợ Đức Chúa Trời và thật sự nghĩ họ sẽ thoát khỏi cánh tay sửa phạt của Ngài! Đây là điều Kinh Thánh gọi là “thử Đức Chúa Trời”.

Môi-se có hai tầm nhìn trong đầu khi ông đưa ra lời cảnh cáo này. Tầm nhìn thứ nhất là dân tộc trước mặt ông ngày ấy (Phu 11:26-28) và tầm nhìn thứ hai là dân tộc sau khi họ đã vào xứ (c.29-30). Những chiến thắng trong tương lai của họ tùy thuộc vào quyết định hiện tại của họ, sự xác định trong lòng họ để yêu Chúa và vâng lời Ngài. Họ chẳng bao lâu sẽ ở trên chiến trường và chỉ có sự giúp đỡ của Chúa mới có thể cho họ chiến thắng

trên kẻ thù. Đề nghị này là một đề nghị đơn giản: nếu họ vâng lời Chúa, Ngài sẽ chúc phước họ, nếu họ bất tuân, Ngài sẽ sửa phạt họ.

Sau khi dân Do Thái vào xứ và bắt đầu chinh phạt xứ, họ phải tiến hành một lễ đặc biệt tại Si-chem, nơi nằm giữa Núi Ga-ri-xim và núi Ê-banh (những chi tiết được trình bày trong Phục truyền đoạn 27 và 28 và sự thực hiện trong Gios 8:30-35). tại núi Ê-banh, Giô-suê phải viết những lời của luật pháp trên một số hòn đá thạch cao và cũng xây một bàn thờ. Núi Ê-banh phải là “núi của những sự rửa sả” và núi Ga-ri-xim là “núi của những sự chúc phước”. Những chi phái trên núi Ghê-ri-xim sẽ là Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Giô-sép (Ép-ra-im và Ma-na-se) và Bên-gia-min, và những chi phái còn lại sẽ tập trung trên núi Ê-banh. Trong trũng giữa hai núi, Giô-suê và thầy tế lễ và người Lê-vu cùng các quan trưởng chi phái sẽ đứng bên hòm giao ước, và từ vị trí đó người Lê-vi sẽ nói lớn với dân sự và nơi những lời rửa sả cùng những sự chúc phước. Sau khi, mỗi lời rửa sả được nói, dân sự trên núi Ê-banh sẽ la lên “A-men” nghĩa là “Mong được như vậy, chúng tôi đồng ý!” Sau khi mỗi sự chúc phước được đọc, những chi phái trên núi Ghê-ru-xim sẽ la lớn “A-men!”

Các thầy tế lễ sẽ dâng trên bàn thờ ở núi Ê-banh (11) những của lễ thiêu, tượng trưng cho sự tận tụy vì Đức Chúa Trời, và của lễ thù ân, tượng trưng cho mối thông công với Đức Chúa Trời; và họ sẽ ăn “trước mặt Đức Giê-hô-va” và thưởng thức một bữa ăn giao ước. Lễ đặc biệt này sẽ là một sự tái xác nhận giao ước mà Y-so-ra-ên đã chấp nhận tại núi Si-nai và nghe lần thứ hai ở đồng bằng xứ Mô-áp trong bài nói chuyện tạm biệt của Môi-se.

Nói theo cách thuộc linh, tín hữu hôm nay sống giữa hai núi: núi Gô-gô-tha nơi Chúa Giê-xu chịu chết vì chúng ta, và núi Ô-li-ve, nơi Chúa Giê-xu một ngày nào đó sẽ tái lâm (Xa 14:4 Cong 1:11-12). Nhưng Đức Chúa Trời không viết luật pháp của giao ước cũ trên những bảng đá và cảnh cáo chúng ta về những sự rửa sả. Đúng hơn, Ngài đã viết giao ước mới nơi tấm lòng chúng ta và chúc phước cho chúng ta trong Chúa Giê-xu Christ (II Co 3:1-3 He 8:1-13 Eph 1:3). “Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Đức Chúa Giê-xu Christ” (Ro 8:1). Tuy nhiên, việc Cơ Đốc nhân ở dưới ân điển chớ không ở dưới luật pháp không có nghĩa là chúng ta có một giấy phép để phạm tội (6:1-14). Những sự sắp đặt của Đức Chúa Trời thay đổi, nhưng những nguyên tắc của Ngài không bao giờ thay đổi, và một trong những nguyên tắc đó là Đức Chúa Trời chúc phước cho chúng ta khi chúng ta vâng lời và sửa phạt chúng ta khi chúng ta bất tuân. Khi chúng ta bước đi trong quyền năng của Thánh Linh, chúng ta đắc thắng những sự tham muốn của xác thịt, và sự công bình của Đức Chúa Trời được làm trọn trong chúng ta (8:4) và chúng ta không bao giờ nghe những tiếng từ núi Ê-banh.

Phu 11:1-32; xem giải nghĩa Phu 10:12-22

5. HÃY THỜ PHƯỢNG NGÀI TRONG LỄ THẬT (Phu 12:1-13:18 18:9-22)

Môi-se là một nhà lãnh đạo khôn ngoan. Ông dành phần đầu bài nói chuyện của mình (Phu 1:1-5:23) cho việc ôn lại quá khứ và giúp thế hệ mới cảm kích tất cả những điều Đức

Chúa Trời đã làm cho họ. Sau đó ông cho dân sự biết cách họ phải đáp ứng với sự nhận từ của Đức Chúa Trời và lý do họ phải vâng lời Đức Giê-hô-va (6:1-11:32). Nói cách khác, Môi-se đang giúp dân sự ông phát triển những tấm lòng yêu mến đối với Chúa, vì nếu họ yêu mến Ngài, họ sẽ vâng lời Ngài. Môi-se đã nhắc lại những lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời đối với dân tộc nhưng cũng quân bình những lời hứa bằng những lời cảnh cáo về điều sẽ xảy ra nếu họ bất tuân. Hơn bất cứ điều gì khác, Môi-se muốn dân Y-so-ra-ên trưởng thành trong đức tin và tình yêu để họ có thể bước vào xứ, chiến thắng kẻ thù, và hưởng di sản của họ vì vinh hiển của Đức Chúa Trời.

Trong Phu 12:1-26:19 Môi-se xây dựng trên nền móng này và áp dụng luật pháp cho hoàn cảnh mới của Y-so-ra-ên trong Đất Hứa. Dân Do Thái từng là nô lệ ở Ai Cập và là dân du mục trong đồng vắng, nhưng giờ đây họ sẽ trở thành những người chiến thắng và những tá điền trong xứ của Đức Chúa Trời (Le 25:23 NIV). Ông đặt trước mặt họ những trách nhiệm họ phải thực hiện nếu họ muốn sống như tuyên dân của Đức Chúa Trời và làm cư dân trung thành trong xứ, hưởng ớn phước của Đức Chúa Trời.

1. Thanh tẩy xứ (Phu 12:1-3)

Lời tuyên bố trong c.1 vừa là một sự bảo đảm vừa là một điều răn. Sự bảo đảm đó là Y-so-ra-ên sẽ vào xứ và chiến thắng kẻ thù, và điều răn đó là sau khi vào xứ, họ phải thanh tẩy mọi sự thờ hình tượng của nó (1). Việc Y-so-ra-ên chinh phạt các dân tộc ở phía Đông sông Giô-đanh là một kiểu mẫu đầu tiên của việc họ thanh tẩy xứ Ca-na-an (Dan 21:1-35 31:1-34). Đây không phải là một điều răn mới, vì Môi-se đã đề cập nó từ trước (Phu 7:1-6,23-26 Dan 33:50-56) và ông sẽ đề cập nó trở lại.

Các tôn giáo của dân Ca-na-an vừa sai trật vừa thô tục. Họ thờ nhiều thần nam và thần nữ, chủ yếu là Ba-anh, thần bão và A-sê-ra, vợ ông ta. “Những trụ A-sê-ra” bằng gỗ (“những rừng cây” NIV) là những biểu tượng tình dục, và dân chúng lợi dụng các kỹ nữ đền thờ khi họ tìm cách thờ phượng các thần của họ. Mục đích chính của tôn giáo Ca-na-an là sự thịnh vượng cho chính họ và cho mùa màng của họ, nên họ lập những nơi thờ phượng trên núi và đồi (“những nơi cao”) để đến gần hơn với các thần. Họ cũng thờ lạy dưới những cây to, mà chúng cũng là những biểu tượng của sự thịnh vượng. Những tập tục tôn giáo đồi bại của họ là một hình thức ma thuật mà bởi đó họ hy vọng làm hài lòng các thần và tác động đến sức mạnh của thiên nhiên để ban cho họ mùa màng dư dật.

Nhưng Môi-se chỉ ra rằng bất cứ thứ gì mang tính hình tượng còn tồn tại trong xứ đều nguy hiểm vì nó có thể trở thành một công cụ cho ma quỷ sử dụng để cám dỗ Y-so-ra-ên. Lời khuyên đừng cho ma quỷ nhân dịp (Eph 4:27) cảnh báo chúng ta rằng bất cứ khi nào chúng ta bất tuân Chúa và yêu mến điều mà Ngài muốn chúng ta hủy bỏ tức là chúng ta đã cung cấp cho Sa-tan một chỗ đứng trong đời sống mình. Y-so-ra-ên thậm chí phải xóa sạch tên của các thần ngoại giáo, vì tên họ có thể đã được sử dụng trong những lễ nghi huyền bí để làm những câu thần chú.

Chúng ta đang sống trong một thế giới đã loại bỏ những điều tuyệt đối và đề cao “tính đa số”. Nếu “có lợi cho bạn”, thì tôn giáo này cũng tốt như tôn giáo kia, và thật không “thích hợp về mặt chính trị để tuyên bố rằng Chúa Giê-xu Christ là Cứu Chúa duy nhất của thế giới (Cong 4:12 Gi 4:19-24). Nhưng Môi-se cho thấy rõ ràng Đức Chúa Trời khước từ những tôn giáo của dân Ca-na-an và muốn mọi chứng cứ về những tập tục ngoại giáo của họ bị xóa khỏi xứ. Xứ thuộc về Chúa và Ngài có mọi quyền để thanh tẩy nó. Điều răn thứ nhất của Ngài là “Trước mặt ta người chớ có các thần khác” (Phu 5:7). Y-so-ra-ên đã không thanh tẩy xứ và bị kỷ luật sự bất tuân của họ. “Họ không hủy diệt các dân, y như Đức Giê-hô-va đã phán dặn họ; Nhưng lại pha lộn với các dân, tập theo công việc chúng nó, và hầu việc hình tượng chúng nó, là điều gây làm cái bẫy cho mình” (Thi 106:34-36).

2. Thờ phượng Chúa (Phu 12:4-14)

“Các người chớ thờ phượng Chúa là Đức Chúa Trời các người theo cách chúng nó (c.4, NIV) là một lời tuyên bố đơn giản mang một thông điệp mạnh mẽ. Là dân sự Đức Chúa Trời, chúng ta phải thờ phượng Chúa cách Ngài phán bảo chớ không phải bắt chước những tập tục tôn giáo của kẻ khác. Do Thái giáo và Cơ Đốc giáo hình thành bởi sự mặc khải chớ không bởi sự phát minh của con người hay sự chỉ dẫn của Sa-tan (ITi 4:1 ITi 3:5-7). Hoạt động quan trọng nhất của Hội Thánh là thờ phượng Đức Chúa Trời, vì mọi điều mang tính thuộc linh thật sự mà Hội Thánh làm tuân tràn từ sự thờ phượng Cơ Đốc thành sự giải trí và biến nơi thánh của Đức Chúa Trời thành một rạp hát. “Theo luật pháp và lời chứng! Nếu họ không nói theo lời này, đó là vì không có sự sáng trong họ” (Es 8:20 NKJV).

Y-so-ra-ên thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, trong khi dân ngoại bang trong xứ thờ các hình tượng chết đại diện cho các tà thần. Dân Ca-na-an có nhiều điện thờ nhưng Y-so-ra-ên sẽ có một nơi thờ phượng trung tâm. Có một sự tương phản rõ rệt trong bản văn giữa “mọi nơi” trong Phu 12:12 và “nơi” trong 12:5,11,14,18,21 26:2. Dân Ca-na-an đã lập nhiều bàn thờ, nhưng Y-so-ra-ên phải có chỉ một bàn thờ. Dân Ca-na-an dâng tế lễ cho các thần của họ bất cứ thứ gì họ thích, kể cả con cái của chính họ, nhưng Chúa sẽ cho dân Do Thái biết phải đem đến của lễ nào và Ngài cho biết rõ rằng họ không bao giờ được hy sinh con cái của họ.

Một nơi Đức Chúa Trời ngự (Phu 12:5,8-11a). Trong sách Sáng Thế ký, chúng ta được cho biết rằng Đức Chúa Trời đã đồng đi với dân Ngài, chẳng hạn như Hê-nóc (5:24), Nô-ê (6:9) và Áp-ra-ham (17:1), nhưng tại núi Si-nai, Đức Chúa Trời tuyên bố với Môi-se rằng Ngài muốn ở với dân sự Ngài (Xu 25:8,45-46). Ngài bảo họ làm cho Ngài một đền tạm, và dân Y-so-ra-ên đã đóng góp của cải mình cho dự án thánh này (c.1-2 35:4-36:6). Khi Môi-se dâng đền tạm, Đức Chúa Trời ngự xuống trong vinh hiển và đi vào nơi chí thánh, biến nắp thi ân trên hòm giao ước thành ngai thánh của Ngài (40:34-38 Thi 80:1 99:1NIV). Đôi khi chúng ta nói đến “sự vinh hiển Shê-kê-na” của Đức Chúa Trời trong trại quân Y-so-ra-ên, truy nguyên từ một từ Hê-bơ-rơ có nghĩa “ngự vào”.

Các dân tộc Ca-na-an có nhiều đền thờ và điện thờ, nhưng chỉ Y-so-ra-ên có sự hiện diện vinh hiển của Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống ngự giữa họ (Ro 9:4). Việc chỉ có một nơi thánh trung tâm cho Y-so-ra-ên mang ý nghĩa rằng chỉ có một Đức Chúa Trời thật, một sự thờ phượng và chức tế lễ được cho phép, và một dân tộc thánh. Đền tạm, và sau đó là đền thờ, hợp nhất 12 cho phái về mặt thuộc linh và chính trị.

Thật thú vị để làm theo vết lịch sử về đền tạm của Đức Chúa Trời. Dân Y-so-ra-ên đã mang đền tạm vào Ca-na-an và đặt ở Si-lô (Gios 18:1 19:51 Gie 7:12). Suốt thời Sa-mu-ên đền tạm ở tại Mích-ba (Isa 7:6) và sau đó ở Nốp (21:1-6). Vì tội lỗi Y-so-ra-ên nghịch với Chúa vinh hiển Đức Chúa Trời đã lìa khỏi đền tạm (4:21-22). Suốt thời Đa-vít hòm giao ước ở trên núi Si-ôn trong khi chính đền tạm ở Ghê-đê-ôn (ISu 16:1,37-42 IVua 3:4). Đức Chúa Trời đã mặc khải cho Đa-vít rằng Sa-lô-môn con trai ông sẽ kế vị ông và xây một đền thờ cho vinh hiển của Ngài trên núi Si-ôn, và khi Sa-lô-môn dâng hiến đền thờ, vinh hiển Chúa đã đến ngự tại đó (8:10-11). Khi Ba-by-lôn chiếm Giu-đa, tiên tri Ê-xê-chi-ên đã thấy vinh hiển Đức Chúa Trời lìa đền thờ (Exe 8:1-4 9:3 10:4,18 11:22-23) nhưng ông cũng thấy nó trở lại và ở trong đền thờ (43:1-3).

Khi Chúa Giê-xu đến thế gian để “ngự giữa chúng ta”, vinh hiển Đức Chúa Trời đã trở lại (Gi 1:14), nhưng con người tội lỗi đã đóng đinh Chúa của vinh hiển vào thập tự giá, Ngài đã sống lại từ cõi chết và trở về trời để nhận lại vinh hiển mà Ngài đã từ bỏ trong sự khiêm nhường của mình (17:1,5). Giờ đây mỗi người tin nhận Đấng Christ đều trở nên một đền thờ của Đức Chúa Trời và có Thánh Linh ngự trong lòng (ICo 6:19-20). Nhưng mỗi hội chúng của những người tin nhận cũng là một đền thờ của Đức Chúa Trời (c.10-17), và Đấng Christ đang lập Hội Thánh chung của Ngài làm một nơi ngự cho Thánh Linh (Mat 6:18 Eph 2:19-22). Ngày nào đó, mọi dân Đức Chúa Trời sẽ ở thành thánh được thắp sáng bởi vinh hiển của Đức Chúa Trời (Kh 21:23).

Một bàn thờ cho của lễ (Phu 12:6-7,12-14). Sự thờ phượng của người Ca-na-an cho phép dân chúng dâng bất cứ của lễ nào họ thích ở bất cứ nơi nào họ chọn, nhưng đối với Y-so-ra-ên phải có chỉ một bàn thờ. Dân Do Thái được phép giết và ăn gia súc cùng thú rừng ở bất cứ nơi nào (c.15,21-22), nhưng những con vật này không được dâng làm của lễ khi chúng đã chết. Nơi duy nhất của lễ được chấp nhận là trại bàn thờ trong nơi thánh của Đức Chúa Trời và những người duy nhất có thể dâng chúng ta là những thầy tế lễ được Chúa chỉ định. Chúa không muốn dân Ngài phát minh hệ thống tôn giáo của chính họ bằng cách bắt chước những tập tục của các dân ngoại giáo. Suốt thời kỳ suy đồi của Các quan xét, đó chính xác là điều một số người đã làm (Cac 17:1-18:31).

Của lễ thiêu (Le 1:1-17) tượng trưng sự dâng hiến hoàn toàn cho Chúa, vì tất cả bị thiêu trên bàn thờ. Có thể Phao-lô đã nghĩ đến hình ảnh này khi ông bảo chúng ta dâng mình hoàn toàn cho Chúa để làm theo ý Ngài (Ro 12:1-2). Của lễ thù ân (Le 3:1-17) nói về sự giao thông với Đức Chúa Trời, và người thờ phượng ăn thịt của lễ cùng với gia đình và các thầy tế lễ. Họ có một bữa ăn vui vẻ khi họ kỷ niệm sự nhân từ của Chúa (Phu 12:12,18 26:11). Mặc dù sự thờ phượng hẳn là một điều nghiêm túc, nhưng không nhất

thiết cứng nhắc và ám đạm. Sự thờ phượng thật không những kéo tín hữu đến gần hơn với Đức Chúa Trời, mà còn kéo dân sự Đức Chúa Trời đến gần nhau.

Đền tạm không những là một nơi dân Do Thái đem đến của lễ, mà còn là nơi họ đem đến phần mười và của dâng hiến của họ. Phần mười là 10% những gì đất đai của họ sản sinh ra, và phần mười này được chia cho các thầy tế lễ và người Lê-vi. Các thầy tế lễ cũng nhận một phần thịt nào đó từ một số của lễ, và đây là cách họ và gia đình họ được cấp dưỡng. Môi-se thường nhắc nhở dân sự cấp dưỡng cho người Lê-vi bằng cách trung tín đem phần mười và của dâng đến nơi thánh (12:12,18,19 14:27,29 16:11,14).

3. Tôn trọng sự sống (Phu 12:15-16,20-28)

Những câu này tập trung vào cách dân Do Thái xử lý huyết thú vật bị giết tại bàn thờ hay được ăn ở nhà, một chủ đề Môi-se đã bàn luận trong Le 17:1-16. Chúa đã mở đầu chủ đề này sau khi Nô-ê gia đình ông ra khỏi tàu, vì đó là lúc Ngài cho phép loài người ăn thịt (Sa 9:1-7 1:29 2:9,16). Trong sự ban hành luật pháp ở Sáng Thế ký, Đức Chúa Trời cấm việc làm đổ máu người và ăn huyết thú vật, dù con thú nuôi trong nhà hay thú hoang. Ngài cũng lập ra điều mà chúng ta ngày nay gọi là “án tử hình”. Loài người được tạo dựng theo hình ảnh của Đức Chúa Trời và có sự sống từ Đức Chúa Trời nên giết ai đó là tấn công Đức Chúa Trời và cướp của người đó món quà sự sống của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời ra lệnh rằng những kẻ giết người phải bị xử phạt bằng cách mất sự sống của chính họ, và quyền thi hành luật này thuộc về các quan chức quốc gia (Ro 13:1-14). Bằng cách ban luật này, Chúa thật sự đang thiết lập chính thể loài người trên đất. Đáng chú ý rằng nếu một con vật giết chết một người, con vật đó phải bị giết (Xu 21:28-32).

Từ lâu trước khi khoa học khám phá sự quan trọng của huyết, Chúa đã tuyên bố rằng sự sống ở trong huyết phải được tôn trọng cho không phải bị đối xử như thức ăn bình thường (4). Nếu một người Do Thái giết một con vật ở nhà, anh ta phải đổ toàn bộ huyết xuống đất trước khi thịt có thể được nấu và ăn. Nếu anh ta đem một con vật đến nơi thánh để tế lễ, thầy tế lễ sẽ đổ huyết ra bàn thờ. Nếu trình tự nghi lễ đòi hỏi, thì tế lễ sẽ bỏ vào một cái chậu vừa đủ huyết để rưới bên trên hoặc xung quanh bàn thờ. Bằng cách làm theo trình tự này, dân Do Thái không những bày tỏ sự tôn trọng đối với món quà sự sống của Đức Chúa Trời, thậm chí đối với thú vật, họ còn bày tỏ sự tôn trọng đối với con vật đã phó sự sống vì người thờ phượng. Dân Do Thái không thường xuyên ăn thịt, vì quá đắt giá để giết gia súc, nên khi đã giết một con vật, họ phải làm điều đó với sự tôn trọng. Họ có thể đem một con vật đến nơi thánh và dâng nó làm của lễ thù ân rồi sau đó thưởng thức món thịt như một bữa tiệc đặc biệt (Le 3:1-17 7:11-38).

Sự nhấn mạnh này về việc làm đổ huyết ở trung tâm của thông điệp về Phúc Âm. Chúng ta được cứu khỏi tội lỗi mình không phải bởi cuộc đời của Đấng Christ hay gương mẫu của Đấng Christ, nhưng bởi sự chết hy sinh của Đấng Christ, “chúng ta được cứu chuộc bởi huyết Ngài” (Eph 1:7 Co 1:14). Huyết Đấng Christ quý báu đối với chúng ta (IPhi 1:19) vì có Đấng đã đổ huyết. Chiên Con không tì vết của Đức Chúa Trời nhưng cũng vì những điều mà nó thực hiện cho những ai tin nhận Ngài. Sự xưng công bình (Ro 5:9), sự thanh tẩy (Kh 1:5 IGi 1:7), sự cứu rỗi đời đời (He 9:11-28) sự đến gần Đức Chúa Trời (10:19-

20) và sự hòa thuận (Eph 2:13), mà chỉ kể là một số phước hạnh chúng ta có nhờ huyết Đấng Christ.

4. Đem đến những phần mười và của dâng hiến (Phu 12:17-19)

Việc đem đến 1/10 sản vật cho Chúa đã có trước luật pháp, vì Áp-ra-ham đã dâng phần mười (Sa 14:17-20 He 7:4) và Gia-cốp cũng vậy (Sa 28:22). Đa số nơi trên thế giới ngày nay, dân sự Đức Chúa Trời đem đến tiền nhiều hơn sản vật. Kế hoạch dâng hiến thời Tân Ước được tìm thấy trong ICo 8:1-9:15 và dù việc dâng phần mười không được đề cập, việc dâng hiến rời rạc từ tấm lòng được khích lệ. Nếu tín hữu dưới luật pháp đã có thể dâng cho Chúa 1/10 huê lợi của họ, thì hẳn là một vị trí tốt đẹp cho tín hữu dưới giao ước mới khởi đầu việc dâng hiến của mình. Tuy nhiên, chúng ta không nên dừng lại với 1/10 nhưng phải dâng hiến một cách có phương pháp như Chúa đã cho chúng ta được dư dật (ICo 16:1-2).

Các thầy tế lễ và người Lê-vi không có sản nghiệp trong xứ Y-sơ-ra-ên, vì Chúa là sản nghiệp của họ (Dan 18:20 Phu 10:8-9 Gios 13:14,33 14:13 18:7), vì vậy họ tin cậy Đức Chúa Trời về sự chu cấp của Ngài qua dân sự. Đức Chúa Trời ấn định cho các thầy tế lễ phần từ những của lễ khác nhau (Le 6:14 7:38) cũng như hoa quả đầu mùa và súc vật đầu lòng (Dan 18:8-20). Người Lê-vi nhận phần mười của dân sự và dâng lại 1/10 của nó cho các thầy tế lễ (c.20-32). Dân sự cũng cách 3 năm lại đem đến phần mười phụ, nó được chia cho người nghèo (Le 27:28-29). Những người sống quá xa nơi thánh được phép bán sản vật và dùng tiền mua một của lễ thay thế khi họ đến nơi (Phu 14:24-26), và nếu họ không làm vậy, họ bị nộp phạt (Le 27:31).

Một nguyên tắc cơ bản trong Kinh Thánh đó là ai hầu việc Chúa và dân sự Ngài thì phải có sự cấp dưỡng của dân sự Đức Chúa Trời. “Người làm công đáng được tiền lương mình” (Lu 10:7) và “ai rao giảng Tin Lành sẽ sống bởi Tin Lành (ICo 9:14 NKJV). Tín hữu nào được những ơn phước thuộc linh từ thầy giáo và người rao giảng thì phải chia sẻ những ơn phước về vật chất cho họ (Ga 6:6-10 ITi 5:17-18). Phao-lô nhìn thấy những món quà hỗ trợ của dân sự Đức Chúa Trời như những của lễ thuộc linh được dâng cho Chúa (Phi 4:10-19). Nếu mọi dân Đức Chúa Trời đều thực hành cách dâng hiến được mô tả trong ICo 8:1-9:14 sẽ không có những khoản nợ Hội Thánh, thì Đức Chúa Trời sẽ được cấp dưỡng và công việc Chúa sẽ phát triển khắp thế giới.

5. Tránh sự ô uế (Phu 12:17-19) (Phu 12:19-13:18 18:9-22)

Môi-se chỉ ra 4 phương cách kẻ thù có thể sử dụng để gài bẫy dân Y-sơ-ra-ên trong việc thực hành sự thờ hình tượng, và ông cảnh cáo dân sự tránh làm theo chúng.

Tính tò mò của con người (Phu 12:29-32). Cư dân Ca-na-an đã làm xứ hết sức ô uế bằng hạnh kiếm cá nhân và những tập tục tôn giáo ghê tởm của họ, kể cả việc tế con cái họ cho các tà thần, thường là thần Mo-lóc “vật đáng gớm ghiếc của dân Am-môn” (c.31 IVua 11:5,33). Tập tục đáng khinh này bị cấm đối với dân Y-sơ-ra-ên (Phu 18:10 Le 18:20 20:2-5), nhưng trong những năm sau đó, cả vua lẫn thường dân trong Y-sơ-ra-ên đã từ bỏ luật pháp Đức Chúa Trời và tế lễ con cái họ (IIVua 17:16-17). Vua Giô-sia tin kính đã làm ô uế

chỗ trong trũng Hi-nôm nơi lễ nghi ghê tởm này đã được thực hiện trong Giu-đa (Phu 23:10), nhưng vua Ma-na-se đem nó trở lại (II Su 33:6).

Nhà tiểu luận người Anh Samuel Jcholson gọi tính tò mò là “một trong những đặc tính thường trực và chắc chắn của một người quá hiểu biết” và hẳn con cháu chúng ta đều học vì chúng tò mò về cuộc sống và thế giới mà chúng sống trong đó. Ai đó đã định nghĩa một đứa trẻ là “một hòn đảo của tính tò mò được bao quanh bởi một biển những dấu hỏi! Tuy nhiên có một số lĩnh vực về tri thức con người thật nguy hiểm để nghiên cứu, vì Đức Chúa Trời muốn dân Ngài “khôn ngoan về điều lành và vô tội về điều ác” (Ro 16:19 NASB). Chúng ta không cần phải kinh nghiệm tội lỗi để biết nó gây chết ra sao. Dân Y-so-ra-ên tò mò là những người nghiên cứu tập tục tôn giáo đáng khinh của dân Ca-na-an đều ở trong hiểm họa cám dỗ bản thân và cho Sa-tan cơ hội bước vào.

Khi trưởng thành trong đức tin và trở nên vững vàng trong lời Chúa, chúng ta có thể cẩn thận nghiên cứu những triết lý và tư tưởng do các nhóm tôn giáo khác nhau đeo đuổi, nhưng chỉ như vậy chúng ta mới có thể chia sẻ Phúc Âm cho họ. Những người truyền giáo phải biết tư tưởng tôn giáo của những người mà Đức Chúa Trời sai họ đến để họ có thể truyền đạt cho những người ấy một cách hiệu quả. Điều này cũng đúng khi chúng ta nghiên cứu cái gọi là “tác phẩm cổ điển” thường được nhét sự ô trọc mang về đạo đức và những sự công bình nghịch với niềm tin Cơ Đốc. Robert Murray M'Chegne viết cho một người bạn “hãy coi chừng không khí của những tác phẩm cổ điển? Quả thật chúng ta phải biết chúng, nhưng chỉ với tư cách những nhà hóa học xử lý chất độc – khám phá tính chất của chúng, không phải để làm máu họ nhiễm độc (5). Có sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, nhà nghiên cứu Cơ Đốc có thể thực hiện sự tiếp xúc mà không bị ô nhiễm, nhưng họ nên “tỉnh thức và cầu nguyện” để không bị cám dỗ và sa vào tội lỗi.

Sự cám dỗ từ các tiên tri (Phu 13:1-5) (6). Đức Chúa Trời đã dấy lên các tiên tri trong Y-so-ra-ên suốt những thời kỳ khi dân sự cần được kêu gọi trở lại với sự thờ phượng Chúa cách trung tín. Các nhà tiên tri thường được cho rằng không phải chỉ là những “thầy bói”, họ chủ yếu là những người cho biết trước, tuyên bố lời Đức Chúa Trời nhơn danh Chúa. Tiên tri trung tín nhơn danh Đức Chúa Trời mà nói và chỉ rao sứ điệp của Đức Chúa Trời vì vinh hiển Đức Chúa Trời và vì ích lợi của dân sự Đức Chúa Trời.

Nhóm từ chính trong đoạn 13 là “Ta hãy đi tìm kiếm các thần khác (c.2,6,13). Trong phân đoạn này, Môi-se mô tả một tiên tri nói trước một sự kiện và nó đã xảy ra, đó là sự thử nghiệm một tiên tri thật (18:21-22). Nhưng sau đó vị tiên tri này mời dân sự cùng ông ta thờ lạy các thần khác. Vì sao một tiên tri rao một sứ điệp thật được tiếp nối bằng một mời mời thờ lạy các tà thần? Vì những lý do tương tự, các lãnh đạo tôn giáo chi phái hay thậm chí tổ chức giáo phái của riêng họ: sự kiêu ngạo, dục vọng muốn có số người đi theo và thực hiện uy quyền, và dục vọng kiếm tiền. Dân Y-so-ra-ên biết rằng luật pháp Đức Chúa Trời cấm thờ hình tượng, nhưng luôn có những người không vững vàng sẽ mù quáng đi theo “một lãnh đạo tôn giáo thành công” mà không thử nghiệm quyết định của mình bằng lẽ thật của Đức Chúa Trời.

Môi-se cho biết rõ rằng Lời Đức Chúa Trời là thật cho dù một tiên tri có thể làm bao nhiêu phép lạ hay dấu kỳ. Chúng ta không thử sử điệp bằng những sự kiện siêu nhiên, chúng ta thử sử điệp bằng Lời Đức Chúa Trời. Sa-tan có thể làm phép lạ (ITe 2:9 Kh 12:9) không phải hễ ai nói Chúa Giê-xu là “Chúa” và làm phép lạ đều là một con cái thật của Đức Chúa Trời trong tôi tớ của Đức Chúa Trời (Mat 7:21-23). Đức Chúa Trời đôi khi cho phép những điều này xảy ra để thử dân Ngài xem họ có vâng lời Ngài hay không. Dù người này từ đầu đã được Đức Chúa Trời kêu gọi, nhưng khi ông bảo dân sự bất tuân luật pháp Đức Chúa Trời, ông đã thôi làm một tôi tớ thật của Chúa. Vì ông dụ dỗ dân sự chống nghịch Chúa, ông phải bị xử tử.

“Người sẽ cất kẻ ác khỏi giữa mình như vậy” (Phu 13:5 NKJV). Lời tuyên bố này được tìm thấy ít nhất 8 lần nữa trong sách Phục truyền (17:7,12 19:19 21:21 22:21-22,24 24:7), và Phao-lô đã trích dẫn nó trong ICo 5:13 bằng việc đề cập đến kỷ luật trong Hội Thánh địa phương. Chúng ta không ném đá người có tội trong Hội Thánh mình, nhưng chúng ta phải dứt phép thông công bất cứ ai công khai sống trong tội lỗi và chối từ ăn năn, vâng lời Đức Chúa Trời. Vì sao? Vì lý do tương tự, người thờ hình tượng bị xóa bỏ (bởi sự chết) khỏi dân tộc Y-so-ra-ên: tội lỗi giống như men và khi nó không bị thanh tẩy, nó sẽ lan ra và làm ô nhiễm những người khác (ICo 5:6-8 Ga 5:9). Giống như nhà phẫu thuật loại bỏ mô tế bào ung thư khỏi cơ thể một bệnh nhân để ngăn nó lây lan, tập thể tín hữu địa phương cũng phải trải qua cuộc giải phẫu để duy trì sức khoẻ thuộc linh của Hội Thánh, dù đau đớn ra sao.

Việc người kiện cáo phải ném đá trước tiên sẽ khích lệ người ấy suy xét nghiêm túc những sự việc chớ không nông nổi tố cáo một người vô tội (IVua 21:1-29). Phương pháp xử án là ném đá để mọi người có thể tham dự và phản đối việc thờ hình tượng. Hoặc tội lỗi của một người ảnh hưởng đến cả dân tộc (Gios 7:1-26) hoặc cả dân tộc phải đối phó với tội lỗi của một người đó.

Đáng chú ý rằng biết bao người học thức nghiên cứu số tử vi của họ và tham vấn “đồng bóng” chuyên nghiệp là những người tuyên bố có khả năng nhìn thấu tương lai. Nếu con người thật sự có khả năng đó, họ đã có thể kiếm nhiều tiền trên thị trường chứng khoán hoặc ở trường đua ngựa và không phải kiếm sống bằng cách đọc con bài, nhìn sao, hay thăm dò những hòn bi thủy tinh. Trong bài nói chuyện sau đó, Môi-se kể tên những tập tục huyền bí cấm đối với dân Đức Chúa Trời, và một trong số những tập tục đó là hỏi Sa-tan để biết tương lai (Phu 18:9-13). Chúa Giê-xu đã cảnh cáo về tiên tri giả và các sứ đồ cảnh cáo về giáo sư giả (Mat 4:15-20 IICo 13:3-4,11 ITi 1:6-7 IIPhi 2:1-22).

Sự cám dỗ từ bạn hữu và người thân (Phu 13:6-11). Chẳng khó khăn gì để phôi bày và tố cáo một tiên tri giả, nhưng một người thân hay bạn thiết hữu cám dỗ bạn thờ phượng một tà thần thì sao? Nếu sự cám dỗ là bí mật và việc thờ hình tượng cũng bí mật thì sao? Bao lâu bạn duy trì hình ảnh công khai của mình với tư cách một người thờ phượng Đức Giê-hô-va, bạn có thể tránh được việc làm người thờ phượng Ba-anh bí mật. Nhưng đối với sự gợi ý này, Môi-se đưa ra lời “không” mạnh mẽ. Dù vợ của người nam dụ dỗ người ấy thờ hình tượng. Vua Sa-lô-môn chẳng hạn (IVua 11:1-13), người chồng không nên bao

che cho vợ nhưng phải đưa nàng đến những người có quyền và thậm chí dự phần trong việc xử tử nàng. Dân Do Thái phải yêu mến Chúa là Đức Chúa Trời họ thậm chí hơn cả họ yêu bạn hữu hay gia đình họ. Chúa Giê-xu đã đặt ra một điều kiện tương tự cho vai trò các môn đồ (Lu 14:25-27). Môi-se dạy rằng loại tử án này đã đặt sự kính sợ Chúa nơi những người còn lại trong dân và họ sẽ cân nhắc trước khi quay sang hình tượng (Phu 13:11 17:13 21:21). bài học cho Hội Thánh là “kẻ có lỗi, hãy quở trách họ trước mặt mọi người, để làm cho kẻ khác sợ” (ITi 5:20).

Suốt những năm chức vụ mục sư, tôi thỉnh thoảng gặp những người thi hành chức vụ đã vỡ lòng, họ không thể đối phó với tội lỗi trắng trợn trong Hội Thánh, vì kẻ vi phạm có người thân trong ban trị sự hay trong hội chúng. Đáng buồn thay khi lời chứng của một Hội Thánh bị hủy hoại hoàn toàn vì có những người đặt gia đình họ lên trên Đức Chúa Trời và lời Ngài. “Sự hòa bình với bất cứ giá nào” không phải là phương cách hợp Kinh Thánh để giải quyết vấn đề vì “sự khôn ngoan từ trên mà xuống thì trước hết là thanh sạch, sau lại hòa thuận” (Gia 3:17). Sự hiệp nhất được đặt nền tảng trên sự giả hình sẽ không bao giờ bền lâu. Mặt khác tôi đã thấy những người tin kính đứng cùng hội chúng trong việc kỷ luật người thân mình là những người đem đến sự xấu hổ cho danh Đấng Christ và Hội Thánh.

Sự căm dỗ từ đám đông (Phu 13:12-18). “Người chó theo đám đông để làm ác” (Xu 23:2 NKJV). Nếu một người phạm sự gian ác, thì việc hàng trăm người tán thành điều đó không thay đổi tính chất của nó. Chính Đức Chúa Trời là Đấng định nghĩa tội lỗi là gì và chúng ta phải đối phó với nó ra sao. Đức Chúa Trời cai trị dân Ngài bằng sắc lệnh, không phải bằng sự nhất trí. Làm sao cả một thành trong Y-so-ra-ên lại có thể xây lưng với Chúa và bắt đầu thờ các tà thần? Bằng cách không đối phó với những người đầu tiên trong thành đã quay sang tà thần. Các quan trưởng không vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời và không thanh trừng điều ác khỏi thành, nên tội lỗi dễ dàng lan từ người này sang người khác và cuối cùng tiêm nhiễm mọi người. Khi bạn nhớ rằng xứ thuộc về Chúa (Le 25:23), rằng Ngài nhân từ cho dân Do Thái sống ở đó, và chỉ một mình Ngài có quyền đặt ra các luật lệ, bạn có thể thấy rằng một thành thờ hình tượng là đã phạm trọng tội.

Quan trọng là vấn đề phải được thẩm tra triệt để và chính xác. “Ai trả lời một vấn đề trước khi nghe, thật điên dại và xấu hổ cho người đó” (Ch 1:13 NKJV). Nếu lời tố cáo được nhận thấy là có thật, của cải và tài sản của bị cáo phải bị thiêu trong thành như một của lễ thiêu cho Chúa. Ai cáo phải bị giết và thành đó phải bị huỷ diệt mà không còn gì được để lại. Nó phải bị trở thành một “đống” dịch ra từ Hê-bơ-rơ “tel”) là một đống đổ nát. Đống đổ nát sẽ là một chứng cứ thường trực để cảnh cáo dân Do Thái đừng thờ hình tượng.

Nhưng dân tộc Y-so-ra-ên có thể đủ khả năng để mất một thành và toàn bộ cư dân của nó sao? Vâng, vì Đức Chúa Trời sẽ làm đầy dẫy dân sự Ngài và ban phước cho họ về sự vâng lời Ngài và tôn trọng danh Ngài. Tại sao không xây lại thành và khởi đầu lại tất cả? Vì Đức Chúa Trời phán nó phải cứ là một đống đổ nát mãi mãi và không bao giờ được xây dựng lại. Sự tính toán của con người sẽ nói rằng đây là một thiệt hại lớn, nhưng sự

khôn ngoan thiêng liêng nói đó là một lợi lớn vì một vết thương mủ đã được cất bỏ khỏi dân tộc.

Tiếc thay, Y-sơ-ra-ên đã không vâng theo những luật này và sự thờ hình tượng nhân lên trong dân tộc suốt triều đại Sa-lô-môn và sau khi vương quốc bị chia cắt. Khi Giê-rô-bô-am trở thành vua của vương quốc phía Bắc Y-sơ-ra-ên ông làm cho sự hình tượng trở nên chính thức bằng cách lập hai con bò con vàng để dâng sự thờ lạy, một con ở Đan và một con ở Bê-tên. Bằng cách này, ông khích động dân sự đến Giê-ru-sa-lem để thờ phượng (IVua 12:25). Vì sự thờ hình tượng của mình, Y-sơ-ra-ên đã sa vào A-sy-ri năm 722 TC và Giu-đa sa vào Ba-by-lôn năm 606-586 TC. Đức Chúa Trời muốn dân này bị tản lạc và nơi thánh bị hủy phá hơn là dân Ngài thờ tà thần. Dân sự quên rằng chính Chúa Giê-hô-va đã giải cứu họ khỏi Ai Cập và ban xứ cho họ (Phu 13:5,10).

6. Tôn trọng Lời Đức Chúa Trời (Phu 12:17-19) (Phu 18:9-22)

Nếu dân Chúa không biết Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống và không có Lời Ngài dẫn dắt, họ phải tìm ra những điều thay thế để giúp họ thực hiện những quyết định và đối diện với những đòi hỏi của đời sống. Thay vì thờ phượng Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, dân sự ở Ca-na-an đã thờ lạy các hình tượng chết (Thi 115:1-18), và họ thay thế lời Đức Chúa Trời bằng những tập tục mê tín liên kết họ với Sa-tan và những thế lực ma quỷ của nó. Dù những chuyên gia về “các tôn giáo tương đối” có thể nói gì, tôn giáo thờ hình tượng của dân ngoại là sự thờ lạy Sa-tan (ICo 10:14-22 Kh 9:20). Sự bùng nổ về những điều huyền bí mà chúng ta đã nhìn thấy trong những năm gần đây là chứng cứ con người đang tìm kiếm sự giúp đỡ thuộc linh họ cần theo hướng sai lầm. Hãy tham quan bất cứ tiệm sách lớn nào của thế gian thì bạn sẽ tìm thấy những kệ sách nói về Sa-tan, ma quỷ, ma thuật và những chủ đề tương tự. Những người không yêu thích lẽ thật phải đi đến chỗ tin những điều giả dối (II Te 2:7-12) và chỉ có Chúa Giê-xu mới có thể cứu họ khỏi ách nô lệ mà những tập tục huyền bí này đem đến đời sống họ.

Những sự góm ghiếc của Sa-tan (Phu 18:9-13). Đức Chúa Trời cấm dân sự Ngài có bất cứ điều gì liên hệ với những tập tục huyền bí. Môi-se đã đề cập một số “những sự góm ghiếc” này (c.9,12 “những tập tục đáng ghê tởm” NIV và cảnh cáo Y-sơ-ra-ên đừng xen vào chúng (Xu 22:18 Le 17:7 19:26,31 20:6,27). Vì vậy đây không phải là một chủ đề hoàn toàn mới mẻ nhưng ở đây ông đi vào chi tiết lớn hơn. Tiên tri Ba-la-am khám phá rằng không phù phép nào có thể làm hại Y-sơ-ra-ên (Đan 23:23), nhưng chỉ người Do Thái có thể gài bẫy chính họ nếu họ nghiên cứu những tập tục nguy hiểm này và vướng vào đó. Một lý do Đức Chúa Trời ra lệnh cho Y-sơ-ra-ên phải tiêu diệt các dân ở Ca-na-an đó là vì những tập tục huyền bí của họ (Phu 18:14) và tại sao người chiến thắng phải đi theo tôn giáo đem đến sự xét đoán cho kẻ chiến bại?

Để không kết luận rằng những lời cảnh cáo này về những sự huyền bí không áp dụng cho Cơ Đốc nhân trong “thời đại sáng tỏ” này, chúng ta cần được nhắc nhở rằng sự thờ hình tượng và ma thuật được kể vào những tội lỗi của xác thịt trong Ga 5:19-21 và sách Khải Huyền dạy rằng những tập tục huyền bí sẽ rất lan rộng trong thời kỳ sau rốt (Phu

9:20-21 18:2). Thật ra, những ai tham dự vào những việc như thế đều thuộc trong số những kẻ bị định cho hồ lửa (21:8 22:14-15).

Trong Phu 18:10-11 Môi-se liệt kê những tập tục bị Đức Chúa Trời cấm, bắt đầu bằng việc giết con cái, một chủ đề chúng ta đã bàn luận (12:31). Nếu bạn muốn thờ phượng Sa-tan, bạn phải trả giá nó đòi hỏi. Nó sẽ cho bạn điều bạn muốn nếu bạn cho nó điều nó muốn. Nó đã đề nghị cho Chúa Giê-xu những vương quốc của thế gian để bù cho một hành động thờ lạy (Mat 4:8-10), và nó chế nhạo Gióp và tuyên bố rằng ông thờ phượng Đức Chúa Trời chỉ vì Chúa đã thưởng cho ông (Giop 1:1-2:13). Có lẽ những bài thơ, tiểu thuyết và vở kịch trong văn học xưa và nay nói về những người bán mình cho Sa-tan, nhận phần thưởng của họ, và sau đó hối hận họ đã bước vào trong sự mặc cả. Có lẽ vở nổi tiếng nhất là Geothe's Tragedy (Bi kịch của Goethe) của tiến sĩ Faustus).

Tập tục bị cấm thứ hai là sự bói toán, nghĩa là tìm cách đạt được sự hiểu biết huyền bí, đặc biệt về những sự kiện tương lai. Sự bói toán được thực hành phổ biến trong thế giới cổ đại ở những phương diện khác nhau, kể cả việc giải nghĩa các điềm, dò sao, kiểm tra các cơ quan của thú vật, dùng roi thần thánh, giải nghĩa chiêm bao quan sát chuyển động của nước và liên lạc với người chết (ISa 28:1-25). Ở phương diện nào đó, việc tế con cái cũng có liên quan đến sự bói toán. Đồng bóng, thầy pháp và các nhà theo thuyết duy linh thăm vấn người chết với hy vọng biết những điều cấm kỵ về tương lai.

Thầy bói muốn biết tương lai, nhưng thầy phù thủy muốn điều khiển con người và tương lai bằng cách sử dụng nhiều hình thức ma thuật, phù phép và bùa chú. Bằng cách liên kết với ma quỷ và phù chú, thuật sĩ và phù thủy tìm cách tác động đến con người và sự kiện để đạt những mục đích riêng ích kỷ của họ. Con người trong thế giới khoa học ngày nay có thể chế điều những điều này, nhưng bất cứ người rao giảng Tin Lành nào cũng có thể cho bạn biết về ảnh hưởng của ma quỷ đã cầm giữ nhiều dân tộc lạc hậu trong ách nô lệ và sự sợ hãi. Chắc chắn những thế lực ma quỷ đang hành động ở thế giới phương Tây “tân tiến” ngày nay, nhưng chúng hoạt động với sự tinh vi hơn và không phải lúc nào cũng dễ phát hiện. Những ai muốn phủ nhận ảnh hưởng của ma quỷ trong Hội Thánh ngày nay sẽ phải giải thích sự phổ biến của thuyết ma quỷ khi Đấng Christ ở trên đất này và sự chiến thắng của Ngài trên ma quỷ. Họ cũng phải xem xét kỹ sự ủy nhiệm của Chúa đối với các môn đồ ngài (Mac 3:14-25 Lu 9:1) và sự từng trải của họ khi giúp đỡ những người bị quỷ ám (10:17). Còn chức vụ của Phao-lô (Cong 19:11) và điều Phao-lô viết về ma quỷ cho các tín hữu các Hội Thánh thì sao? (ICo 10:20-21 Ro 8:37-39 Eph 6:10-18)? (7).

Nếu có bất cứ người Do Thái nào từng quan tâm đến việc chính bản thân, làm quen với những tập tục gian ác này, người ấy phải xem xét lời khuyên kết thúc của Môi-se “Người phải không chỗ trách trước mặt Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” (Phu 18:13 NIV) “Không chỗ trách” không phải ngụ ý sự hoàn hảo không tội lỗi nhưng là một tấm lòng tận hiến cho Chúa. Nó nói đến tính chính trực và một tấm lòng trọn vẹn, là điều Đa-vít muốn nói khi ông viết “Tôi sẽ lấy lòng trọn vẹn mà ăn ở trong nhà tôi” (Thi 101:2b).

Bài “Shema” của người Do Thái tuyên bố “Ngươi phải hết lòng, hết linh hồn và hết sức kính mến Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi” (Phu 6:5 NIV).

Sự mặc khải của Đức Chúa Trời chân thật (Phu 18:14-19). Dân Y-sơ-ra-ên không cần thử nghiệm những tôn giáo mới vì Chúa đã mặc khải chính Ngài và Lời Ngài cho họ qua tiên tri Ngài chọn là Môi-se. Một khi bạn có điều thật này, tại sao lại đi tìm kiếm những thứ thay thế? Lẽ ra Y-sơ-ra-ên có thể nói với các dân tộc ở Ca-na-an điều mà Chúa Giê-xu đã nói với người đàn bà Sa-ma-ri tại giếng Gia-cốp. “Các ngươi thờ lạy sự các ngươi không biết, chúng ta thờ lạy sự chúng ta biết, vì sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Gi 4:22). Trong lời tuyên bố này, Chúa Giê-xu bác bỏ mọi tôn giáo khác ngoại trừ đạo Giu-đa thời Cựu Ước và Cơ Đốc giáo thời Tân Ước, và Cơ Đốc giáo đến từ đạo Giu-đa và làm trọn đạo ấy.

Môi-se cho dân sự biết trước rằng Đức Chúa Trời sẽ dấy lên những tiên tri khác khi dân tộc cần họ, và dân sự phải chú ý sứ điệp của họ và vâng theo, vì sứ điệp của họ sẽ là lời Đức Chúa Trời. Môi-se nhắc dân sự rằng tại núi Si-nai họ đã yêu cầu ông cho họ biết sứ điệp của Đức Chúa Trời, vì họ sợ nghe tiếng Đức Chúa Trời (Xu 20:18-21), không phải tất cả các tiên tri đã viết ra những sứ điệp của họ để các thế hệ tương lai đọc và nghiên cứu, nhưng Môi-se đã làm vậy và Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên, Đa-ni-ên cùng 12 người mà chúng ta gọi là “những tiên tri nhỏ” cũng làm vậy. Những tiên tri này không những đã quở trách Y-sơ-ra-ên về tội lỗi và khích lệ họ trong cách sống thánh khiết nhưng họ còn chỉ ra sự đến của Đấng Mê-si, Đấng sẽ là Cứu Chúa của thế gian. Suốt thời gian đồng đi với hai môn đồ ở Em-ma-út, Chúa Giê-xu đã bắt đầu từ “Môi-se và mọi tiên tri” và “cắt nghĩa cho họ những lời chỉ về Ngài trong cả Kinh Thánh” (Lu 24:27).

Bao thế kỷ qua, các học giả Do Thái đã giải nghĩa Phu 18:15 đề cập đến một tiên tri đặc biệt sẽ xuất hiện trước khi Đấng Mê-si đến thiết lập Vương quốc Ngài. Từ Ma 4:5 dân Do Thái biết rằng Ê-li-sê trở lại vào cuối thời đại này, và họ tự hỏi liệu đó có phải là Giăng Báp-tít, người ăn mặc và thi hành chức vụ thật giống Ê-li (Lu 5:1-9 Mat 3:4). Giăng phủ nhận điều đó và cũng phủ nhận rằng ông là tiên tri mà Môi-se báo trước (Gi 1:19-21) theo một ý nghĩa nào đó, Giăng là một “Ê-li” dọn đường cho Đấng Christ (Mat 11:14 17:12 Lu 1:13-17), nhưng Giăng không nhận mình là sự ứng nghiệm của Mlachi 4:5) (Để có lời Môi-se viết về Đấng Christ, (Gi 1:19-28,45 5:46 6:14 7:40).

Môi-se không chỉ báo trước toàn bộ những tiên tri Chúa sẽ sai đến; ông cũng báo sự xuất hiện của Đấng tiên tri là Chúa Giê-xu Christ. Ít nhất đó là cách Phi-e-rơ giải thích điều ấy trong Cong 3:22-26. Chúa chúng ta có ba chức vụ, chức vụ của tiên tri, Thầy tế lễ và vua. Khi thi hành chức vụ trên đất, Ngài tuyên bố Lời Đức Chúa Trời với tư cách Đấng tiên tri, và bởi sự hà hơi của Thánh Linh Ngài khi cho Lời ấy được viết ra cho chúng ta học biết. Ngài cầu thay cho dân sự Ngài với tư cách thầy tế lễ thượng phẩm trên trời, và Ngài cũng ngự trên ngai và cai trị với tư cách Vua, thực hiện những mục đích của Ngài trên thế gian này (ICo 15:25 Eph 1:18-23). Một ngày nào đó Ngài sẽ tái lâm và cai trị trên đất, và tư cách Vua muôn vua (Kh 19:11).

Nhận biết tiên tri thật (Phu 18:20-22). Môi-se báo trước rằng sẽ có những tiên tri do Đức Chúa Trời sai đến Y-so-ra-ên để dạy họ điều họ cần biết, nhưng câu hỏi hợp lý con người muốn hỏi là “Làm sao chúng tôi có thể phân biệt một tiên tri thật với một tiên tri giả?” Môi-se đã cho họ biết rằng mọi điều một tiên tri nói và làm phải được kiểm chứng bởi Lời Đức Chúa Trời (13:1-5), và ông lập lại lời cảnh báo đó “Còn kẻ tiên tri có lòng kiêu ngạo, nhơn danh ta nói điều chi ta không biểu người nói, hay là nhơn danh các thần khác mà nói, thì kẻ tiên tri ấy phải chết” (18:20). Sự thử nghiệm này có căn cứ dù lời tiên đoán của vị tiên tri trở thành sự thật hoặc ông ta làm những dấu và phép lạ. Nhưng sự thử nghiệm cuối cùng là các tiên tri thật của Đức Chúa Trời luôn chính xác 100% (c.22) “Các tiên tri” ngày nay khoe mình nói chính xác 75%, hoặc có thể 80%, nhưng sự thú nhận đó chỉ khiến họ mang nhãn hiệu tiên tri giả. Tiên tri được Đức Chúa Trời sai phái không bao giờ nói sai điều gì người báo trước đều sẽ xảy ra.

Tín hữu ngày nay phải vận dụng sự sáng suốt thuộc linh vì “nhiều tiên tri giả đã hiện ra trong thiên hạ” (IGi 4:1-6). Giảng cho biết rõ rằng cuộc thử nghiệm đầu tiên về một người rao giảng Lời Chúa thật đó là sự xưng nhận rằng Chúa Giê-xu đã đến trong xác thịt và thật sự là tôi tớ Đức Chúa Trời, Thánh Linh ngự trong lòng bạn sẽ đáp ứng với lời được dạy dỗ (IGi 2:18-27). Sứ điệp sẽ đúng với Kinh Thánh và tôn cao Chúa Giê-xu (8).

Môi-se đang tập trung vào sự thờ phượng Chúa thật, một chủ đề rất quan trọng đối với Hội Thánh hôm nay. Tôi đã từng đi khắp thế giới và thấy rằng các bạn có những kiểu thờ phượng khác nhau ở những quốc gia khác nhau giữa các dân tộc khác nhau. Tôi và vợ tôi đã dự những lễ thờ phượng chính thức trong các nhà thờ lớn cũng như những buổi nhóm thân mật tại các gia đình hay thậm chí ngoài trời và lòng chúng tôi được phước hạnh. Điều quan trọng không phải là văn hóa hay ngoại cảnh nhưng là chúng ta thờ phượng Chúa “bằng tâm thần và lẽ thật” (Gi 4:24). Sự thờ phượng thật đến từ bên trong từ một tấm lòng đầu phục Chúa hoàn toàn, và sự thờ phượng thật được điều khiển bởi Thánh Linh và Lời Đức Chúa Trời (Eph 5:18-21 Co 3:16-20). Những cảm xúc chủ quan của chúng ta phải được kiểm soát bởi Kinh Thánh và được thúc đẩy bởi Thánh Linh. Sự thờ phượng giả tạo thật nguy hiểm vì có thể mở cửa cho những ảnh hưởng của ma quỷ. Satan là một kẻ giả mạo (II Co 11:13-15) biết cách dẫn những người thiếu sáng suốt đi xa Đấng Christ và lẽ thật. Họ nghĩ mình được đầy dẫy Thánh Linh khi họ thật sự bị các thần lừa dối.

“Hỡi các con cái bé mọn, hãy giữ mình về hình tượng” (IGi 5:22)

Phu 12:19-32; xem giải nghĩa Phu 12:17-19

Phu 13:1-18; xem giải nghĩa Phu 12:17-19

6. THỨC ĂN VÀ NHỮNG KỲ LỄ (Phu 14:1-16:17)

Sự thờ phượng không phải là một “thỏa thuận kinh doanh” với Đức Chúa Trời mà bởi đó chúng ta đồng ý ngợi khen Ngài nếu Ngài sẽ đồng ý chúc phước cho chúng ta (xem Giop 1:6-12). Mục đích chủ yếu của chúng ta trong việc thờ phượng Đức Chúa Trời là làm đẹp lòng và quy vinh danh Ngài, nhưng một trong những sản phẩm phụ về thuộc

linh của sự thờ phượng thật đó là chúng ta trở nên giống Đấng Christ hơn (II Co 3:18). Môi-se đã không biết rằng ông có một gương mặt chói sáng (Phu 34:29), và chúng ta không phải lúc nào cũng nhận biết sự biến đổi Chúa làm trong tấm lòng và đời sống chúng ta vì chúng ta trải qua thời gian với Ngài. Tuy nhiên, chúng vẫn hiện diện, mà người khác nhìn thấy và ngợi khen Đức Chúa Trời. Sự thờ phượng là sự ưu tiên cao nhất và đặc quyền lớn nhất của chúng ta.

Trong những chương này, Môi-se giải thích thêm sự thờ phượng của Y-so-ra-ên và tập trung vào loại dân mà họ và chúng ta phải trở thành với tư cách dân thuộc về Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống.

1. Một dân thánh (Phu 14:1-21)

Chúng ta đừng bao giờ xem nhẹ việc chúng ta là “con cái Giê-hô-va Đức Chúa Trời” và “một dân thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời” (c.1-2). Đây là những đặc quyền chúng ta không xứng đáng nhận và chúng ta không bao giờ có thể kiếm được, và chúng ta vui hưởng chúng chỉ bởi tình yêu và ân điển của Đức Chúa Trời. Chúa đã tuyên bố với Pha-ra-ôn, “Y-so-ra-ên là con ta, tức trưởng nam ta” (Xu 4:22 Gie 31:9), và vì Pha-ra-ôn không muốn nghe và vâng theo, Ai Cập đã mất mọi con đầu lòng của họ.

Tại núi Si-nai, trước khi ban luật pháp, Chúa đã tuyên bố với Y-so-ra-ên, “các ngươi sẽ thành một nước thầy tế lễ, cùng một dân tộc thánh cho ta” (Xu 19:6). Vì mối liên hệ duy nhất của họ đối với Chúa với tư cách tuyển dân và là châu báu đặc biệt của Ngài, dân Y-so-ra-ên có trách nhiệm vâng lời Ngài và thật sự làm một dân thánh. Mối liên hệ của họ với Chúa là yếu tố quan trọng nhất trong đời sống dân tộc họ, vì nếu không có Chúa, Y-so-ra-ên sẽ giống như tất cả các dân tộc khác. Là một dân thánh họ phải biết phân biệt những điều khác nhau.

Dân thánh và dân không thánh (Phu 14:1-2). Từ Hê-bơ-rơ được dịch là “thánh” có nghĩa “được biệt riêng và đánh dấu, khác biệt và hoàn toàn khác”. Từ tiếng Anh “thánh” xuất phát từ một từ tiếng Anh cổ có nghĩa “trọn vẹn, lành mạnh”. Sự lành mạnh và trọn vẹn đối với thân thể thế nào sự thánh khiết đối với con người bên trong thể ấy. Là một dân tộc thánh dân Do Thái được biệt riêng với tất cả các dân tộc khác vì sự hiện diện thánh khiết của Chúa ở cùng họ và họ đã nhận được thánh luật của Đức Chúa Trời (23:14 Ro 9:4). Vì là một dân thánh, họ không được bắt chước những tập tục gian ác của người lân cận, như việc rạch mình và cạo đầu để than khóc (IVua 18:28 Gie 16:6 41:5). Điều này nhắc chúng ta về Ro 12:2 “Đừng làm theo đời này, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình”.

Phân đoạn này mở đầu và kết thúc bằng lời nhắc nhở tương tự: “vì ngươi là một dân thánh cho Giê-hô-va Đức Chúa Trời ngươi” (Phu 14:2,21) trong sách Lê-vi ký. Chúa bảo dân sự “Hãy nên thánh, vì ta là thánh” (11:44-45 19:2 20:7,26 21:8), một lời khuyên được Phi-e-rơ trích dẫn trong thư tín đầu của ông để Hội Thánh hôm nay vâng theo (I Phi 1:15-16). Hội Thánh địa phương là một đền thờ thánh (ICo 3:17) và là một chức tế lễ thánh là Phi-e-rơ (2:5), do đó các tín hữu phải biệt mình khỏi sự ô uế của thế gian và tìm cách

hoàn thiện sự thánh khiết trong sự kính sợ Đức Chúa Trời (II Co 6:14-7:1). Thật nản lòng khi đọc những nghiên cứu thống kê và khám phá rằng, nói đến đạo đức, những người tự xưng là Cơ Đốc nhân không tin kính hoặc sống khác gì nhiều với những người không theo đạo. Nhưng dân sự Đức Chúa Trời phải “được biệt riêng, được đánh dấu và khác biệt” để chúng ta có thể “quảng cáo” như đức vinh hiển của Chúa (I Phi 2:9).

Vật thanh sạch và vật không thanh sạch (Phu 14:3-21). Dân Y-so-ra-ên phải bày tỏ sự khác biệt” thậm chí bằng những thứ họ ăn. Chúng ta đã hiểu rằng dân Do Thái không được phép ăn thịt còn huyết trong đó (12:16,23 15:23) và giờ đây Môi-se nhắc họ về những sinh vật họ được phép ăn (Le 11:1-23).

Sự phân biệt giữa những của lễ “thanh sạch và không thanh sạch” đã được biết trong thời Nô-ê (Sa 7:1-10) do đó phải được nói cho tổ phụ chúng ta khi Đức Chúa Trời dạy họ thờ phượng. Trong luật pháp Do Thái, những từ “thanh sạch” và “không thanh sạch” không có liên quan gì đến bản chất bên trong hay giá trị của những sinh vật. Đây là một ấn định do Chúa ban vì những lý do không phải luôn được giải thích. Một số nhà nghiên cứu tin rằng dân Do Thái được sức khoẻ tốt luôn vì họ đã tránh ăn những thức ăn nào đó (1), nhưng Chúa Giê-xu và cả các sứ đồ đã tuyên bố mọi thức ăn đều sạch (Mac 7:14-23 Cong 10:9-25 Ro 14:1-15:13), những thức ăn được gọi là “lành mạnh” cũng như “không lành mạnh”. Kiêng ăn là một kỷ luật thuộc linh được chấp nhận, khi được kết hợp với sự cầu nguyện, nhưng “ấy chẳng phải là đồ ăn làm cho chúng ta được đẹp lòng Đức Chúa Trời, nếu chúng ta ăn, chẳng được ích gì, bằng không ăn, cũng chẳng tổn gì” (ICo 88). Tín hữu nào nghĩ mình tốt lành hơn người khác vì những thứ họ ăn hoặc không ăn, cần phải suy gẫm Co 2:16-23.

Có lẽ Đức Chúa Trời tuyên bố một số sinh vật là “không thanh sạch” như một cách dạy dỗ dân sự Ngài thực hành sự nhận biết và cư xử như một dân thánh trong những hoạt động thường nhật của đời sống, chẳng hạn như việc ăn. Nguyên tắc tương tự áp dụng cho tín hữu hôm nay. “Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự chi khác, hãy vì sự vinh hiển Đức Chúa Trời mà làm” (ICo 10:31). Khi chúng ta tạ ơn và cầu xin sự chúc phước của Đức Chúa Trời trước khi dùng bữa, chúng ta không chỉ nhận biết sự thành tín và nhân từ của Ngài trong việc chu cấp thức ăn hằng ngày, chúng ta cũng đang cho Ngài biết rằng chúng ta muốn tôn trọng Ngài trong những thứ chúng ta ăn và cách chúng ta ăn. người Do Thái nào muốn làm vinh hiển Đức Chúa Trời sẽ từ chối ăn bất cứ vật gì Chúa đã cấm.

Yếu tố nữa trong những luật lệ ăn kiêng có thể đó là những sinh vật bị cấm về phương diện nào đó có liên quan với sự thờ phượng ngoại giao mà Y-so-ra-ên phải tránh. Lời khuyên về việc nấu thịt dê con trong sữa mẹ nó (Phu 14:21 Xu 23:19 34:26) có thể rơi vào phạm trù đó. Một số học giả nghĩ đây là “lễ nghi về sự màu mỡ” của ngoại giáo và sữa được tưới trên đồng ruộng để kích thích những vụ mùa dư dật nhưng chúng ta không có bằng chứng khảo cổ nào để truy lại sự giải thích này. Chúng ta thật biết rằng luật lệ kỳ lạ này giải thích lý do dân Do Thái chính thống không dùng sữa và thịt chung tại một bữa ăn.

Sự thật này bao gồm thú vật trên đất (Phu 14:4-8), sinh vật dưới nước (c.9-10), chim (c.11-18) và côn trùng bay (c.19-20). Sinh vật dưới nước và loài chim là những con vật bị cấm, có lẽ vì ai ăn chúng có thể nhiễm ký sinh trùng và mắc bệnh. Chúng ta hãy nhớ rằng đồ ăn của Giăng Báp-tít là châu chấu và mật ong rừng (Le 11:20-23 Mat 3:4). Cuối cùng chúng ta phải thừa nhận rằng chúng ta không biết một số sinh vật này là gì và không hề nhận biết chúng với những sinh vật chúng ta biết hôm nay. Chẳng hạn, con thỏ rừng (Phu 14:7) chắc chắn không phải giống như “con thỏ” của chúng ta dù Kinh Thánh NIV dịch như vậy. Con thỏ không nhai thức ăn dù những chuyển động của hàm lỗ mũi nó có vẻ giống như đó là điều nó đang làm.

Lời khuyên sau cùng không ăn sinh vật chết (c21) có liên quan đến luật lệ quan trọng rằng dân Do Thái không được ăn huyết, và có thể có huyết trong xác chết thú vật. Lý do cuối cùng đó là dân Do Thái không được đụng đến xác chết vì điều này khiến họ bị ô uế (Le 11:24-25 22:8). Nếu một người Do Thái thấy một con vật chết, người ấy có thể cho một người ngoại trong xứ hay bán nó cho một người khác, vì không ai trong họ chịu thẩm quyền của luật pháp Do Thái. Có một số việc người thế gian có thể làm mà Cơ Đốc nhân không thể làm và thậm chí không nên muốn làm, vì Cơ Đốc nhân thuộc về Chúa và muốn vâng lời Ngài. Như câu Châm ngôn quen thuộc nói rằng “những người khác có thể bạn không thể”. Đức Chúa Trời có mọi quyền để bảo chúng ta những gì chúng ta có thể có quanh mình (Phu 12:1-3) và những gì chúng ta có thể đặt bên trong mình.

Một dân rời rộng (Phu 14:22-29). Khi nghiên cứu Phục Truyền luật lệ ký đoạn 12, chúng ta biết rằng Đức Chúa Trời ra lệnh dân Ngài dâng 1/10 huê lợi của họ (lúa, hoa quả, rau và thú vật, cho Ngài như một hành động thờ phượng và một sự bày tỏ lòng biết ơn về sự ban phước của Ngài. Hằng năm, mỗi gia đình phải đến nơi thánh mang theo phần mười của họ, dự tiệc ở đó và chia sẻ 1/10 với người Lê-vi, là những người sẽ chia sẻ phần mười đó với các thầy tế lễ (Dan 18:20-32). Môi-se lập lại điều răn này, vì nói đến việc dâng hiến cho Chúa, một số người cần được nhắc nhở nhiều hơn (II Co 3:10-11 9:1-5).

Dân Y-so-ra-ên phải rời rộng với những phần mười mình và của dâng vì Chúa đã rời rộng với họ. Mỗi lần họ đem phần mười và lễ vật đến nơi thánh và dự một bữa tiệc tạ ơn, điều đó sẽ dạy họ kính sợ Chúa (Phu 14:23), vì nếu Chúa không chúc phước cho họ, họ sẽ không có gì để ăn và không có gì để dâng. Như Đa-vít đã nói, mọi thứ chúng ta dâng cho Đức Chúa Trời trước tiên đến từ bàn tay Ngài và tất cả đều thuộc về Ngài (ISu 29:16). Khi chúng ta thôi kính sợ Đức Chúa Trời và không cảm kích sự chu cấp dư dật của Ngài, chúng ta trở nên kiêu ngạo bắt đầu xem nhẹ những ơn phước của Ngài. Vậy Chúa phải sửa phạt chúng ta để nhắc nhở chúng ta rằng Ngài là Đấng Ban Cho mọi của ban cho.

Mỗi năm thứ ba, dân sự phải dâng cho Chúa một phần mười thứ hai còn lại trong các thành của họ và được sử dụng để nuôi người Lê-vi cùng người nghèo trong xứ đặc biệt là góa phụ và cô nhi. Người Lê-vi hầu việc tại nơi thánh nhưng bị phân tán khắp Y-so-ra-ên. Nếu dân Y-so-ra-ên bày tỏ sự quan tâm đối với nhu cầu kẻ khác, Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho những người lao động và giúp họ có thể dâng hiến nhiều hơn (Phu 14:29). Chúa chúng ta đã hứa “Hãy cho, người sẽ cho mình, họ sẽ lấy đấu lớn, nhận, lắc cho đầy

trần, mà nộp trong lòng các người” (Lu 6:38) “Hễ ai gieo ít thì gặt ít, ai gieo nhiều thì gặt nhiều” (II Co 9:6).

Là Cơ Đốc nhân hưởng ơn phước của ân điển Đức Chúa Trời chúng ta phải hành động nhiều hơn dân Do Thái là dân sống trong sự sắp đặt của luật pháp Môi-se. Tân Ước không đòi hỏi chúng ta phải dâng hiến bao nhiêu, nhưng kêu gọi chúng ta đóng góp vào theo tỉ lệ với phước hạnh chúng ta nhận từ Chúa (ICo 16:1-2 II Co 8:1-9:15). Cơ Đốc nhân tính toán sẽ luôn là người mất mát, Cơ Đốc nhân rời rộng sẽ hưởng ơn phước của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, kỹ nghệ gia Cơ Đốc R.G.Le Tourneau thường cảnh cáo “nếu bạn dâng vì nó có lợi, nó sẽ không có lợi”. Động cơ của chúng ta phải làm là làm đẹp lòng Đức Chúa Trời và qui vinh hiển cho Ngài.

2. Một dân tin cậy (Phu 15:1-18)

Ai nghĩ rằng phải có đức tin lớn để dâng cho Đức Chúa Trời 1/10 huê lợi của mình, có lẽ sẽ bị sốc khi đọc đoạn luật pháp này giống như mọi ngày thứ 7 trong tuần được biệt riêng cho Đức Chúa Trời làm Ngày Sa-bát, mọi năm thứ 7 cũng được biệt riêng làm năm Sa-bát. Suốt năm đó, dân Do Thái không phải cày cấy đất nhưng cho đất nghỉ ngơi. Dân sự sẽ phải tin cậy Đức Chúa Trời sản sinh ra thóc lúa (rau quả mà họ cần cho chính họ và cho bầy chiên và bầy gia súc của họ (Le 25:1-7). Cứ năm thứ 50 là một “Năm Hân Hỉ” (c.8) khi đất hưu canh cho năm sau! Thật sự cần có đức tin của dân sự để tin cậy Đức Chúa Trời về những thứ họ cần cho hai năm dài!

Con nợ nghèo (Phu 15:1-4). Nhưng năm Sa-bát có liên quan nhiều hơn là sự nghỉ ngơi cho đất (Xu 23:10-11). Nó cũng có nghĩa là xóa nợ (Phu 15:1-11) và phóng thích tôi tớ đã phục vụ 6 năm (c.12-18). Các nhà nghiên cứu Kinh Thánh không nhất trí về việc liệu có phải toàn bộ món nợ được xóa hay chỉ phần lãi của món nợ cho năm đó (31:10) (2) “Người chớ đòi người Y-so-ra-ên đồng bạn người hay anh em người trả nợ” (15:2 NIV). Tuy nhiên, họ có thể thu lời từ người ngoại bang. Vì dân sự không được huê lợi nào của xứ họ, họ sẽ không thể trả nợ dễ dàng. Nhưng điều gì là một thử nghiệm về đức tin đối với một số người sẽ là một sự đáp lời cầu nguyện đối với người nghèo và người túng thiếu. Họ được phép tự do ăn từ những đồng ruộng, vườn cây ăn quả và được bán một năm để dành dụm tiền trả nợ.

Sự mâu thuẫn dường như có giữa c.4 (“chẳng nên có kẻ nghèo ở giữa người” c.7 và 11 “kẻ nghèo sẽ chẳng bao giờ dứt khỏi xứ”) được giải quyết bằng cách chú ý đến văn cảnh. Suốt năm Sa-bát, người cho vay buộc phải xóa nợ (hay lãi nợ) của anh em Do Thái nghèo của họ, trừ khi không có người Do Thái nghèo nản nợ họ tiền; và sẽ không có người nào nghèo nếu dân sự vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời. Bất cứ người Do Thái nào vay nợ mà không nghèo khó đều phải trả nợ mình suốt năm thứ 7, và người cho vay có thể thu của những người ngoại bang trong xứ. Nếu một người Do Thái vay nợ có thể trả tiền mà không trả, người ấy sẽ là kẻ bóc lột người cho mình vay tiền và làm hỏng một trong những mục đích của năm Sa-bát.

Năm Sa-bát và Năm Hân Hỉ thuộc về kế hoạch khôn ngoan của Đức Chúa Trời để quân bình cán cân kinh tế trong quốc gia hầu cho kẻ giàu không thể bóc lột người nghèo hoặc người nghèo lợi dụng người giàu. Tuy nhiên, Chúa biết rằng sẽ luôn có người nghèo trong xứ (Mat 26:11 Mac 14:7 Gi 12:8) vì Y-so-ra-ên sẽ không kiên tâm vâng theo những luật lệ này. Dân tộc Y-so-ra-ên sẽ là dân tộc thịnh vượng nhất trên đất nếu họ làm theo những chỉ dẫn Đức Chúa Trời ban cho họ, nhưng họ khước từ ý muốn Ngài và chọn những phương pháp của các dân tộc quanh họ. Họ không giữ năm Sa-bát mỗi năm thứ 7 hoặc Năm Hân Hỉ mỗi năm thứ 50 (Le 26:32-45) và vì sự thất bại này họ đã trả một giá cao. Sự giam cầm của họ ở Ba-by-lôn suốt 50 năm đã cho xứ của họ sự nghỉ ngơi Sa-bát mà nó đã mất suốt những năm của sự bất toàn (II Su 36:14-21).

Năm Sa-bát là một thử nghiệm về đức tin, nhưng cũng là một thử nghiệm về tình yêu (Phu 15:7-11). Giả sử, một người Do Thái nghèo cần một số tiền vay và năm Sa-bát đã qua chỉ hai năm. Người vay nợ lúc đó sẽ được một năm thêm để trả lại số nợ và người cho vay sẽ mất khoản lãi cho một năm. Nếu người cho vay nhìn khoản nợ một cách khắt khe như một khoản kinh doanh, người ấy sẽ phá hỏng nó, nhưng đó chính là thái độ Chúa muốn sửa đổi. Đó không phải là một khoản kinh doanh. Đó là một sự giúp đỡ đối với một người anh em. Nếu người Y-so-ra-ên giàu có hơn đóng chặt cửa lòng đối với người túng thiếu, người ấy sẽ làm tổn thương anh em mình và làm buồn lòng Chúa là Đấng đã ban cho người mọi của cải người có. Do đó, người ấy phải mở tấm lòng (bàn tay mình để giúp anh em mình, và Chúa sẽ bảo đảm rằng người ấy được đền bù cho sự rời rạc của mình. (Ch 14:21,31 19:17 21:13 28:17 Eph 4:28 ITi 6:17-19 IGi 3:14-18).

Tôi tớ có giao kèo (Phu 18:12-15,18). Những con nợ Do Thái không thể trả nợ của mình có thể trở nên tôi tớ có giao kèo trong gia đình của người mình mắc nợ và làm việc như vậy để trừ nợ. Dân Do Thái không được phép bắt đồng bào Do Thái làm nô lệ, dù họ có thể có những tôi tớ từ các dân tộc khác (Le 25:39-43). Tôi tớ nam phải được phóng thích sau 6 năm hầu việc, dù năm thứ 7 là năm Sa-bát hoặc không phải. Luật này cho rằng 6 năm hầu việc người nam mà không có tiền công, đã trả đầy đủ nợ. Nhưng một lần nữa, Chúa đòi hỏi sự rời rạc, vì người chủ phải cho đầy tớ mình ra đi mang theo quà tặng giúp họ khởi đầu lại cuộc sống, kể cả gia súc, thóc lúa và rượu. Xét cho cùng, khi dân Do Thái rời Ai Cập, họ đã nhận những món quà đất giá bù lại những năm nô lệ của họ (Xu 11:2 12:35-36), vậy tại sao một anh em người Do Thái không được thưởng cho 6 năm lao động trung thành đối với một người Do Thái đồng hương?

Tôi tớ tự nguyện (Phu 15:16-18 Xu 21:1-6). Suốt 6 năm hầu việc đó, người mắc nợ có thể trở nên yêu mến gia đình chủ và muốn ở lại với họ. Hoặc người ấy có thể lập gia đình suốt thời gian đó, có một gia đình, và muốn ở lại với họ. Nếu đó là sự lựa chọn của người mắc nợ, người ấy sẽ được đem đến những quan xét nơi mà quyết định của anh ta sẽ chính thức được công nhận. Khi ấy chủ anh ta sẽ xỏ lỗ tai anh ta để đánh dấu anh ta như một tôi tớ tự nguyện suốt đời. Một đầy tớ gái có thể thực hiện sự chọn lựa tương tự, nhưng hãy xem Xu 21:7-11 có những thông tin đặc biệt.

Chắc chắn có một sứ điệp thuộc linh ở đây cho dân sự Đức Chúa Trời hôm nay. Chúng ta phải yêu mến Chúa chúng ta nhiều đến mức chúng ta muốn hầu việc Ngài cách tự nguyện và vui mừng trọn đời sống chúng ta. Chúng ta đừng bao giờ xem thường sự hầu việc của mình như “sự nô lệ” nhưng như đặc quyền. “Tôi yêu mến chủ tôi và không muốn ra đi tự do” là một lời xưng nhận tuyệt vời của đức tin và tình yêu (Xu 21:5). Cứ cho là vậy, tình yêu của người đầy tớ đối với vợ và con cái của anh ta hiện ra trong bức tranh này, nhưng ngay cả những phước hạnh đó cũng đã đến vì sự nhân từ của chủ anh ta, và người chủ sẽ chăm sóc họ cũng như đầy tớ của người. Điều mà tất cả chúng ta cần là cái tai mở để nghe ý muốn Đức Chúa Trời (Thi 40:6-8 Es 50:4-5) và một cái tai được xỏ để tuyên bố rằng chúng ta yêu Ngài và sẵn sàng vâng theo mọi mệnh lệnh của Ngài.

Sự nhấn mạnh trong phân đoạn này là về đức tin sinh ra sự rời rạc. Nếu chúng ta “cứng lòng hoặc chặt tay” (Phu 15:7 NIV) đó là bằng chứng chúng ta không thật sự tin rằng Đức Chúa Trời giữ những lời hứa của Ngài và chu cấp cho những ai ban cho người túng thiếu. Chúa Giê-xu đã trở nên nghèo khó để Ngài có thể khiến chúng ta giàu có (II Co 8:9) và Ngài ban phước cho chúng ta có thể làm một phước hạnh cho người khác.

3. Một dân giữ lễ (Phu 15:1-18) (Phu 15:19-16:8 Le 29:1-44)

Chúa đã ban cho Y-so-ra-ên một lịch để giúp dân Ngài nhớ họ là ai và để khích lệ họ xem lại tất cả những điều Ngài đã làm cho họ. Qua việc sống theo lịch sử của những sự kiện đặc biệt này từ năm này sang năm khác, dân Y-so-ra-ên sẽ tìm thấy nguyên nhân cho sự giữ lễ tuyệt đối này. Nhưng lịch này cũng thuộc về tín hữu ngày nay, vì nó minh họa điều Đấng Christ đã làm cho Hội Thánh Ngài và điều Ngài sẽ làm khi Ngài trở lại. Khi dân Do Thái sống theo lịch này từ năm này sang năm khác, họ có mọi lý do cho sự giúp lễ tuyệt đối vì có sự thương xót của Chúa đối với tổ phụ họ và đối với họ. Khi chúng ta nghiên cứu luật này, chúng ta sẽ tạ ơn và vui mừng rằng chúng ta có một sự cứu rỗi quá to lớn và một Cứu Chúa vĩ đại như thế.

Vào ngày thứ 7 trong tuần, dân Do Thái giữ lễ Sa-bát, Đức Chúa Trời đã ban cho họ lễ Sa-bát như một dấu hiệu họ là dân giao ước đặc biệt của Ngài và thuộc về Đấng Sáng tạo vũ trụ (Xu 31:12-17) không có ghi chép nào trong Kinh Thánh rằng Đức Chúa Trời từng ban lễ Sa-bát cho bất cứ dân nào khác và bảo họ phải tuân theo (Co 2:16-17). Mỗi năm thứ 7 là một năm Sa-bát (Phu 15:1-11) và mỗi năm thứ 50 là Năm Hân Hỉ (Le 25:8-55).

Năm dân sự Do Thái bắt đầu với “Rosh Hashanah”, lễ kèn vào ngày 1 tháng 7 (tháng 9, tháng 10 của chúng ta), nhưng lịch tôn giáo bắt đầu với lễ Vượt qua vào ngày 14 tháng giêng (tháng 3,4 của chúng ta) (Xu 12:1-2). Tuần lễ tiếp theo được gọi là “lễ Bánh không men”. Vào ngày tiếp theo ngày Sa-bát sau lễ Vượt Qua, sẽ là một Chủ nhật, thầy tế lễ sẽ đưa qua lại trước mặt Chúa những bó lúa đầu tiên của mùa gặt, và điều này được biết là Lễ quả đầu mùa. 50 ngày sau đó, họ giữ lễ Ngũ Tuần và từ ngày 15 đến ngày 21 tháng 7 (tháng 9,10 của chúng ta) họ giữ lễ Các tuần, cũng gọi là lễ Lều Tạm.

Môi-se chỉ nhấn mạnh ba trong 7 kỳ lễ đặc biệt này, vì đó là những kỳ lễ mà mọi người nam Do Thái sẽ phải giữ lễ ở nơi thánh trung tâm hằng năm (Phu 16:16-17 Xu 23:14-17 34:22-24). Nó được chọn đó sẽ là đền tạm hoặc đền thờ ở Giê-ru-sa-lem.

Lễ Vượt Qua và Bánh không men (Phu 15:19-16:8 Xu 12:1-13:22). Môi-se bàn luận ba chủ đề có liên quan với lễ Vượt Qua: thánh hóa thú vật đầu lòng (Phu 15:19-23), dâng chiên con lễ Vượt Qua (16:1-3,5-7) và giữ lễ Bánh không men (c.4-8). Tại lễ Vượt Qua đầu tiên ở Ai Cập, Đức Chúa Trời đã giết mọi con đầu lòng trong xứ, con người lẫn thú vật, trừ những người Do Thái ở trong nhà và được bảo vệ bởi huyết ngoài cột cửa (Xu 12:12-13). Từ đó trở nên, Đức Chúa Trời tuyên bố cho chính Ngài tất cả trưởng nam và thú vật đầu lòng ở Y-sơ-ra-ên, và họ đều phải được cứu chuộc bằng một của lễ (13:1-3,11-13 Le 12:1-8 Dan 18:14-19 Lu 2:21-24). Nếu con vật không được chuộc, nó phải bị giết. Mỗi khi một người cha Do Thái phải chuộc một con vật đầu lòng, điều này cho người ấy một cơ hội giải thích lễ Vượt Qua cho con cái mình.

Lễ Vượt Qua là “Ngày Quốc Khánh” đối với dân tộc Y-sơ-ra-ên, vì vào đêm đó, Chúa không những đã ban cho họ sự tự do thoát khỏi ách nô lệ mà còn bày tỏ đại quyền Ngài trên các thần và các đội quân Ai Cập, Y-sơ-ra-ên đã kỷ niệm lễ Vượt Qua một năm sau đó tại núi Si-nai (Dan 9:1-14), nhưng sau cuộc nổi loạn của họ tại Ka-đê Ba-nê-a (Dan 13:1-14:45), dân tộc đã không giữ lễ Vượt Qua nữa cho đến khi thế hệ mới bước vào Đất Hứa (Gios 5:10-11). Một khi đã định cư trong xứ, những người nam phải tuân theo mệnh lệnh đi đến nơi thánh để dự lễ Vượt Qua. Các cha mẹ được chỉ dẫn phải dùng dịp lễ Vượt Qua để dạy con cái họ về sự giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi Ai Cập (Xu 12:25-28).

Sự giải thích và ứng dụng ở Tân Ước về lễ Vượt Qua đồng nhất hóa chiên con với Chúa Giê-xu Christ, Chiên Con Đức Chúa Trời Đấng đã phó sự sống Ngài vì tội lỗi của thế gian (Gi 1:29 ICo 5:7 IPhi 1:19 Kh 5:12). Bên ngoài thành Giê-ru-sa-lem Chúa Giê-xu đã chết trên thập tự giá vào thời điểm các chiên con của lễ Vượt Qua đang bị các thầy tế lễ giết ở đền thờ Do Thái. Huyết đổ ra bởi các chiên con ở Ai Cập đã giải cứu một dân tộc vào đêm lễ Vượt Qua đầu tiên đó, nhưng huyết của một Chiên Con, bị giết trên thập tự giá, sẽ giải cứu khỏi sự xét đoán bất cứ tội nhân hư mất nào tin nhận Chúa Giê-xu Christ. Huyết của nhiều con sinh tế Do Thái có thể che đậy tội lỗi nhưng không bao giờ cất nó đi, giải thích lý do vì sao những sinh tế này được lập lại, nhưng huyết của Đấng Christ đã giải quyết vấn đề về sự cứu rỗi một lần đủ cả (He 10:1-18), không phải sự sống của chiên con đã cứu Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ nhưng là sự chết của chiên con và sự bôi huyết bởi đức tin. Đấng Christ là tấm gương trọn vẹn của chúng ta trong mọi việc (IPhi 2:21-25 IGi 2:6), nhưng việc cố gắng noi gương Ngài không thể cứu chúng ta, vì Ngài không phạm tội. Trước hết, chúng ta cần Chúa Giê-xu với tư cách Cứu Chúa của chúng ta và sau đó chúng ta có thể noi gương Ngài.

Lễ Bánh không men đến sau lễ Vượt Qua và kéo dài một tuần (Phu 16:3-4,8). Suốt những ngày đó, không thứ men nào được phép hiện diện trong bất cứ gia đình Do Thái nào. Ở lễ Vượt Qua đầu tiên, dân Do Thái không có thời gian cho bột nhồi bánh nổi lên, do đó ăn bánh không men với chiên con quay và rau đắng (Xu 12:1-12 13:2-10). Nhưng có

nhiều điều liên quan ở đây hơn là sự rút ngắn về thời gian và sự sẵn sàng cho một cuộc ra đi nhanh chóng. Trong Kinh Thánh, men thường tượng trưng cho điều ác cách này hay cách khác, vì men là một chất dù nhỏ và dường như không quan trọng, nhưng nhanh chóng dậy lên và “nhiễm” cả đồng bột. Men đại diện cho tội lỗi thuộc về đời sống cũ (ICo 5:7), chẳng hạn như sự hiềm độc, gian ác (c.8) và sự giả hình (Lu 12:10), nó cũng đại diện sự vô tín (Mat 16:6), sự thỏa hiệp (Mac 8:15) và tà thuyết (Ga 5:9).

Dân sự Y-sơ-ra-ên được cứu khỏi Ai Cập không phải bằng cách thanh tẩy nhà họ và tống khứ men. Họ được cứu bởi quyền năng Đức Chúa Trời vì huyết đã được bôi trên cột cửa nhà họ. Tội nhân không phải được cứu bằng cách loại bỏ những thói quen xấu và “thanh tẩy” đời sống họ, nhưng bằng cách tin nơi Chúa Giê-xu Đấng đã chịu chết thay họ trên thập tự giá. Tuy nhiên, một trong những đặc điểm của một con cái thật của Đức Chúa Trời là một đời sống được thay đổi “Phàm người kêu cầu danh Đấng Christ phải tránh khỏi sự gian ác” (ITi 2:19 NKS). “Hãy làm cho mình sạch khỏi mọi sự dơ bẩn phần xác thịt và phần thần linh, lại lấy sự kính sợ Đức Chúa Trời mà làm cho trọn vẹn nên thánh của chúng ta” (ICo 7:1). Ai xưng mình thuộc về Đấng Christ mà không tìm cách thắng tội lỗi và trở nên giống Đấng Christ hơn trong hạnh kiểm hàng ngày là đang xưng nhận giả dối (IGi 3:1-10).

Trong ICo 5:8 Phao-lô ví sánh đời sống của Hội Thánh địa phương như việc “giữ lễ” Vượt Qua. Hội Thánh không “giữ lễ” theo nghĩa đen vì nó đã được trọn trong Đấng Christ là Chiên Con của lễ Vượt Qua đã bị giết vì chúng ta (c.7). Nhưng như dân Do Thái vào đêm lễ Vượt Qua ở Ai Cập, chúng ta là một dân hành hương, sẵn sàng để được gọi ra đi, và chúng ta không nên bị tội lỗi vấn vương. Dân Do Thái ăn tiệc lễ Vượt Qua với tư cách gia đình, và mỗi Hội Thánh địa phương là một gia đình của Đức Chúa Trời, dự tiệc Chúa Giê-xu qua Lời Chúa và chờ đợi Ngài gọi dân Ngài ra khỏi thế gian này. Giống như Y-sơ-ra-ên ngày xưa, chúng ta phải nhắc nhở mình rằng chúng ta từng là nô lệ của tội lỗi, trong xiềng xích của thế gian (Eph 2:1-3) và Đức Chúa Trời đã giải cứu chúng ta bằng cách sai Con Ngài làm của lễ chuộc tội cho chúng ta. Khi dự tiệc thánh, chúng ta nhờ sự chết của Ngài và trông đợi sự tái lâm của Ngài (3).

Lễ Ngũ Tuần (Phu 16:9-12 Le 23:15-22). Từ “Ngũ Tuần” nghĩa là “thứ 50” và truy nguyên từ bản dịch Cựu Ước tiếng Hy Lạp, bản 70 lễ này được kỷ niệm 50 ngày sau lễ Quả đầu mùa, nghĩa là nó cũng xảy ra vào ngày đầu tuần. Đối với dân Do Thái, đây là thời gian vui vẻ mừng mùa gặt lúa mì, nhưng đối với Cơ Đốc nhân, nó kỷ niệm sự ngự đến của Đức Thánh Linh và “ngày sinh của Hội Thánh” (Cong 2:1-47). Chúa Giê-xu đã hứa rằng Ngài và Cha sẽ ban Thánh Linh cho người tin nhận (Gi 14:16-17), nhưng Thánh Linh không thể đến cho tới lúc Đấng Christ chịu chết, được sống lại từ cõi chết và được vinh hiển trên trời (7:37-38).

Khởi đầu sự sáng tạo (Sa 1:1-2), Đức Thánh Linh được thấy hành động suốt Kinh Thánh Cựu Ước, thường ban quyền năng cho con người nam nữ để làm những công việc quyền năng để qui vinh hiển Đức Chúa Trời. Suốt những thời Cựu Ước, Thánh Linh là một vị khách tạm thời giáng trên con người, nhưng từ sự ngự đến của Ngài trong Cong 2:1-42),

Thánh Linh mãi mãi ngự trong bất cứ ai thuộc về Đấng Christ (Gi 14:16-17) Ngài ban những món quà thuộc linh cho Hội Thánh (ICo 12:1-31) và ban quyền năng cho dân sự Đức Chúa Trời để làm chứng về Chúa Giê-xu (Cong 1:8). Không có chức vụ và quyền năng của Đức Thánh Linh, tín hữu không thể sống cho Đức Chúa Trời hoặc hầu việc Ngài có hiệu quả.

Vào ngày lễ Quả đầu mùa, thầy tế lễ vẫy bó lúa, nhưng vào lễ Ngũ Tuần, ông dâng hai ổ bánh hấp có men (Le 23:17,20). Khi Thánh Linh ngự đến vào lễ Ngũ Tuần, Ngài làm báp-tem cho mọi người tin nơi Đấng Christ (Cong 1:4-5 ICo 12:13). Vì vậy chúng ta không còn là những ổ bánh lúa đơn lẻ nhưng là ngũ cốc được hoà vào bột tạo thành những ổ bánh. Bột được làm từ “những bó lúa đầu mùa” của mùa gặt lúa mì. Sự hiện diện của men trong các ổ bánh cho thấy Hội Thánh trên đất chỉ phải là một Hội Thánh tinh sạch và không bao giờ tinh sạch cho đến khi Đấng Christ đem Hội Thánh lên trời.

Lễ Ngũ Tuần báo hiệu mùa gặt (Le 23:22) và dân Do Thái được lệnh chia sẻ những gì họ có và vui mừng dự tiệc trước mặt (Phu 16:11). Khi Thánh Linh giáng trên các tín hữu vào lễ Ngũ Tuần, đó là khởi đầu của một mùa gặt lớn đối với Hội Thánh. Sứ điệp của Phi-e-rơ vào lễ Ngũ Tuần đã đem 3.000 người đến Đấng Christ (Cong 2:41), và chẳng bao lâu sau đó, chức vụ của ông đã thêm vào 2000 người nữa (4:4). Sách Công vụ là sự ghi chép về sự tăng trưởng của Hội Thánh. Khi Đức Thánh Linh ban quyền năng cho những chứng nhân để rao Phúc Âm trong cánh đồng mùa gặt bất cứ nơi đâu Chúa sai họ.

Tiến sĩ A.W.Tozer có lần đã nói: “Nếu Đức Chúa Trời phải cất Thánh Linh ra khỏi thế gian này, nhiều việc Hội Thánh đang làm sẽ tiêu tan ngay, và không ai sẽ biết sự khác biệt”. Thật là một bản cáo trạng mà các Hội Thánh của chúng ta lệ thuộc vào mọi sự ngoại trừ quyền năng của Đức Thánh Linh! Hội Thánh đầu tiên đã không có những thứ mà chúng ta cho là cần thiết ngân quỹ, những kiến trúc, học vị và thậm chí “những quan hệ” chính trị nhưng họ thật sự có quyền năng của Thánh Linh và nhìn thấy vô số người trở về với Đấng Christ.

Lễ Lều tạm (Phu 16:13-15). Giống như lễ Bánh không men, lễ Lều tạm cũng kéo dài 7 ngày. Nó xảy ra vào mùa thu (tháng 9 tháng 10 của chúng ta) và cũng được gọi là lễ Các tuần, lễ Trại và lễ Nhóm họp. Nó kỷ niệm sự hoàn tất mùa gặt mà bắt đầu bằng mùa gặt lúa mì tại lễ Ngũ Tuần, và giờ đây là mùa gặt hoa quả, nho và ô-liu. Sau mùa gặt, người nông dân sẽ cày ruộng và gieo hạt lúa, rồi những cơn mưa mùa đông sẽ bắt đầu. Suốt kỳ lễ này, dân Do Thái sống trong những lều làm bằng nhánh cây, một sự nhắc nhở về những năm tháng tổ phụ họ đã sống tạm bợ khi họ lang thang trong đồng vắng. Đó là một tuần dự lễ vui vẻ bắt đầu bằng một sự nhóm hiệp thánh và kết thúc bằng một cuộc triệu tập quan trọng (Le 23:33-44).

Chắc chắn Đức Chúa Trời muốn dân Ngài biết ơn và vui mừng về những sự ban cho tốt lành Ngài đổ xuống trên chúng ta. Sau khi Y-sơ-ra-ên vào Đất Hứa, Ngài muốn họ nhớ rằng đời sống không phải luôn dễ dàng, rằng tổ phụ họ đã sống trong các lều rạp. Sau khi họ tới Ai Cập. Tất cả chúng ta biết rằng không thế hệ sau nào muốn nghe “người già” nói về những khó khăn của “ngày xưa” nhưng Chúa đã viết kỷ niệm quá khứ của

Y-sơ-ra-ên trong lễ Vượt Qua và lễ Lều Tạm, hai kỳ lễ đầu và cuối cùng trong năm. Mặc dù Hội Thánh không nên sống trong quá khứ, nhưng Hội Thánh không nên quên quá khứ và điều Chúa đã làm cho dân sự Ngài qua các thời đại, chúng ta có khuynh hướng xem nhẹ những ơn phước của mình và quên sự thành tín của Chúa.

Hai trong số các Hội Thánh tôi làm mục sư đã giữ những lễ kỷ niệm quan trọng trong lúc tôi hầu việc họ, và suốt những năm đặc biệt đó, chúng tôi để thời gian trong các lễ thờ phượng để nhờ sự nhân từ của Chúa và cảm tạ Ngài vì mọi điều Ngài đã làm. Thật ích lợi cho những thành viên nhỏ tuổi biết về những của lễ dân sự đã làm trong quá khứ, và ích lợi cho những thành viên lớn tuổi hơn tiếp nhận một thử thách mới cho tương lai. Xét cho cùng, hội Thánh không phải là một bãi đậu xe, đó là một bộ phóng!

Là dân Đức Chúa Trời, chúng ta có nhiều lý do để kỷ niệm sự cao cả và nhân từ của Chúa. Chúng ta đã được cứu chuộc bởi huyết Đấng Christ (lễ Vượt Qua), chúng ta được Thánh Linh ngự cùng và ban quyền năng (lễ Ngũ Tuần), và chúng ta được Chúa giúp đỡ trong hành trình hành hương của chúng ta (lễ Lều Tạm). Thời gian chúng ta ở đây trên đất là ngắn ngủi và tạm bợ, nhưng ngày nào đó chúng ta sẽ bước vào thiên đàng nơi Chúa Giê-xu giờ đây dọn chỗ cho chúng ta.

“Hãy cùng tôi tôn trọng Đức Giê-hô-va, chúng ta hãy cùng nhau tôn cao danh Ngài” (Thi 34:3).

Phu 15:19-23; xem giải nghĩa Phu 15:1-18

Phu 16:1-17; xem giải nghĩa Phu 14:1-21

7. QUAN XÉT, VUA, THẦY TẾ LỄ VÀ THƯỜNG DÂN (Phu 16:18-18:8 26:1-19)

Khi Môi-se tiếp tục chuẩn bị cho thế hệ mới đời sống trong Đất Hứa, ông không chỉ dạy họ về lịch sử quá khứ và những bốn phạm của họ trong sự thờ phượng, ông còn giải thích cho họ loại chính thể Đức Chúa Trời muốn họ tổ chức. Khi tổ phụ họ ở Ai Cập, dân Do Thái có tổ chức nhỏ chỉ bao gồm các trưởng lão (Xu 3:18 4:29-31), và suốt hành trình trong đồng vắng, Môi-se có những cộng sự chi phái giúp ông trong việc giải quyết các vấn đề dân sự đem đến cho họ (Phi 18:13). Mỗi chi phái trong Y-sơ-ra-ên cũng có một quan trưởng (Dan 1:15-16 7:10-83), và có 70 trưởng lão giúp Môi-se trong việc giám sát thuộc linh của dân tộc (11:10).

Tổ chức cơ bản này thích hợp để cai trị một dân tộc đi vào Đất Hứa. Trên hết, Môi-se sẽ không còn ở cùng họ để cho họ những sứ điệp trực tiếp từ miệng Đức Chúa Trời. Hơn nữa, mỗi chi phái trong số 12 chi phái sẽ sống trong địa phận được ấn định riêng cho nó, và Ru-bên, Gát cùng Ma-na-se sẽ định vị ở bên kia sông Giô-đanh. Họ sẽ đối phó ra sao với sự đổi thay của chi phái? Ai sẽ bảo vệ dân sự và thi hành những luật lệ của Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời trong ân điển Ngài đã ban cho họ loại chính thể sẽ đáp ứng những nhu cầu của họ.

Cơ Đốc nhân rất thường đánh giá thấp tầm quan trọng của chính thể đối với sự hòa bình, an ninh và tiến bộ của xã hội không có chính thể loài người, thậm chí với tất cả những khiếm khuyết của nó, xã hội sẽ ở trong tình trạng trì trệ, và không quốc gia nào có thể cải tiến thích đáng hay tự bảo vệ mình. “Các quyền đều bởi Đức Chúa Trời chỉ định” (Ro 13:1) không có nghĩa là Đức Chúa Trời phải đổ lỗi cho sự bỏ nhiệm hay bầu cử mỗi cá nhân quan chức hay những quyết định họ thực hiện khi họ nắm quyền. Nó có nghĩa là quyền hạn đối với chính thể đến từ Đức Chúa Trời và những người phục vụ trong chính quyền đều là những người giúp việc của Chúa và chịu trách nhiệm với Ngài (c.4). “Nhưng mọi sự đều nên làm cho phải phép và theo thứ tự” (ICo 14:10) áp dụng không chỉ cho những lễ thờ phượng chung của Hội Thánh mà cũng cho công vụ của các viên chức chính quyền. Dân sự Đức Chúa Trời được bảo phải cầu nguyện cho những quan chức cầm quyền đó (ITi 2:1-6), nhưng chúng ta rất thường phạm tội chỉ trích họ thay vì cầu thay cho họ.

Môi-se chỉ ra những chức vụ và trách nhiệm cơ bản của chính thể mà Đức Chúa Trời muốn Y-so-ra-ên thiết lập trong xứ.

1. Những quan án giỏi (Phu 16:18-22) (Phu 16:18-17:13)

Sự lập lại của từ “cửa thành” (16:5,11,14,18 17:2,5,8) cho thấy rằng đơn vị cơ bản của chính thể trong Y-so-ra-ên là hội đồng địa phương. Nó bao gồm các quan án và quan chức, là những người quản lý công việc buôn bán tại cửa thành cùng với các trưởng lão (Ru 4:1-12). Các quan án và quan chức có lẽ được bổ nhiệm hoặc bầu cử do các công dân nam có đất trong thành, nhưng chúng ta không được cho biết chi tiết. Từ được dịch là “quan chức” có nghĩa “người viết, thư ký” và chỉ về những người giữ hồ sơ hành chính và gia phả, cố vấn cho các quan án và thực hiện những quyết định của họ. Đức Chúa Trời là Đấng làm luật tối cao trong xứ, vì Ngài đã ban luật pháp, các quan án địa phương tạo nên ngành lập pháp của chính thể, và các quan chức của họ tạo nên ngành hành pháp.

Tính cách tin kính (Phu 16:19-20). Điều quan trọng nhất về quan án và quan chức đó là họ phải làm những con người có tính cách, vì chỉ những người như vậy mới có thể thi hành ngay thẳng sự xét xử công bình (1). Quan án không được xuyên tạc luật pháp và “bóp mép công lý”, cũng không được “tôn trọng người ta” mà theo tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa đen là “nhìn mặt” Điều quan trọng là xác định bị cáo đã làm gì và không quan tâm bị cáo là ai. Chúa đã cảnh cáo các quan xét đừng thiên vị bạn hữu bằng cách tha tội, giám ác hay thay đổi việc tố tụng, cũng không được nhận hối lộ. “Công lý” thường được mô tả như một người đàn bà mang chiếc cân và đeo băng bịt mắt. “Lấy làm chẳng tốt mà nể vì kẻ ác, dặng lòng gạt người công bình trong việc xét đoán” (Ch 18:5).

Những quyết định của quan án ảnh hưởng không chỉ đến những cá nhân chịu xét xử mà còn đến cả quốc gia. Nếu quan án tha bổng kẻ phạm tội bằng cái giá của những kẻ vô tội, xứ sẽ bị ô uế và Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ cất dân tộc khỏi xứ. Tiếc thay, đó chính là điều đã xảy ra suốt những năm trước khi Y-so-ra-ên và Giu-đa sụp đổ. Tòa án trở nên thối nát và để cho kẻ giàu cướp bóc người nghèo và người túng bấn, và kẻ giàu

chẳng bao lâu đã làm chủ những tài sản lớn và điều khiển kinh tế (2). Vì các quan trưởng không vâng theo luật lệ về năm Sa-bát và năm Hân Hỉ, nên nền kinh tế mất cân đối và xứ bị tước đoạt khỏi những người chủ hợp pháp. Đức Chúa Trời không thể cho phép sự bất tuân trắng trợn như thế đối với luật pháp Ngài, nên Ngài đã nghiêm phạt dân Ngài bằng cách phó họ vào sự giam cầm.

Chức lãnh đạo trong Hội Thánh địa phương phải được giao cho người có năng lực (Cong 6:1-7 ITi 3:1-16 Tit 1:5-9). Tiến sĩ Lee Roberson nói: “Mọi sự đều dấy lên hay sụp đổ với chức lãnh đạo” và ông nói đúng. Bi thảm thay khi các Hội Thánh chọn những người thiếu năng lực và kinh nghiệm để “lấy đầy” chức vụ thay vì “sử dụng” những chức vụ đó để xây dựng Hội Thánh và quy vinh hiển cho Đức Chúa Trời (ITi 3:10). Trong chức lãnh đạo Hội Thánh địa phương, tính cách thuộc linh quan trọng hơn nhiều so với danh tiếng, cá tính, tài năng hay nghề nghiệp của một người.

Sự dâng hiến cho Đức Chúa Trời (Phu 16:21-17:7). Sự thờ hình tượng là kẻ thù lớn của đời sống thuộc linh trong dân Do Thái, và các quan xét phải cảnh giác đủ để đối phó với nó. “Rừng cây là khu vực được dâng cho việc thờ phượng vợ của Ba-anh, Át-tạt-tê, và giữa hình tượng của họ là những cột trụ gỗ tượng trưng cho tay chân người nào. Hãy chú ý rằng người thờ hình tượng tìm cách đặt trung tâm thờ lạy của họ gần với bàn thờ Đức Chúa Trời nếu có thể (16:21 NIV “gần bên bàn thờ”). Người thờ hình tượng muốn khuyến khích người ta thờ Giê-hô-va và cả Át-tạt-tê, và cuối cùng Át-tạt-tê sẽ thắng. Nếu các quan án tận tụy với Đức Chúa Trời, họ sẽ thận trọng kiểm tra những tập tục như thế, thu thập sự kiện, lên án kẻ phạm tội, và cất hình tượng khỏi xứ. Họ phải đặt Đức Giê-hô-va trên hết (3).

Không thể nhấn mạnh quá nhiều khi tôn giáo của các dân Ca-na-an thô tục không thể tả và trộn lẫn với sự mê tín mù quáng với sự đồi bại trắng trợn. Với bản chất con người, dân Do Thái sẽ bị lôi cuốn vào các thần họ có thể thấy và những nghi lễ mời gọi những thèm muốn xác thịt. Điều này giải thích lý do Đức Chúa Trời ra lệnh cho dân Do Thái tiêu diệt mọi tàn tích của tôn giáo Ca-na-an khỏi xứ (7:1-11), vì Ngài biết rằng lòng dân sự rất thường bị xui giục làm ác bất chấp những thánh luật và những lời cảnh cáo của Ngài.

Sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời (Phu 17:8-13). Nhiều lần, các quan án và tòa án địa phương phải xem xét những việc kiện rắc rối, phức tạp và khó xử đối với họ, những vụ kiện có liên quan đến sự đổ máu, sự tố cáo, kiện tụng, và nhiều dạng cưỡng hiếp. Để giúp các quan chức địa phương, Chúa sẽ thiết lập một “tòa án” trung tâm tại nơi thánh của Ngài là nơi các thầy tế lễ và người Lê-vi sẽ bày tỏ sự khôn ngoan của họ và giải thích luật pháp của Đức Chúa Trời. Trong Y-so-ra-ên, luật pháp Đức Chúa Trời là luật pháp quốc gia, và những người giỏi nhất để giải thích và ứng dụng luật pháp các thầy tế lễ và người Lê-vi.

“Tòa án nơi thánh” này không phải là một tòa phúc thẩm nơi một người bị kết án có thể yêu cầu một cuộc xét xử lần thứ hai, nó cũng không phải là một ủy ban cố vấn mà những quyết định có thể được chấp nhận hay từ chối. Đó là một tòa án xét xử những vụ

kiện một cách thận trọng và những quyết định có quyền lực và mang tính ràng buộc. Bất cứ ai coi thường quyền hạn của tòa án hay những quyết định họ đưa ra là thật sự coi thường Đức Chúa Trời và luật pháp Ngài. Những kẻ chống đối như thế đã phạm tử tội và chịu án tử hình. Đức Chúa Trời sẽ không có những công dân chống nghịch trong nước Ngài hay cho phép dân sự chống lại luật pháp Ngài một cách tự mãn, không có của lễ nào được quy định trong luật pháp cho người phạm những tội “kiêu căng” và cố ý (Dan 15:30-36).

Khi Woodrow Wilson là Tổng thống Hoa Kỳ, ông đã nói “Có khá nhiều vấn đề trước dân Mỹ hôm nay, và trước mắt tôi với tư cách Tổng thống, nhưng tôi mong tìm thấy giải pháp cho những vấn đề đó chỉ tương xứng với việc tôi trung tín trong sự học lời Đức Chúa Trời” (4). Chính trị gia Daniel Webster nói: “Nếu chúng ta tồn tại bởi những nguyên tắc được dạy trong Kinh Thánh, quốc gia chúng ta sẽ tiếp tục thịnh vượng và thịnh vượng, nhưng nếu chúng ta và hậu thế chúng ta thờ ơ với sự dạy dỗ và quyền hạn nó, không ai có thể biết một thảm họa có thể ập trên chúng ta và chôn vùi vinh quang của chúng ta trong sự tối tăm mờ mịt một cách bất ngờ ra sao”. (5) Sống như chúng ta đang sống trong một xã hội dân chủ theo thuyết đa nguyên, chúng ta không thể mong chờ chính phủ khiến Kinh Thánh trở nên sách hướng dẫn chính thức của họ, nhưng nó sẽ giúp cho quốc gia nếu những người tự xưng là Cơ Đốc nhân và các Hội Thánh Cơ Đốc tập trung vào việc rao giảng, dạy dỗ và vâng theo Lời Đức Chúa Trời.

Phu 17:1-13; xem giải nghĩa Phu 16:18-22

2. Những vua tin kính (Phu 17:14-20)

Các lãnh đạo được bầu cử, không phải những vua chúa cha truyền con nối, họ cai trị các quốc gia dân chủ ngày nay, nhưng trong các thời đại xưa, vua và hoàng đế thống trị “quốc gia và đế quốc bằng bạo quyền. Nhưng Y-so-ra-ên khác với các quốc gia khác, vì luật pháp của Chúa là “xi măng” liên kết 12 chi phái. Người Lê-vi, bị tán lạc khắp xứ, dạy cho dân sự luật pháp Đức Chúa Trời, còn các thầy tế lễ và quan xét bảo đảm cho luật pháp được thực thi cách công bằng. Dân Y-so-ra-ên phải đem phần 10 và của lễ của họ đến nơi thánh vì trung tâm, và mỗi năm 3 lần tất cả những người nam trưởng thành tập hợp ở đó để kỷ niệm sự nhân từ của Chúa. Đức Giê-hô-va là Vua trong Y-so-ra-ên (Xu 15:18 Cac 8:23) và Ngài “ngự giữa các chê-ru-bin” (Thi 80:1) trong nơi chí thánh.

Yêu cầu một vua (Phu 17:14). Nhưng Chúa biết rằng sẽ đến ngày mà Y-so-ra-ên yêu cầu một vua vì họ muốn giống các dân tộc khác (ISA 8:1-22). Suốt thời các quan xét, sự hiệp nhất của 12 chi phái về mặt chính trị và thuộc linh đã giảm sút khá nhiều (Cac 17:6 21:25) và Y-so-ra-ên ở trong hiểm họa thường trực về sự xâm lăng của kẻ thù họ (ISA 9:16 12:12). Thay vì tin cậy Đức Chúa Trời, dân sự muốn có một vua sẽ lập một quân đội và lãnh đạo dân tộc đi đến chiến thắng. Tiếc thay, chức lãnh đạo thuộc linh trong Y-so-ra-ên đã suy sụp và các con trai của Sa-mu-ên kêu cầu một vua là họ không giống với các quốc gia đặc biệt của Đức Chúa Trời (Xu 19:5-6). “Kìa là một dân ở riêng ra, sẽ không nhập số các nước” (Dan 23:9).

Bất chước thế gian thay vì tin cậy Chúa luôn là sự căm dỗ lớn đối với dân sự Đức Chúa Trời, và mỗi lần họ không chống lại nổi, họ bị khốn khổ. Suốt hành trình trong đồng vắng, Y-sơ-ra-ên so sánh mọi điều xảy ra với điều họ đã kinh nghiệm ở Ai Cập, và tại Ka-đe Ba-nê-a họ thậm chí muốn chọn một lãnh đạo và trở lại Ai Cập! (Phu 14:1-5). Nhưng Hội Thánh ngày nay cũng phạm tội vô tín, như vậy khi các lãnh đạo Hội Thánh tiếp nhận những phương pháp và khuôn thước của thế gian, thì Hội Thánh đã đi một bước lớn tiến đến việc trở nên giống với thế gian và đánh mất những đặc tính thiêng liêng của mình. Thay vì tin cậy Lời Đức Chúa Trời và cầu nguyện (Cong 6:4), chúng ta cậy vào việc làm theo sự khôn ngoan của thế gian, và nuôi dưỡng những ham muốn của thế gian, cho người ta điều họ muốn thay vì điều họ cần. Tín hữu hôm nay cần ghi vào lòng Lời Đức Chúa Trời nhắc nhở Y-sơ-ra-ên “Ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời của các ngươi, đã phân rẽ các ngươi cùng các dân” (Le 20:24).

Những phẩm cách của một vị vua (Phu 17:15-17). Vua không nên do dân sự chọn, người phải do Đức Chúa Trời chọn. Vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên là Sau-lơ (Isa 9:1-10:27), nhưng Đức Chúa Trời chưa bao giờ định dùng Sau-lơ để lập một triều vua trong Y-sơ-ra-ên. Sau-lơ xuất thân từ chi phái Bên-gia-min, nhưng Giu-đa là chi phái nhà vua (Sa 19:8-10) và Đấng Mê-si-a sẽ đến từ chi phái Giu-đa. Thực ra, Sau-lơ được ban cho dân sự để sửa phạt họ vì họ đã khước từ Chúa (Isa 8:7), vì sự xét đoán lớn nhất của Đức Chúa Trời là cho dân Ngài điều họ muốn và để họ chịu khổ vì điều đó.

Vua không những phải do Đức Chúa Trời chọn, mà vua còn phải là người Y-sơ-ra-ên chớ không phải là một người ngoại quốc. Mỗi khi Đức Chúa Trời muốn sửa phạt dân Ngài, Ngài sẽ đặt một vua ngoại bang cai trị họ và để dân sự kinh nghiệm sự tương phản giữa sự nhân từ của Đức Chúa Trời và sự áp bức của dân ngoại thờ hình tượng. Vua Y-sơ-ra-ên cũng phải đặt sự tin cậy hoàn toàn của mình nơi Chúa và không cậy nơi ngựa cùng quân đội (Phu 17:16), các đồng minh nước ngoài dựa trên hôn nhân (c.17a) hay của cải vật chất (c.17b). Vua Sa-lô-môn đã vi phạm cả ba trong số những quy tắc này và điều đó dẫn ông cùng dân tộc vào tội lỗi. Ông đã cưới một công chúa Ai Cập (IVua 3:1), đồng minh đầu tiên trong nhiều đồng minh chính trị ông đã tạo nên bằng cách lấy những người vợ ngoại quốc (Phu 11:1-6). Ông đã trở lại Ai Cập không những gì một người vợ mà còn vì những con ngựa cho quân đội ông, và xây “các thành chứa xe” trong Y-sơ-ra-ên nơi ông để ngựa và xe ngựa (10:26,28-29). Về phần của cải của ông, thật không thể tưởng tượng và không tính được (c.14-25,27) (6).

Sự khôn ngoan của vua (Phu 17:18-20). Tư cách quan trọng nhất đối với vua là một sự hiểu biết cá nhân về luật pháp Đức Chúa Trời (c.18-20). Vua phải sao lại một bản luật pháp cho mình, sử dụng bản chính thức do các thầy tế lễ cung cấp (31:9,24-26), đọc thường xuyên và ghi vào lòng (xem mệnh lệnh của Đức Chúa Trời cho Giô-suê trong Gios 1:7-8). Sự nghiên cứu luật pháp của vua không những giúp vua cai trị dân cách công bình, mà nó còn bày tỏ cho vua tính cách của Đức Chúa Trời và khích lệ vua kính sợ Ngài và yêu mến Ngài hơn (Ch 4:1-27). Việc vua đầu phục Đức Chúa Trời và luật pháp Ngài sẽ giữ vua khỏi trở nên kiêu ngạo và lạm dụng quyền hành Chúa đã ban cho mình (7). Đối với vua,

nghĩ rằng mình tốt lành hơn anh em mình và có đặc quyền sống vượt trên luật pháp Đức Chúa Trời sẽ cho thấy vua không thích hợp để lãnh đạo quốc gia.

3. Những lãnh đạo thuộc linh trung tín (Phu 18:1-8)

Hội Thánh của Chúa Giê-xu Christ là một chức tế lễ (IPhi 2:5,9), nhưng dân tộc Y-sơ-ra-ên đã có một chức tế lễ. Tất cả các thầy tế lễ và người Lê-vi đều là con cháu Lê-vi, con trai thứ ba của Gia-cốp sanh bởi Lê-a. Lê-vi có ba con trai Ghệt-sôn, Kê-hát, Mê-ra-ri, còn A-rôn và Môi-se xuất thân từ dòng dõi của Kê-hát (Xu 6:16-25). Chỉ con cháu của A-rôn được gọi là “các thầy tế lễ” và được phép hầu việc tại bàn thờ và nơi thánh đích thực. Người Lê-vi, con cháu của Ghệt-sôn và Mê-ra-ri, phụ giúp các thầy tế lễ trong nhiều chức vụ có liên hệ với bàn thờ và nơi thánh. Thầy tế lễ và người Lê-vi đều không được ban cho bất cứ sản nghiệp nào trong xứ Y-sơ-ra-ên (Phu 10:8-9 12:12,18,19) nhưng sống nhờ vào phần mười, của dâng và của lễ được đem đến nơi thánh.

Thầy tế lễ (Phu 18:3-5). Các thầy tế lễ phải nhận những phần được chỉ định từ những của lễ, trừ của lễ thiêu, là của lễ được thiêu hoàn toàn tại bàn thờ. Họ sẽ thiêu một năm của lễ chay trên bàn thờ và giữ phần còn lại một mình, còn những phần khác của con sinh tế được dành cho họ theo tiêu chuẩn họ được hưởng (Le 6:8-7:38). Họ cũng được cho hoa lợi đầu mùa gồm lúa, dầu, rượu và lông chiên. Nghi thức Cựu Ước này mang vào chức vụ trong Tân Ước. “Anh em há chẳng biết rằng ai hầu việc thánh thì ăn của dâng trong đền thờ, còn ai hầu việc nơi bàn thờ thì có phần nơi bàn thờ sao? Cũng vậy Chúa có truyền rằng ai rao giảng Tin Lành thì được nuôi mình bởi Tin Lành” (ICo 9:13-14). Mệnh lệnh của Chúa được tìm thấy trong Lu 13:7 và được trích dẫn trong ITi 5:18.

Nếu dân sự không cấp dưỡng cho các thầy tế lễ như Đức Chúa Trời đã truyền lệnh thầy tế lễ sẽ phải tìm nguồn cấp dưỡng cho họ ở nơi nào đó, là điều này sẽ đưa họ rời xa chức vụ ở nơi thánh. Nhưng chỉ các thầy tế lễ mới có thể dâng của lễ, coi sóc đèn và bàn để bánh, và dâng hương trên bàn thờ bằng vàng, không có sự hiện diện của thầy tế lễ, chức vụ tại nơi thánh sẽ bị hoãn lại và dân sự sẽ không có sự cầu thay và sự giúp đỡ về thuộc linh.

Người Lê-vi (Phu 18:6-8). Người Lê-vi sống trong 48 thành rải rác khắp nước Y-sơ-ra-ên (Gios 21:1-45). Chúng ta cho rằng có một thời gian biểu rõ ràng điều khiển sự dự phần của họ ở nơi thánh, như đã có trong thời Đa-vít (ISu 23:1-26:32), với mỗi người Lê-vi được ấn định cho một nhiệm vụ và một thời gian thầy tế lễ và người Lê-vi có thể mua đất nếu họ muốn (IVua 2:26 Gie 32:7 Cong 4:36-37) và thậm chí thu huê lợi từ đất đó. Nhưng mối quan tâm chính của họ phải là sự hầu việc tại nơi thánh và giúp dân sự nhận biết Đức Chúa Trời và vâng theo Lời Ngài. Nếu một người Lê-vi bán hay cho thuê bất động sản của mình và đi đến nơi thánh vì lòng yêu mến của người đối với Chúa và nhà Ngài, người ấy phải được cho phép hầu việc ở đó và dự phần vào những lễ vật dân sự mang đến. Việc người kiếm tiền bằng cách cho thuê hay bán đất của mình không làm thay đổi chính sách này.

Vào thời Nê-hê-mi, dân sự không trung tín đem phần mười và của dâng đến đền thờ, và một số người Lê-vi đã phải trở về đất của họ để sống (Ne 13:10-14). Nê-hê-mi đã kêu gọi dân sự vâng lời Chúa và giúp đỡ những lãnh đạo thuộc linh của họ, và họ đã đem đến phần 10 cùng của dâng để được phân phát cho người Lê-vi. Thật đáng tiếc khi những người tự xưng là Cơ Đốc nhân không giúp đỡ cho Hội Thánh mình bằng cách trung tín đem đến phần 10 và của dâng, nhưng lại trông chờ Hội Thánh giúp họ khi họ có nhu cầu.

4. Dân vâng phục (Phu 16:1-8) (Phu 26:1-19)

Một quốc gia có những lãnh đạo tài năng và tin kính thì chưa đủ, nó cũng phải có những công dân tin kính vâng theo luật pháp của Chúa. Khổng Tử đã nói: “Sức mạnh của một quốc gia bắt nguồn từ sự chính trực của các gia đình nó”. Nhưng gia đình được tạo nên từ những cá nhân, nên chính sức mạnh của cá nhân giúp gia đình trở nên điều mà nó phải có. Daniel Webster nói: “Bất cứ điều gì khiến con người trở nên những Cơ Đốc nhân tốt, điều khiến họ trở nên những công dân tốt”. Ba lời xưng nhận được ghi lại trong chương này giúp chúng ta hiểu mình phải làm loại công dân nào với tư cách môn đồ của Chúa Giê-xu.

Lời xưng nhận về sự nhân từ của Đức Chúa Trời (Phu 26:1-11). Nghi lễ này phải được sử dụng lần đầu tiên khi bất cứ người Do Thái nào đem sản vật đầu mùa của mình dâng cho Chúa. Nó không nên bị nhầm lẫn với của lễ đầu mùa hằng năm (16:4 Xu 23:19 34:26 Le 23:10-17 Dan 15:18-20 18:12-13). Nghi lễ đặc biệt này không những là một sự xưng nhận về lòng nhân từ của Đức Chúa Trời đối với Y-so-ra-ên và đối với người thờ phượng này, nó cũng là một sự tuyên bố rằng người ấy giờ đây đã giành được cơ nghiệp của mình trong xứ. Người ấy làm việc nơi đất và nhận được một mùa thu hoạch rồi người đem phần đầu tiên và tốt nhất đến dâng Chúa. Gió hoa quả ở gần bàn thờ là một chứng cứ cho sự thành tín của Chúa đối với dân sự Ngài. Toàn bộ nghi lễ là một bản dịch Cựu Ước của Mat 6:33.

Lời xưng nhận mở đầu bằng việc Y-so-ra-ên vào xứ Ca-na-an (Phu 26:3) và điều này sẽ nhắc nhở người thờ phượng về phép lạ của việc vượt sông Giô-đanh (Gios 3:1-17). Đức Chúa Trời Đấng mở Biển Đỏ cho dân tộc này ra khỏi Ai Cập cũng đã mở sông Giô-đanh để họ có thể vào và nhận lấy sản nghiệp của mình. “Ngài đã đem chúng ta ra... để dẫn vào xứ...” (Phu 6:23). Nguyên nhân duy nhất Y-so-ra-ên không vào xứ sớm hơn là vì thế hệ trước đã chống nghịch Chúa tại Ca-đê và từ chối tin cậy Ngài để được chiến thắng (Dan 13:1-14:45). Người thờ phượng được nhắc nhở rằng bí quyết về sự thành công lớn của Y-so-ra-ên là đức tin nơi những lời hứa của Đức Chúa Trời. Những năm sau đó, Giô-suê sẽ nói: “Trong các lời lành mà Giê-hô-va đã phán cho nhà Y-so-ra-ên, chẳng có một lời nào là không thành, thấy đều ứng nghiệm hết” (Gios 21:45 23:14 IVua 8:56).

Sau đó người thờ phượng sẽ nói về Gia-cốp, tổ phụ của 12 chi phái trong Y-so-ra-ên (Phu 26:5), người đã rời quê hương và đi đến A-ram ở hướng Đông Bắc Mê-sô-pô-ta-mi (Os 12:12 Sa 25:20) để tìm cho mình một người vợ. Sau 20 năm ở trong nhà ông gia La-ban, Gia-cốp vâng theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời và trở về xứ của mình rồi định cư cùng

với 12 con trai và gia đình họ. Thật vậy Gia-cốp là một “người ẩn náu” và là một “lữ khách” suốt những năm đó, nhưng Chúa đã dõi theo ông và chúc phước cho ông. 12 con trai của Gia-cốp phải trở thành những người sáng lập 12 chi phái Y-sơ-ra-ên và qua Y-sơ-ra-ên Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho toàn thế giới (Sa 12:1-3).

Đức Chúa Trời sẽ biến đổi gia đình của một người thành một dân tộc lớn ra sao? Bằng cách đưa họ xuống Ai Cập nơi họ được đưa qua “lò sắt” của hoạn nạn Phu 26:5-7 4:20 IVua 8:51 Sa 46:1-34). 70 người đã đi đến Ai Cập nơi Giô-sép chuẩn bị gia đình cho họ, và nhiều năm sau đó, vào đêm lễ Vượt Qua, có lẽ hai triệu người đã bước ra khỏi Ai Cập cách hoan hỉ. Kẻ thù càng bắt bớ dân Do Thái, dân Do Thái càng thêm nhiều (Xu 1:1-22). Hoạn nạn và thử thách thường là những công cụ của Đức Chúa Trời để đem phước hạnh đến cho dân Ngài, dù ở thời điểm chúng ta có thể không hiểu được. Kẻ thù càng bắt bớ Hội Thánh đầu tiên, họ tản lạc và sinh sôi càng nhiều (Cong 5:41-6:1 8:1-4).

Lời xưng nhận chẳng đề cập gì đến sự phàn nàn của Y-sơ-ra-ên trong hành trình của họ hay sự thất bại của họ tại Ca-đe Ba-nê-a. Đây là một lời xưng nhận của đức tin, không phải sự vô tín. “Nên Đức Giê-hô-va đã đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập. Ngài đã đem chúng tôi vào nơi này và ban cho chúng tôi xứ này” (Phu 26:8-9 NKHV). Người ấy gọi Ca-na-an là “một xứ đượm sữa và mật”, là điều Đức Chúa Trời thường gọi xứ ấy. Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài một xứ kỳ diệu đáp ứng mọi nhu cầu của họ. Suốt những năm Y-sơ-ra-ên lang thang và chống nghịch, một số người Do Thái gọi Ai Cập là “một xứ đượm sữa và mật” (Dan 16:13). Thật bi thảm khi con người quá thiếu thuộc linh đến nỗi những điều thuộc về thế gian đầy lời cuối hơn những điều thuộc về Chúa.

Đáp ứng với sự nhân từ và ân điển của Chúa, người thờ phượng dâng cho Đức Chúa Trời vật đầu tiên và tốt nhất của công lao mình, vì sẽ không có mùa gặt nào nếu không có sự chúc phước của Chúa. Nhưng qua việc dâng sản vật đầu mùa, người thờ phượng thật sự dâng toàn bộ mùa gặt cho Chúa. Chức quản gia không có nghĩa là chúng ta dâng cho Đức Chúa Trời một phần rồi sử dụng phần còn lại theo như mình thích. Chức quản gia thật nghĩa là chúng ta dâng cho Đức Chúa Trời những gì thuộc về Ngài như một nhận thức rằng tất cả những gì chúng ta có là của Ngài. Sau đó chúng ta sử dụng tất cả những gì còn lại một cách khôn ngoan vì vinh hiển Ngài. Dâng cho Chúa 1/10 và sau đó lãng phí 9/10 còn lại, thì không phải là chức quản gia. Đó là sự đại dột.

Chúa “ban mọi vật dư dật cho chúng ta được hưởng” (ITi 6:17), giải thích lý do Môi-se khuyên dân Do Thái vui mừng trong mọi điều lành Chúa ban cho họ (Phu 26:11). Trong lúc ở nơi thánh, họ có thể dâng cho Chúa một cửa lễ tạ ơn và dự tiệc mừng những điều tốt lành, tất cả cho vinh hiển của Đức Chúa Trời. Nhưng hãy chú ý sự đề cập về người Lê-vi và khách lạ, những người chúng ta cần chia sẻ với họ những sự ban cho của Chúa (12:12,18 16:11,14). Điều này giới thiệu lời xưng nhận thứ 2.

Lời xưng nhận về sự trung thực và rời rộng (Phu 26:12-15). Bối cảnh này sẽ xảy ra hai năm sau đó, khi dân Do Thái phải đem 1/10 phụ đến cho các viên chức địa phương (14:28-29). Nghi thức trước xảy ra chỉ 1 lần, sau mùa gặt đầu tiên trong xứ, nhưng nghi thức này được lặp lại mỗi năm thứ ba. Năm thứ 7 sẽ là năm Sa-bát và rồi chu trình bắt

đầu trở lại. Lời xưng nhận này có giá trị như một sự đổi mới tổng quát về giao ước Y-sơ-ra-ên đã lập tại núi Si-nai, lời họ hứa vâng theo Chúa và lời Ngài hứa chúc phúc cho sự vâng lời của họ.

Phần mười của năm thứ ba được giữ trong các thành và được sử dụng trong nội bộ để cấp dưỡng cho người Lê-vi, khách lạ, cô nhi và góa phụ. Trong việc dâng phần 10 này, người thờ phượng phải xưng nhận trước Chúa rằng mình đã trung thực trong việc để ra 1/10 và sử dụng nó như Chúa đã bảo. Người ấy không được lấy phần mười cho việc sử dụng cá nhân và chắc chắn không được dùng nó cho bất cứ mục đích tội lỗi nào. Người ấy cẩn thận để không làm ô uế phần 10 bằng cách chạm đến nó trong lúc không tinh sạch vì một cái chết trong gia đình. Nói cách khác, việc để ra phần 10 này cho người khác là một vấn đề nghiêm túc và phải được thực hiện bằng sự tự trọng và sự vâng phục. Nghi thức này sẽ kết thúc với lời cầu nguyện ở 26:15 cầu xin Đức Chúa Trời chúc phúc cho cả dân tộc chứ không chỉ cho cá nhân người thờ phượng.

Lời xưng nhận thứ nhất và thứ hai đều bày tỏ sự cảm kích đối với xứ “đượm sữa và mật” (c.9,15). Thật là điều tốt lành khi dân sự Đức Chúa Trời cảm kích tất cả những gì Chúa ban cho họ. Suốt 40 năm lang thang, thế hệ đi trước thường xuyên muốn trở lại Ai Cập và hưởng thức ăn họ đã từng ăn ở đó, nhưng cái nhìn lại này chỉ càng đưa họ vào sự rắc rối. Nói đến những hoàn cảnh của đời sống, tất cả chúng ta đều cần noi gương Phao-lô “Tôi đã tập hễ gặp cảnh ngộ nào, cũng thỏa lòng ở vậy” (Phi 4:11) một trong những cách tốt nhất để học thỏa lòng là chia sẻ với người khác những phúc hạnh Đức Chúa Trời ban cho ta.

Lời xưng nhận về sự vâng phục (Phu 26:16-19). Lời xưng nhận thứ nhất và thứ hai hướng đến thời điểm Y-sơ-ra-ên sẽ được định cư trong xứ họ và thu hoạch vụ mùa. Lời xưng nhận này đưa chúng ta trở lại với đồng bằng Mô-áp nơi Môi-se đang trang bị cho thế hệ sau bước vào xứ. “Ngày nay” (c.16-18) và “hôm nay” là những từ Môi-se dùng thường xuyên khi ông nói với dân sự (2:26 4:26,39 6:6 7:11 8:1,18 10:13 v.v..). Đó thật sự là một thời điểm long trọng khi Môi-se lập lại luật pháp và ôn lại lịch sử của dân tộc. Tương lai của dân tộc tùy thuộc vào việc dân sự tiếp nhận, hiểu và vâng theo Lời Đức Chúa Trời mà Môi-se chia sẻ cho họ.

Hiểm họa thường trực đó là dân sự không tiếp nhận Lời Đức Chúa Trời vào lòng nhưng chỉ nghe bằng tai rồi quên. Giống như dân Do Thái trong thời Chúa Giê-xu, họ có tai nhưng không thể nghe (Mat 13:13-15). Chỉ tự nhiên biết lời Chúa thì chưa đủ. Nếu lời Đức Chúa Trời phải nuôi dưỡng chúng ta và thay đổi chúng ta để Đức Chúa Trời có thể chúc phúc cho chúng ta (Thi 1:1-3), chúng ta phải dâng mình cho điều đó, tấm lòng và linh hồn. Đức Chúa Trời đã tuyên bố Y-sơ-ra-ên cho dân Ngài và Chúa ban phúc cho họ nếu họ vâng lời Ngài (Phu 26:18) và Y-sơ-ra-ên đã tuyên bố rằng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ và họ sẽ vâng lời Ngài (c.17). Chắc chắn rằng Đức Chúa Trời sẽ giữ những lời hứa của Ngài, nhưng Y-sơ-ra-ên sẽ giữ những lời hứa của họ chăng?

Đức Chúa Trời đã hoạch định những việc lớn cho Y-sơ-ra-ên, cũng như Ngài hoạch định những việc lớn cho con cái Ngài (Eph 2:10 ICo 2:6-10). Nếu dân sự giữ những lời hứa

giao ước của họ với Chúa, Ngài sẽ chúc phước cho họ và khiến họ trở nên một nguồn phước nhưng nếu họ bất tuân Ngài, Ngài sẽ phải sửa phạt họ. “Nhưng dân sự ta không khứng nghe tiếng ta, Y-sơ-ra-ên không muốn vâng theo ta. Vì vậy, ta buông chúng nó đi theo sự cứng lòng chúng nó. Ôi! Chớ chi dân ta khứng nghe ta! Chớ chi Y-sơ-ra-ên chịu đi trong đường lối ta! Thì chẳng bao lâu ta bắt suy phục các thù nghịch chúng nó.

Ta sẽ lấy màu mỡ ngũ cốc mà nuôi họ, và làm cho người được no nê bằng mật ong nơi hòn đá” (Thi 81:11-14,16).

Đức Chúa Trời thành tín với chúng ta, nhưng chúng ta bỏ mất nhiều biết bao khi chúng ta đã không trung tín với Ngài!

Phu 18:9-22; xem giải nghĩa Phu 12:17-19

8. TỘI NGỘ SÁT, CHIẾN TRẬN VÀ TỘI SÁT NHÂN (Phu 19:1-21:14)

Dân Y-sơ-ra-ên đã được ban phước dồi dào. Họ có Giê-hô-va Đức Chúa Trời làm Vua của họ, một xứ kỳ diệu làm quê hương của họ, và một thánh luật làm người hướng dẫn họ, nhưng họ đã đối diện một số vấn đề tương tự mà xã hội ngày nay đối diện. Với bản chất con người tội lỗi, các dân tộc sẽ luôn phải đối phó với “sự vô nhân đạo của con người đối với con người”, vì trung tâm của mọi vấn đề vẫn là vấn đề của tấm lòng. Các luật lệ cần thiết để đem trật tự đến cho xã hội, để ngăn trở điều ác, và để giúp điều khiển hành vi đạo đức, nhưng luật pháp không bao giờ có thể thay đổi lòng người. Chỉ ân điển Đức Chúa Trời mới có thể làm được điều đó. Nếu phân đoạn Kinh Thánh này nhấn mạnh bất cứ điều gì, đó là Đức Chúa Trời quý trọng nhân mạng và muốn chúng ta đối xử với con người cách công bình, vì họ được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời (Sa 9:1-7). Mong muốn của Đức Chúa Trời đối với mọi dân tộc là “Hãy làm cho sự chánh trực chảy xuống như nước và sự công bình như sông lớn” (Am 5:24). Và tiêu chuẩn của Ngài cho cá nhân chúng ta là Mi 6:8 “Hỡi người! Ngài đã tỏ cho người điều gì là thiện, cái điều mà Đức Giê-hô-va đòi người há chẳng phải là làm sự công bình, ưa sự nhơn từ và bước đi cách khiêm nhường với Đức Chúa Trời người sao?”

1. Sự công bình trong xứ (Phu 19:1-20)

Nhà thơ giáo phái Quaker, Jhon Greenleaf Whittier đã gọi sự công bình là “hy vọng của tất cả những người hoạn nạn, sự kinh hãi của tất cả những kẻ làm điều sai trái”. Đó là điều lý tưởng, nhưng không phải lúc nào nó cũng được thực thi trong đời thường. Không có sự công bình, xã hội sẽ sụp đổ, tình trạng vô chính phủ sẽ xảy ra, và sẽ không an toàn để người dân rời khỏi gia đình họ, Y-sơ-ra-ên đã không có hệ thống cảnh sát chặt chẽ như chúng ta có hôm nay, nên việc định chỗ và trừng phạt phạm nhân chủ yếu tùy thuộc vào các trưởng lão và quan án. Bằng cách chọn ra “thành ẩn nấu”, Chúa đã đề cao sự công bình trong xứ.

Các thành (Phu 19:1-3,7-10). Môi-se ôn lại ở đây điều ông đã dạy cho Y-sơ-ra-ên trong Dan 15:1-41. Thật ra ông đã lập ba thành ẩn nấu ở phía Đông sông Giô-đanh (Phu 4:42-43). Trách nhiệm của Giô-suê sẽ là: lập ba thành khác ở phía Tây sông Giô-đanh sau

khi Y-so-ra-ên đã chiếm xứ (Gios 20:1-9). Các thành ở phía Đông sông Giô-đanh là Gô-lan, Ra-mốt và Bết-se, còn các thành ở phía Tây sẽ là Kê-đe, Si-chem và Hép-rôn. Nếu bạn tham khảo bản đồ về Xứ Thánh, bạn sẽ thấy rằng những thành này được định chỗ để những người cần sự bảo vệ có thể đến được dễ dàng. Những con đường dẫn đến các thành này phải được sửa chữa cẩn thận và được đánh dấu rõ ràng. Lời truyền khẩu trong giới giáo sĩ Do Thái cho rằng có những dấu hiệu ở mọi ngã tư đường chỉ con đường đi đến thành ẩn náu gần nhất. Chúa muốn cho những kẻ ngộ sát thoát khỏi sự báo thù của những con người hung dữ.

Chúa cũng có những chuẩn bị cho dân tộc này để thêm vào ba thành ẩn náu nữa nếu biên giới xứ họ được mở rộng. Ngài đã hứa ban cho Y-so-ra-ên một xứ rộng rãi (Sa 15:18 Xu 23:31), và nếu họ vâng theo luật pháp Ngài, Ngài sẽ giữ lời hứa Ngài. Chỉ suốt triều đại của Đa-vít mà địa phận rộng lớn này đã thật sự do Y-so-ra-ên nắm giữ, và sau đó họ đánh mất nó khi mọi sự sụp đổ suốt triều đại Sa-lô-môn. Nếu chúng ta không vâng theo ý muốn Đức Chúa Trời và tuyên bố những lời hứa của Đức Chúa Trời, chúng ta không bao giờ có thể nhận được tất cả những gì Đức Chúa Trời muốn chúng ta có.

Kẻ ngộ sát (Phu 19:4-6). Luật vẫn theo Môi-se trong việc phân biệt kẻ sát nhân và kẻ ngộ sát (Xu 21:12-14 Le 24:17). Người vô ý giết ai đó có thể chạy trốn đến thành ẩn náu gần nhất và trình bày hoàn cảnh của mình cho các trưởng lão ở đó. Nếu người ấy không chạy trốn, người của gia đình nạn nhân có thể đuổi bắt người ấy và trở thành “kẻ báo thù huyết” và giết người ấy. Y-so-ra-ên không có hệ thống nào cho việc xác định và bắt giữ những tội phạm bị tình nghi. Điều đó cho gia đình nạn nhân thấy rằng sự công bình đã được thực hiện. “Kẻ báo thù huyết” không được quyền hành động như quan án, bồi thẩm hay người hành hình; người ấy chỉ phải giao bị cáo cho các viên chức có quyền. Nhưng nếu người bà con này giận dữ, người ấy có thể nắm luật pháp trong tay và giết người vô tội. Bằng cách chạy trốn đến thành ẩn náu, kẻ ngộ sát được an toàn cho đến khi những sự thật của vụ án có thể được xem xét và bản án được tuyên bố. Nếu được nhận thấy vô tội, kẻ ngộ sát, được phép sống an toàn trong thành ẩn náu cho đến khi thấy tế lễ cả qua đời. Dù vô tội, người ấy vẫn trả một giá cho việc vô tình giết mạng người khác. Nếu người ấy rời khỏi thành ẩn náu, mạng sống người ở trong sự nguy hiểm và các trưởng lão không thể bảo vệ người ấy.

Những thành ẩn náu này minh họa sự cứu rỗi chúng ta trong Chúa Giê-xu Đấng mà chúng ta “đã trốn đến nơi ẩn náu, mà cầm lấy sự trông cậy đã đặt trước mặt chúng ta” (He 6:18), nhưng chúng cũng minh họa như vậy bằng sự tương phản. Người chạy trốn trong Y-so-ra-ên làm vậy vì người ấy không phạm tội sát nhân, nhưng chúng ta chạy trốn vì chúng ta phạm tội và đáng bị xét đoán. Không ai cần phải điều tra trường hợp của chúng ta vì chúng ta biết mình đã phạm tội và đáng bị sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Về trường hợp các thành ẩn náu, người vô tội được phép sống, nhưng trong trường hợp của chúng ta, Chúa Giê-xu Đấng vô tội đã bị kết án chết. Người Y-so-ra-ên phải ở trong thành ẩn náu, vì nếu người rời thành, người có thể chết trong tay kẻ báo thù. Sự cứu rỗi chúng ta có trong Đấng Christ được quyết định không bởi sự vâng lời của chúng

ta nhưng tùy thuộc hoàn toàn vào ân điển và những lời hứa của Ngài. “Ta ban cho nó sự sống đời đời, nó chẳng chết mất bao giờ, và chẳng ai cướp nó khỏi tay ta” (Gi 10:28). “Cho nên hiện nay chẳng còn có sự đoán phạt nào cho những kẻ ở trong Chúa Giê-xu” (Ro 8:1). Kẻ ngộ sát Y-so-ra-ên có thể rời thành ẩn náu một cách hợp pháp sau sự qua đời của thầy tế lễ cả, nhưng thầy tế lễ Thượng phẩm của chúng ta ở trên trời sẽ không bao giờ chết và sống đời đời để cầu thay cho chúng ta (He 7:25).

Kẻ giết người (Phu 19:11-13). Nhưng có thể một người nào đó đã mưu sát kẻ thù mình sẽ chạy trốn đến một thành ẩn náu và nói dối với các trưởng lão, kể với họ rằng mình vô tội. Các trưởng lão trong thành của hắn phải làm cho sự việc minh bạch bằng cách sai đến thành ẩn náu và đem hắn trở về thành của hắn. Các trưởng lão trong thành ẩn náu sẽ trao trả bị cáo để hắn có thể bị xét xử thích đáng, nếu có tội, sẽ bị xử tử, Đức Chúa Trời mong muốn mỗi công dân quan tâm về việc đảm bảo cho sự công bình được thực hiện trong xứ. Sẽ dễ dàng để các viên chức trong thành của kẻ giết người để cho các trưởng lão trong thành ẩn náu lo lắng về vụ kiện, nhưng điều đó sẽ không đẩy mạnh sự công bình hay ngăn trở sự ô uế xứ. Trong dân tộc Y-so-ra-ên, việc làm đổ huyết vô tội làm ô uế xứ, và một cách để thanh tẩy xứ là trừng phạt kẻ vi phạm. “Chớ làm ô uế xứ nơi các ngươi ở, sự đổ huyết làm ô uế xứ, và sự chuộc tội không thể được thực hiện cho xứ bị đổ huyết, trừ khi bởi huyết của kẻ làm đổ huyết” (Dan 35:33 NIV).

Giết người là một trong nhiều tội tử hình ở Y-so-ra-ên. Những tội tử hình khác là tội thờ hình tượng và tội phù phép (Le 20:1-6), tội lộng ngôn (24:10-16), tội vi phạm ngày Sabbat (Dan 15:32-36), tội bất tuân cha mẹ một cách cố ý và tái diễn (Phu 21:18-21 Xu 21:15-17), bắt cóc người (Xu 21:16), giao cấu với thú vật (22:19), đồng tính luyến ái (Le 20:13), tà dâm, và cưỡng hiếp thiếu nữ đã hứa hôn (Phu 22:22-27). Ngày nay, chúng ta không có nhiều tội tử hình này, nhưng Y-so-ra-ên là một quốc gia thần quyền và luật pháp của nó là luật pháp của Đức Chúa Trời. Vi phạm luật pháp là phạm tội nghịch với Chúa và làm ô uế xứ và dân sự cần hiểu sự nghiêm trọng của những hành động như thế. Vào năm 1972, Tòa án Tối cao Hoa Kỳ đã tuyên bố án phạt tử hình là trái với hiến pháp nhưng sau đó phục hồi nó trở lại và năm 1976. Án tử hình có thể không ngăn trở mọi kẻ sát nhân cất đi một mạng sống, nhưng nó thật sự đề cao sự quý giá của nhân mạng cũng như tôn trọng luật pháp.

Kẻ cướp (Phu 19:14). Sau khi Y-so-ra-ên chinh phạt xứ Ca-na-an, mỗi chi phái được ấn định địa phận của mình và ranh giới của họ được mô tả chính xác. Giô-suê, thầy tế lễ cả Ê-lê-a-sa cùng những trưởng lão của 12 chi phái bốc thăm và thực hiện việc phân chia xứ (Gios 14:1-2). Trong các chi phái, mỗi gia đình và thị tộc sẽ nhận lấy phần đất mình và đánh dấu bằng những hòn đá làm ranh giới. Trong thời đó, các viên chức không vẽ sơ đồ đất đai chi tiết, điều mà chúng ta ngày nay gọi là “sơ đồ nhà đất”. Mọi người phải tôn trọng mốc giới (đá ranh giới), vì dời những hòn đá có nghĩa là ăn cắp đất của người lân cận mình và của con cháu họ (Ch 22:28). Những quan chức vô tâm có thể dễ dàng bóc lột góa phụ với cô nhi nghèo khó và chiếm đất cùng huê lợi của họ (Ch 15:25 23:10-11). Vì Đức Chúa Trời làm chủ xứ và dân sự là tá điền của Ngài, nên việc dời những hòn đá

cũng có nghĩa là ăn cắp của Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ trừng phạt họ (Os 5:10). Chắc chắn tội này được kể trong số những sự rửa sả được rao từ núi Ê-ban (Phu 27:17).

Hình phạt cho kẻ giết người nhắc nhở họ rằng tài sản cá nhân phải được tôn trọng. “Người chớ trộm cắp” (Xu 20:15) hàm ý rộng hơn là chỉ cấm kẻ cắp vào nhà người ta và lấy đi những gì không phải của mình. Tống tiền cũng là ăn cắp (Thi 62:10) và Đức Chúa Trời lên án những quan chức lập các luật lệ bất công để họ có thể cướp của người nghèo và kẻ cô thế (Exe 22:29). Kẻ vu khống và kẻ làm chứng dối cướp đi của người khác thanh danh của họ (Phu 19:16-19 Mat 15:19-20) và thanh danh khó phục hồi hơn hàng hóa bị đánh cắp.

Kẻ nói dối (Phu 19:15-21). Mọi hệ thống của công lý đều tùy thuộc vào việc con người biết lẽ thật và nói sự thật. Làm chứng dối là vi phạm điều răn của Đức Chúa Trời (Xu 20:16) và phá hoại nền móng của hệ thống luật pháp. Người thề nói sự thật rồi sau đó nói dối là đang phạm tội khai man, chính nó là một trọng tội. Luật pháp Do Thái đòi hỏi 2 hoặc 3 nhân chứng để lập tội của một bị cáo (Phu 17:6 Dan 35:30), và Chúa Giê-xu (Mat 18:16) với Phao-lô (II Co 13:1 ITi 5:19) đều áp dụng nguyên tắc này cho kỷ luật của Hội Thánh địa phương. Việc 2 hoặc 3 người làm chứng không bảo đảm rằng họ sẽ nói sự thật (IVua 21:1-14), nhưng Môi-se đã cảnh cáo rằng những kẻ làm chứng dối sẽ bị trừng phạt với mức án tương tự như hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên, có thể có những trường hợp mà chỉ một nhân chứng đứng lên tố cáo một người và người ấy là một kẻ làm chứng dối. Vậy thì sao? Cả bị cáo lẫn người làm chứng đơn phương sẽ phải đi đến tòa án trung tâm ở nơi thánh rồi trình bày vụ kiện cho các thầy tế lễ và quan án ở đó (Phu 17:8-13). Nếu tòa án khám phá rằng nhân chứng đơn phương không nói sự thật, người ấy sẽ nhận bản án tương tự, mà sẽ dành cho bị cáo nếu người phạm tội. Luật này sẽ khiến kẻ nói dối suy nghĩ kỹ trước khi vu cáo một người vô tội. Việc đi đến tòa án thầy tế lễ cùng các quan án và phơi trần sự gian ác của kẻ kiện cáo. Nhưng việc nhận biết họ có thể bị hình phạt mà họ muốn đối với bị cáo cũng sẽ khiến họ do dự, đặc biệt nếu đó là tội xử tử: “Chứng gian sẽ chẳng thoát khỏi bị phạt, và kẻ buông lời giả dối sẽ bị hư mất” (Ch 19:2,9).

Chúng ta đôi khi nghe rằng nỗi sợ hãi hình phạt không làm cản trở người ta phạm luật pháp, nhưng Phu 19:20 nói ngược lại “Còn những người khác hay điều đó, sẽ sợ, không làm sự hung ác như thế ở giữa người nữa”. Mọi luật lệ trong các sách có lẽ đã bị vi phạm nhiều lần và không phải tất cả những kẻ vi phạm đều bị bắt giữ hay bị xét xử. Nhưng điều đó không chứng minh rằng việc khởi tố những kẻ bị bắt không làm cho xã hội tốt đẹp và ngăn trở nhiều tội phạm hơn. Một số chuyên gia luật pháp tranh cãi rằng tử hình đã không ngăn trở người ta phạm những tội tử hình, nhưng làm sao họ biết được? Những luật về tốc độ đã ngăn chặn những người bất cẩn lái xe quá tốc độ quy định, nhưng việc họ có máy dò ra-đa trong xe hơi của họ cho thấy họ không muốn gặp cảnh sát! Và hãy nghĩ đến những xa lộ sẽ nguy hiểm biết bao nếu không có những luật lệ về tốc độ.

Môi-se kết thúc phân đoạn này bằng cách nhắc nhở dân sự rằng trong mọi trường hợp, hình phạt phải tương xứng với tội phạm (c.21 Xu 21:23-25). Điều này được biết như “lex talionis”, là tiếng La-tinh của “luật ăn miếng trả miếng”. Những người gọi nguyên tắc này là “dã man” có lẽ không hiểu nó có nghĩa gì. Bản án không nên quá nghiêm khắc, cũng không được quá dễ dãi nhưng phải thích hợp với điều luật đòi hỏi và điều phạm nhân bị kết án đáng nhận. Quan án trung thực không dành cho kẻ giết người bản án tương tự như họ dành cho người bỏ thuốc độc con mèo của người lân cận mình, kẻ ăn cắp vặt cũng không nên bị dành cho hình phạt tương tự như kẻ bắt cóc người. Nguyên tắc xét xử này nhấn mạnh sự công bằng và đối xử con người tại một thời điểm trong lịch sử khi các hình phạt hết sức tàn bạo. Ở nước Anh thế kỷ 18 có hơn 200 tội tử hình, và một người có thể bị treo cổ vì tội móc túi. Trẻ em vi phạm luật pháp thường bị đối xử như người lớn và bị bỏ tù vì những vi phạm nhỏ.

Khi Chúa chúng ta đề cập đến luật “Lex talionis” trong Bài Giảng Trên Núi” (Mat 5:38-42), Ngài không nói về hệ thống tòa án của chính quyền, nhưng nói về cách tín hữu phải đối phó với những vi phạm và cách đối xử bất công của cá nhân, Ngài không hủy bỏ luật pháp Cựu Ước, vì Ngài đến để làm trọn luật pháp đó (c.17-20). Đúng hơn, Ngài cấm môn đồ Ngài “trả đũa tương tự” với những người xúc phạm hoặc lợi dụng họ. Nếu những tòa án của chúng ta không làm theo những mệnh lệnh của Chúa chúng ta được thấy trong các c.38-42, quốc gia sẽ ở trong tay của những tội phạm! Chúa Giê-xu kêu gọi chúng ta đừng trả thù riêng nhưng giao những vấn đề đó trong tay Đức Chúa Trời (Ro 12:17-21). Chúng ta phải bắt chước Chủ và lấy thiện báo ác, lấy tình yêu thương trả cho ghen ghét và lấy sự hy sinh trả cho lòng ích kỷ (IPhi 2:11-25).

2. Chiến tranh trong xứ (Phu 20:1-9,16-18)

Dân Do Thái đi vào Ca-na-an không với tư cách người tham quan nhưng với tư cách những chiến sĩ được chuẩn bị cho trận chiến và mong muốn Đức Chúa Trời ban cho họ chiến thắng. Thật quan trọng để chú ý rằng Đức Chúa Trời đã ban cho dân tộc này hai chiến lược quân sự khác nhau, một cho các thành trong xứ Ca-na-an (c.1-9,16-18) và một cho các thành bên ngoài Ca-na-an (c.10-15). Sau khi Y-so-ra-ên chinh phạt và định cư trong sản nghiệp mình, họ có thể phải tấn công một thành ở xa, vì luôn có những kẻ thù để đối phó, và họ có thể luôn chấp nhận sự thách thức của việc tuyên bố lời hứa của Đức Chúa Trời và mở rộng xứ (19:8-9)

Lời bảo đảm của Chúa (Phu 20:1). Môi-se không đánh giá thấp tầm cỡ hay sức mạnh của kẻ thù, vì ông biết rằng các dân tộc sống trong Ca-na-an có ngựa, xe ngựa, quân đội đông đảo và các thành được xây công sự. 38 năm trước đó các thám tử thăm dò xứ đã nhìn thấy mọi trở ngại và nguy hiểm này (Dan 13:1-33), nhưng không thấy những vấn đề này nhỏ bé biết bao khi so với sự vĩ đại của Đức Chúa Trời họ. Môi-se nhắc nhở dân sự rằng Chúa đã đem họ ra khỏi Ai Cập một cách thành công để đến đồng bằng xứ Mô-áp và đánh bại mọi kẻ thù tấn công họ. Thật ra, địa phận mà Y-so-ra-ên giờ đây đang sống thuộc về dân Do Thái chứ không phải thuộc về kẻ thù, vì Chúa đã ban cho dân Ngài

chiến thắng lớn trên các dân tộc phía Đông sông Giô-đanh. Như Chúa đã đánh bại Pha-ra-ôn và quân đội ông ở Ai Cập, Ngài cũng sẽ đánh bại các dân ở Ca-na-an.

Trong thời kỳ đầu của tình trạng suy thoái trầm trọng, Tổng thống Franklin D. Roosevelt đã nói trong bài diễn văn khai mạc của ông: “Điều duy nhất chúng ta phải sợ là chính sự sợ hãi?” Có một nỗi sợ hãi huy động một người như khi bạn nghe còi báo động cháy vang lên, nhưng cũng có một nỗi sợ hãi làm tê liệt một người, và đó là nỗi sợ hãi Môi-se đang nói. Khi bạn kính sợ Chúa và tin cậy Ngài, chúng ta không cần sợ kẻ thù, Y-sơ-ra-ên không có gì để sợ hãi vì Đức Chúa Trời Đấng nhận chìm đội quân Ai Cập, sẽ đánh bại những đội quân Ca-na-an.

Lời khích lệ của thầy tế lễ (Phu 20:2-4). Đây không phải là thầy tế lễ cả nhưng là một trong các thầy tế lễ được chỉ định nói với quân đội. Chúng ta không nên ngạc nhiên khi nghe thầy tế lễ khích lệ quân đội, vì những cuộc chiến ở Ca-na-an là những cuộc thánh chiến, sự xét đoán của Đức Chúa Trời đối với các dân tộc gian ác đã chống nghịch Ngài và phạm tội nghịch với sự sáng. Chúa đã cho các dân tộc này thời gian dài để ăn năn và trở lại với Ngài, nhưng họ từ chối vâng lời. Việc giải cứu Y-sơ-ra-ên cách kỳ diệu khỏi Ai Cập và sự vượt sông Giô-đanh là bằng chứng đủ cho thấy Đức Chúa Trời Toàn năng ở cùng họ và sự xét đoán đã đến (Gios 2:1-24). Dân Do Thái là dân sự Đức Chúa Trời, chiến đấu trong những cuộc chiến của Đức Chúa Trời và điều đó thích hợp để họ nghe lời của Đức Chúa Trời, thầy tế lễ (1).

Lời của Chúa “Đừng sợ” là lời mỗi tín hữu cần nghe khi đối đầu với những kẻ thù của đức tin. Đó là sứ điệp Chúa ban cho Áp-ra-ham, sau khi giúp ông đánh bại các vua (S 15:1) và sứ điệp cho Gia-cốp khi ông rời quê hương đi đến Ai cập (46:3). Môi-se đã rao sứ điệp đó cho dân Do Thái khi họ đứng tại Biển Đỏ (Xu 14:13), và tiên tri Ê-sai đã lặp lại sứ điệp đó nhiều lần để khích lệ những người Do Thái còn sót lại (Es 41:10,13-14 43:1,5 44:2,8). Bạn tìm thấy nhóm từ này 7 lần trong Phúc Âm Lu-ca (Lu 1:13,30 2:10 5:10 8:50 12:7,32). Khi chúng ta bước đi bởi đức tin và cứ nhìn xem Chúa (He 12:1-3), Ngài ban cho ta sự bình an ta cần (Phi 4:4-9). Bạn sẽ hướng đến chiến thắng khi bạn biết Chúa ở cùng bạn và chiến đấu cho bạn.

Lời khích lệ của các quan trưởng (Phu 20:5-9). Thầy tế lễ khích lệ các chiến sĩ đối diện với kẻ thù không sợ hãi, nhưng các quan trưởng bảo họ trở về nhà nếu họ có việc chưa làm xong, không quan trưởng nào muốn lãnh đạo những chiến sĩ bị phân tâm, có tâm trí và tấm lòng ở đâu đó, vì “một người phân tâm phạm làm điều gì đều không định” (Gia 1:8). Phao-lô có thể đã nghĩ đến hình ảnh này khi ông viết IITi 2:4 “Khi một người ra trận, thì chẳng còn lấy việc đời lụy mình, làm vậy đặng đẹp lòng kẻ chiêu mộ mình”.

Các quan trưởng tuyên bố 3 trường hợp khác nhau để cho phép sự gia hạn tạm thời, và trường hợp thứ nhất là cho phép người lính dâng cho Chúa một nhà mới và bắt đầu sống trong đó (Phu 20:5). Từ dịch là “dâng” (dedicate, KJV) cũng có nghĩa là “bắt đầu” (initiate), bắt đầu sống trong ngôi nhà này với gia đình mình và vui hưởng nó. Gia đình cần người này nhiều hơn chiến trận cần, vậy người ấy được hoãn lại một năm. Trường hợp thứ hai là thu hoạch một vườn nho mới mà người lính chưa nếm qua trái của nó.

Theo Le 19:23-25, người chủ một vườn cây ăn trái phải chờ đến năm thứ 5 trước khi có thể ăn trái của cây, nhưng luật này có thể không áp dụng cho vườn nho. 5 năm sau sẽ là thời hạn khá dài. Trường hợp thứ 3 có lẽ quan trọng nhất, và đó là cho phép người lính đã hứa hôn trở về nhà và lập gia đình. TheoPhu 24:5 người ấy được hoãn 1 năm.

Ba ngoại lệ này cho thấy Đức Chúa Trời quan tâm nhiều về việc chúng ta hưởng những phước hạnh của đời sống gia đình, mùa gặt, và tuần trăng mật hơn việc chúng ta chỉ dấn thân cho những chiến trận của đời sống. Ngài không muốn bất cứ người Do Thái nào dùng những trách nhiệm quân đội làm một viện cớ để bỏ bê gia đình, vườn nho và vợ chưa cưới của mình. Chắc chắn sự phục vụ quân đội là quan trọng, nhưng Chúa quan tâm hơn về việc những người nam này có những ưu tiên đúng đắn trong đời sống. Điều gì tốt lành được thực hiện cho dân Do Thái nếu quân đội họ đánh bại kẻ thù trên chiến trường nhưng mọi sự sẽ sụp đổ nếu không trở về nhà?

Các thầy tế lễ bảo những chiến sĩ hãy nhìn lên và tin cậy Chúa, còn các quan trưởng bảo họ nhìn lại và xem xét bất cứ công việc dở dang nào sẽ ngăn trở họ làm hết sức mình. Nhưng các quan trưởng đưa ra thách thức khác và bảo các chiến sĩ nhìn vào và xem họ có quá lo sợ để bước vào trận chiến hay không, Ghê-đê-ôn đã mất 22.000 người nam khi ông đưa ra thách thức này (Cac 7:1-3). Sự sợ hãi đức tin không thể cùng tồn tại thành công trong một tấm lòng (Mat 8:26 Lu 8:25). Hơn nữa, sự sợ hãi gây lây nhiễm và làm nản lòng những chiến sĩ khác. Chính sự sợ hãi và vô tín đã gây nên sự đại bại của Y-so-ra-ên tại Ka-đe (Dan 13:1-14:45).

Một khi hàng ngũ đã được lọc lựa, các quan trưởng sẽ chỉ định những chỉ huy, vì vậy mỗi người phải sẵn sàng phục vụ. Ở thời điểm này Y-so-ra-ên không có cái chúng ta gọi là “một đội quân thường trực” với một hệ thống có tổ chức gồm những sĩ quan thường trực. Những sĩ quan lớn biết những người giỏi nhất của họ và sẽ chỉ định những trách nhiệm chỉ huy cho mỗi chiến dịch. Khi Sau-lơ trở thành vua, ông lập một trung tâm cho một đội quân thường trực và người kế vị ông là Đa-vít đã phát triển tổ chức này thậm chí nhiều hơn, nhưng quyền hạn và cấp bậc cũng quan trọng.

3. Chiến trận ngoài xứ (Phu 20:10-20) (Phu 21:10-14)

Môi-se đã chỉ dẫn cho dân sự cách đánh trận trong xứ Ca-na-an, nhưng giờ đây ông đề cập đến những cuộc chiến họ sẽ đánh bên ngoài xứ. Chúa muốn mở rộng những biên giới của Y-so-ra-ên (19:8) và điều này sẽ có liên quan đến những cuộc giao tranh của quân đội ở xa xứ Thánh.

Chiếm một thành (Phu 20:10-18). Quan trọng để chú ý rằng kế hoạch của Y-so-ra-ên trong việc tấn công các thành ở xa khác với kế hoạch khi họ tấn công các thành trong xứ Ca-na-an. Đức Chúa Trời nhiều lần ra lệnh cho Y-so-ra-ên tiêu diệt dân trong các thành Ca-na-an và không thương xót (c.1-18 3:6 7:1-11). Suốt thời gian họ đánh chiếm Ca-na-an, dân Do Thái không chỉ phải giết mọi dân trong thành, họ còn phải tiêu diệt mọi vật có liên hệ với hệ thống tôn giáo gian ác của dân Ca-na-an, bao gồm đền thờ, hình

tượng và bàn thờ. Chính sách này sẽ giúp cất bỏ những cảm dỗ nguy hiểm khỏi dân Do Thái là dân luôn có xu hướng theo hình tượng.

Lúc đến những thành ngoại bang trách nhiệm đầu tiên của các quan trưởng là đưa ra những điều khoản hòa bình. Nếu dân sự chấp nhận những điều khoản này, thì thành và cư dân của thành sẽ được tha nhưng thành sẽ chịu phục dịch cho Y-sơ-ra-ên. Điều này liên quan đến việc đóng thuế hằng năm cho Y-sơ-ra-ên và biến dân trong thành trở nên nô lệ cho người Y-sơ-ra-ên (Gios 9:16-17 16:10 17:13). Suốt triều đại của vua Đa-vít có một quan trưởng đặc biệt trong Y-sơ-ra-ên là người đảm trách về “lao động cưỡng bức” (II Sa 20:24). Vì những chương trình xây cất mở rộng của mình, vua Sa-lô-môn mở rộng chức vụ này và thậm chí kể dân Y-sơ-ra-ên vào sự cưỡng bức lao động (IV Vua 5:13-18 9:15 IISu 2:17-18). Chính gánh nặng này cuối cùng đã khiến Giu-đa nổi dậy chống lại Rô-bô-am con trai Sa-lô-môn và ly khai khỏi vương quốc (IV Vua 12:1-33).

Nếu dân sự từ chối đề nghị hòa bình của Y-sơ-ra-ên, vậy quân đội Do Thái được phép bao vây thành, tin cậy Đức Chúa Trời ban cho họ chiến thắng. Những người nam trong thành sẽ bị giết (Dan 31:7), phụ nữ và trẻ em sẽ bị bắt làm nô lệ, và chiến lợi phẩm trong thành sẽ được chia cho các chiến sĩ.

Dù một số người thiện chí không thích những ẩn dụ quân sự trong Kinh Thánh, nhưng Hội Thánh ngày nay đang trong một cuộc chiến chống lại thế gian, xác thịt và ma quỷ (Eph 2:1-3 6:10-18 IITi 2:3-4). Nhưng chúng ta cũng là những sứ giả hòa bình mang đôi giày “sự sẵn sàng của Tin Lành bình an” (Eph 6:15) và cầu thay cho tội nhân chống nghịch để được “hòa thuận với Đức Chúa Trời” (II Co 5:18-21). Chúa Giê-xu đã đem sứ điệp bình an của Ngài cho dân Ngài (Lu 2:14) và họ đã khước từ (13:34-35 Gi 1:17), nên Ngài phải thay thế lời đề nghị về sự hòa bình bằng lời tuyên bố về sự xét đoán (Lu 12:51-56). Vào năm 70 SC, quân đội Rô-ma đã phá hủy Giê-ru-sa-lem, giết bắt giữ, hoặc phân tán dân sự, và không có quốc gia Y-sơ-ra-ên về chính trị mãi cho đến ngày 14/5/1948.

Chăm sóc tài nguyên thiên nhiên (Phu 20:19-20). Như Y-sơ-ra-ên phải chú ý đến những tài nguyên Đức Chúa Trời ban cho trong xứ họ (c.6), họ cũng phải cẩn thận không lãng phí những tài nguyên thiên nhiên trong những xứ khác. Đánh bại kẻ thù là quan trọng, nhưng gìn giữ tài nguyên thiên nhiên cũng quan trọng khi Chúa thật sự muốn hạ thấp một quốc gia, Ngài ra lệnh dân Ngài phải hủy diệt những cây tốt (IIVua 3:15-17), nhưng phương pháp này là một ngoại lệ. Những cây khác có thể được dùng làm công sự vây hãm, nhưng cây ăn quả phải được gìn giữ, vì “cây của đồng ruộng là sự sống của con người” (Phu 20:19), dù người đó là một đồng minh hay một kẻ thù. Phải mất nhiều năm để thay thế những cây bị phá hủy bừa bãi (2). Chiến tranh đủ sức tàn phá mà không cần thêm vào sự đổ nát và lãng phí.

Lấy vợ (Phu 21:10-14). Mặc dù người nam Do Thái không được phép lấy vợ từ các dân tộc Ca-na-an (7:3), họ được phép cưới người nữ ở các thành bị chinh phạt nằm xa Đất Hứa 20:14-15). Dĩ nhiên, những người nữ này sẽ phải chấp nhận niềm tin của Y-sơ-ra-ên và bước vào đời sống tôn giáo của dân tộc. Tuy nhiên, trước khi trở về nhà cùng vợ mới, người nam phải chờ một tháng trước khi hoàn tất việc hôn nhân. Biết điều này sẽ giữ

cho người nam không hành động hấp tấp và chỉ lấy một người nữ đầy quyến rũ để thỏa mãn những ham muốn của mình, như thể nàng là một phần của chiến lợi phẩm. Suốt thời gian chờ đợi đó người nam có thể xem xét nghiêm túc về điều mình đang làm, và người nữ có thể được chuẩn bị về xúc cảm cho một khởi đầu mới, vì nàng phải cạo đầu, cắt móng tay, và mặc quần áo khác.

Cạo đầu là một phần trong những nghi thức cho người phung được sạch (Le 14:8-9) và sự dâng mình của người Na-xi-rê đã làm trọn hứa nguyện mình (Dan 6:18). Mặc dù cạo đầu sẽ là một kinh nghiệm nhục nhã đối với phụ nữ (Phu 21:14), nó cũng có thể là dấu hiệu của một khởi đầu mới, như đối với người phung và người Na-xi-rê (3). Nàng đang từ bỏ tôn giáo trước đây của mình và nhận Giê-hô-va làm Đức Chúa Trời mình. Theo quan điểm thực tế, có lẽ diện mạo này sẽ khích lệ nàng ở nhà và làm quen nhiều hơn với người chồng Do Thái tương lai của mình suốt thời gian chờ đợi này, nàng phải bày tỏ sự buồn rầu của mình về việc xa gia đình và nơi sinh quán của mình. Tóm lại, những kinh nghiệm về tháng chờ đợi này, có thể là đau đớn, được sắp đặt để giúp người nữ thực hiện sự chuyển tiếp từ đời sống cũ sang đời sống mới.

Nếu sau khi hoàn tất việc hôn nhân người nam không hài lòng với người nữ, người ấy không thể chỉ đuổi nàng ra hay bán nàng như thể nàng là một nô lệ. Người ấy phải ly hôn với nàng và để nàng đi nơi đâu nàng muốn. Người đàn ông khác có thể cưới nàng hoặc nàng có thể trở về quê quán mình. Xã hội ngày nay không tán thành việc một phụ nữ bị bắt cách cưỡng chế để trở thành vợ của một người xa lạ, nhưng thế giới cổ đại đã quen với những việc như thế (Cac 21:1-25). Tuy nhiên, luật này bảo vệ nàng khỏi bị cưỡng hiếp và loại bỏ sau cuộc chiến hay bị chồng làm hạ giá đến nỗi người đàn ông khác không muốn cưới nàng. Nàng ra đi tự do tốt hơn là nàng bị ép buộc sống với một người đàn ông không cần nàng.

4. Chuộc tội cho xứ (Phu 21:1-9)

Xứ thuộc về Đức Chúa Trời và dân sống ở đó là tá điền của Ngài. Tội lỗi họ không những làm Chúa đau buồn mà còn làm ô uế xứ, đặc biệt là những tội về sự đồi bại tình dục (Le 18:24-28) và giết người (Dan 35:30-34). Làm đổ huyết vô tội là một tội lỗi gớm ghiếc trong Y-sơ-ra-ên (Phu 19:10,13 Gie 7:6 22:3,17). Khi Ca-in giết A-bên em mình, đất thấm máu A-bên và kêu khóc với Đức Chúa Trời về sự công bình (Sa 4:10-12 He 12:24). Đức Chúa Trời ghi nhận việc huyết vô tội bị đổ ra bởi thú vật và con người, và một ngày nào đó sẽ tính sổ (Sa 9:5-6). “Vì Đấng báo thù huyết nhớ lại kẻ khốn cùng, chẳng hề quên tiếng kêu của họ (Thi 9:12). Khi Chúa đến để xét đoán, đất sẽ làm chứng về huyết vô tội đã bị đổ ra (Es 26:21).

“Các trưởng lão và quan án” được đề cập trong Phu 21:2 có thể là “tòa án nơi thánh” được đề cập trong 17:8-13 và điều này sẽ kể đến các thầy tế lễ (21:5). Đây là tòa án cao nhất trong xứ và giết người là một tội ác ghê tởm. Hơn nữa, không ai đo đạc để thấy thành nào gần nhất, nên các trưởng lão và quan án không thể đến từ thành đó, một khi thành gần nhất được xác định, các trưởng lão của thành đó tham dự vào nghi lễ được ấn

định. Chúng ta cho rằng các trưởng lão và quan án đã điều tra vụ án triệt để trước khi họ đi đến những bước phác thảo trong những câu này.

Việc dâng bò cái tơ không giống như việc dâng một củalẽ tại nơi thánh. Trước hết các thầy tế lễ không giết con vật và hứng máu nó; những thường dân vắn cổ con vật trong thung lũng, và các thầy tế lễ chỉ chứng kiến hành động này. Các quan trưởng rửa tay trên con vật chết (Mat 27:24), xưng ra sự vô tội của họ và cầu xin Chúa tha thứ dân Ngài, và Ngài tha thứ. Dĩ nhiên, điều này không có nghĩa kẻ giết người vô danh tự động được tha, nhưng đúng hơn có nghĩa lời Chúa sẽ tẩy thanh xú và tha thứ Y-so-ra-ên tội lỗi họ đã phạm. Sự công bình của Đức Chúa Trời được gìn giữ và luật pháp Đức Chúa Trời được bảo vệ dù thủ phạm là nặc danh.

Việc nghi lễ này liên quan đến Chúa Giê-xu Christ và công tác chuộc tội của Ngài trên thập tự giá là rõ ràng qua lời các trưởng lão. “Xin chớ kể huyết vô tội cho dân Y-so-ra-ên của Ngài” (Phu 21:8). Vào ngày bi thảm đó khi Y-so-ra-ên yêu cầu đóng đinh Đấng Mê-si-a của họ trên thập tự giá, Phi-lát đã rửa tay và nói: “Ta vô tội về huyết người này” và dân sự đáp: “Xin huyết người lại đổ trên chúng tôi và con cái chúng tôi” (Mat 27:24-25). Giống như bò cái tơ vô tội đó, Chúa Giê-xu đã chết thay dân tộc này và thậm chí cầu nguyện trên thập tự giá: “Lạy Cha, xin tha cho họ, vì họ không biết mình làm điều gì” (Lu 23:34). Chúa Giê-xu đã làm trọn ý muốn của Đức Chúa Trời và gìn giữ Thánh luật của Ngài, và Đức Chúa Trời đã rút sự xét đoán của Ngài khỏi Y-so-ra-ên trong khoảng 40 năm. Chúa Giê-xu đã chết thay tội lỗi thế gian (Gi 1:29 I Gi 4:14). Ngài chết thay cho Hội Thánh (Eph 25:25-26) và cho dân Y-so-ra-ên “Người đã bị phạt vì có tội lỗi của dân ta” (Es 53:8).

Toàn bộ nghi lễ nói đến ân điển Đức Chúa Trời, vì công việc của con người không bao giờ có thể dành được sự tha thứ của Đức Chúa Trời. Bò cái tơ chưa bao giờ được làm việc, đất trong thung lũng chưa bao giờ được trồng trọt, còn các trưởng lão, quan án và thầy tế lễ không làm điều gì đặc biệt để đáng hưởng sự tha thứ của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài. Của lễ thậm chí không được thực hiện tại nơi thánh hay được dâng bởi một thầy tế lễ. “Ấy là nhờ ân điển, bởi đức tin, mà anh em được cứu, điều đó không phải đến từ anh em, bèn là sự ban cho của Đức Chúa Trời. Ấy chẳng phải bởi việc làm đâu, hầu cho không ai khoe mình” (Eph 2:8-9). Việc dâng bò cái tơ vô tội chỉ về việc dâng Con Đức Chúa Trời Đấng mà sự chết Ngài đem đến sự thanh tẩy, sự tha thứ và sự bãi bỏ sự xét đoán của Đức Chúa Trời.

Nhìn lại phân đoạn này về luật pháp, chúng ta có ấn tượng với việc Đức Chúa Trời muốn dân Ngài hưởng sự sống trong xú, và bí quyết của sự vui hưởng này là vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời. Tội lỗi và bất công bí quyết của sự vui hưởng này là vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời. Tội lỗi và bất công đã làm ô uế xú, và Đức Chúa Trời không muốn dân Ngài bị ô uế. Các dân tộc bất kính trong Ca-na-an làm ô nhiễm xú đến nỗi đất “nôn họ ra” (Le 18:24-30). Không có Y-so-ra-ên, không dân tộc nào trên thế giới ở trong một mối liên hệ giao ước với Đức Chúa Trời. Nhưng Chúa vẫn tính sổ với mọi dân tộc về tội lỗi

của họ Am 1:3-2:3). Một ngày nào đó Đức Chúa Trời sẽ xét đoán các dân trong sự công bình (Gio 3:9-16) và không ai thoát khỏi.

Phu 21:10-14; xem giải nghĩa Phu 21:1-9

9. NHỮNG TRANH CHẤP VÀ NHỮNG QUYẾT ĐỊNH (Phu 21:15-25:19)

Sự nhấn mạnh chính trong những chương này là về cách luật pháp của Chúa điều khiển những mối liên hệ trong dân Y-sơ-ra-ên. Tài liệu thật đa dạng nên cách tốt nhất để nghiên cứu điều Môi-se nói là sắp xếp nó theo những loại tổng quát.

1. Bảo vệ gia đình (Phu 21:15-21) (Phu 24:1-5 25:5-10)

Nền tảng cho xã hội loài người là gia đình, một món quà của Đức Chúa Trời. Nhà xã hội Margaret Mood đã nói: “Dù ai nghĩ ra bao nhiêu công xã đi nữa, thì gia đình vẫn được xem là quan trọng nhất”. Chính Đức Chúa Trời là Đấng đã thiết lập gia đình và khi như vậy Ngài đã sửa chữa điều duy nhất trong sự sáng tạo của Ngài là loài người ở một mình thì “không tốt” (Sa 1:26-31 2:18-26). Dân Y-sơ-ra-ên được lệnh phải tôn kính cha mẹ (Xu 20:12) và 4 thế hệ sống chung như một gia đình mở rộng sự tôn kính đó bao phủ một phần địa phận.

Con trưởng nam (Phu 21:15-17). Kiểu mẫu thiêng liêng ban đầu cho hôn nhân là một người nam và một người nữ dâng hiến nhau trọn đời, và hai ngoại lệ – sự đa thê và ly hôn được cho phép trong Y-sơ-ra-ên vì “sự cứng lòng của con người” (Mat 19:3-9), Người đa thê đầu tiên là Lê-méc chống lại Đức Chúa Trời (Sa 4:19) và những người đàn ông trong Kinh Thánh theo gương ông đã đem sự đau buồn và rắc rối vào trong gia đình họ. Gia-cốp đã khám phá rằng có nhiều vợ nghĩa là sự cạnh tranh với va chạm trong gia đình và đem vào gia đình nhiều đau khổ (Sa 29:30 31:1). Đức Chúa Trời tế trị sự ích kỷ trong gia đình và thực hiện những mục đích của Ngài trong việc xây dựng dân tộc, nhưng một số thành viên gia đình đã trả một cái giá.

Tại lễ Vượt qua, Đức Chúa Trời đã tha các con trưởng nam Do Thái là những người được che chở bởi huyết chiên con. Để thừa nhận phép lạ nhân từ này, Ngài truyền lệnh rằng tất cả các con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên, loài người và thú vật, phải được dâng cho Ngài (Xu 13:1-16). Y-sơ-ra-ên là con trưởng nam của Đức Chúa Trời (4:22-23) và con đầu lòng của Y-sơ-ra-ên cũng thuộc về Ngài. Cũng được định rằng con trưởng nam trong gia đình sẽ thừa hưởng hai phần gia tài. Nếu có hai con trai, con lớn nhận 2/3 và con nhỏ nhận 1/3 không điều gì có thể thay đổi luật này, dù là tình yêu của người chồng đối với vợ ưa thích của mình.

Trong lịch sử cứu rỗi phải chú ý rằng Đức Chúa Trời đôi khi bỏ qua con trưởng nam và chọn con thứ. Con trưởng nam của Áp-ra-ham là Ích-ma-ên, nhưng Đức Chúa Trời chọn Y-sác, và Ê-sau là con trưởng nam của Y-sác, nhưng Đức Chúa Trời chọn Gia-cốp (Ro 9:6-13). Gia-cốp đã ban phước đặc biệt cho Ep-ra-im, con thứ của Giô-sép, chứ không phải cho Ma-na-se, con trưởng (Sa 48:1-22). Đức Chúa Trời không chấp nhận sự sinh ra

thứ nhất của chúng ta, đó là xác thịt, nhưng ban cho chúng ta sự sinh ra thứ hai, một sự sinh thuộc linh, khiến chúng ta trở nên con đầu lòng của Ngài (Gi 3:1-18 He 12:23).

Con bội nghịch (Phu 21:18-21). Con trai này vốn là “con trai hoang đàng” (Lu 15:11-32), trừ khi nó không bỏ nhà đi để bất tuân điều răn thứ 5, bất kính cha mẹ và làm xấu hổ cho cộng đồng của mình. Ngày này sang ngày khác, nó chống cự những lời năn nỉ, răn đe và sự sửa phạt của cha mẹ khi nó từ chối làm việc, chè chén với những kẻ nghiện rượu, và chẳng đóng góp gì cho gia đình hay ông đồng loại tội lỗi này thật ghê tởm đến nỗi bị kể vào những sự rửa sả được đọc trong xứ Ca-na-an (Phu 27:16 Xu 21:17) (1).

Đây không chỉ là một sự quan tâm của gia đình, vì nó có liên quan đến hòa bình và thanh danh của cộng đồng sự đoàn kết của dân Y-sơ-ra-ên là yếu tố quan trọng trong đời sống dân sự, xã hội và tôn giáo vì tội lỗi của một người, gia đình hay một thành có thể ảnh hưởng đến cả quốc gia (Phu 13:1-19 Gios 7:1-15). Điều này cũng đúng với Hội Thánh, vì là những chi thể của một thân thuộc linh (ICo 12:1-31), chúng ta thuộc về nhau và chúng ta ảnh hưởng lẫn nhau (ICo 5:1-13). Cha mẹ của đứa con bội nghịch phải đem nó đến hội đồng địa phương tại cửa thành, làm chứng về sự bội nghịch và ương ngạnh của nó, rồi để hội đồng quyết định. Nếu đứa con không chịu thay đổi những việc làm của nó, vậy sự tuyên án duy nhất là cái chết bằng cách ném đá, với tất cả mọi người tham dự. Vì sao? Để “cắt sự ác” và cảnh cáo những kẻ hoang đàng khác về những gì có thể xảy ra cho họ. Nhóm từ “cắt sự ác” được tìm thấy 9 lần trong sách Phục truyền (Phu 13:5) và những tham khảo, và nhóm từ “nghe và sợ” được tìm thấy 4 lần (13:11 17:13 19:20 21:21). Chúa và Môi-se tin rằng hình phạt công khai cho những kẻ vi phạm có thể là một bất lợi cho những kẻ khác phạm tội. Hơn nữa, tương lai của gia đình đó ở tình trạng lâm nguy nếu đứa con này được phép tiếp tục trong tội lỗi mình.

“Luật về những kẻ hoang đàng” này giúp ta hiểu một khía cạnh trong ví dụ của Chúa chúng ta, sự kiện người cha chạy ra đón con trai ông Lu 15:20). Ở Đông phương không có tục lệ người lớn tuổi chạy. Dĩ nhiên, tình yêu của người cha đối với đứa con buộc ông phải vội vàng để gặp con, nhưng có điều gì đó liên quan. Tin tức về đời sống hư hỏng của đứa con trai này nơi phương xa chắc chắn đã bay về quê nhà nó, và những công dân tôn trọng luật pháp biết rằng nó đã làm xấu hổ cho thành của họ. Nhìn đứa con trai đến gần, các trưởng lão tại cửa thành có thể bị cám dỗ để từ chối cho nó vào, hoặc trong cơn giận, họ có thể nhặt đá ném nó! Nhưng có người cha giữ đứa con trong vòng tay, hôn nó, và nghênh đón nó, các trưởng lão không thể làm gì. Nếu ai đó ném đá, họ sẽ ném trúng người cha. Điều này nói với chúng ta về đời gô-gô-tha nơi Đức Chúa Trời nhận hình phạt thay chúng ta để Ngài có thể đón chúng ta về nhà.

Sự ly hôn (Phu 24:1-17) (2). Dù tội tệ khi một gia đình có đứa con bội nghịch quấy rối gia đình, nhưng còn tội tệ hơn khi người chồng và người vợ không hòa thuận và hôn nhân đổ vỡ. Luật hôn nhân đầu tiên tại vườn Ê-đen không nói gì về sự ly hôn (Sa 2:18-25). Hôn nhân về cơ bản là một sự hiệp nhất về thuộc thể (“một thịt”), nên chỉ một nguyên nhân thuộc thể mới có thể làm hôn nhân vỡ, và có 2 lý do như thế, sự chết của người chồng hoặc người vợ (Ro 7:1-3 ICo 7:39) và sự ngoại tình (Phu 22:22 Le 20:10). Người đàn

ông và người đàn bà ngoại tình đều bị giết chết, để người vợ hoặc người chồng vô tội được tự do tái hôn. Luật Môi-se không cho phép ly hôn mình.

Vì “sự ô ướ” (“cái gì đó khiếm nhã” NIV) không thể là tội ngoại tình, điều gì cho phép một người nam ly hôn vợ mình? Trong thời Chúa chúng ta, trường Rabbi-Hillel có một quan điểm rất rộng và giải thích “sự ô ướ” nghĩa là “bất cứ điều gì không làm hài lòng người chồng”. Nhưng trường Rabbi Shammai có quan điểm hẹp hơn rằng “sự ô ướ:” nghĩa là loại tội lỗi tình dục nào đó (Mat 5:31-32 19:1-9 Mac 10:1-12). Chúa Giê-xu không định nghĩa “sự ô ướ” nhưng cho biết rõ rằng luật Môi-se về việc ly hôn là một sự nhượng bộ, không phải một mệnh lệnh. Đức Chúa Trời cho phép điều đó vì có sự cứng lòng của loài người. Tuy nhiên, dường như Chúa Giê-xu thật sự cho phép sự ly hôn nếu người chồng hoặc người vợ phạm tội ngoại tình sự thừa nhận là người chồng hoặc vợ được tự do tái hôn, nếu không tại sao ly hôn? (3).

Khi Chúa chúng ta cho phép ly hôn vì sự ngoại tình, Ngài đặt sự ly hôn ngang hàng với sự chết. Hội Thánh những có quyền giết người vì có phạm tội ngoại tình hay bất cứ tội lỗi nào khác, nhưng họ có thể chấp nhận sự ly hôn tương đương với sự chết, như vậy để người vợ hoặc chồng vô tội tự do tái hôn. Chúa Giê-xu xác nhận quyền của ưu tiên của luật hôn nhân đầu tiên tại vườn Ê-đen, nhưng Ngài cũng ban cho sự nhượng bộ này. Dĩ nhiên, tốt hơn khi người có tội xưng nhận tội lỗi, ăn năn, được phục hồi và được tha thứ, nhưng điều này không phải luôn xảy ra. Tội lỗi là kẻ huỷ diệt lớn, và nơi mà những đặc quyền là cao nhất như trong hôn nhân, thì nỗi đau của tội lỗi đó lớn nhất.

“Tờ ly hôn” là một văn kiện chính thức bảo vệ người nữ khỏi sự vu cáo, phỉ báng và cũng cho nàng đặc quyền về một cuộc hôn nhân thứ hai. Thời gian yêu cầu để có được văn kiện này sẽ cho người chồng cơ hội suy nghĩ vấn đề thấu suốt và có thể xem xét lại. Anh ta sẽ mất những gì để lại về giá trị cuộc hôn nhân hoặc của hồi môn, và điều đó có thể đắt giá. Quá nhiều cuộc ly thân và ly hôn là kết quả của những cảm xúc chồng chất, những vết thương mưng mủ, và những lời nói khinh suất lẽ ra có thể tránh được nếu vợ chồng thành thật với nhau, trao đổi sự việc, và sớm tìm kiếm sự giúp đỡ của Chúa trong vấn đề.

Nếu cuộc hôn nhân thứ hai phải kết thúc trong sự ly hôn, người nữ bị cấm trở lại với chồng trước của nàng vì nàng đã bị “ô ướ” (Phu 24:4). Điều này có nghĩa là việc hoàn thành cuộc hôn nhân thứ hai bị xem là tội ngoại tình, vì chỉ có sự chết sự ngoại tình mới có thể làm hôn nhân tan vỡ (tội ngoại tình được gọi là “sự ô ướ” trong Le 18:20 Dan 5:13-14). Đối với vấn đề này, việc trở lại với người chồng đầu tiên sẽ làm giảm giá trị của nàng và khiến nàng chỉ là một món đồ có thể được mua hay bán tùy ý.

Sự gia hạn (Phu 24:5). Luật này đã được xem xét trong 20:7. Bất cứ người nam khoẻ mạnh nào cũng có thể thế chỗ người chồng mới trong quân đội nhưng không ai có thể thế chỗ anh ta ở nhà. Vợ anh sẽ khổ sở vì nỗi đau xa cách người yêu dấu của mình nỗi khốn khổ về sự mất mát, và nếu anh chết trong chiến trận, luật này cho thấy giá trị cao cả Đức Chúa Trời đặt trên tình yêu loài người và trách nhiệm về hôn nhân.

Hôn nhân theo tục anh em chồng lấy chị em dâu (Phu 25:5-10). Từ “Levirate” đến từ tiếng La-tinh và có nghĩa một anh em trai của chồng”. Chính luật này đã được người Sa-đu-sê sử dụng khi họ tìm cách gài bẫy Chúa Giê-xu (Mat 22:23-33). Về cơ bản, luật này yêu cầu một anh em của người đàn ông đã chết phải cưới góa phụ này và có con với nàng để danh người chết sẽ không tàn lụi trong Y-so-ra-ên. Tuy nhiên, có một số điều kiện đặc biệt để tuân thủ. Thứ nhất, người anh em đã kết hôn và người anh em độc thân phải sống chung với nhau, thứ hai, vợ chồng đã kết hôn phải không có con, và thứ ba, người anh em độc thân phải muốn cưới người góa phụ và có con với nàng.

Yêu cầu thứ nhất “sống chung nhau” không đòi hỏi một ngôi nhà chung nhưng chỉ đòi hỏi anh em sống gần nhau (Sa 13:6). Do đó, người vợ không phải là một người xa lạ đối với người anh em chồng của nàng. Về yêu cầu thứ hai, nếu vợ chồng đã có con, sẽ không cần hôn nhân thứ hai. Thật ra người anh em chồng cưới chị em dâu của mình khi họ đã có con là trái luật (Le 18:6). Yêu cầu thứ ba là một yêu cầu quyết định: người anh em chồng có muốn lấy góa phụ của anh em mình chẳng? Người bà con vô danh trong sách Ru-tơ từ chối lấy Ru-tơ vì điều đó sẽ gây nguy hại cho sản nghiệp của người ấy (Ru 4:16).

Nếu người nam này từ chối cưới nàng, người nữ đem sự việc mình trình cho các trưởng lão tại cửa thành, và họ sẽ cãi lẽ với người nam. Chắc chắn họ sẽ chỉ ra rằng góa phụ không con cần sự bảo vệ và người anh em quá cố cần một người thừa kế để lưu danh và tài sản. Nếu người nam đó vẫn từ chối, vậy người góa phụ có thể công khai làm nhục người bằng cách khắc vào (hoặc trước) mặt người (Dan 12:14) và cởi giày người. Đặt chân bạn trên đất hoặc đặt giày bạn trên đó nghĩa là giành nó cho mình (Sa 13:17 Gios 10:24 Thi 60:8 108:9), còn cởi giày bạn nghĩa là bỏ việc giành tài sản này. Nếu người anh em này cưới vợ sau đó và có một gia đình, gia đình ấy sẽ được biết là “nhà của người đi chân không”. Chỉ người nghèo người than khóc, và tù nhân chiến tranh mới đi chân không (Es 20:2-4 Mi 1:8 Lu 15:22), nhưng mang giày bạn trở lại là được phục hồi trong xã hội (IISu 28:15 Lu 15:22). Bằng cách từ chối tôn kính người anh em đã chết, người nam này đã mang đến sự hổ thẹn cho chính mình và gia đình mình.

2. Làm nhục tội phạm (Phu 21:22-23)

Chúa sử dụng hình ảnh tích cực và tiêu cực để dạy dân Ngài tôn trọng và vâng theo luật pháp Ngài. Về mặt tích cực, những người mang tua áo xanh trên chéo có của họ để nhắc họ rằng họ thuộc về Chúa và được ban đặc quyền có luật pháp Ngài để vâng theo (Dan 15:37-41). Lễ Sa-bát hằng tuần và những kỳ lễ hằng năm là những điều nhắc nhở về tất cả những gì Chúa đã làm cho Y-so-ra-ên, và sự hiện diện của nơi thánh của Đức Chúa Trời giữ sự hiện diện của Chúa trước mắt họ. Người Lê-vi tản lạc khắp Y-so-ra-ên là những nhắc nhở sống động về luật pháp của Chúa và tầm quan trọng về việc biết nó.

Về mặt tiêu cực, việc dâng của lễ huyết là một nhắc nhở sống động rằng cơ sở của sự tha thứ và mỗi giao thông là sự dâng đời sống (Le 17:11). Mỗi khi cộng đồng ném đá một kẻ phạm luật cho đến chết, điều đó sẽ khiến dân sự “nghe và sợ”. Cô lập người phung

ngoài trại qân, thiêu quần áo nhiễm phung, và phá sập nhà bị nhiễm phung nhắc nhở dân sự rằng tội lỗi giống như bệnh phung và phải được xử lý. Nhưng việc phơi bày công khai xác chết của một tội phạm sẽ là một bài học thực tiễn mà một số người sẽ quên, một phạm nhân bị định tội về việc phạm tội tử hình thì bị ném đá đến chết, và nếu các quan trưởng muốn làm cho việc xét xử thậm chí trở nên long trọng hơn, họ có thể ra lệnh cho thầy bị treo trên cây hoặc bị đâm xiên vào một cái sào cho đến khi mặt trời lặn. Đó sẽ là một bài học thực tế biết bao! (Ở Luân Đôn vào thế kỷ 17-18, đầu của những phạm nhân bị xử tử đôi khi bị phô trương giữa công chúng). Vì một xác chết là ô uế, nó được đưa xuống lúc mặt trời lặn để không thối rữa hơn và làm ô uế xứ. Cũng vậy, Chúa không muốn những tội phạm bị xử tử gây quá nhiều chú ý để họ khỏi trở thành những anh hùng.

Hành động biểu tượng khá khủng khiếp này nhắc nhở dân sự rằng Đức Chúa Trời rửa sả những người phạm tội tử hình. Trong Ga 3:13 Phao-lô áp dụng lẽ thật này cho sự chết của Chúa trên thập tự giá: “Đấng Christ đã chuộc chúng ta khỏi sự rửa sả của luật pháp, bởi Ngài đã nên sự rửa sả vì chúng ta, (vì có lời chép: Đấng rửa thay là kẻ bị treo trên cây gỗ). Những ai tin nhận Đấng Christ không thể bị luật pháp kết án (c.10) vì Đấng Christ đã mang sự rửa sả đó thay họ.

3. Yêu người lân cận mình (Phu 22:1-4,6-8)

Những luật lệ này là những áp dụng cụ thể của Le 19:18 “Chớ toan báo thù, chớ giữ sự báo thù cùng con cháu dân sự mình, nhưng hãy yêu thương kẻ lân cận ngươi như mình: Ta là Đức Giê-hô-va” kẻ lân cận là một người anh em, đó thậm chí là một động cơ cao nhất. Thật ra, dân Do Thái phải mở rộng mối quan tâm tương tự này thậm chí cho súc vật của kẻ thù họ (Xu 23:4). Cả Chúa Giê-xu lẫn Phao-lô đều khuyên chúng ta yêu kẻ thù mình và bày tỏ tình yêu này trong những phương diện thực tiễn (Mat 5:43-48 Ro 12:17-21).

Tài sản bị mất (Phu 22:1-3). Có ít hàng rào và tường trên nông trại người Do Thái, bạn phải trả nó về cho khổ chủ nó. Nếu chủ sống ở xa, bạn phải cho con vật “ăn ở trọ” cho đến khi người chủ tới nhận nó, gia súc vừa đắt tiền vừa cần thiết, gia đình nông dân và quốc gia đều không thể sống mà không có chúng. Nhưng Mô-i-se không giới hạn luật pháp này ở thú vật bị lạc; ông nói rằng bất cứ cái gì một người Do Thái tìm thấy phải được bảo vệ và trả lại cho chủ. Người lân cận không phải chỉ là người sống gần kề bạn; Người ấy là bất cứ ai có nhu cầu mà bạn có thể giúp đỡ. Trong câu chuyện của Chúa Giê-xu về người Sa-ma-ri nhơn lành (Lu 10:25-37), Ngài đi theo định nghĩa nàng về “người lân cận”. Tuy nhiên Đức Chúa Trời quan tâm về con vật cũng như về người chủ, và chúng ta cũng phải như vậy.

Chúa quan tâm việc con người tìm thấy và trả lại con vật bị lạc, nhưng Ngài cũng quan tâm nhiều việc chúng ta tìm tội nhân hư mất đi lạc lối (Lu 15:1-7 Gi 5:19-20). Chắc chắn một người được dựng nên theo hình ảnh của Đức Chúa Trời có giá trị nhiều hơn một con vật (Mat 12:12).

Những trường hợp khẩn cấp (Phu 22:4). Một con lừa mang nặng sẽ không dễ đỡ dậy, nhưng đó là điều dành cho người lân cận và người anh em. Vì có con vật và vì có người chủ, những người này sẽ họp lại và biến trường hợp khẩn cấp này thành một cơ hội để thực hành tình yêu thương anh em. Những trường hợp khẩn cấp không tạo nên con người; chúng cho thấy con người được tạo nên bởi cái gì. Khi một cơn bão dữ dội phá hủy hàng ngàn cây trong thành phố chúng ta, một số người lợi dụng hoàn cảnh này và dùng những chiếc cưa máy của họ để thu phí cắt cỏ của người khốn khó. Sự tham tiền đã thắng tình yêu của họ đối với người lân cận của họ. Nhưng những người khác, kể cả thanh thiếu niên, đi từ nơi này sang nơi khác để dành sự phục vụ của họ giúp những người không thể tự giúp mình.

Sự mê mại (Phu 22:6-7). Mối quan tâm về thú vật bị ngã dẫn đến mối quan tâm về loài chim không được bảo vệ. Con người phá những tổ chim, dùng những con chim và trứng chim hòng làm bữa ăn tối, nhưng Đức Chúa Trời cấm hành động bừa bãi như thế. Nếu người này bắt chim mẹ, chim con sẽ chết vì thiếu thức ăn và sự chăm sóc, vì vậy người được phép bắt chim con và trứng. Chim mái có thể có ổ khác và điều này sẽ giúp duy trì chủng loài. Khi bạn đọc luật Môi-se, bạn không khỏi xúc động bởi sự quan tâm của Chúa đối với những nguồn thiên nhiên Ngài đặt trên đất, không chỉ loài chim mà còn cây cối (20:19-20), con lừa (22:4), và con bò đói (25:4). Đức Chúa Trời duy trì loài người và cả loài thú (Thi 36:6 104:10-30), và Ngài mong dân Ngài giúp Ngài trong công tác quan trọng đó. Đức Chúa Trời cung cấp thực phẩm cho loài người, nhưng tính tham lam của một số người có thể huỷ hoại nguồn dự trữ cho nhiều người. Chúa hứa rằng dân tộc này sẽ trở nên phước hạnh nếu họ bày tỏ sự quan tâm đối với loài vật yếu đuối (Phu 22:7 4:40 5:16 6:3,18 12:25,28 19:13).

Sự an toàn (Phu 22:8). Mái của một ngôi nhà ở Y-so-ra-ên là nơi sinh sống đối với gia đình, đặc biệt suốt mùa nóng khi họ ngủ trên mái nhà nơi trời mát hơn. Chủ nhà phải xây một bức tường thấp (tường chắn mái) hoặc một rào chắn quanh mái nhà để bảo vệ người ta khỏi rơi xuống. Đặt một tấm biển và cảnh báo người ta về nguy hiểm thì chưa đủ, chủ nhà phải xây lên một rào chắn để giúp bảo vệ người ta. Chúng ta thường nghĩ gia đình như một nơi trú ẩn khỏi những công kích của thế gian, nhưng các chuyên gia về sự an toàn cho chúng ta biết rằng gia đình cụ thể là hiện trường của nhiều tai nạn, thương tích và thậm chí là sự chết.

Sự rời rộng (Phu 23:24-25). Xứ thuộc về Chúa và những mùa gặt là phần thưởng của Ngài cho công việc trung tín của dân Ngài và sự vâng lời của họ đối với luật pháp Ngài; do đó, Ngài có mọi quyền để chia sẻ mùa gặt của Ngài cho những ai cần đến. Nếu những con bò đói có thể ăn lúa chúng đang đập (25:4), chắc chắn những người đói có thể ăn nơi đồng ruộng của Chúa (Mat 12:1-8). Luật này không cho con người cái quyền lấy thực phẩm khỏi đồng ruộng, vườn nho, vườn cây ăn trái của người lân cận mình bất cứ khi nào họ muốn một bữa ăn qua loa. Đặc quyền này được dành cho người thật sự đói và đặc biệt là người lao động nơi trang trại, khách lạ và người nghèo. Luật này đặc biệt giúp cho người du hành qua xứ. Tuy nhiên, Môi-se làm rõ rằng thực phẩm phải được ăn tại chỗ

chứ không được mang đi. Luật này cho con người đặc quyền đáp ứng nhu cầu họ chứ không phải thỏa mãn sự tham lam của họ.

Đức Chúa Trời khích lệ dân Y-sơ-ra-ên rời rộng với người kém may mắn. Người nông dân không được thu hoạch đồng ruộng và vườn nho của họ quá cẩn thận đến nỗi không còn gì sót lại cho người nghèo và người túng thiếu lượm mót (Phu 24:19-22 Le 19:9-10 23:22 Ru 2:1-23). Nếu Y-sơ-ra-ên vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời và yêu mến kẻ lân cận của họ, Đức Chúa Trời sẽ ban phước dư dật cho họ và chu cấp dư dật cho mọi người. Ngay dưới thời Cựu Ước, những người ban cho kẻ khác sẽ nhận dư dật từ Chúa (Ch 11:21 22:9 Es 58:6-7 Ma 3:10 Mat 5:42 Lu 8:38 Cong 20:35 IICo 9:6). Chúng ta những người dự phần sự giàu có vô lượng của ân điển Đức Chúa Trời bởi đức tin trong Chúa Giê-xu Christ càng phải rời rộng biết bao!

4. Duy trì sự phân biệt (Phu 22:5,9-12)

Vì dân Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời, được biệt riêng với các dân tộc khác, những tập tục có thể được chấp nhận trong những nền văn hóa ngoại giáo bị cấm đối với dân Do Thái Đức Chúa Trời đã biệt riêng các thầy tế lễ và người Lê-vi để dạy dân sự biết những điều phải trái, cùng những thứ thanh sạch với ô uế, và điều này giúp dân sự phát triển sự phân biệt. Khi họ vâng lời Đức Chúa Trời và tìm kiếm sự chúc phước của Ngài, họ học biết càng nhiều hơn về điều gì phù hợp và đúng đắn trong xã hội Do Thái. Dân tộc đã bị suy sụp về thuộc linh vì các thầy tế lễ và người Lê-vi không làm công việc của họ, và dân Do Thái bắt đầu bắt chước những láng giềng ngoại đạo của họ (Exe 22:23-29 44:23).

Quần áo (Phu 22:5). Từ quen thuộc và được chấp nhận hiện nay “unisex” (dùng cho 2 giới tính) xuất hiện trước tiên trên báo tạp chí Life (21/6/1968) qua một bài báo mô tả quần áo dùng cho 2 giới tính là “một bánh bao cũng như một trò đùa khôi hài” Trong câu Kinh Thánh này, Đức Chúa Trời gọi đó là “một sự góm ghiếc”. Tuy nhiên những người đồng ý với Môi-se không phải luôn nhất trí về cách luật này phải được áp dụng trong Hội Thánh. Vì Cơ Đốc nhân không ở dưới Cựu Ước, một số tín hữu hoàn toàn bất chấp luật này, trong khi những tín hữu khác sử dụng nó để bảo phụ nữ trong Hội Thánh cách họ phải ăn mặc ra sao, ở nhà và trước công chúng. Chúng ta không thể làm ngơ sự bày tỏ của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước, vì Chúa Giê-xu và các sứ đồ đã sử dụng Cựu Ước trong các bàn luận về những mối quan tâm thuộc linh (4). Dù luật về quần áo này không áp dụng cho Hội Thánh cách giống như cách đã áp dụng cho Y-sơ-ra-ên, đằng sau nó có những nguyên tắc thuộc linh quan trọng đối với chúng ta (IITi 3:16-17).

Trước hết luật này không chỉ tập trung vào quần áo. Theo nguyên văn luật này nói rằng “không được có những thứ của người nam ở trên người nữ, và người nam không được mặc quần áo của người nữ” (5). Nhóm từ “những thứ của người nam” có thể chỉ về bất cứ vật gì thường liên hệ với người nam trong văn hoá đó, bao gồm quần áo, dụng và vũ khí. Nếu chúng ta áp dụng luật này một cách nghiêm khắc cho tín hữu ngày nay, vậy chúng ta phải xác định trong mỗi nền văn hoá và mỗi hoàn cảnh những thứ nào là giống cái và những thứ nào thuộc giống đực, và điều đó có thể không dễ làm. Người nam Xê-

mít đeo hoa tai và nữ trang vàng khác, một thói quen gây khó chịu đối với một số Hội Thánh ngày nay. Vấn đề mà câu Kinh Thánh này là một điều cấm về việc cư xử ngược phái tính là rõ ràng, nhưng một người nam trong nền văn hóa Tây phương có thể sử dụng chiếc dù của một người nữ hay mặc áo mưa của cô ta hay không?

Môi-se đang nhắc nhở dân sự rằng có một sự phân biệt giữa 2 giới tính, do Đức Chúa Trời thiết lập từ ban đầu, và Đức Chúa Trời muốn chúng ta duy trì sự phân biệt này “Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài, Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ” (Sa 1:27). Bởi sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời, người nam và người nữ được dựng nên vì nhau nhưng được dựng nên khác nhau. Nhiều quốc gia trong thế giới cổ đại tán thành và thực hành sự đồng tính luyến ái, thậm chí trong tôn giáo của họ, nhưng Đức Chúa Trời cấm điều đó trong Y-sơ-ra-ên và khiến nó thành một tội xử tử (Le 18:22-20:13). Việc duy trì và tôn trọng những phân biệt giới tính không hạ giá người nữ hay đề cao người nam. Cả hai được Đức Chúa Trời dựng nên theo hình ảnh Ngài và đều dự phần trong sự chúc phúc và sử dụng về sự sáng tạo (Sa 1:28-31), làm hoen ố những nét đặc trưng của họ, để người nam không còn phân biệt được với người nữ là đem đến sự lộn xộn cho trật tự của Đức Chúa Trời đối với thế giới của Ngài (ICo 11:1-16 ITi 2:9-15).

Nếu người nam và người nữ trong Y-sơ-ra-ên được phép “ăn mặc trái ngược”, điều đó sẽ khiến họ phạm tội dễ hơn. Tất cả những gì kẻ ngoại tình phải làm là mặc quần áo phụ nữ và không ai biết ai đang thăm viếng nhà người lân cận, trong xã hội ngày nay, sự cải trang không còn cần thiết. Thật ra, tội tình dục là món ăn tiêu chuẩn trong trò giải trí bằng phương tiện truyền thông và người ta có vẻ không xấu hổ về điều họ thấy hoặc làm. Hơn nữa, “ăn mặc trái ngược” sẽ có nghĩa là bắt chước những dân tộc ngoại giáo, những dân tộc sử dụng những việc làm như thế trong nghi lễ tôn giáo của họ “đừng làm theo đời này” (Ro 12:2) không có nghĩa là Cơ Đốc nhân phải trông như họ đến từ thế giới khác hay từ một sai lệch về thời gian. Cơ Đốc nhân dần thân sẽ không có vẻ và hành động như Cơ Đốc nhân, họ còn phải có vẻ và hành động như người nam và người nữ bình thường. Điều này cũng áp dụng cho trẻ em và cho thanh niên. Các mốt thay đổi và những nền văn hoá thì khác nhau, nhưng thiếu nữ và Cơ Đốc phải luôn ăn mặc giản dị (ITi 2:9) trong những quần áo phù hợp với công việc, và đàn ông với nam thiếu niên cũng vậy.

Nguyên tắc đằng sau luật này là nguyên tắc về sự phân rẽ khỏi thế gian và sự nhận biết trật tự của Đức Chúa Trời đối với người nam và người nữ. Đó là một nguyên tắc giúp chúng ta tôn trọng Đức Chúa Trời và tránh sự lộn xộn cùng tội lỗi. Nói rằng chúng ta phải vâng theo bức thư luật pháp này ngày nay là không hiểu vấn đề. Phải chăng điều này cũng có nghĩa là chúng ta không thể mặc quần áo có sợi thớ pha tạp (Phu 22:11) hay chúng ta phải kết tua trên quần áo mình? (c.2 Dan 15:37-40 Mat 23:5). Có lẽ điều cấm về vải pha lộn là một nhắc nhở sâu xa về trách nhiệm của Y-sơ-ra-ên phải phân rẽ khỏi những dân tộc khác là những dân thực hành những điều này, có lẽ thuộc một phần trong hệ thống tôn giáo của họ.

Việc đồng áng (Phu 22:9-10 Le 19:19). Bằng cách không mang ách chung cho những loại thú vật khác nhau, dân Do Thái một lần nữa nhận biết trật tự của Đức Chúa Trời trong thiên nhiên. Cũng có vấn đề về sự phân rẽ, vì bò là con vật thanh sạch và lừa là một con vật ô uế. Theo một quan điểm thực tiễn, các thú vật có tính khí khác nhau, và việc chúng bị mang ách chung với nhau có thể chỉ tạo ra những vấn đề. Giữ cho các hạt giống khác loại được phân rẽ khi gieo vào ruộng cũng là sự nhận biết về nguyên tắc phân rẽ. Có thể các dân tộc ngoại giáo đã hòa lẫn hạt giống của họ như một phần của các nghi lễ về sự mày mỗ đất có liên hệ với các thần của họ. Dù đang dệt quần áo, cày cấy bằng thú vật nông trại, hay gieo giống, dân Do Thái giáo nhớ rằng họ là dân sự Đức Chúa Trời và do đó là một dân được biệt riêng. Đây là bản dịch Cựu Ước của IC0 10:31 “Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự chi khác, hãy vì sự vinh hiển Đức Chúa Trời mà làm”.

5. Tôn trọng sự thanh khiết cá nhân (Phu 22:13-30)

Fulton J. Sheen nói: “Tình dục đã trở nên một trong những chủ đề được bàn luận nhiều nhất thời nay. Dân dưới triều đại Victoria giả vờ như nó không tồn tại, dân ngày nay giả vờ như không có điều nào khác tồn tại”. Đức Chúa Trời đã tạo nên tình dục và có mọi quyền để điều khiển cách chúng ta sử dụng nó, và nếu chúng ta vâng lời Ngài, nó sẽ đem lại sự phong phú và vui mừng. Một trong những luật cơ bản đó là tình dục không được trải qua bên ngoài mối dây hôn nhân. Luật Mô-ise và Kinh Thánh Tân Ước đề cao sự thanh khiết cá nhân cùng tầm quan trọng của tính trung thực và trung thành trong hôn nhân.

Người vợ bị vu cáo (Phu 22:13-21). Sự thanh khiết về tình dục của người nữ là quan trọng trong Y-so-ra-ên để duy trì sự chính trực cho dòng họ và do đó duy trì được sự chính trực của các chi phái. Tính hợp pháp của các con trai một người nam bảo đảm cho việc bảo vệ và làm bất diệt tên tuổi cùng tài sản gia đình. Đối với chúng ta, điều này dường như một tiêu chuẩn gấp đôi, vì không có luật nào mà bởi đó người nữ có thể kiểm tra lòng trung thành của chồng mình. Nhưng vấn đề ở đây không phải chỉ là tính đạo đức cá nhân ngay cả tính hợp pháp về gia đình, việc ngăn trở một đứa con hoang bước vào gia đình. Nếu sau khi hoàn tất hôn nhân, người chồng khám phá rằng vợ anh không phải là một trinh nữ, thì có thể nàng đã mang thai. Nếu người chồng không hành động ngay để bảo vệ mình, anh sẽ phải chấp nhận một đứa trẻ có cha là một người đàn ông khác, nhưng làm sao anh ta có thể chứng minh điều đó?

Vào đêm tân hôn, cô dâu khôn ngoan chuẩn bị cho mình một chiếc áo, tân hôn mà sẽ vấy máu nàng lúc hoàn tất việc hôn nhân. Đây sẽ là bằng chứng nàng thật sự là một trinh nữ khi nàng kết hôn. Nếu sau này chồng nàng nói ngược lại (6), nàng và cha mẹ nàng có thể đưa chiếc áo hôn nhân ra làm chứng cứ. Không người nữ chung thủy nào lại muốn thanh danh của chồng mình bị bôi nhọ hay tương lai mình bị hủy hoại chỉ vì một lời nói dối của một người đàn ông đáng ghét. Các trưởng lão sẽ đánh người chồng, phạt anh ta hai lần giá tiền cưới vợ (c.19,29), tương đương với tiền công

10 năm, và ra lệnh rằng anh ta không bao giờ có thể ly hôn với nàng. Luật này trừng phạt người nam và bảo vệ người nữ.

Nhưng nếu lời tố cáo được chứng minh là thật, người nữ sẽ bị ném đá đến chết trước nhà cha nàng, vì chính trong lúc nàng sống ở đó, nàng đã phạm tội. Cũng có thể cha mẹ đã biết con gái họ không phải là trinh nữ và nói dối với người chồng. Cha mẹ này không bao giờ có thể bước ra trước cửa mà không nhìn thấy nơi con gái họ đã bị ném đá đến chết. “Tiền công của tội lỗi là sự chết”.

Tội ngoại tình (Phu 22:22-24). Sự thông dâm là sự ăn nằm giữa những người độc thân, còn ngoại tình có liên quan ít nhất một người đã kết hôn. Những ai bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình đều bị ném đá đến chết (trong tình tiết được mô tả ở Gi 8:1-11), chúng ta không biết điều gì xảy ra cho người nam một người nữ Do Thái đã hứa hôn được xem như là vợ của một người nam (Phu 22:24), và nếu nàng có một sự ăn nằm trong một thành, đó bị xem là tội ngoại tình và nàng bị ném đá. Điều này là đúng, dù không ai đến đúng lúc để cứu nàng, tiếng kêu la của nàng là chứng cứ nàng không hợp tác trong việc làm này. Sự yên lặng của nàng đã ngụ ý sự đồng tình.

Sự cưỡng hiếp (Phu 22:25-29). Một người nữ đã hứa hôn bị tấn công trong làng đã có thể la lên mà không được cứu giúp vì không ai ở đó nghe thấy và đến của nàng. Do đó, người nam bị ném đá đến chết nhưng người nữ được phép sống không điều gì được nói về hôn lễ tương lai của nàng, bởi có lẽ vị hôn phu của nàng sẽ không muốn nàng nếu nàng đã mất trinh tiết. Về điều này, Môi-se im lặng.

Người nam cưỡng hiếp một người nữ chưa hứa hôn phải cưới người nữ này và trả cho cha nàng giá tiền cưới vợ là 50 siếc-lơ, và anh ta bị cấm ly hôn với nàng. Chúng ta không biết những cuộc hôn nhân sẽ thành công ra sao khi khởi đầu bằng sự tham dự và được giữ chỉ bởi luật pháp. Nhưng một lần nữa, luật này bảo vệ người nữ và trừng phạt người nam.

Sự loạn luân (Phu 22:30). Người nữ ở đây là mẹ kế của người nam, phạm tội và không phải là mẹ ruột anh ta (Le 18:7-8). Le 20:11 kết án tử hình cho cả hai. Tội lỗi này thuộc số những tội bị kết án trên núi Ê-ban (Phu 27:20). Rõ ràng đây là tội lỗi của người nam trong Hội Thánh Cô-rinh-tô là người cần phải bị kỷ luật (ICo 5:1- 13).

6. Những luật khác (Phu 22:13-30) (Phu 23:1-25:19)

Ở đây chúng ta phân loại nhiều luật hỗn hợp quan trọng đối với đời sống của dân tộc này và minh họa những lẽ thật thuộc linh quan trọng đối với chúng ta ngày nay.

Gia nhập hội chúng (23:1-8 25:17-10). Làm một thành viên của dân tộc Do Thái và dự phần trong những phước hạnh của giao ước Đức Chúa Trời là một đặc quyền. Từ “hội chúng” có thể chỉ về hội chúng thờ phượng chứ không phải cả dân tộc. Dân ngoại có thể sống trong những ranh giới của lãnh thổ Y-sơ-ra-ên nhưng điều đó không cho họ cái quyền dự vào những kỳ lễ và những sự kiện tôn giáo khác. Dân ngoại chịu phép cắt bì và xưng Đức Giê-hô-va là Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống có thể trở thành người

quy đạo (Xu 12:43-51), nhưng một số người bị loại trừ vì những lý do khác nhau. Chúa có quyền quyết định ai sẽ gia nhập thánh quốc của Ngài.

Trước hết, bất cứ người nam nào bị hoạn đều bị khước từ (Phu 23:1). Các thầy tế lễ nào có những khiếm khuyết tương tự đều bị cấm hầu việc tại bàn thờ, dù họ có thể ăn thức ăn thánh (Le 21:10-23), và Y-sơ-ra-ên là một nước thầy tế lễ (Xu 19:5-6). Do đó, những người gia nhập dân tộc này phải không có những khiếm khuyết. Có thể một số người ngoại đã chịu sự mổ xẻ này như một phần sự dâng hiến của họ đối với một Đức Chúa Trời của người ngoại giáo, còn phép cắt bì Do Thái nói là sự thuộc về Đức Chúa Trời chân thật của Y-sơ-ra-ên. Tiên tri Ê-sai trông chờ ngày mà những người hoạn sẽ được tiếp đón vào vương quốc và được Đức Chúa Trời chúc phước (Es 56:3-5). Chúng ta ngày nay có thể vui mừng rằng những khuyết tật và những giới hạn thuộc thể không phải là một rào cản cho đức tin nơi Chúa Giê-xu Christ và sự dự phần trong phước hạnh của giao ước mới (Cong 8:26-39).

Con ngoại tình (Phu 23:2). Cũng bị loại trừ, dù chúng ta không biết chắc điều khoản này có nghĩa gì trong Y-sơ-ra-ên cổ đại, các ra-bi giải thích nó có nghĩa là một đứa con ‘sinh bởi một cuộc hôn nhân bị cấm’ (theo như Kinh Thánh NIV dịch, nhưng “một cuộc hôn nhân bị cấm” là gì? Nó có thể kể đến những cuộc hôn nhân loạn luân hay những cuộc hôn nhân có liên hệ với những dân tộc bị khước từ (dân Am-môn, dân Mô-áp). Lý do đứa con vô tội phải bị trừng phạt vì tội lỗi của cha mẹ (24:16) thật khó hiểu. Nhóm từ “đến đời thứ 10” nghĩa là “mãi mãi” (c.3).

Dân Am-môn và dân Mô-áp (23:3-6) là con cháu của Lót (Sa 19:30-38), cháu trai của Áp-ra-ham, nhưng họ không bày tỏ sự tử tế đối với bà con Do Thái của họ. Dân Am-môn không bán cho họ thức ăn và rượu, và Ba-lác, vua Mô-áp đã thuê Ba-la-am rủa sả Y-sơ-ra-ên (Phu 2:9-23 Dan 22:1-24:25). Vì cả hai dân tộc có liên hệ với Y-sơ-ra-ên, Chúa không cho phép dân Do Thái tấn công họ. Hình phạt cho họ là bị loại trừ khỏi những phước hạnh của dân tộc Y-sơ-ra-ên mãi mãi. Tuy nhiên, Ru-tơ, người nữ Mô-áp đã lấy Bô-ô, gia nhập dân tộc Y-sơ-ra-ên rồi trở nên bà cố của vua Đa-vít (Ru 4:17-22) và do đó là một tổ mẫu của Chúa Giê-xu Christ (Mat 1:3-6). Bà đặt đức tin mình nơi Đức Giê-hô-va (Ru 1:16-17) và Chúa đã chấp nhận bà.

Dân Ê-đôm và dân Ê-díp-tô (Phu 23:7-8) có thể gia nhập dân tộc này trong đời thứ ba vì dân Ê-đôm là con cháu Ê-sau, anh của Gia-cốp (Sa 25:24-26) và dân Ê-díp-tô đã nhận Gia-cốp cùng gia đình ông vào xứ mình mà chăm sóc cho họ (36:1-47:31). Bất chấp sự thù địch sau đó của dân Ê-díp-tô, Đức Chúa Trời đã biến đổi gia đình Gia-cốp thành một dân tộc lớn trong lúc họ lưu lại ở Ê-díp-tô.

Dân A-ma-léc (Phu 25:17-19) bị Chúa khước từ và Y-sơ-ra-ên không nên quên những việc ác của họ. Họ đã tấn công Y-sơ-ra-ên sau khi dân tộc này ra khỏi Ê-díp-tô (Xu 17:8-13), khởi đầu với những người Do Thái mệt mỏi yếu đuối đi phía sau đoàn người. Giô-suê đã đánh bại họ và Đức Chúa Trời tuyên chiến không ngừng với họ. Vua Sau-lơ đã mất ngôi vì ông không tiêu diệt họ (Isa 15:1-25), và ông bị giết trên chiến trường bởi

một người A-ma-léc (II Sa 1:1-16). Mãi đến đời Ê-xê-chia thì dân A-ma-léc cuối cùng mới biến mất khỏi hiện trường (ISu 4:41-43).

Thánh hóa trại quân (Phu 23:9-14). Phân đoạn này áp dụng cho các chiến sĩ Y-sơ-ra-ên khi họ đóng trại xa nhà. Nguyên tắc cơ bản là họ đối xử với trại quân như họ đối xử đất của họ ở nhà, vì Chúa ở cùng họ ngay cả trên chiến trường, Ngài đi giữa họ. Các dân tộc thờ hình tượng tin tin rằng họ để các thần mình lại đằng sau khi họ đi đến quốc gia khác, nhưng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên luôn ở cùng họ, vì Ngài là Đức Chúa Trời của các cả trái đất. Nếu một chiến sĩ bị ô uế ở nhà, người ấy sẽ phải rời cộng đồng, tắm rửa và trở về ngày hôm sau, và luật lệ tương tự đó áp dụng trong trại quân (7). Những người này cũng phải có một nơi ngoài trại quân để giải quyết phân của họ. Điều này không những giữ họ khỏi bị ô uế, mà nó còn đề cao vệ sinh.

Dù chúng ta đi đâu, Đức Chúa Trời vẫn ở cùng chúng ta, và chúng ta không nên nghĩ rằng chúng ta có thể bất tuân Ngài và tránh được sự trừng phạt. Lời khuyên răn của Đức Chúa Trời là: “Hãy tránh mọi sự bất khiết” (c.9, NIV). Dù chúng ta đi nghỉ mát hay xa nhà vì công việc, Chúa vẫn dõi theo chúng ta và mong muốn chúng ta thận trọng nơi chúng ta không biết cũng như nơi chúng ta biết. Môi-se ở nơi đất thánh xứ ma-đi-an (Xu 3:1-5:23) cũng như Giô-suê đứng gần thành Giê-ri-cô (Gios 5:13-15).

Chia sẻ với người nghèo và người túng thiếu (Phu 23:15-16,19-20 24:6,11-15,19-22 25:4). Tập hợp những luật này liên hệ đến những cơ hội dân Do Thái sẽ phải bày tỏ sự tử tế và rời rộng đối với con người và thú vật. Trái với luật pháp của những dân tộc khác, luật pháp của Y-sơ-ra-ên cho phép dân Do Thái chứa cấp nô lệ chạy trốn và bảo vệ họ. Những nô lệ này sẽ không phải là người Do Thái, vì dân Do Thái không được phép bắt anh em mình làm nô lệ. Những tội tở Do Thái được phóng thích vào năm Sa-bát hoặc sẽ đồng ý tự nguyện phục vụ trọn đời (15:12-18). Cũng vậy, người chủ Do Thái không được phép ngược đãi tội tở mình đến nỗi muốn trốn đi. Những người chạy trốn này đến từ các quốc gia lân cận, về việc giúp đỡ họ sẽ cho dân Do Thái cơ hội nói cho họ biết về Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.

Dân Do Thái không được phép lấy lời khi họ cho anh em mình vay tiền hay sản vật, nhưng họ có thể lấy lời người ngoại bang (23:19-20 Xu 22:25-27 Le 25:35-37). Phước hạnh Đức Chúa Trời ban cho người cho vay sẽ vượt xa số lời người ấy kiếm được từ tiền cho vay. Đây là ví dụ khác về nguyên tắc được trình bày trong Mat 6:33.

Nếu người cho vay cần vật thế chấp cho khoản vay, người ấy không được phép lấy những thót cổ của người vay (Phu 24:6), vì người này cần chúng để nuôi chính mình và gia đình mình. Người cho vay không được hạ nhục người vay bằng cách đi vào nhà người ấy để chiếm lấy một vật cầm cố (c.10-15) và nếu vật cầm cố ấy là áo ngoài của người ấy, người cho vay phải trả nó trước khi mặt trời lặn (Xu 22:25-27). Những giao dịch buôn bán giữa anh em Do Thái phải mang tính nhân đạo và thương xót, để giúp anh em túng thiếu chớ không phải để làm giàu cho người cho vay.

Người nông dân phải chừa lại vài “gié lúa” cho người nghèo suốt thời gian mùa gặt (Phu 24:19-22 Le 19:9-10). Điều này sẽ cho khách lạ, cô nhi và góa phụ cơ hội thu nhặt thực phẩm một cách đàng hoàng mà không buộc phải ăn xin. Với người cho vay thế nào, người nông dân rời rộng cũng thế ấy: Đức Chúa Trời sẽ chúc phước cho người trong công việc của người và thưởng cho người về sự tử tế của người đối với kẻ nghèo (Thi 41:1 Ch 14:21,31 29:7). “Ban cho có phước hơn nhận lãnh” (Cong 20:35).

Sự rời rộng này cũng phải mở rộng đối với thú vật (Phu 25:4). Khóp mõ con bò đang đập lúa là làm nó thất vọng và khiến công việc nó trở nên khó nhọc một cách không cần thiết. Một lần nữa, Chúa bày tỏ sự thương xót đối với loài vật và kêu gọi chúng ta tỏ lòng thương xót đối với những loài dưới sự chăm sóc của chúng ta. “Người công bình coi sóc sự sống của súc vật mình, còn lòng thương xót của kẻ dữ khác nào sự hung bạo” (Ch 12:10). Phao-lô sử dụng câu này để dạy rằng những người làm việc vì Tin lành phải đưa dân sự của Đức Chúa Trời cấp dưỡng (II Co 9:1-14 ITi 5:17-18).

Làm trọn những lời hứa (Phu 23:17-18,21-23). Chủ đề về lời hứa nguyện cũng được bàn trong sách Lê-vi đoạn 27 và Dân số ký đoạn 30. Một người Do Thái có thể hứa nguyện dâng cho Chúa cái gì đó, hay làm điều gì đó cho Ngài để đáp lại một sự chúc phước đặc biệt. Sự hứa nguyện này cũng có thể liên quan đến việc kiêng cử điều gì đó để làm đẹp lòng Chúa. Những lời hứa nguyện hoàn toàn mang tính tự nguyện (Phu 23:12), và chúng phải được tuyên bố công khai và được thực hiện cách vâng phục (c.23). Bất cứ cái gì được hứa phải được đem đến nơi thánh và được dâng cho Chúa (Tr 5:4-6). Hứa nguyện mà không giữ lời sẽ là lấy danh Chúa làm chơi (Xu 20:7 Ch20:25).

Tuy nhiên, không sự hứa nguyện nào có thể được trả cho Chúa bằng tiền kiếm được bởi phạm tội (Phu 23:17-18). “Hành dâm” là một lối nói trại chỉ về sự thờ hình tượng (Xu 34:15-16) vì những điện thờ ngoại bang thật sự cung cấp dĩ điểm (“chó”). Không người nam người nữ Do Thái nào được làm một dĩ điểm nơi điện thờ và không sự hứa nguyện nào có thể được trả cho Chúa bằng tiền thuê một dĩ điểm. Chúng ta không làm điều ác để điều lành có thể ra từ đó (Ro 3:8). Mọi tiền bạc là ô uế theo một ý nghĩa nào đó. Phao-lô và Phi-e-rơ đều gọi nó là “lợi bẩn thỉu” (ITi 3:3,8 Tit 1:7-11 IPhi 5:2). Nhưng có một món tiền nào đó đặc biệt bẩn thỉu vì nguồn gốc của nó.

Xem sự công bình đó được thực hiện (Phu 24:7,16-18 25:1-3,11-16). Bắt cóc người là điều bị cấm (24:7) và là một tội xử tử (Xu 21:16). Bắt cóc người khác và bán họ là đối xử họ như hàng hóa mà không như con người được tạo dựng theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Dân Do Thái không được nô lệ hoá lẫn nhau hoặc bán nhau để họ có thể tự do, và bắt cóc người là điều trái ngược với mục đích của Đức Chúa Trời.

Khi một người phạm lỗi bị xét có tội và bị xử đánh đòn, người ấy không nên bị hạ nhục nhưng phải bị phạt một cách công bình (Phu 25:1-3). Đánh người ấy quá ít là xem nhẹ sự vi phạm, nhưng đánh người quá nhiều sẽ là đối xử với người cách vô nhân đạo và “lám mất danh giá người” (NIV). Giới hạn là 40 roi, nhưng sau đó dân Do Thái thực hiện 39 roi (II Co 11:24) để không vượt quá số luật định một cách ngẫu nhiên. Dù là một quan án xét xử một phạm nhân hay một người cha sửa phạt con mình, hình phạt phải

tương xứng với sự vi phạm và không hạ nhục người vi phạm. Như “Dự luật về quyền hạn” của nước Mỹ ghi rằng “Tiền bảo lãnh quá mức sẽ không bị đòi hỏi, tiền phạt quá đáng cũng không được áp đặt, hình phạt độc ác và bất thường cũng không được gây đau khổ (dự luật VIII).

Hai người đánh nhau (Phu 25:11-12) là một sự mời gọi cho điều hiền hòa hơn nữa, tốt hơn họ nên tìm sự giúp đỡ và giải quyết tranh chấp của họ một cách xây dựng họ. Có thể hiểu rằng người vợ muốn chồng nàng thắng, nhưng phương pháp giúp đỡ của nàng là xấu hổ, bất công và hết sức gây xúc phạm. Khi mô tả tình huống này, Môi-se cấm mọi phương cách tham chiến khiếm nhã của người nam hoặc người nữ. Hình phạt chắc chắn sẽ ngăn trở bất cứ ai làm một việc như vậy.

Cân và đong trung thực (c.13-16) là cần thiết cho ích lợi chung (Le 19:35-37). các tiên tri đã lên án những cái cân và đong bất lương vì việc sử dụng chúng làm cho người nghèo trở nên nghèo hơn và người giàu trở nên giàu hơn (Am 8:5 Mi 6:10-11 Ch 11:1 16:11 20:10,23). Một lần nữa, Môi-se nhắc nhở dân sự rằng sự an toàn và phước hạnh tương lai của họ trong xứ tùy thuộc vào sự vâng lời của họ đối với luật pháp Đức Chúa Trời. Khi họ lừa dối kẻ khác, họ chỉ lừa dối bản thân.

“Sự công bình tôn cao một nước, nhưng tội lỗi là sự hổ thẹn cho bất cứ dân tộc nào” (Ch 14:34 NKSV).

Phu 23:1-25; xem giải nghĩa Phu 22:13-30

Phu 24:1-22; xem giải nghĩa Phu 22:13-30

Phu 25:1-19; xem giải nghĩa Phu 21:15-21 22:13-30

Phu 26:1-19; xem giải nghĩa Phu 16:18-17:13

10. SỰ VÂNG PHỤC VÀ SỰ BẤT TUÂN (Phu 26:16-31:13)

Những phước hạnh và những sự rửa sả (Phu 26:16-31:13)

Môi-se hoàn thành việc trình bày luật pháp trong 26:15 và sau đó bắt đầu đem sứ điệp dài tạm biệt của ông đến chỗ kết thúc bằng một thách thức cá nhân đối với sự vâng phục. Như chúng ta đã thấy trước đó, sách phục Truyền Luật Lệ Ký được viết theo dạng những hiệp ước xưa do các vua đưa ra cho các quốc gia bị chinh phạt. Chúa là Vua và Y-so-ra-ên là quốc gia được chọn và là dân đặc biệt của Ngài. Ngài giành dân Do Thái cho chính Ngài bằng cách đánh bại Ê-díp-tô và cho Y-so-ra-ên được tự do để yêu mến Ngài và hầu việc Ngài. Môi-se ôn lại điều Chúa đã làm cho Y-so-ra-ên và phán với Y-so-ra-ên, và ông kể ra những điều khoản của giao ước. Giờ đây ông sẽ giải thích những ích lợi của việc vâng lời Chúa và những kỷ luật sẽ xảy đến nếu Y-so-ra-ên bất tuân.

1. Sự lựa chọn được bày tỏ (Phu 26:1-19) (Phu 26:16-28:14).

Trong lời giới thiệu ngắn của mình cho phân đoạn cuối cùng này (26:16-19). Môi-se nhắc nhở dân sự rằng ông đã ban cho họ Lời Chúa, những điều răn của Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Ông cũng nhắc nhở họ rằng tại núi Si-nai, dân tộc đã

hứa nguyện vâng theo mọi điều Đức Chúa Trời phán với họ (Xu 19:7-8 24:3-8), và Chúa đã hứa ban phước cho họ nếu họ thật lòng vâng lời Ngài (Phu 7:6-16). Nơi đó trên đồng bằng Mô-áp, dân Y-sơ-ra-ên sẽ tiếp nhận sứ mạng nghiêm túc này lần thứ hai, và sau đó họ sẽ xác nhận nó lần thứ ba khi họ vào Đất Hứa (Gios 8:30-35). Dân sự Đức Chúa Trời vui hưởng những phước hạnh và đặc quyền của giao ước thì chưa đủ. Họ cũng phải tiếp nhận những trách nhiệm có liên quan. Môi-se đã giải thích những trách nhiệm này và yêu cầu dân sự đầu phục Chúa hoàn toàn.

Hai ngọn núi (Phu 27:1-13). Chú ý rằng Môi-se đã cùng với các trưởng lão (c.1) và các thầy tế lễ (c.9) công bố giao ước cho dân sự. Môi-se sẽ sớm rời khỏi hiện trường, nhưng dân tộc sẽ tiếp tục và quyền hạn của Chúa sẽ hành động qua các lãnh đạo dân sự và tôn giáo của họ. Dân sự không dâng mình cho Môi-se; Họ dâng mình cho Chúa để giữ hết các điều răn” (26:18).

Một khi Giô-suê đã dẫn dân sự vào Đất Hứa, họ phải ngừng sự chinh phạt của họ và chuẩn bị một lễ kỷ niệm về sự tái xác nhận giao ước. Việc đó sẽ xảy ra gần Si-chem, ở núi Ê-banh về hướng Bắc và núi Ga-ri-xim về hướng Nam. Thung lũng giữa hai núi tạo thành một thính đường nơi các thầy tế lễ và người Lê-vi có thể nhóm lại và công bố Si-mê-ôn, Lê-vi, Giu-đa, Y-sa-ca, Gio-sép (Ép-ra-im và Ma-na-se), và Bên-gia-min, tất cả các con trai của Gia-cốp sanh bởi hai người vợ là Ra-chên và Lê-a. Tập hợp ở núi Ê-banh, núi của những lời rửa sả, là chi phái Ru-bên và Su-bu-lôn (đều là hai con trai của Lê-a) và các con trai của những tớ gái, là Gát, A-se, Đan và Nép-ta-li.

Giô-suê được lệnh phải đặt một số hòn đá lớn trên núi Ê-banh và viết trên đó những luật lệ Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài. Đây không phải là một hành động tượng trưng, vì những lời này phải được viết rõ ràng để dân sự đọc (27:8) (1). Ông cũng phải lập một bàn thờ tại chân núi Ê-banh nơi các thầy tế lễ sẽ dâng của lễ thiêu (sự dâng hiến hoàn toàn cho Đức Chúa Trời) và của lễ thù ân (kỷ niệm vui mừng về sự chúc phước của Đức Chúa Trời). Có luật pháp Đức Chúa Trời mà không có một của lễ chuộc tội sẽ là đem đến sự kết án chứ không phải sự dâng hiến, vì “luật pháp cho người ta biết tội lỗi” (Ro 3:20). Địa điểm này đã giữ những nghi lễ thiêng liêng đối với dân Do Thái vì Áp-ra-ham đã lập một bàn thờ gần Si-chem (Sa 12:6-7) và Gia-cốp cũng vậy (33:17-20).

Những lời rửa sả (Phu 27:14-26). Khi các lãnh đạo thuộc linh đọc những lời rửa sả này, họ không đoán được điều gì sẽ xảy ra nếu dân sự bất tuân Đức Chúa Trời. họ đang cầu xin Chúa giáng những sự rửa sả này trên dân sự Ngài nếu họ xây bỏ Ngài (2). Và khi dân sự nói “A-men” sau mỗi lời tuyên bố (“đúng như vậy”), họ đang nói với Chúa rằng họ sẵn sàng bị sửa phạt nếu họ bất tuân Ngài. Lời “A-men” của họ không chỉ là sự đồng ý của họ đối với những lời được nói ra. Đó là sự chấp nhận của họ về những điều khoản của giao ước, những lời rửa sả này có liên hệ chặt chẽ với luật pháp Môi-se đã ban và giải thích, đặc biệt là Mười Điều răn.

Lời rửa sả thứ nhất (c.15) kết án sự thờ hình tượng và sự vi phạm điều răn thứ nhất và thứ nhì (Xu 20:1-6). Tạc hay đúc một hình tượng và thờ nó là chối rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời Hằng Sống và chân thật duy nhất, và chính tội lỗi này cuối cùng đã đem

đến con thanh nô của Đức Chúa Trời trên Y-sơ-ra-ên. Dù một người Do Thái bí mật thờ một hình tượng và không tìm cách thuyết phục bất cứ ai tham gia với mình, đó vẫn là một trọng tội và phải bị trừng phạt (Phu 13:1-19). Lời rửa sả thứ hai có liên quan đến gia đình (27:16 Xu 20:12) và lời rửa sả thứ ba có liên quan đến tài sản (Phu 27:17 19:14 Xu 20:15). Lời rửa thứ tư (Phu 27:18) bày tỏ mối quan tâm đặc biệt của Đức Chúa Trời đối với những người tàn tật Le 19:14 đề cập đến những người điếc và những người mù.

Trong lời rửa sả thứ năm (27:19), trung tâm là về việc đối xử cách tử tế và công bình với người cô thế và bất hạnh trong xứ. Góa phụ, cô nhi và khách lạ thường bị ngược đãi và bóc lột trong Y-sơ-ra-ên và Đức Chúa Trời kêu gọi dân sự Ngài bảo vệ duyên cớ của họ và bảo đảm họ nhận được sự công bình (24:17-18 Xu 22:21-24 Lu 18:1-8). Dân Do Thái đã từng là khách lạ ở Ê-díp-tô nhiều năm và Chúa chăm sóc họ và xét đoán những kẻ ngược đãi họ. Nếu Y-sơ-ra-ên không chăm sóc những người nghèo túng, Đức Chúa Trời cũng xét đoán họ. Trong số những điều khác, điều này có nghĩa là đem đến cho Chúa phần mười đặc biệt của họ mỗi năm thứ ba hầu người nghèo túng sẽ có thực phẩm để ăn (Phu 14:28-29).

Lời rửa sả thứ sáu đến thứ chín (27:20-23) có liên quan đến sự tinh khiết về tình dục và liên hệ với điều răn thứ bảy (Xu 20:14). Những tội lỗi này đã lưu hành giữa các dân tộc ở Ca-na-an và Y-sơ-ra-ên không được bắt chước lảng giềng của họ. Sự loạn luân (Phu 27:20,22-23) đặc biệt bị lên án ở Y-sơ-ra-ên (22:30 Le 18:8-9,17 20:21). Ru-bên mất những quyền lợi làm con trưởng. Vì ông đã phạm luật này (Sa 35:22 49:3-4). hành động thú tính (Phu 27:21; Le 18:23) đã được thực hành trong một số tà giáo và “những con vật thiêng liêng” được sử dụng trong việc thờ phượng tà thần của họ. Sự bóp méo tính dục không chỉ là một sự lạm dụng món quà từ Đức Chúa Trời, nó còn đe dọa hôn nhân và gia đình, là những điều làm cơ sở cho sự thành công của quốc gia.

Lời rửa sả thứ mười và mười một (Phu 27:24-25) là một tiếng dội của điều răn thứ sáu, “ngươi chớ giết người” (Xu 20:13). Điều răn này nói đến một hành động cố ý (tội mưu sát) chớ không phải là cái chết ngẫu nhiên (tội ngộ sát 21:12-14). Mưu sát là một đại tội vì những hậu quả của nó không thể thay đổi được, nhưng mưu sát người lảng giềng khiến cho tội đó thậm chí trở nên tồi tệ hơn. Điều duy nhất ghê tởm hơn đó là được trả tiền để mưu sát ai đó! Luật pháp Môi-se lên án những kẻ nhận hối lộ để phạm luật pháp vì kiếm tiền không quan trọng hơn việc duy trì sự công bằng (16:19 Xu 23:8). Luật pháp dạy dân Y-sơ-ra-ên phải yêu người lân cận và làm điều tốt cho họ (Le 19:18 Phu 22:1-4). Nhưng dù nạn nhân là một người lảng giềng hay một kẻ hoàn toàn xa lạ, giết người là sai trái và những kẻ giết người phải bị trừng phạt.

Lời rửa sả thứ mười hai (27:26) buộc dân Do Thái theo mọi luật lệ Đức Chúa Trời ban cho họ, dù nó được liệt kê trong danh sách này hay không. Phao-lô đã trích dẫn câu này trong Ga 3:10 để chứng minh rằng không thể có sự cứu rỗi bởi vâng theo luật pháp, vì không ai có thể vâng theo mọi điều Đức Chúa Trời đã ra lệnh. Nhưng mục đích của luật pháp không phải là sự cứu rỗi mà là sự kết án, buộc tội mọi người đều là tội nhân, và do đó là sự cần thiết để mọi người phải tin nhận Đấng Christ “người công bình sẽ sống bởi

đức tin” (Ga 3:11) (3). Không thể có sự quy đạo mà không có sự xác tín, và sự kết án xảy đến khi chúng ta nhìn thấy sự thánh khiết của Đức Chúa Trời trong luật pháp Ngài, và tình trạng tội lỗi của tấm lòng chúng ta. nói rằng mình đã giữ một số luật lệ của Đức Chúa Trời thì không làm chúng ta giảm tội, vì vi phạm một luật lệ là vi phạm tất cả (Gia 2:10-11). Nếu bạn đang treo lơ lửng ở trên một vực thẳm nối với một chuỗi dây xích 10 mắt, bao nhiêu mắt xích cần phải bẻ gãy để bạn rơi xuống? (4).

Khi dân Y-sơ-ra-ên ở trong Đất Hứa nói “A-men” với 12 lời rửa sả này, họ đang tán thành luật pháp của Đức Chúa Trời, hứa vâng theo, và đồng ý rằng họ đáng bị xét đoán nếu họ bất tuân luật pháp. Đây sẽ là một giờ long trọng trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. tại núi Si-nai, Y-sơ-ra-ên đã đồng ý vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời (Xu 19:7-8 24:3-8), và không lâu sau đó, họ đã làm một bò con vàng và thờ lạy nó! Cần phải có nhiều hơn là những lời nói ngoan đạo và sự chú ý tốt để làm một con cái của Đức Chúa Trời tận tâm và vâng phục (Mat 7:21-23).

Những phước lành (Phu 28:1-14). Chúng ta không đọc rằng dân sự phải nói “A-men” với những phước lành này như họ đã nói “A-men” với những lời rửa sả. những lời rửa sả không mang tính tiên tri trong khi sự liệt kê này về những phước hạnh là lời hứa tiên tri của Đức Chúa Trời về điều Ngài sẽ làm cho dân sự Ngài nếu họ giữ sự cam kết của họ đối với Ngài. Những phước lành của Đức Chúa Trời hoàn toàn thuộc về ân điển, dù dân sự Ngài đồng ý hay cảm kích chúng (5). Những phước hạnh này sẽ nâng Y-sơ-ra-ên lên cao hơn mọi dân tộc khác (26:19) và khiến Y-sơ-ra-ên trở nên “sự sáng cho các dân ngoại” (Es 49:6). Điều này sẽ cho dân Do Thái những cơ hội nói cho các dân tộc khác biết về Đức Chúa Trời hằng sống chân thật (Phu 28:10).

Đức Chúa Trời hứa ban phước cho dân sự Ngài ở mọi nơi – thành thị, đồng ruộng và gia đình – với mọi điều họ cần (6). Khi họ đi ra đi vào trong công việc hằng ngày của họ (c.6, 8:17-18), Ngài sẽ chăm sóc họ và làm cho những nỗ lực của họ được thành công. Ngài sẽ ban cho họ chiến thắng trên kẻ thù để họ có thể có quyền sở hữu xứ. Ngài sẽ ban mưa cho đồng ruộng, vì nước là một mặt hàng quý giá ở Đông phương. Đức Chúa Trời sẽ giáng “mưa đến sớm” vào tháng 10 và tháng 11, “mưa mùa Đông” từ tháng 12 đến tháng 2, và “mưa đến muộn” vào tháng 4, và mùa màng của Y-sơ-ra-ên sẽ trở nên dư dật. Họ sẽ bán mùa gặt thặng dư cho các dân tộc khác nhưng không mua của bất cứ ai.

Chúng ta phải nhớ vì sao Chúa hứa ban những phước hạnh kỳ diệu này. Trước hết, dân tộc Y-sơ-ra-ên vẫn ở trong sự non trẻ thuộc linh (Ga 4:1-7) và một cách để dạy trẻ con là bằng những phương tiện về sự ban thưởng và sự trừng phạt, những phước hạnh vật chất này là cách Đức Chúa Trời nhắc nhở con cái Ngài rằng sự vâng lời đem đến phước hạnh nhưng sự bất tuân đem đến sự sửa phạt. Tuy nhiên, không lâu dân Y-sơ-ra-ên khám phá rằng người ác cũng nhận được những phước lành, vì vậy có điều gì đó đối với đức tin hơn là chỉ được ban thưởng (Thi 73:1-28 Gie 12:1-4 Giop 21:7-15) (7). Dần dần Đức Chúa Trời dạy dân sự Ngài rằng sự vâng lời của họ là một chứng cứ cho các dân tộc khác

(Phu 28:12) và đem vinh hiển đến cho danh Ngài. Sự vâng lời cũng xây dựng tính cách tin kính trong dân sự để họ thật sự là một dân thánh và là một nước thầy tế lễ.

Phu 27:1-26; xem giải nghĩa Phu 26:1-19

Phu 28:1-14; xem giải nghĩa Phu 26:1-19

2. Những sự rửa sả được mô tả (Phu 28:15-16)

Phân đoạn này mang tính tiên đoán, nó mô tả những sự xét đoán Đức Chúa Trời hứa giáng trên dân tộc nếu dân sự không chịu vâng theo luật pháp Ngài. Những sự xét đoán được trình bày chi tiết hơn những phước lành và chính xác là sự đối lập với những phước lành. (so sánh c.1-14 với c.15-64). Đức Chúa Trời muốn dân sự Ngài biết rằng khi những tai họa này giáng xuống, họ sẽ nhận biết bàn tay của Đức Chúa Trời và không nghĩ đó là một chuỗi những sự việc ngẫu nhiên.

Như Đức Chúa Trời hứa ban cho họ trong mọi lãnh vực của đời sống nếu họ vâng theo giao ước Ngài, Ngài cũng cảnh cáo rằng Ngài sẽ rửa sả họ trong mọi lãnh vực của đời sống, thân thể, gia đình, bầy chiên và bầy gia súc của họ, nếu họ bất tuân. Họ sẽ bệnh hoạn trong thân thể và tâm trí họ, bị cướp đi những nhu cầu của đời sống, bị bại trận nơi chiến trường, và bị tản lạc khắp thế giới. Từ “bị huỷ diệt” được lập lại để báo điềm xấu (c.20,24,45,48,51,61,63) như những từ “hành hại” và “bị hành hại” (c.22,25,27,28,35). Dân Do Thái sẽ bị chết dần mòn bởi bệnh tật, nạn đói, và bị đánh bại trong trận chiến, với những xác chết của họ không được chôn trở nên thức ăn cho loài chim và thú vật. (Để một thi thể không được chôn là một sự nhục nhã khủng khiếp đối với một người Do Thái). Họ sẽ trải qua những bệnh tật và dịch lệ họ đã thấy ở Ê-díp-tô; họ sẽ thấy vợ của họ bị cưỡng hiếp và con cái họ bị giết trước mắt họ. Cuối cùng, họ sẽ bị giam cầm và phục vụ kẻ thù họ. sau đó họ sẽ biết rằng hầu việc Đức Chúa Trời chẳng quá khó khăn chút nào, nhưng lúc ấy sẽ quá trễ.

Đây là một tóm tắt về những sự xét đoán được liệt kê trong các câu này:

- Con cái bị rửa sả (c.18), tỉ lệ sinh con thấp (c.62-63)
- Mùa màng bị hư hại và thú vật bị giết chết (c.18,22,31-32,38-40,42-51)
- Bệnh tật (c.21-22,27-28,35,59-61)
- Hạn hán, nạn đói và khát (c.22-24,48)
- Bị đánh bại trong chiến trận (c.25,49-50,52)
- Vợ con bị cưỡng hiếp (c.30)
- Sự áp bức và nô lệ (c.29-33,48,68)
- Tục ăn thịt người (c.53-57)
- Sự giam cầm (c.36,63-64)
- Xác chết không được chôn (c.26)

- Kế hoạch bị tiêu tan (c.30)
- Sự nghèo khổ, nợ nần, và sự trần truồng (c.44,48)
- Sự cướp giết (c.29,31,33)
- Con cái bị bắt cóc (c.32-41)
- Khách xa chiếm xứ (c.43)
- Sự xấu hổ và sự khinh bỉ (c.37)

Thật phiến muộn khi đọc danh mục dài này về những tai họa, đặc biệt khi bạn nhận ra rằng Y-so-ra-ên đã trải qua tất cả lúc này hay lúc khác và những người vô tội chịu khổ vì tội lỗi của những kẻ phạm tội, không chỉ sách Phục Truyền đoạn 28 mà sách Ca Thương của Giê-rê-mi cũng là một sự nhắc nhở nghiêm túc rằng thật không đáng trả giá để chống nghịch Đức Chúa Trời và tìm cách theo ý riêng của bạn. Và nguyên nhân cho mọi rắc rối này là gì? “Bởi trong lúc dư dật mọi điều, người không vui lòng lạc ý phục sự Giê-hô-va Đức Chúa Trời người” (Phu 28:47). Họ đón nhận những phước lành và vui hưởng chúng, nhưng họ không tôn kính Chúa Đấng ban cho họ những phước lành (8:11-20). “Vì họ dẫu biết Đức Chúa Trời, mà không làm sáng danh Ngài là Đức Chúa Trời, và không tạ ơn Ngài nữa” (Ro 1:20). Sự thờ hình tượng bắt đầu bằng một tấm lòng kiêu ngạo và ích kỷ, yêu những sự ban cho hơn yêu Đấng ban cho, và nó kết thúc bằng việc mất Đấng ban cho và cả những sự ban cho.

“Dân tộc từ nơi xa, từ địa cực” sa xuống như chim ưng là ai? (Phu 28:49). Trong Kinh Thánh, hình ảnh chim ưng thường được sử dụng để mô tả sự xâm lấn về quân sự của các quốc gia khác nhau, kể đến Ba-by-lôn (Gie 48:49 49:22 Exe 17:3), Ê-díp-tô (Exe 17:7) và A-si-ri (Os 8:1). Quân A-si-ri đã chiếm vương quốc phía Nam của Giu-đa năm 722 và quân Ba-by-lôn đã xâm lược vương quốc phía Nam của Giu-đa năm 606 và phá huỷ Giê-ru-sa-lem cùng đền thờ vào năm 586. Hàng ngàn người Do Thái bị biết đến Ba-by-lôn và bị buộc sống trong xứ hình tượng đó, và điều này chữa cho họ một lần đủ cả về sự thờ hình tượng. Có lẽ hình ảnh trong Phu 28:49 có ý bao gồm mọi cuộc xâm lược của Rô-ma năm 70 SC. Những điều được mô tả trong c.49-57 chắc chắn đã xảy ra suốt thời gian Ba-by-lôn và Rô-ma vây thành Giê-ru-sa-lem. Bị bán làm nô lệ và không được mua sẽ là một trong những kinh nghiệm nhục nhã của dân Do Thái suốt những sự sửa phạt này (c.68), không ai cần họ!

Dân Do Thái không chỉ là một dân bị kỷ luật họ cũng là một dân bị tán lạc (c.63-68 II Vua 17:6 25:21). Sau sự giam cầm ở Ba-by-lôn, vào năm 538 họ được phép trở về xứ mình, tái thiết Giê-ru-sa-lem và phục hồi đền thờ (Exo 1:1-6:22 sách A-ghê), và khoảng 50.000 người Do Thái đã lợi dụng cơ hội này. Y-so-ra-ên đã có một đền thờ, một chức tế lễ và một quốc gia cho đến thời kỳ xâm lược của rô-ma năm 70 SC, và sau đó, họ lại làm một dân bị tán lạc, được tìm thấy gần như ở mọi quốc gia trên đất. họ không có quê hương, không có đền thờ, và không có chức tế lễ, nhưng dù họ định cư ở quốc gia nào đi nữa, họ chưa bao giờ đánh mất đặc tính dân tộc mình. Mãi đến ngày 14/5/1948 Y-so-ra-ên mới một lần nữa trở thành một thực thể chính trị trên võ đài thế giới.

Suốt những thời kỳ hoạn nạn khốc liệt này, nhiều người Do Thái đã hỏi chúa “Tại sao dân Ngài chịu khổ khi các dân ngoại gian ác thoát được hoạn nạn? Thế nào một Đức Chúa Trời thánh khiết có thể sử dụng những dân ngoại bất kính để sửa phạt tuyển dân của Ngài? “Đây là một trong những chủ đề của sách Ha-ba-cúc và nó được bàn luận trong nhiều đoạn Thi Thiên (Thi 74:1-23 77:1-20 79:1-80:19). Nhưng việc Y-sơ-ra-ên là tuyển dân của Đức Chúa Trời và là một dân tộc đặc biệt giải thích lý do Ngài sửa phạt họ, vì đặc quyền càng lớn thì trách nhiệm càng lớn. “Ta chỉ chọn các ngươi trong mọi họ hàng trên đất, vậy nên ta sẽ phạt các ngươi vì mọi tội lỗi các ngươi” (Am 3:2 NIV). Sự lựa chọn thiêng liêng không phải là một cơ cho sự chống nghịch của con người. “vì ai đã được ban cho nhiều, thì sẽ bị đòi lại nhiều (Lu 12:48).

Ở đây có một sứ điệp nghiêm túc cho Hội Thánh trên thế giới ngày nay. Giống như Y-sơ-ra-ên ngày xưa, chúng ta là tuyển dân của Đức Chúa Trời và là một dân thánh (IPhi 2:9-10) và được ban phước rất nhiều trong Chúa Giê-xu. Ở đây chúng ta phải “quảng cáo” những công đức của Chúa và rao tin mừng về Tin Lành. Nếu chúng ta không làm sáng danh Đức Chúa Trời vâng lời Ngài, Ngài sẽ sửa phạt chúng ta như Ngài đã sửa phạt Y-sơ-ra-ên (He 12:1-14). “Vì thời kỳ đã đến, là khi sự phán xét sẽ khởi từ nhà Đức Chúa Trời, và nếu khởi từ chúng ta, thì sự cuối cùng của những kẻ chẳng vâng theo Tin lành Đức Chúa Trời sẽ ra thế nào?” (IPhi 4:17). Nếu Đức Chúa Trời sửa phạt dân Ngài vì tội lỗi họ, Ngài sẽ làm gì với những người không thuộc về gia đình này và chống lại ý muốn Ngài? Nhưng sự xét đoán sẽ khởi đầu trong gia đình của Đức Chúa Trời, và cách duy nhất chúng ta có thể tránh được sẽ là xây bỏ tội lỗi mình và vâng theo ý muốn Ngài.

Hội Thánh nghĩ mình giàu có, Chúa Giê-xu phán là nghèo nàn, và Hội Thánh nghĩ mình nghèo nàn, Chúa Giê-xu phán là giàu có (Kh 2:9 3:17). Chúa Giê-xu sẽ bày tỏ điều gì về những Hội Thánh của chúng ta khi lửa đoán phạt giáng xuống?

3. Giao ước được đổi mới (Phu 29:1-29)

Từ “giao ước” được sử dụng bảy lần trong chương này; Thật ra, chương này là sách Phục Truyền trong bức tiểu họa. Môi-se ông lại quá khứ (c.1-8), kêu gọi dân sự vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời (c.9-15) và cảnh cáo họ điều sẽ xảy ra nếu họ bất tuân (c.16-29). Khi chúng ta đọc và nghiên cứu bài giảng tạm biệt của Môi-se, chúng ta có thể mệt mỏi vì những chủ đề được lặp đi lặp lại này, nhưng chúng là tính chất giao ước của Đức Chúa Trời với dân Ngài, trong khi các thầy tế lễ với người Lê-vi có một bản luật pháp của Môi-se và có thể tham khảo nó (17:18 28:58 29:20,27 31:26), dân chúng phải lệ thuộc vào trí nhớ của họ, do đó sự lặp lại là quan trọng. “Tôi chẳng hề sợ phiền mà lại viết những điều này cho anh em nữa, vì ấy là có ích cho anh em” (Phi 3:1). Dân sự Đức Chúa Trời rất thường quên điều họ phải nhớ và nhớ điều họ phải quên!

Giao ước được tuyên bố trong sách Phục Truyền không khác với giao ước được ban ra tại núi Si-nai. Đúng hơn, đó là một sự giải thích và ứng dụng giao ước đó cho thế hệ mới và hoàn cảnh mới của họ trong Đất Hứa. Nếu điều Môi-se đã dạy trong sách Phục Truyền là một giao ước riêng biệt, ông sẽ dâng những của lễ huyết để ấn chứng giao ước

như ông đã làm tại núi Si-nai (Xu 24:3-8 He 9:18-22). Nhiều người trong dân sự chấp nhận giao ước tại núi Si-nai đã chết trong đồng vắng, nhưng vẫn có một “dân Y-sơ-ra-ên” chịu trách nhiệm với Chúa để vâng theo giao ước đó (Phu 4:1-5:33). Những thế hệ tương lai ở Anh quốc mà có quyền lợi lẫn nghĩa vụ khi Vua Jhon ký hiến chương Magna Chasta năm 1215, và các thế hệ tương lai của người Mỹ cũng như vậy khi hiến pháp của nước Mỹ có hiệu lực năm 1789. Các thế hệ tương lai của Do Thái bị ràng buộc bởi giao ước được tổ phụ họ lập tại núi Si-nai, và giao ước đó mãi đến khi Đấng Christ chịu chết trên thập tự giá mới được bãi bỏ (Co 2:11-14).

Ôn lại quá khứ (Phu 29:1-8). Môi-se dường như không bao giờ chán việc nhắc nhở dân sự về ân điển và sự thương xót của Đức Chúa Trời ban cho con cháu của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp, Đức Chúa Trời đã xét đoán xứ Ê-díp-tô và giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi ách nô lệ (c.2-3), chăm sóc họ trong hành trình của họ giữa đồng vắng (c.5-6), và ban cho họ chiến thắng trên các dân tộc phía Đông sông Giô-đanh (c.7-8). Vì tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm cho họ. Y-sơ-ra-ên giờ đây sắp bước vào Đất Hứa và giành lấy cơ nghiệp của họ. Suốt hành trình dài của họ, Đức Chúa Trời đã giữ cho giày và quần áo họ không hư mòn (8), ban cho họ ma-na để ăn và nước để uống. Một dân du cư sẽ không thể gặt hái nho để làm rượu hay lúa để làm bánh.

Kêu gọi sự vâng lời (Phu 29:9-15). Bí quyết của sự thịnh vượng là phước lành của Đức Chúa Trời, và bí quyết nhận phước lành đó là sự vâng phục luật pháp Đức Chúa Trời. Môi-se bắt đầu từ những lãnh đạo của dân tộc (c.10), vì nếu các lãnh đạo không nêu gương với tư cách người thuộc linh, thì không có nhiều hy vọng đối với những người đi theo. Tuy nhiên, không ai trong trại quân bị trục xuất, và điều này kể đến phụ nữ và trẻ em, khách kiều ngụ và tôi tớ thấp nhất. Đức Chúa Trời không thể thật sự là Đức Chúa Trời đối với họ nếu họ từ chối chấp nhận và vâng theo luật pháp Ngài. Điều Ngài làm cho chúng ta tùy thuộc vào cách chúng ta tiến bộ với Ngài (II Co 6:14-18). Giao ước Ngài đã lập với tổ phụ họ sẽ bền vững mãi mãi nhưng việc họ hưởng được những lời hứa của giao ước ấy tùy thuộc vào sự vâng lời của họ đối với những nghĩa vụ đó.

Quan trọng để chú ý rằng dân Do Thái thời ấy thật sự đã ảnh hưởng đến con cháu họ trong những năm tiếp nối (Phu 29:14-15). Như quyết định của Y-sơ-ra-ên tại núi Si-nai liên kết với thế hệ mới trên đồng bằng Mô-áp, quyết định của thế hệ mới cũng sẽ liên kết với con cháu họ.

Cảnh cáo về sự xét đoán (Phi 29:16-29). Môi-se nhắc nhở dân sự về sự thờ hình tượng trắng trợn mà họ đã chứng kiến khi bị làm nô lệ trong xứ Ê-díp-tô và sau đó lúc họ đi qua đồng vắng. Nếu họ chứng kiến điều đó với tấm lòng dâng hiến cho Chúa, họ không thể ghê tởm bởi điều họ nhìn thấy và họ chắc chắn sẽ không muốn tham dự vào đó. Không ai trong Y-sơ-ra-ên, không cá nhân gia đình hay chi phái nào được liên hệ trong sự thờ hình tượng, vì bất cứ là thờ hình tượng nào đều có thể trở thành một “rễ đắng” có thể làm ô uế cả dân tộc. He 12:15 áp dụng lời cảnh cáo tương tự này cho các hội chúng tín hữu địa phương, vì “một người có tội phá hủy được nhiều sự lành” (Tr 9:18). Dù những kẻ vi phạm che đậy tội lỗi họ và tin rằng họ có thể thoát được sự xét đoán, Chúa cũng sẽ

biết và sẽ xét đoán, không thể có sự tha thứ, họ sẽ bị tai họa, bị giết và tên họ sẽ bị xóa dưới trời (Phu 9:14 Xu 32:32-33). Họ sẽ khốn khổ bởi tất cả tai họa được kể trong Phu 28:1-68.

Nếu dân tộc này đi theo những kẻ thờ hình tượng và bất tuân Chúa, Ngài sẽ xét đoán cả xứ và nó sẽ trở thành một gương cho các dân tộc khác về điều xảy ra khi luật pháp Đức Chúa Trời bị vi phạm. Các du khách sẽ nhìn thấy một xứ không có dân, những nông trại không có sản vật, đất giống như đất bị tàn phá quanh Sô-đôm và Gô-mô-rơ, còn các thành bị phá hủy và còn lại đồng tro tàn. Cảnh tan hoang hoàn toàn của Y-so-ra-ên sẽ là một sự nhắc nhở rằng đó là một điều đắt giá phải trả nếu bất tuân ý muốn của Đức Chúa Trời.

Liệu Y-so-ra-ên sẽ là một dân vâng phục chăng? Đức Chúa Trời sẽ giáng những sự rủa sả này chăng? Tương lai có ý nghĩa gì cho dân tộc? Một số người Do Thái có thể đã tự hỏi những câu hỏi đó, nhưng đây không phải là lúc cho sự suy đoán; Đây là lúc cho sự dâng hiến. “Những sự bí mật thuộc về Giê-hô-va Đức Chúa Trời chúng ta; song những sự bày tỏ thuộc về chúng ta, và con cháu chúng ta đời đời, để chúng ta làm theo mọi lời của luật pháp này” (Phu 29:29). Trách nhiệm của chúng ta với tư cách dân sự Đức Chúa Trời không phải là tìm cách mở những cánh cửa tương lai nhưng là vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời tại đây và bây giờ. Khi một người hỏi Chúa Giê-xu “Lạy Chúa, có phải chỉ ít kẻ được cứu chăng?” câu trả lời của Ngài mang tính riêng tư và không triết lý. “Hãy gắng sức vào cửa hẹp, vì ta nói cùng các ngươi, nhiều người sẽ tìm cách vào mà không vào được” (Lu 13:12). Không cần thiết để biết những bí mật của Đức Chúa Trời, nhưng cần thiết để chúng ta vâng theo điều Đức Chúa Trời đã bày tỏ rõ ràng với chúng ta.

4. Những phước lành được phục hồi (Phu 30:1-20)

Rất thường trong Kinh Thánh, tiếng sấm của sự xét đoán được theo sau bởi tiếng yêu thương của hy vọng. Than ôi, Y-so-ra-ên đã từ bỏ Chúa và đi theo các hình tượng nên Chúa đã giáng trên Y-so-ra-ên những sự xét đoán được tuyên bố trong giao ước Ngài. Không dân tộc nào trong lịch sử chịu khổ nhiều như dân tộc Y-so-ra-ên, nhưng không dân tộc nào cho thế giới của cải thuộc linh quá nhiều. Trong chương này, Môi-se nhìn xuống qua các thế kỷ và thấy sự phục hồi Y-so-ra-ên trong xứ họ ở tương lai và ở dưới những phước lành của Đức Chúa Trời.

Lời hứa (Phu 30:1-10). “Lòng” là một trong những từ chính ở chương này (c.2,6,10), những từ khác là “điều răn” hay “luật lệ” (c.2,8,10,11,16), “trở lại”, hay “trở về” (c.2,3,8,10) và “sự sống” (c.15,19,20). Sự liên hệ thật rõ ràng nếu dân sự Đức Chúa Trời từ bỏ tội lỗi họ và bằng cả tấm lòng trở về với Đức Chúa Trời, với những điều răn của Đức Chúa Trời và vâng theo, họ sẽ hưởng sự sống nhưng chỉ Chúa mới có thể ban cho, ở đây Môi-se đang nhìn từ thời điểm khi Y-so-ra-ên bị sửa phạt sẽ ăn năn, xây bỏ lối ác của họ, và trở lại với Chúa.

Ở một phạm vi nào đó, một sự nhóm họp đã xảy ra sau sự phu tù ở Ba-by-lôn khi một số người tin kính sót ại trở về xứ và tái thiết đền thờ, nhưng sự ứng nghiệm lời hứa

này (c.3-6) sẽ không xảy ra cho đến thời kỳ sau rốt. Dân Y-so-ra-ên ngày nay bị tản lạc khắp thế giới, trong lúc ở dân tộc Y-so-ra-ên có khoảng 6 triệu người. Nhưng Chúa hứa nhóm dân Ngài lại, đem họ trở về xứ họ, và chúc phước cho họ. Nhưng trước tiên, một “hoạt động” thuộc linh phải xảy ra, phép cắt bì của tấm lòng để họ sẽ nhận Đấng Môi-se của họ yêu mến Chúa, và kinh nghiệm đời sống thuộc linh Ngài đã hứa ban.

Các học giả Kinh Thánh bất đồng về tương lai của Y-so-ra-ên, một số người nói rằng Hội Thánh giờ đây là “Y-so-ra-ên thuộc linh” và tất cả những lời hứa trong Tân Ước giờ đây đang được ứng nghiệm theo một ý nghĩa thuộc linh trong Hội Thánh. Những người khác nói rằng những lời hứa trong Cựu Ước phải được hiểu ở giá trị bên ngoài và chúng ta phải mong đợi một sự ứng nghiệm về chúng khi Chúa Giê-xu phải làm đế vương quốc Ngài trên đất. Môi-se dường như đang nói ở đây về Y-so-ra-ên chứ không phải “dân khác của Đức Chúa Trời” trong tương lai, chẳng hạn như Hội Thánh. Hội Thánh không có mối liên hệ giao ước với xứ Y-so-ra-ên, vì Đức Chúa Trời đã ban xứ ấy cho Áp-ra-ham và con cháu người (Sa 15:1-19), và những phước lành cùng những sự rửa sả được tuyên bố cho Y-so-ra-ên, không phải cho Hội Thánh. Dường như sẽ có một ứng nghiệm theo nghĩa đen về những lời hứa này cho Y-so-ra-ên. Khi họ ăn năn, trở về với Đức Giê-hô-va và mở lòng họ cho hoạt động của Thần Linh Ngài (Exe 37:1-14 Es 11:2 Gio 2:28-29), Đức Chúa Trời sẽ cứu họ khỏi tội lỗi họ và đặt họ trong vương quốc vinh hiển của Đấng Mê-si-a (Xa 12:10-13:1 14:8-9).

Sự chọn lựa (Phu 30:11-20). Vì chúng ta được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, chúng ta có tâm trí để suy nghĩ, tấm lòng để cảm xúc, và một ý chí để quyết định, chúng ta có thể nghe Lời Đức Chúa Trời, biết ý muốn Đức Chúa Trời, và quyết định vâng lời hoặc bất tuân. Môi-se cho biết rõ rằng thực hiện quyết định này không phải là một nhiệm vụ khó khăn. Xét cho cùng, chúng ta có lẽ thật về Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Lời Ngài, và Lời ấy sẵn có cho chúng ta. Chúng ta không cần phải đi lên trời để nhận lấy Lời Chúa, hay thậm chí vượt biển sang xứ sở khác, vì Đức Chúa Trời đã đem đến cho chúng ta Lời Ngài. Phao-lô đã trích dẫn sứ điệp này trong Ro 10:6-10 để chứng minh rằng sự công bình đạt được không phải bằng những kỳ công to tát nhưng bởi thực hành đức tin đơn sơ nơi Chúa Giê-xu Christ.

Hơn nữa, sự lựa chọn là giữa sự sống và sự chết, và ai sẽ cố ý chọn sự chết? Trong trường hợp của Y-so-ra-ên, sự chọn lựa là giữa việc tin cậy Đức Chúa Trời và vui hưởng những quà tặng của xứ (“sự sống và phước lành”), hoặc quay sang hình tượng và kinh nghiệm những sự rửa sả được trình bày trong giao ước (“sự chết và tai họa”). Đó là “sự sống và phước lành” hoặc “sự chết và sự rửa sả”. Phải chăng đây là một quyết định khó thực hiện? Dĩ nhiên, ngày nay sự lựa chọn là giữa sự sống đời đời và sự chết đời đời, sự cứu rỗi bởi ân điển Đức Chúa Trời hoặc sự kết án bởi sự công bình của Đức Chúa Trời. Quyết định phải là duy nhất là chọn sự sống. “Ai tin Con thì được sự sống đời đời, ai không chịu tin Con, thì chẳng thấy sự sống đâu nhưng con thành nô của Đức Chúa Trời vẫn ở trên người đó” (Gi 3:36).

Môi-se kêu gọi toàn bộ sự sáng tạo làm chứng cho cơ hội lớn của Y-so-ra-ên để tiếp nhận giao ước và hưởng những phước hạnh của nó (Phu 30:19 31:28 32:1 Thi 50:1 Es 1:2). Đức Chúa Trời ban cho dân Ngài sự sống vì Ngài là sự sống của chúng ta (Phu 30:20). “Vì tại trong Ngài, chúng ta được sống, động và có” (Cong 17:28). Chúng ta nhận nơi Ngài không chỉ sự sống thuộc thể qua lần sinh ra đầu tiên mà còn sự sống thuộc linh nhờ lần sinh ra thứ hai của chúng ta (Gi 3:1-18).

Điều này đánh dấu sự kết thúc bài nói chuyện tạm biệt của Môi-se, sự ông lại luật pháp, và sự đổi mới về giao ước. Ông vẫn có nhiều điều nữa để nói, và điều ông nói rất quan trọng. Sau đó, Môi-se sẽ chết và Chúa sẽ chôn ông nơi không ai có thể tìm thấy thi thể. Giô-suê sau đó sẽ kế tục và lãnh đạo Y-so-ra-ên đến chiến thắng trong Đất Hứa của họ.

Phu 31:1-13; xem giải nghĩa Phu 26:1-19

11. BÀI CA MÔI-SE (Phu 31:14-32:47)

“Dân này chẳng bao lâu nữa sẽ bán mình cho các thần ngoại bang trong xứ mà họ sẽ vào” (31:16 NIV) (1)

Đó là sứ điệp Chúa ban cho Môi-se sau khi ông hoàn tất bài nói chuyện tạm biệt của mình với dân sự mà ông đã hầu việc thật trung tín trong 40 năm (2). Chắc chắn những lời này làm đau lòng ông, nhưng Môi-se biết rằng Y-so-ra-ên đã có một lịch sử dài về việc xây bỏ Chúa và thờ lạy hình tượng. Tại Si-nai, họ đã làm một bò con vàng và say sưa trong cuộc truy hoan ngoại đạo (Xu 32:1-33) và tại Ka-đe Ba-nê-a, họ muốn lập một lãnh đạo mới và trở lại Ê-díp-tô (Dan 14:1-45). Trong cả hai lần chống nghịch, chính sự cầu thay của Môi-se đã cứu dân tộc khỏi bị hủy diệt bởi sự xét đoán của Đức Chúa Trời. Suốt hành trình trong đồng vắng, dân Do Thái thường phàn nàn với Môi-se về cách ông lãnh đạo họ. Khi thế hệ mới đến biên giới Ca-na-an, những người nam say sưa trong sự đồi bại và sự thờ hình tượng với những người nữ Mô-áp, và Đức Chúa Trời đã giáng một tai họa giết 24.000 dân Y-so-ra-ên (Dan 25:1-18). Lịch sử Y-so-ra-ên là một câu chuyện thật sự bi thảm.

Làm thế nào Môi-se có thể khích lệ dân sự yêu dấu của ông ăn ở chân chính đối với Chúa họ, Đấng đã làm quá nhiều cho họ? Môi-se làm điều Đức Chúa Trời phán bảo ông: ông chọn Giô-suê làm người kế tục ông, ông ban cho dân sự sách luật pháp và cho họ biết cách sử dụng nó, và ông hát cho họ nghe một bài ca về sự cảnh cáo. Điều Môi-se đã làm để giúp ngăn chặn sự bội đạo trong Y-so-ra-ên cần phải được thực hiện để ngăn chặn sự bội đạo trong Hội Thánh ngày nay, vì hồ sơ của Hội Thánh không tốt đẹp gì hơn hồ sơ của Y-so-ra-ên (3). Chúng ta có ba trách nhiệm trước Chúa: tôn trọng những lãnh đạo tin kính, nghe Lời Đức Chúa Trời và chú ý những lời cảnh cáo Đức Chúa Trời ban cho chúng ta.

1. Tôn trọng các tôi tớ của Đức Chúa Trời (Phu 31:1-8,23)

Môi-se 80 tuổi khi Đức Chúa Trời kêu gọi ông lãnh đạo dân sự Ngài (Xu 7:7), và giờ đây ông được 120 tuổi, vì vậy ông đã hầu việc Chúa và dân sự Ngài được 40 năm. Đã đến lúc ông bước qua một bên và để Giô-suê kế tục. Môi-se vẫn còn thích hợp về mặt thuộc thể (Phu 34:7), nhưng Chúa cho ông biết rằng, vì tội lỗi của ông tại Ka-đe, ông sẽ không được vào Ca-na-an (1:37-38 3:23-27 4:21-22 Dan 20:1-13). Môi-se là một tội tở trung tín trong việc lãnh đạo dân sự, rao luật pháp của Đức Chúa Trời cho họ, và xây dựng một dân tộc, nhưng Giô-suê là người Đức Chúa Trời chọn để lãnh đạo quân đội Y-sơ-ra-ên trong việc chinh phạt xứ Ca-na-an. Nhóm từ “đi ra và đi vào” (Phu 31:2) mô tả những hoạt động của một lãnh đạo hầu việc dân sự (Dan 29:15-17 Gios 14:11), và Giô-suê giờ đây sẽ là vị lãnh đạo đó.

Giô-suê không phải là một người xa lạ đối với dân Y-sơ-ra-ên, vì ông đã hầu việc họ tốt đẹp kể từ khi họ rời Ê-díp-tô. Ông là tội tở của Môi-se từ lâu trước khi ông trở thành người kế tục của Môi-se (Xu 33:11 Mat 25:21). Chính Giô-suê đã lãnh đạo quân đội Do Thái đánh bại dân A-ma-léc khi họ tấn công dân tộc sau cuộc kinh lý rời Ê-díp-tô (Xu 17:8-16), và ông đã ở cùng Môi-se trên núi Si-nai (24:13 32:17). Giô-suê là một trong 12 thám tử đã dò thám xứ Ca-na-an, và ông cùng Ca-lép đứng về phía Môi-se và A-rôn để khích lệ dân sự tin cậy Đức Chúa Trời và chiếm xứ (Dan 13:1-14:45). Để đáp lời cầu nguyện của Môi-se xin một lãnh đạo kế tục ông, Đức Chúa Trời chọn Giô-suê đã ủy nhiệm cho ông trước toàn hội chúng (27:12-23).

Môi-se khích lệ bằng cách bảo đảm với ông rằng Đức Chúa Trời sẽ đi trước dân sự Ngài và giúp họ chiếm xứ và tiêu diệt các dân tộc bất kính ở Ca-na-an (Phu 31:3-6,23). “Mệnh lệnh” trong câu 23 tương tự với mệnh lệnh Chúa ban cho Giô-suê sau khi Môi-se qua đời (Gios 1:1-9). Giô-suê phải nhân đôi những chiến thắng Chúa đã ban cho Y-sơ-ra-ên ở phía Đông sông Giô-đanh, khi Y-sơ-ra-ên đánh bại Si-hôn và Óc, nghĩa là tiêu diệt các dân Ca-na-an và mọi thứ có liên quan đến tôn giáo của họ. Thật ích lợi để biết rằng Đức Chúa Trời không thay đổi, Đấng đã đi trước các đội quân Y-sơ-ra-ên vẫn giúp đỡ dân sự Ngài hôm nay (He 13:5).

Trong công việc của Chúa, không có sự thay thế cho chức lãnh đạo tin kính. Như Môi-se đã làm với Giô-suê, Đấng Christ đã làm với các sứ đồ Ngài, và Phao-lô đã làm với Ti-mô-thê cùng Tít, thế hệ đi trước phải trang bị cho thế hệ sau thay thế (ITi 2:2). Chúa đã cho chúng ta biết những phẩm chất dành cho lãnh đạo trong Hội Thánh (ITi 3:1-16 Tit 1:1-16), và chúng ta phải tận tâm đối với việc cố vấn và huấn luyện những người có đủ tư cách để trở thành những lãnh đạo đó. Nhà bình luận chính trị Walter Lippmann đã viết: “Cuộc thử nghiệm cuối cùng của một lãnh đạo đó là người ấy để lại sau mình ở nơi người khác sự thuyết phục và ý chí để thực hiện”. Người lãnh đạo không nên chỉ đủ tư cách, họ còn phải được chuẩn bị và được chứng minh (ITi 3:10) để họ không phải là những người thiếu kinh nghiệm trong sự hầu việc Chúa (c.6). Sự vắng mặt những lãnh đạo có tài năng và tư cách đôi khi là chứng cứ về sự xét đoán của Đức Chúa Trời trên dân sự Ngài (Es 3:1-4,12 57:1). Ngày nay, hoàn cảnh này đã khác nhưng dân Y-sơ-ra-ên ngày xưa

sẽ bị nhục nhã nếu người trẻ tuổi và phụ nữ hầu việc ở vị trí lãnh đạo. Đó là những người đàn ông cao tuổi có sự khôn ngoan và kinh nghiệm để lãnh đạo dân sự.

2. Nghe Lời Đức Chúa Trời (Phu 31:9-13,24-29)

Tại núi Si-nai, Chúa cho Y-sơ-ra-ên biết rõ ràng, không giống như các dân tộc quanh họ, họ phải là một dân có Lời Chúa, là dân sẽ nghe tiếng Đức Chúa Trời và vâng lời (4:15-20). Dân ngoại giáo có thể nhìn thấy thần tượng nhân tạo của họ nhưng không thể nghe chúng nói, vì những thần tượng của họ là chết (Thi 115:1-8). Nếu Y-sơ-ra-ên từ bỏ những lời hằng sống của Đức Chúa Trời hằng sống và quỳ xuống trước những thần tượng câm, họ sẽ sống bởi ngoại cảnh chứ không bởi đức tin và từ bỏ lẽ thật thiêng liêng vì sự mê tín của loài người. Chính bởi lời phán mà Chúa đã tạo dựng vũ trụ, và chính nhờ Lời ấy mà Ngài thực hiện những mục đích của Ngài trong lịch sử (Thi 33:6-13).

Suốt chức vụ dài của mình, Môi-se đã giữ một ghi chép về điều Đức Chúa Trời đã làm và phán (Xu 17:14 24:4-8 34:27 Dan 33:2 Phu 28:58 29:20,27) và ông đã gửi ghi chép đó cho những thầy tế lễ là những người khiêng hòm giao ước. Ông bảo họ đặt cuốn sách một bên hòm trong nơi Chí Thánh nơi Chúa ngự trên nắp thi ân giữa các Chê-ru-bên (Thi 80:1 NIV). Đức Chúa Trời tế trị thế giới Ngài qua Lời Ngài và dân sự Đức Chúa Trời phải tôn trọng Lời Ngài và vâng theo. Vào những năm tương lai, vua của Y-sơ-ra-ên được yêu cầu viết một bản luật pháp, nghiên cứu và giữ nó bên ông (Phu 17:18-20). Mỗi năm Sa-bát, vào kỳ lễ Lều Tạm, luật pháp phải được đọc lên và được giải nghĩa công khai cho mọi người nam, nữ, trẻ con, dù là dân Y-sơ-ra-ên hay khách lạ, để họ sẽ nghe, sợ và vâng theo (Ne 8:1-18). Đặc biệt quan trọng để trẻ con nghe Lời Chúa (Phu 31:13), hầu chúng có thể học Lời Chúa sớm và hưởng một đời sống trường thọ trong Đất Hứa (4).

Môi-se công khai cho dân sự biết điều Đức Chúa Trời đã bảo với ông: họ chống nghịch và cứng cổ, và sau khi ông qua đời, họ sẽ xây bỏ Chúa để thờ thần tượng (c.27). Khi dân sự cứng cổ, họ từ chối quỳ xuống trong sự đầu phục cung kính trước Chúa, nhưng chai lì chống lại Chúa và khẳng khái làm điều họ muốn (Xu 32:9 33:3-15 34:9 Phu 9:6,13 10:16). Nghe Lời Đức Chúa Trời, suy gẫm và vâng theo là phương pháp tốt nhất chống lại sự bội đạo. Tiếc thay, sau sự chết của Môi-se và Giô-suê, dân Y-sơ-ra-ên nghe những tiên tri giả, xây bỏ lẽ thật của Đức Chúa Trời và thi hành sự thờ hình tượng (Cac 2:6-7). Nhiều thế kỷ sau, Ê-tiên đã tố cáo chính dân tộc ông là “cứng cổ, lòng và tai chẳng cắt bì” và luôn chống lại Đức Thánh Linh khi Ngài phán qua Lời Ngài (Cong 7:51).

Có một bài học quan trọng ở đây cho Hội Thánh ngày nay, vì Đức Chúa Trời đã ban cho dân Ngài lẽ thật của Lời Ngài, và chúng ta phải bảo vệ nó, vâng theo nó, và lưu truyền nó cho thế hệ tiếp nối (ITi 1:11,18-19 6:20 ITi 1:13-14 2:2). Hội Thánh của Chúa Giê-xu Christ luôn là một thế hệ gần như tuyệt chủng, nên quan trọng là mỗi tín hữu phải nghiên cứu Kinh Thánh, tiếp nhận lẽ thật, thực hành và truyền đạt nó lại cho người khác. Chúng ta cần những người chuyên nghiệp trung tín như thầy thông giáo E-xơ-ra là người “định chí tra xét luật pháp của Đức Giê-hô-va, giữ làm theo và dạy cho dân Y-sơ-ra-ên biết những luật pháp và giới mạng” (Exo 7:10). Chúng ta cũng cần những thường

dân tận tâm và sẵn lòng như Bê-rít-sin và A-qui-la là những người có thể giải thích rõ đường lối của Chúa hoàn hảo hơn cho những tín đồ mơ hồ (Cong 18:24-26).

Những học thuyết về niềm tin Cơ Đốc, được ghi trong Kinh Thánh, không phải do các tín hữu đầu tiên nghĩ ra, nhưng do Đức Chúa Trời ban cho những tôi tớ được chọn của Ngài. Giu 1:3 gọi khối lễ thật thuộc linh này là “đạo truyền cho các thánh một lần đủ cả”. Trong Hội Thánh địa phương, chúng ta không nên dạy học thuyết nào khác (ITi 1:3), chúng ta cũng không nên dạy điều gì khác ngoài Lời Đức Chúa Trời được hà hơi (ITi 4:1-5). Phao-lô gọi của báu lễ thật này là “đạo lành (ITi 1:10 ITi 4:3 Tit 1:9 2:1) và “những lời lành” (ITi 1:13). Nếu chúng ta muốn có những Hội Thánh lành mạnh về thuộc linh các thánh đồ phải nuôi dưỡng học thuyết “lành mạnh”, bất cứ điều gì khác đều là “những lời vô tích” (ITi 1:6 ITi 2:16) và là sự lây nhiễm tràn lan giống như bệnh hoại thư (c.17). Mặc dù các tín hữu khích lệ nhau là một điều tốt, chúng ta phải cẩn thận để “thời gian chia sẻ” của chúng ta đề cao lễ thật của Lời Chúa chứ không phải đề cao điều mà cá nhân suy nghĩ về Lời Chúa.

Hội Thánh địa phương phải bắt chước Y-so-ra-ên và có những thời gian đặc biệt khi họ nhóm lại để đọc Lời Chúa và nghe giảng giải. Trong chức vụ của mình, tôi đã được đặc ân nói chuyện với những hội đồng Kinh Thánh lớn được tham dự bởi những tín hữu chỉ nghĩ đến một điều: nghe từ Lời Đức Chúa Trời điều Chúa muốn họ làm. Ngày nay, nhiều Hội Thánh không thể tổ chức những hội chúng những hội đồng Kinh Thánh vì người ta không muốn tham dự. Mọi người điều quá bận rộn, và một hay hai giờ đồng hồ vào buổi sáng Chúa Nhật một tuần một lần là tất cả thời gian họ có thể dành cho Chúa. Lời Chúa không được đọc và dạy trong gia đình như trước đây. Và trừ khi trẻ con học trường Cơ Đốc ban ngày, thì chúng tiếp theo sự giáo dục Cơ Đốc suốt 30 phút của trường Chúa Nhật và có lẽ một tiếng đồng hồ trong một câu lạc bộ giữa tuần. Có gì ngạc nhiên khi gia đình và Hội Thánh ngày càng đi xa khỏi đức tin?

3. Chú ý và lời cảnh cáo của Đức Chúa Trời (Phu 31:14-22,30) (Phu 32:1-47)

Đức Chúa Trời bảo Môi-se gặp Ngài tại lều tạm và đem Giô-suê đến, là người kế tục ông. Phán từ đám mây vinh hiển, Chúa cho hai người biết rằng Y-so-ra-ên sẽ xây bỏ Đức Chúa Trời chân thật hằng sống và thờ lạy hình tượng (“thông dâm”) rồi Ngài sẽ từ bỏ họ và giáng những sự xét đoán được trong giao ước (Phu 28:1-68). Nguyên nhân sự bội đạo của họ không chỉ là ảnh hưởng ngoại bang quanh họ, mà còn là sự thịnh vượng của họ trong xứ (31:20). Họ sẽ quên Đức Chúa Trời Đấng ban cho rời rộng và thoi cảm tạ Ngài về sự nhân từ của Ngài. Nếu dân tộc này vâng lời Đức Chúa Trời và vui mừng hầu việc Ngài, mặt Ngài sẽ chiếu sáng trên họ (Dan 6:22-27), nhưng nếu họ quay sang hình tượng, Đức Chúa Trời sẽ giấu mặt Ngài khỏi dân sự Ngài và sửa phạt họ.

Chúa bảo Môi-se và Giô-suê (5) viết một bài ca Ngài sẽ ban cho họ, một bài ca dân sự có thể dễ dàng học và nhớ. Bài ca này sẽ cảnh cáo thế hệ mới và những thế hệ tiếp nối những nguy hiểm của sự thờ thần tượng và những hậu quả bi thảm của sự bội đạo. Nó cũng sẽ nhắc nhở họ về sự nhân từ và thương xót của Chúa. Sau khi Môi-se và Giô-suê viết bài ca (Phu 31:19), họ dạy cho các quan trưởng (c.28) và toàn hội chúng (c.30) (6).

Môi-se mở đầu bài hát bằng điều nhắc nhở nghiêm túc rằng, sau khi ông qua đời, họ sẽ từ bỏ Chúa và bởi đó mời gọi sự sửa phạt của Chúa. Điều này nghe như cái gì đó giống với bài giảng tạm biệt của Môi-se trước các quan trưởng và dân sự (Gios 23:1-24:33) và những lời cuối cùng của Môi-se với các trưởng lão Ê-phê-sô (Cong 20:17-37).

Bài hát có bốn phần chính: tính cách của Đức Chúa Trời (Phu 32:1-4), sự nhân từ của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài (c.5-14), sự thành tín của Đức Chúa Trời để sửa phạt dân Ngài (c.15-25), và sự báo trả của Đức Chúa Trời đối với kẻ thù Ngài (c.26-43). Bài ca mô tả những cách Đức Chúa Trời đối xử với Y-so-ra-ên và là một sự ôn lại ngắn gọn về lịch sử dân tộc, từ lúc họ ở trong đồng vắng đến những sự sửa phạt trong thời kỳ sau rốt. Nó có hai phương diện về lịch sử lẫn tiên tri.

Tính cách của Đức Chúa Trời (Phu 32:1-4). Môi-se nói, dù Giô-suê ở với ông (c.44-45), và ông mở đầu bài ca bằng hai hình ảnh thú vị: một tòa án (c.1) và một cơn mưa rào (c.2). Ông kêu gọi trời và đất làm chứng cho những lời của ông (30:19-31:28) vì bài ca sẽ lên án Y-so-ra-ên tội từ bỏ Đức Chúa Trời của họ và vi phạm giao ước. Đây là vi phạm nghiêm trọng nhất mà dân sự có thể phạm. Mọi vật trong sự sáng tạo đều vâng lời Chúa ngoại trừ dân sự của Ngài! (Thi 119:89-91 148:5-9 Es 1:1-3). Nhưng Môi-se không đòi hỏi một cơn bão tố, ông ban sứ điệp mình như một cơn mưa rào nhẹ nhàng, tin rằng Lời Chúa sẽ làm mềm đất cứng và kết quả trong lòng dân sự (Es 55:10-11). “lấy lòng yêu thương nói ra lẽ chơn thật” (Eph 4:15) là cách tốt nhất để rao Lời Đức Chúa Trời.

Học tính cách của Đức Chúa Trời phải là mối quan tâm chính của chúng ta trong trường đời, và Môi-se là một học sinh xuất sắc (Xu 33:12-34:9 Thi 90:1-17). Đối với dân Do Thái, danh của Chúa là “Giê-hô-va”, là danh Đức Chúa Trời đã bày tỏ cho Môi-se tại bụi gai cháy (Xu 3:13-15). Môi-se không tuyên bố tên mình, vì ông là một người khiêm nhường (Dan 12:3), khao khát của ông là tôn cao danh Chúa, “Bài ca của Môi-se” khác (Xu 15:1-27) cũng ca tụng những thuộc tính của Đức Chúa Trời. Trong hai câu ngắn gọn, Môi-se quy cho Chúa sự trọn vẹn, vĩ đại, công chính, lẽ thật, thành tín, công bình và ông mô tả Ngài là “Hòn Đá” (Phu 32:4,15,28,30-31). Đây là một hình ảnh quen thuộc trong Kinh Thánh chỉ về Đức Chúa Trời, nói về Ngài là bền vững, mạnh mẽ, bất biến, thành tín và trường tồn. Gia-cốp gọi Ngài là “Đá” (Sa 49:24), và Chúa Giê-xu thường được nói đến với tư cách là “Đá” hoặc “Hòn Đá” (Mat 21:42-44 Cong 4:11 Ro 9:32-33 IPhi 2:4,7-8 Da 2:1-49).

Ngay từ đầu bài ca, Môi-se đã tập trung sự chú ý của dân sự vào sự vĩ đại của Đức Chúa Trời, vì nếu họ hiểu sự vĩ đại của Ngài, họ sẽ không muốn thờ lạy những thần tượng nhân tạo. A.W.Tozer thường nhắc nhở chúng ta rằng “không tôn giáo nào từng vĩ đại hơn ý niệm của nó về Đức Chúa Trời”. Ông cũng nói “Bước sa sút đầu tiên đối với bất cứ Hội Thánh nào cũng đều được thực hiện khi Hội Thánh đó từ bỏ quan điểm cao trọng về Đức Chúa Trời” (7).

Sự nhân từ của Đức Chúa Trời đối với dân sự Ngài (Phu 32:5-14). Bạn sẽ nghĩ rằng Y-so-ra-ên sẽ ca tụng một Đức Chúa Trời vĩ đại như thế và xem đó là một đặc quyền để biết Ngài và hầu việc Ngài, nhưng họ không làm vậy. Ngược lại, họ quay sang các hình tượng, làm hư hoại chính họ và làm hỏng tên tuổi cùng địa vị của họ. “Khi chúng hành

động như vậy, lẽ nào chúng thật sự là con cái Ngài? Chúng là một dòng dõi lừa đảo và gian trá” (c.5, NLT). Quả là một cách để đáp lại cho họ về tất cả mọi điều Ngài đã làm cho họ! (8). Chúng ta nghĩ một cách bất công rằng những người chưa Chúa là gian trá và đồi bại (Phi 2:15), còn dân sự Đức Chúa Trời thì không (Mat 17:17 Lu 9:41).

Một lần nữa, Môi-se kêu gọi dân sự nhớ những điều Đức Chúa Trời đã làm cho họ “những ngày xưa” Những người trẻ tuổi có thể hỏi người lớn tuổi những gì họ nhớ, vì dạy cho người trẻ tuổi là trách nhiệm của tín hữu lớn tuổi hơn (Thi 78:5-8 Tit 2:1-8). Chúa là Đức Chúa Trời của lịch sử và địa lý. Ngài đã phân chia các nước (Sa 10:10 32) và đặt họ trên đất nơi Ngài cần họ (Cong 17:26). Nhưng Ngài có một kế hoạch đặc biệt cho Y-so-ra-ên, vì họ là dân sự Ngài; và Ngài đảm bảo rằng họ có một xứ thích hợp cho họ (9). Vở kịch về sự cứu rỗi sẽ được diễn trong xứ Y-so-ra-ên, vì vậy xứ ấy rất đặc biệt đối với Chúa.

Chúa đã giải cứu Y-so-ra-ên khỏi Ê-díp-tô và sau đó ngự đến với họ trong đồng vắng tại núi Si-nai. Họ là một dân cô thế và Ngài giành họ cho chính Ngài. Họ là “trái táo của mắt Ngài” chỉ về con người của mắt (Thi 17:8 Ch 7:2 Xa 2:8) (10). Môi-se sử dụng hình ảnh chim phụng hoàng để minh họa sự chăm sóc của Đức Chúa Trời đối với dân Ngài (Phu 32:11-13a). Ở một giai đoạn nào đó trong đời sống của chim con, chim mẹ phá tổ và buộc chim con bay. Để đảm bảo chim con không rơi, chim mẹ ở sát chim con khi chúng “thử cánh bay ở phía dưới chúng và thậm chí mang chúng trong những cái vuốt khoẻ của mình. Đó là một bức tranh xinh đẹp về tiến trình trưởng thành gay go mà Đức Chúa Trời đặt để mỗi chúng ta như Ngài đã đặt để dân Y-so-ra-ên. Y-so-ra-ên được dựng nên để “cỡi trên các nơi cao” (c.13) chớ không ngụp trong bùn như các dân ngoại giáo. Mọi kinh nghiệm họ có suốt hành trình trong đồng vắng là cơ hội khác để họ tăng trưởng, nhưng họ rất thường thoái lui và hành động như trẻ con.

Y-so-ra-ên hưởng xứ Ca-na-an là chủ đề của các câu 13b-14. Đức Chúa Trời đã ban cho họ một xứ giàu có, một xứ sinh ra mật từ những hòn đá và trong xứ ấy cây ô-li-ve có thể phát triển trong đất đá sỏi và sinh nhiều dầu. Bầy chiên và bầy gia súc gia tăng trong các đồng cỏ và hoa quả cùng thóc lúa phát triển trong đồng ruộng, vườn cây ăn trái và vườn nho (11). Thật vậy, Chúa đã ban cho họ một xứ tốt đẹp và không thiếu thứ gì.

Sự thành tín của Đức Chúa Trời trong việc sửa phạt dân Ngài (Phu 32:15-25). Môi-se cảnh cáo dân sự rằng sự thịnh vượng không xứng đáng của họ trong xứ sẽ cám dỗ họ trở nên kiêu ngạo và quên Chúa (Phu 8:1-20), và sau đó Ngài sẽ phải sửa phạt họ, và đó chính xác là điều đã xảy ra. “Giê-su-run” là biệt danh cho Y-so-ra-ên (33:5,26 Es 44:2) và có nghĩa là “người chính trực”. Nói về địa vị của họ trước mặt Đức Chúa Trời, “Ngài chẳng xem tội ác nơi Gia-cốp, và không thấy tà vạy trong Y-so-ra-ên” (Dan 23:21), nhưng khi nói về hạnh kiểm của họ, Đức Chúa Trời sẵn sàng để sửa phạt dân yêu dấu của Ngài vì không sống đúng với địa vị của họ. Ngài có một vấn đề tương tự đối với Hội Thánh ngày nay, vì chúng ta không phải luôn ăn ở xứng đáng với sự kêu gọi cao trọng mình có (Eph 4:1).

“Sự ghen tương” của Đức Chúa Trời là một sự ghen tương của một người chồng yêu thương chung thủy có người vợ phản bội mình (Đây là câu chuyện trong sách Ô-xê, và xem Gie 2:25). Thờ hình tượng là thờ ma quỷ (ICo 10:20), nên Y-sơ-ra-ên không chỉ làm buồn lòng Chúa mà còn đùa giỡn ngay trong tay kẻ ác. Họ đã quên Hòn đá là Cha họ (“Hòn đá sanh mình”) và là Mẹ của họ (“đã tạo mình”). Dân Do Thái là “con trai và con gái” của Ngài (Phu 32:19). Những thái độ và hành động của họ ngăn trở Ngài yêu họ như Ngài mong muốn, vì vậy Ngài phải bày tỏ tình yêu Ngài bằng cách sửa phạt họ.

Vì họ đã đưa Ngài đến sự ghen tương bằng cách đi theo các thần khác, Ngài quyết định đưa họ đến sự ghen tương bằng cách chúc phước và sử dụng các dân tộc khác (c.21 Os 1:1-11). Về mặt lịch sử, điều này đề cập đến việc Đức Chúa Trời sử dụng nhiều dân ngoại để sửa phạt Y-sơ-ra-ên trong xứ họ (sách Các quan xét), và sau đó Ngài sử dụng Ba-by-lôn để đưa họ vào vòng phu tù. Nhưng về mặt tiên tri, nó chỉ về việc Đức Chúa Trời kêu gọi dân ngoại đến sự cứu rỗi sau khi Y-sơ-ra-ên xây bỏ sứ điệp của Phúc Âm (Ro 10:1-20 11:11). Ngày nay, Đức Chúa Trời muốn sử dụng Hội Thánh để khiến Y-sơ-ra-ên ghen tương về phước hạnh thuộc linh chúng ta có mà dân Do Thái từng có trước đó (Ro 9:1-5 11:13-14). Chúng ta phải “quảng cáo những nhơn đức của Ngài” (IPhi 2:9) để những người hư mất sẽ mong muốn dự phần những phước hạnh chúng ta có trong Đấng Christ. Thật buồn để đọc những từ như lửa, tên, đói, rét, thú, rắn, gươm và tai hoạ được áp dụng cho dân đặc biệt của Đức Chúa Trời, nhưng đây là những sự xét đoán Ngài đã giáng cho họ (Le 26:14). Sau sự chinh phạt của Rô-ma năm 70 SC, dân tộc này bị tản lạc, và ngày nay chúng ta thấy dân Do Thái ở khắp nơi trên thế giới.

Sự báo trả của Đức Chúa Trời đối với kẻ thù Ngài (Phu 32:26-43). Vào hai lần khác nhau, Chúa dọa tiêu diệt dân Ngài, và Môi-se nhắc Ngài về những lời hứa giao ước của Ngài và về việc các dân ngoại đang nhìn xem (Xu 32:11-14 Dan 14:11-25). Nếu Đức Chúa Trời tiêu diệt Y-sơ-ra-ên, dân ngoại sẽ nói “Đức Chúa Trời của họ không đủ mạnh để đưa họ vào xứ họ và chăm sóc họ!”. Môi-se quan tâm về vinh hiển của Đức Chúa Trời cũng như ích lợi của dân tộc. Đức Chúa Trời biết rằng dân ngoại sẽ khoe khoang về việc đánh bại và làm nhục Y-sơ-ra-ên, nên Ngài đã can thiệp và cứu dân Ngài (Exe 20:8-29). Ngài cũng nghiêm trị các dân ngoại vì họ đi quá xa và độc ác trong việc đối xử với dân Do Thái (Gie 50:10-13,17). Chính Chúa là Đấng đã cho phép A-si-ri và Ba-by-lôn bắt giữ dân Ngài, và các dân tộc này đã hành động như thể họ là những kẻ đại thắng.

Nguyên nhân cho nghịch cảnh của Y-sơ-ra-ên không phải là sức mạnh của quân thù họ, nhưng là họ thiếu khôn ngoan (Phu 32:28-29 Es 1:3). Họ có Kinh Thánh ghi lại những giao ước, và tất cả những gì họ phải làm là vâng theo các luật lệ của Đức Chúa Trời và Ngài sẽ chúc phước cho họ. Chính Lời Kinh Thánh đó đã tiên tri sự đến của Đấng Mê-si-a của họ, nhưng khi Ngài đến, Y-sơ-ra-ên đã không biết Ngài (Gi 1:26). Ngày nay, có một bức màn trên tấm lòng của họ khi họ đọc Cựu Ước và họ không thể nhìn thấy Đấng Christ qua Kinh Thánh (II Co 3:12-18 Ro 11:25-36 Gi 5:39).

Nếu Y-sơ-ra-ên trung tín với Chúa, Ngài sẽ ban cho họ chiến thắng trên những kẻ thù của họ, và một chiến sĩ Do Thái sẽ đáng giá hơn 20 hay thậm chí 100 địch quân (Le 26:6-

8). Tiếc thay, sự chống nghịch của họ đã khiến Hòn Đá của họ “bán họ” cho kẻ thù, dù kẻ thù chẳng có gì đáng so sánh với những gì Y-sơ-ra-ên có nơi Đức Giê-hô-va (Phu 32:31-33). Các thần của họ (hòn đá) chắc chắn không giống như Đức Chúa Trời Hằng Sống của Y-sơ-ra-ên, và cây nho của họ (dân tộc) không được trồng như Y-sơ-ra-ên trong xứ (Es 5:1-30). Ăn nho của kẻ thù và uống rượu của chúng là bị ngộ độc, nhưng Y-sơ-ra-ên đã thờ lạy các thần của họ! “Chúng là một dân mất trí” (c.28).

Đức Chúa Trời không bỏ sót những việc ác của kẻ thù Y-sơ-ra-ên nhưng chuẩn bị sẵn những vũ khí của Ngài để Ngài có thể bảo vệ dân Ngài (c.34-35). “Việc như thế” trong c.34 chỉ về sự báo trả của Đức Chúa Trời trên những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên và của Đức Chúa Trời, điều gì đó Ngài đã hoạch định từ lâu. Ở đây chúng ta có Đức Chúa Trời được bày tỏ là chiến sĩ công bình Đấng sẽ đánh bại những kẻ thù của Y-sơ-ra-ên và đồng thời xét đoán (“bảo vệ”) dân Ngài và bày tỏ sự thương xót đối với họ (“ăn năn”, KJV). Đây là một sứ điệp hy vọng cho Y-sơ-ra-ên, vì sự sửa phạt của Ngài là bước đầu tiên đến việc phục hồi dân Ngài và ban lại cho họ những phước hạnh họ đã đánh mất khi họ quay sang các thần tượng (13). Các tà thần họ tin cậy sẽ không thể giúp Y-sơ-ra-ên, nhưng Chúa sẽ bày tỏ đại quyền của Ngài thay cho dân cô thế của Ngài và giải cứu họ khỏi kẻ thù. Chúng ta có thể có trong những câu 39-43 một mô tả về trận chiến A-ma-gê-đôn (Kh 14:17-20 16:12-16). Chúng ta không có ghi chép nào trong Kinh Thánh hay trong lịch sử về thời điểm đặc biệt nào của sự báo thù khi Đức Chúa Trời bảo vệ dân Do Thái bằng cách đánh bại các dân ngoại, vì thế lời tiên tri này sẽ phải được ứng nghiệm.

Sự đột phá của phân đoạn cuối của bài ca (Phu 32:34-43) là sự bảo vệ Y-sơ-ra-ên đến cuối cùng trước các dân ngoại đã tấn công họ, làm nhục họ và ngược đãi họ ở một phạm vi nào đó, Y-sơ-ra-ên đã được bảo vệ khi Ba-by-lôn bị Đa-ri-út Mê-đi chiếm và dân Do Thái được phép trở về xứ họ, chúng chắn chắn những câu này mô tả điều gì đó rộng hơn và kịch tính hơn sự kiện đó. Ngôn ngữ sống động khiến chúng ta nghĩ đến những mô tả trong Cựu Ước về Ngày của Chúa và sự giết hại sẽ xảy ra (Es 2:10-21 Am 5:18-20 So 1:7-18). Mặc dù đó sẽ là ngày xét đoán trên dân ngoại vì cách họ đã đối xử Y-sơ-ra-ên (Gio 3:1-3), đó cũng sẽ là một thời kỳ tội luyện đối với Y-sơ-ra-ên, và cuối cùng họ sẽ nhìn thấy Đấng Mê-si-a của họ, ăn năn và được thay đổi (Xa 9:1-14:21).

Đứng cùng với Giô-suê, Môi-se kết thúc bài ca bằng cách kêu gọi dân sự ghi vào lòng sứ điệp và dạy bài ca cho con cái họ, hầu những thế hệ tương lai sẽ vâng theo luật pháp và tránh sự thờ thần tượng (Phu 4:9-10 6:7 11:19 Xu 10:2 12:26). Lời Đức Chúa Trời là sự sống của dân sự Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời là sự sống của chúng ta (Phu 30:20); Vì Lời Chúa truyền đạt cho chúng ta lẽ thật về Đức Chúa Trời và những ơn phước nhân từ của Ngài. Tiếp nhận và vâng theo Lời Chúa là dự phần trong sự sống của Đức Chúa Trời. “Vì đó chẳng phải chỉ là những lời vô ích chio các người. Đó là sự sống của các người” (32:47 NIV). “Vì Lời Đức Chúa Trời là sự sống và linh nghiệm” (He 4:12).

Phu 32:1-47; xem giải nghĩa Phu 31:14-22,30

12. SỰ CUỐI CÙNG CỦA MỘT KỶ NGUYÊN (Phu 32:48-34:12)

“Vây, xin hãy dạy chúng tôi đếm các ngày chúng tôi, hầu chúngt ôi có thể đặt lòng mình vào sự khôn ngoan” (Thi 90:12). Môi-se đã viết những lời này có lẽ sau cuộc đại khủng hoảng ở Ka-đe Ba-nê-a, khi Y-sơ-ra-ên chống nghịch Đức Chúa Trời và Ngài đã đếm các ngày của thế hệ đi trước (Dan 13:1-14:45). Nhưng Môi-se giờ đây đang đếm giờ của ông, vì sẽ sớm đến lúc phải rời trại quân Y-sơ-ra-ên, leo lên núi Nê-bô và ngã vào vòng tay yêu thương của Đức Chúa Trời để được ngủ. Môi-se đã rời trại quân và lia đời này, nhưng ông cũng để lại đằng sau những món quà tuyệt vời cho dân sự ông và cho chúng ta hôm nay.

1. Một lời chúc phước cho Y-sơ-ra-ên (Phu 33:1-29)

“Bài ca của Môi-se” là một bài học về thần học, lịch sử và sự vâng phục cá nhân, kể cả những lời cảnh cáo mạnh mẽ; Nhưng lời chúc phước cuối cùng Môi-se ban trên dân sự ông được dằm thắm ân điển và sự thương xót. nó hoàn toàn trái ngược với “lời chúc phước” Gia-cốp ban cho các con trai ông trước khi ông chết (Sa 49:1-32), bày tỏ tính cách tiềm ẩn của họ và phơi trần tội lỗi (1). Môi-se mở đầu và kết thúc bài giảng của ông bằng cách ca ngợi sự vĩ đại của Chúa Đấng ông sắp gặp trên đỉnh núi (Phu 33:1-5,26-29) và sau đó ông kể tên từng chi phái ngoại trừ Si mê-ôn (2) và ban cho họ một lời chúc phước từ Chúa. Môi-se viết về ông về bản thân ông trong bài học thứ ba (c.1,4) giống như cách Đa-vít nói với Chúa trong II Sa 7:20 khi ông bị tràn ngập bởi những lời hứa của Đức Chúa Trời. Cả Môi-se và Đa-vít đều giống như trẻ nhỏ, thường sử dụng tên mình khi nói với người lớn.

Vinh hiển của Đức Chúa Trời (Phu 33:1-5). Khi Môi-se nhìn lại quãng đời dài của mình, một cảnh tượng thu hút tâm trí ông là sự bày tỏ vinh hiển Đức Chúa Trời tại núi Si-nai (Xu 19:16-25 24:15-18 He 12:18-21) và sự ban luật pháp. Nhưng ông đã thấy vinh hiển của Đức Chúa Trời ở gần khi ông ở trên núi cầu thay với Chúa (Xu 33:1-34:35). Mô tả tương tự này được sử dụng trong Bài ca của Ê-bô-ra trong sách Các quan xét (Cac 5:4-5 và cũng được tiên tri Ha-ba-cúc sử dụng khi ông ngợi khen Chúa (Ha 3:3). Càng biết rõ hơn Lời Đức Chúa Trời, chúng ta càng phải có thể bày tỏ sự thờ phượng đúng đắn trước mặt Ngài, không có sự thay thế cho “ca vinh, thơ thánh và bài hát thiêng liêng” (Eph 5:19 Co 3:16) được tìm thấy nơi Kinh Thánh.

Đức Chúa Trời đã đến từ (3) muôn vàn thiên sứ trên trời để gặp Y-sơ-ra-ên tội lỗi. Vì sao? “Vì Ngài thương yêu dân sự” (Phu 33:3). Suốt sách phục Truyền, Môi-se nhấn mạnh tình yêu đặc biệt của Đức Chúa Trời đối với Y-sơ-ra-ên và ân điển của Ngài trong việc chọn họ làm dân đặc biệt của Ngài (4:31-40 7:6,13 14:2 26:19 28:9). Ân điển tối cao và tình yêu của Đức Chúa Trời không bao giờ là những lý do cho sự kiêu ngạo của con người tội lỗi. Đúng hơn, đó là những lẽ thật phải khiến chúng ta hạ mình và khiến chúng ta muốn hết lòng hầu việc Ngài. “Những vị thánh” (các Đấng Thánh) trong 33:2 là những Thiên sứ, nhưng “các thánh” trong c.3 là dân Y-sơ-ra-ên, dân được Đức Chúa Trời biệt riêng, Giê-su-run “người chính trực”. Mặc dù có sự bất tuân thường xuyên của họ, Y-sơ-ra-ên được Đức Chúa Trời xem là dân đặc biệt của Ngài. “Ngài chẳng xem tội ác nơi Gia-cốp và không thấy tà vạy trong Y-sơ-ra-ên” (Dan 23:21). Có nhiều tội lỗi trong Hội Thánh Cô-

rinh-tô, nhưng Phao-lô nói với dân sự với tư cách “thánh đồ” (ICo 1:1-2). Địa vị của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời là địa vị công bình trong Chúa Giê-xu Christ (II Co 5:21), nhưng thực trạng của chúng ta trong thế gian này là thực trạng bị cám dỗ và luôn thất bại. Đời sống Cơ Đốc đặc trưng nghĩa là sống đúng với địa vị của chúng ta bởi đức tin nơi quyền năng Đức Chúa Trời.

Môi-se mô tả địa vị cao quý của chúng ta vì có ân điển của Đức Chúa Trời: được Đức Chúa Trời yêu, an toàn trong tay Ngài và đầu phục nơi chân Ngài (Phu 33:3). Chúng ta cũng được nương nơi vai Ngài (c.12) và có cánh tay đời đời của Ngài ở dưới mình (c.27). Không ngạc nhiên gì khi Môi-se kêu lên: “Hỡi dân được Đức Giê-hô-va cứu rỗi, ai giống như ngươi?” (c.29). Môi-se không xem luật pháp như một gánh nặng từ Đức Chúa Trời nhưng như một cơ nghiệp giàu có (c.4). Y-sơ-ra-ên sẽ hưởng một xứ tốt đẹp, nhưng cơ nghiệp lớn nhất của họ là Lời Đức Chúa Trời nuôi dưỡng họ, bảo vệ họ và hướng dẫn họ. “Chúng có Chúa là cơ nghiệp tôi đến đời đời; Vì ấy là sự mừng rỡ của lòng tôi” (Thi 119:111). Không giống như các dân tộc quanh họ, Y-sơ-ra-ên không có một vua loài người cai trị dân sự, vì Đức Chúa Trời là Vua họ, và ngôi Ngài là ngôi thương xót trên hòm giao ước (Phu 33:5 Thi 80:1). Bi thảm thay khi sau đó Y-sơ-ra-ên cầu xin một vua và đặt niềm tin họ nơi cánh tay xác thịt (Phu 17:14-20 ISa 8:1-9:27).

Phước lành của Đức Chúa Trời cho các chi phái (Phu 33:6-25). Đức Chúa Trời không chỉ thấy toàn dân tộc, là dân Y-sơ-ra-ên, Ngài còn thấy những chi phái riêng biệt và ấn định những phước lành cho họ. Giống như thầy tế lễ cả, Chúa mang tên những chi phái riêng biệt nơi lòng Ngài (Xu 28:15-30). Chúng ta đã chú ý rằng Si-mê-ôn không được đề cập, nhưng tất cả những chi phái khác được đề cập, kể cả Giô-sép cùng với hai con trai ông là Ép-ra-im và Ma-na-se. Thứ tự như sau:

- Ru-bên, Giu-đa, Lê-vi – các con trai Lê-a (Phu 33:6-11)
- Bên-gia-min, Giô-sép các con trai Ra-chên (c.12-17)
- Ép-ra-im, Ma-na-se các con trai Giô-sép (c.17)
- Sa-bu-lôn, Y-sa-ca các con trai Lê-ai (c.18-19)
- Gát con trai Xinh-ba (c.20-21)
 - Đan, Nép-ta-li các con trai Bi-la (c.22-23)
 - A-se, con trai Xinh-ba (c.24-25)

Vì Ru-bên (c.6) là con trưởng của Gia-cốp, ông được đề cập trước tiên, dù tội lỗi của Ru-bên (Sa 35:22) khiến ông mất các quyền lợi của con trưởng (49:3-4) mà sau đó được dành cho Giô-sép (ISu 5:1-2). Nhưng Môi-se không nói gì về điều này! Gia-cốp nói rằng chi phái này sẽ không trội hơn, nhưng Môi-se cầu nguyện để chi phái này sẽ sống, nghĩa là phát triển và thịnh vượng. Các học viên Hê-berơ không nhất trí về cách dịch của mệnh đề cuối. Phải chăng đó là “nguyện số người của nó chẳng ít” hay là “và nguyện số người của nó ít”? Ông đang cầu xin phước lành hay sự xét đoán? Dẫu tội lỗi ông chống lại cha ông, Ru-bên đã cầu thay cho Giô-sép (Sa 37:19-22 42:22) và sẵn sàng trao những

con trai ông làm sự bảo đảm cho Bên-gia-min (42:37). Dòng dõi Ru-bên định cư cùng với Gát và Ma-na-se trong địa phận phía Đông sông Giô-đanh. Nhưng họ đã đi đầu đội quân trong cuộc chinh phạt Ca-na-an (Gios 4:12) và không trở về xứ mình cho đến sau khi cuộc chinh phạt hoàn tất (22:1-9), giữa lần kiểm tra dân số lần thứ nhất và lần thứ hai trong sách Dân Số Ký (Dan 1:1-54 26:1-55), Ru-bên mất 2770 người, nhưng chi phái này có một tiếng tốt vì là những chiến sĩ can đảm (ISu 5:10). Thú vị rằng không lãnh đạo dân sự hoặc quân sự hay tiên tri nào xuất thân từ chi phái Ru-bên.

Giu-đa (Phu 33:7) là chi phái nhà vua (Sa 49:10), nhưng đó cũng là một chi phái quân sự, vì những người nam Giu-đa đã đi trước quân đội suốt những hành trình của dân tộc (Dan 2:9). Môi-se cầu xin Đức Chúa Trời nghe những lời cầu nguyện của Giu-đa, ban cho họ chiến thắng trên chiến trường, và đem những đội quân của họ trở về nhà an toàn.

Chi phái (Phu 33:8-11) được biệt riêng làm chi phái tế lễ (thầy tế lễ và người Lê-vi) và người Lê-vi giúp việc cho các thầy tế lễ ở nơi thánh. Gia-cốp kết nối Si-mê-ôn và Lê-vi (Sa 49:5-7), và tuyên bố rằng, vì tội lỗi của họ, hai chi phái này sẽ bị tán lạc trong Y-sơ-ra-ên. Si-mê-ôn đã trở thành một phần của Giu-đa và người Lê-vi sống trong 48 thành đặc biệt được ấn định cho họ (Gios 21:1-45). Việc làm tán lạc người Lê-vi trở thành một phước hạnh cho dân Do Thái, vì người Lê-vi biết và dạy luật pháp, và có thể chỉ dẫn dân sự. Dù mang tính lập dị, Gia-cốp hấp hối đã không nói gì về chức vụ thuộc linh của con cháu Lê-vi.

Các thầy tế lễ có U-rim và Thu-mim (Xu 25:7 28:30), đó có lẽ là hai viên đá quý được giữ nơi bảng đeo nợ của thầy tế lễ cả và được sử dụng để xác định ý muốn của Đức Chúa Trời (ISa 23:6-9). “Người thánh” trong Phu 33:8 (“người mà người ưa thích”, NIV) có lẽ là Môi-se, người cùng với A-rôn xuất thân từ chi phái Lê-vi. Môi-se đã bị thử nghiệm cách gay go tại Ma-sa (Xu 17:1-7) và tại Mê-ri-ba (Dan 20:1-13) và các thầy tế lễ cùng người Lê-vi đứng cùng ông. Chính những người Lê-vi đã giết những kẻ thờ hình tượng sau tình tiết bò con vàng (Xu 32:25-29), bày tỏ lòng nhiệt thành của họ đối với Chúa. Họ đặt sự vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời lên trên tình yêu của họ đối với gia đình và dân tộc họ (Mat 10:37 Lu 14:26). Đó sẽ là đặc quyền và trách nhiệm của các thầy tế lễ để bảo vệ và sử dụng U-rim và Thu-mim, dạy cho dân sự luật pháp, và đảm trách việc thờ phượng ở nơi thánh. Môi-se cầu nguyện để chi phái Lê-vi, chi phái của ông, sẽ được ban năng lực cho nhiều chức vụ và được bảo vệ khỏi kẻ thù họ.

Bên-gia-min con út của gia-cốp (Phu 33:12) được cha ông yêu mến nhiều nhất (Sa 35:18 44:20), cũng được Chúa yêu và bảo vệ. Chi phái Bên-gia-min bé nhỏ ở sát ngay biên giới phía Bắc của Giu-đa còn thành Giê-ru-sa-lem ở biên giới phía Bắc của Giu-đa và biên giới phía Nam của Bên-gia-min. Vì nơi thánh sẽ ở Giê-ru-sa-lem, Bên-gia-min sẽ ở gần với Chúa, Đấng ngự ở đó với dân sự Ngài. Như một người cha chăm sóc một người con, Đức Chúa Trời sẽ mang Bên-gia-min trên lưng Ngài, giữa hai vai người (4) và che chở người khi nguy hiểm. Những người Nam Bên-gia-min có một tiếng tốt hoàn toàn như những chiến sĩ (Cac 5:14).

Nhiều nơi được dành cho Giô-sép, Ép-ra-im và Ma-na-se (Phu 33:19-17) hơn bất cứ chi phái nào khác, nhưng Gia-cốp đi theo kiểu mẫu tương tự (Sa 49:22-26). Gia-cốp đã ban các

quyền của con trưởng cho Giô-sép và cũng đặt con thứ ông là Ép-ra-im làm trưởng nam trên Ma-na-se (Sa 48:1-33). Môi-se chúc phước cho Giô-sép với “những thứ quý báu” được kể như nước dồi dào, đất tốt, vụ mùa kết quả, và gỗ quý cùng khoáng vật từ các đồi và núi. Ông nói về “mặt trời và mặt trăng” vì đây là những sự sáng Đức Chúa Trời đặt đảm nhận những mùa (1:14). “Đấng ở trong bụi gai” (Phu 33:16) là chính Chúa khi Ngài hiện ra cho Môi-se (Xu 3:1-22). Nhóm từ “được biệt khỏi anh em người” cũng có thể được dịch là “một hoàng tử giữa anh em người”. Điều này đúng không chỉ về nghĩa đen ở Ê-díp-tô mà còn về thuộc linh và đạo đức trong gia đình. Cũng là một người tin kính.

Môi-se ví sánh Giô-sép và các con trai người (“vinh hiển của người”) như một bò đực đầu lòng xinh đẹp có sừng nhọn đánh bại mọi kẻ thù. Từ “đầu lòng” (“con đầu tiên”) có ý nghĩa, vì Giô-sép hưởng phước hạnh của con trưởng khi Gia-cốp khước từ Ru-bên và ép-ra-im được lập làm con trưởng trên anh người là Ma-na-se. Chi phái Ép-ra-im và Ma-na-se nổi tiếng về đất kết quả, bầy chiên và bầy gia súc đông đúc của họ, và sức mạnh quân sự của họ. Tiếc thay, họ kiêu ngạo về tổ tiên họ và đôi khi từ chối hợp tác với các chi phái khác, bởi đó gây ra những vấn đề cho dân tộc.

Sa-bu-lôn và Y-sa-ca (Phu 33:18-19) được mô tả là hai chi phái sẽ nhận phước dư dật từ đất và biển. Gia-cốp đồng nhất hóa Sa-bu-lôn với biển (Sa 49:19) và Y-sa-ca với đất (c.14-15), dù Y-sa-ca ở phần biển Ga-li-lê và Sa-bu-lôn chỉ cách Biển Địa Trung hải vài dặm. Hai nhóm từ “đi ra ngoài” và “trong các trại mình” bao gồm toàn bộ đời sống hằng ngày: đi ra ngoài để làm việc, trở về nhà để nghỉ ngơi. Môi-se chúc phước cho mọi khía cạnh của đời sống họ, điều chúng ta có thể gọi là “những nhiệm vụ hằng ngày của đời sống”. Bức tranh trong Phu 33:19 là bức tranh thờ phượng được tiếp theo bằng một bữa tiệc cộng đồng, nhưng dân Do Thái phải đem những của lễ họ đến nơi thánh trung tâm nơi họ có thể dự bữa tiệc gia đình. Một số người nghĩ đó là bức tranh về hai chi phái chia sẻ những tặng vật của họ với anh chị em của họ và tạ ơn Đức Chúa Trời về sự rời rộng của Ngài, một cách dịch tiếng Do Thái nói về một cuộc dã ngoại của gia đình.

Chi phái Gát (Phu 33:20-21) ở phía Đông sông Giô-đanh (3:12-16) cùng với Ry-bên và Ma-na-se. Môi-se biết rằng Gát đã chọn xứ tốt nhất cho bầy chiên và bầy gia súc của họ. Nhưng Gát cũng là một chi phái can đảm đã cử đã cử những chiến sĩ vào Ca-na-an để giúp chinh phạt xứ (Gios 1:12-18 4:12-18 22:1-4). Khi Y-so-ra-ên đánh bại các dân tộc ở phía Đông sông Giô-đanh, Gát nhận “phần của sư tử” cho chính mình.

So sánh Đan (Phu 33:22) với “sư tử to” là gợi ý rằng chi phái này chưa trưởng thành hoàn toàn, nhưng nó bày tỏ lời hứa lớn và có sức mạnh lớn. Sư tử to sẽ lớn lên thành một sư tử! Mệnh đề thứ hai được dịch là “người lẩn tránh kẻ ác”. Gia-cốp so sánh Đan với một con rắn (Sa 49:16-17) và con rắn với sư tử đều được liên tưởng đến Sa-tan (Sa 3:1-24 Kh 12:9,14-15 20:2 IPhi 5:8). Chi phái Đan đã trở thành kẻ thù thần tượng và bội đạo (Cac 17:1-18:21).

Nép-ta-li (Phu 33:23) được hứa ban dư dật phước lành của Chúa, được phát triển về phía Nam, nơi tọa lạc Biển Ga-li-lê và phát triển về phía Tây, hướng đến Biển Địa Trung Hải. Ba-rác xuất thân từ chi phái này, và các chiến sĩ từ Nép-ta-li đã giúp người cùng Đê-

bô-ra (Cac 5:18) và Ghi-đê-ôn (7:23). Nép-ta-li được đề cập trong lời tiên tri về Đấng Mê-si-a (Es 9:1 Mat 4:13-16).

Tên A-se (Phu 33:224-25) nghĩa là “được phước” và Môi-se cầu xin Chúa chúc phước cho chi phái này được nhiều con cháu, được đẹp lòng anh em mình và được thịnh vượng nhiều. Dùng dầu ô-li-ve quý giá nơi chân sẽ là một dấu hiệu của sự giàu có, và địa phận của A-se đã được chúc phước với nhiều rừng cây ô-li-ve. Từ được dịch là “giày” cũng được dịch là “then cửa”, chỉ về sự an toàn chắc chắn ở cửa thành. Vì vậy, chi phái này sẽ hưởng sự màu mỡ, tình yêu anh em, sự thịnh vượng và sự an toàn, vì Chúa sẽ ban cho họ năng lực hằng ngày để hoàn thành công việc họ. Họ có thể cần điều gì hơn nữa?

Hạnh phúc của dân sự Đức Chúa Trời (Phu 33:26-29). Đây là những lời cuối cùng Môi-se viết, và những lời ấy tập trung về hạnh phúc của dân sự Đức Chúa Trời vì có những phước lành của Ngài. Khi Môi-se hoàn tất việc chúc phước cho các chi phái, ông hình dung ra cả dân tộc và niềm vui mừng Y-so-ra-ên phải có vì họ biết Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống. Đức Chúa Trời của họ không phải là một thần tượng chết ngời trong một đền thờ, Ngài cỡi trên các tầng trời để đến giúp đỡ dân sự Ngài! (Thi 18:10 68:33). Nhưng hơn thế, Đức Chúa Trời là “nhà” và nơi ở của Y-so-ra-ên (90:1) và họ ở trong Ngài dù họ đi đâu khi chúng ta tiến về phía trước bằng đức tin, Ngài đánh bại kẻ thù và giữ vững chúng ta trong chiến trận.

Y-so-ra-ên sẽ đối mặt với nhiều kẻ thù và đánh nhiều trận chiến khi họ chinh phục Đất Hứa, nhưng Đức Chúa Trời sẽ ban cho họ chiến thắng. Họ sẽ ở trong một xứ an toàn và màu mỡ, được biệt riêng khỏi những dân tộc ngoại giáo nhưng làm chứng cho họ về Đức Chúa Trời của Y-so-ra-ên. Đức Chúa Trời sẽ là Đấng cứu giúp, cái khiên và thanh gươm của họ, vì vậy họ không có gì để sợ hãi. Hiểm họa lớn nhất của Y-so-ra-ên không phải là những quân đội quanh họ mà đúng hơn là những tham muốn trong họ. Tấm lòng họ cần được dứt bỏ tình yêu của họ đối với những thần tượng và những tội lỗi có liên quan với sự thờ hình tượng. Cuối cùng, dân Do Thái đã chấp nhận và thờ lạy các thần của những dân tộc họ đánh bại, và điều này dẫn đến sự suy đồi về thuộc linh và đạo đức của dân tộc. Thay vì “đạp các nơi cao của chúng nó” (Phu 33:29), Y-so-ra-ên đã ngày càng lún sâu hơn trong hố tội lỗi, cho đến lúc Đức Chúa Trời phải đưa họ vào tình trạng bị giam cầm.

2. Một sự cảnh cáo cho các tội tớ của Đức Chúa Trời (Phu 34:1-8)

Sự qua đời sắp đến của Môi-se là một chủ đề tái hiện trong những chương cuối này (31:1-2,14,16,26-29 32:48-58 33:1 34:1-3,10,12). Môi-se biết việc sắp xảy ra, vì sự chết là một sự chỉ định (He 9:27), không phải là một tai nạn. Môi-se đã khởi đầu chức vụ của ông như một người chăn chiên đơn độc, chăm sóc bầy chiên mình gần Hô-rếp (Si-nai), núi của Đức Chúa Trời (Xu 3:1-22), và giờ đây ông sẽ kết thúc chức vụ của mình, để bầy chiên của ông lại cho Giô-suê và đi lên núi Nê-bô một mình để gặp Đức Chúa Trời.

Nhưng sự nhấn mạnh trong những cảnh này không phải là sự qua đời của ông, mà đúng hơn là việc Chúa không thể cho ông vào Đất Hứa vì có tội hấp tấp của ông tại Ka-đe (Dan 20:1-29). Thay vì nói với hòn đá, Môi-se đã đập hòn đá trong sự tức giận và nói: “Hãy nghe, hỡi dân phản nghịch, chúng ta phải đem nước cho các ngươi từ hòn đá này sao?” (c.10, NIV). Thái độ của ông, những hành động của ông (đập hòn đá) và lời nói của ông đều sinh ra bởi xác thịt chứ không bởi Thánh Linh và được dùng để làm vinh hiển ông cùng A-rôn chứ không phải Chúa. Môi-se đã không thánh hóa Đức Chúa Trời trong điều ông nói và làm, vì vì điều này, ông đã bị giữ bên ngoài Đất Hứa (Phu 1:37-40 Dan 20:12-13). Ông đã cầu nguyện thành tâm để Chúa đổi ý Ngài, nhưng Chúa từ chối làm vậy (Phu 3:23-26 động từ cho thấy rằng Môi-se đã thường cầu nguyện điều này). Trên núi Nê-bô, Môi-se có lẽ ở cách biên giới của Đất Hứa 6 dặm, nhưng Chúa sẽ không để ông đi vào.

Phải chăng hình phạt này lớn hơn sự vi phạm? Không chút nào. Alexander Maclaren đã nói: “Bất cứ vi phạm nào của Môi-se cũng không thể là một vi phạm nhỏ”. Môi-se là lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời; ông là người ban luật pháp và là kiến trúc sư của dân Do Thái và Do Thái giáo. Ông biết rằng những đại quyền càng lớn, những trách nhiệm càng nặng. Qua điều Môi-se làm, ông đã không qui vinh hiển cho Đức Chúa Trời, và vì tội lỗi đó ông phải chịu sửa phạt. Đức Chúa Trời trong ân đến Ngài tha thứ tội lỗi chúng ta, nhưng Đức Chúa Trời trong sự tể trị của Ngài cho phép tội lỗi chúng ta đem lại những hậu quả đáng buồn của nó trong đời sống chúng ta.

Đức Chúa Trời cho Môi-se khả năng nhìn thấy toàn xứ, với Nép-ta-li ở phía Bắc, Ép-ra-im và Ma-na-se ở vùng trung tâm, còn Giu-đa ở vùng Negev, và ở Xoa về phía Nam. Chúa bảo đảm với Môi-se rằng Ngài sẽ giữ giao ước Ngài với các trưởng tộc và ban cho Y-so-ra-ên xứ kỳ diệu này. Tuy nhiên, tất cả không bị đánh mất. Vì Môi-se thật sự đã đến xứ Thánh nhiều thế kỷ sau đó khi ông và Ê-li cùng với Chúa Giê-xu ở trong sự vinh hiển trên núi Hóa Hình (Mat 17:1-3 Lu 9:28-31). Môi-se thậm chí đã nói chuyện với húa Giê-xu về “sự chết của Ngài” (cuộc kinh lý) mà Ngài sẽ thực hiện trên thập tự giá ở Giê-ru-sa-lem (Môi-se bết điều gì đó về một cuộc kinh lý!).

Sau khi nhìn xem xứ, Môi-se đã qua đời và Chúa cùng Thiên sứ Mi-chen (Giu 1:9) đã chôn ông trên núi Nê-bô, trong một ngôi mộ mà không ai có thể xác định vị trí hay nhận biết. Cuộc tranh chấp giữa Mi-chen và ma quỷ thì không được giải thích bất cứ chỗ nào trong Kinh Thánh. Nguyên nhân chính Giu-đe đề cập đến sự kiện lạ lùng này là để bẻ bác những kẻ nói xấu đến các chức sắc (c.8,10), điều mà ngay cả một thiên sứ trưởng thánh sẽ không làm, dù “chức sắc” này chính là Sa-tan! Sự kiện này không được ghi lại trong Kinh Thánh; Nó xuất xứ từ một sách ngụ ý tác mang tên “sự thừa nhận của Môi-se” Mi-chen có một chức vụ đặc biệt đối với dân Do Thái (Da 10:13-21 12:1) và cũng là một kẻ thù của Sa-tan, vì Sa-tan muốn tiêu diệt dân Do Thái (Kh 12:7-9). Tên Mi-chen nghĩa là “Ai giống như Đức Chúa Trời?” và Sa-tan đã nói: “Ta sẽ giống Đấng Rất Cao (Es 14:14). Phải chăng Sa-tan muốn sử dụng xác Môi-se để tạo ra những vấn đề trong dân Do Thái là dân sắp xâm lấn những thành lũy của nó ở Ca-na-an liệu Sa-tan có thể cám dỗ dân Do

Thái thờ phượng vị lãnh đạo đã chết của họ? Chúng ta không biết và thật vô ích để suy đoán.

Môi-se đã qua đời “theo lời của Đức Giê-hô-va” (Phu 34:5), và đó phải là mục tiêu của mọi tín hữu. Sự qua đời của các thánh Đức Chúa Trời rất quý báu đối với Ngài (Thi 116:15) và do đó Ngài sẽ không cho phép nó xảy ra tình cờ, trừ khi tín đồ đó chống lại ý muốn Ngài. Các ngày Đức Chúa Trời “định cho chúng ta đã được viết ra (139:16) và dù chúng ta không thể sống quá những ngày ấy, chúng ta có thể thúc đẩy sự chết của mình bằng sự đại dột và tội lỗi của chúng ta.

3. Một gương cho các tôi tớ của Đức Chúa Trời (Phu 34:9-12)

Có những lúc khi Môi-se phàn nàn với Đức Chúa Trời vì công việc của ông khó khăn, và hơn một lần ông sẵn sàng rút lui, nhưng mặc cho những yếu đuối rất con người này, Môi-se vẫn là một tôi tớ trung tín. Thật ra, trong vấn đề về sự trung tín, Môi-se thậm chí được so sánh với Đấng Christ (He 3:1-6).

Môi-se đã trung tín bước đi với Đức Chúa Trời, và ông nói với Đức Chúa Trời với tư cách một người nói với bạn mình (Xu 33:11 Dan 12:7-8). Bí quyết của đời sống ông không phải là những khả năng của riêng ông – ông tuyên bố ông chẳng có gì cả, hay thậm chí sự học vấn của ông ở Ê-díp-tô (Cong 7:22), mà là sự ăn ở khiêm nhường của ông đối với Chúa. Ông đã dành thời gian ở với Đức Chúa Trời, ông lắng nghe Lời Đức Chúa Trời, và ông làm theo những mệnh lệnh của Đức Chúa Trời.

Một điều gương mẫu khác về Môi-se là sự tận tâm của ông đối với dân sự ông. Vào hai dịp, Đức Chúa Trời định tiêu diệt dân Do Thái và khởi đầu một dân tộc mới cùng với Môi-se, và Môi-se đã từ chối đề nghị này (Xu 32:9-14 Dan 14:10-25). Môi-se là một người chần chừ thật sẵn sàng phó sự sống mình vì bầy chiên các ông (Xu 32:30-35). Có quá nhiều người tự xưng là “lãnh đạo Cơ Đốc” thật sự chỉ là những người làm thuê, làm công việc họ vì những gì họ có thể nhận được từ đó (Gi 10:12-14). Khi có rắc rối hay nguy hiểm, người làm thuê sẽ trốn đến một nơi an toàn, nhưng người chần chừ thật chạy đến với Chúa để được sức mạnh cần thiết để thực hiện công việc.

Môi-se là một người cầu thay trung tín. Nhiều lần ông đã cúi mặt và cầu xin Đức Chúa Trời đừng xét đoán dân sự, và ở trên núi, ông đã cầu nguyện cho đến khi ông biết chắc Chúa sẽ đồng đi với họ trên hành trình của họ. Giống như các sứ đồ, Môi-se là một người tập trung vào “sự cầu nguyện và chức vụ giảng đạo” (Cong 6:4). Như Chúa Giê-xu đối với các sứ đồ Ngài, ông dạy Lời Chúa cho dân sự và sau đó cầu nguyện cho họ chấp nhận Lời Chúa và tăng trưởng.

Chúa đã chuẩn bị cho Môi-se về chức vụ của ông và mất 80 năm để thực hiện điều đó. Ông được nuôi dưỡng với tư cách một hoàng tử ở xứ Ê-díp-tô và được dạy cho tất cả những gì người khôn ngoan biết. Một số học giả tin rằng Môi-se được chuẩn bị để làm Pha-ra-ôn tương lai. Nhưng Môi-se đã từ bỏ mọi điều này để hòa mình với dân sự của Đức Chúa Trời trong hoạn nạn của họ (He 11:24-27). Đức Chúa Trời ban cho Môi-se một “khoá nghiên cứu” mất 40 năm với tư cách một người chần chừ trong xứ Ma-đi-an,

một nơi xa lạ đối với một con người có trong đầu mọi học thức của Ê-díp-tô. Nhưng có những bài học phải được học trong nơi vắng vẻ và yên lặng, và qua việc chăm sóc bầy chiên khờ dại, việc mà Môi-se chưa bao giờ có thể học trong đại học ở Ê-díp-tô. Đức Chúa Trời có những cách khác nhau để huấn luyện cái tôi tớ Ngài, và sự dạy dỗ của mỗi bài học đều do Chúa soạn ra.

Trong nhiều khía cạnh, Môi-se gây ấn tượng như một người rất giống Đấng Christ. Giống như Chúa Giê-xu, ông được sinh ra trong một gia đình tin kính vào một thời điểm gay go trong lịch sử Do Thái, và giống như Chúa Giê-xu, mạng sống ông bị đe dọa. Khi Môi-se từ bỏ những của cải Ê-díp-tô, điều đó giống với Chúa Giê-xu. Đấng đã trở nên nghèo khó để Ngài có thể chia sẻ của cải thuộc linh với nhiều người (II Co 8:9). Giống như Chúa Giê-xu, Môi-se bị dân sự ông khước từ khi ông tìm cách giúp họ lần đầu tiên (Xu 2:11-15), nhưng ông được họ chấp nhận khi ông đến với họ lần thứ hai (Xa 12:10-13:1).

Môi-se là một người nhu mì, và Chúa Giê-xu đã phán “Ta có lòng nhu mì, khiêm nhường” (Mat 11:28-30). Môi-se đã hoàn tất công việc Đức Chúa Trời giao cho ông làm (Xu 39:42-43 40:33) và Con Đức Chúa Trời cũng vậy (Gi 17:4). Trước khi trở về trời, Chúa Giê-xu đã để lại những môn đồ được huấn luyện để tiếp tục công tác rao giảng Tin Lành trên thế giới, và Môi-se đã để lại Giô-suê với các trưởng lão để dẫn dắt dân sự trong đường lối Chúa. Mặt của Chúa chúng ta tỏa sáng trên Núi Hóa Hình, và mặt của Môi-se tỏa sáng khi ông từ núi gặp Đức Chúa Trời và trở xuống (Mat 17:2 Xu 34:20-30). Môi-se “đầy quyền năng trong lời nói và việc làm” (Cong 7:22), và Chúa Giê-xu cũng vậy khi Ngài thi hành chức vụ trên đất (Lu 24:19).

Tấm gương hoàn hảo duy nhất là Chúa Giê-xu Christ, nhưng khi chúng ta đọc về Môi-se, ông nhắc nhở chúng ta về Chúa của chúng ta và khích lệ chúng ta trở nên càng giống Cứu Chúa của chúng ta trong mọi việc.

13. ÔN LẠI SÁCH PHỤC TRUYỀN LUẬT LỆ KÝ - HỌC ĐỂ NHỚ – NHỚ ĐỂ HỌC (Phu 1:1-34:12)

John Newton đã viết vào tuổi 82: “Trí nhớ của tôi gần như đã mất, nhưng tôi nhớ hai điều: rằng tôi là một tội nhân lớn và Đấng Christ là một Cứu Chúa vĩ đại.”

Đó là mục đích Môi-se nghĩ đến khi ông rao những bài giảng mà chúng ta gọi là Sách Phục Truyền Luật Lệ Ký, ông muốn dân sự nhớ những điều thật sự quan trọng. Nếu họ nhớ họ là những tội nhân được cứu bởi ân điển Đức Chúa Trời và những điều Đức Chúa Trời đã làm cho họ, tránh được những cám dỗ nguy hiểm quanh họ, và hưởng cơ nghiệp Đức Chúa Trời chuẩn bị cho họ.

Chúng ta có thể ôn lại những bài học chính của sách phục Truyền Luật Lệ Ký bằng cách để ý điều Môi-se bảo chúng ta nhớ.

1. Hãy “nhớ lại Đức Giê-hô-va” (Phu 8:18)

Lời Đức Chúa Trời được ban ra để chúng ta có thể biết rõ hơn Đức Chúa Trời của Lời Ngài (1). Mỗi điều Môi-se tuyên bố với dân sự là một sự bày tỏ về tâm trí và tấm lòng

của Đức Chúa Trời. Mỗi luật lệ, mỗi lễ nghi, mỗi sự cấm kỵ, và mỗi ký ức về những sự kiện quá khứ đều chỉ về Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của dân Y-sơ-ra-ên. Qua những việc lớn quyền năng và những lời ân hậu của lễ thật, Chúa đã bày tỏ chính Ngài cho Y-sơ-ra-ên khi Ngài chẳng tỏ cho dân tộc nào khác, và Môi-se đã ghi lại những lời nói và việc làm này cho chúng ta đọc hôm nay. Sự hiểu biết về Đức Chúa Trời là sự hiểu biết quan trọng nhất của đời sống.

Y-sơ-ra-ên phải nhớ rằng Chúa là Chúa duy nhất (6:4). Họ sống trong một thế giới thờ thần tượng đầy mê tín mà mỗi dân tộc có các thần riêng của họ, và khi bạn đi từ quốc gia này sang quốc gia khác, bạn thay đổi thần mình! Nhưng dân Y-sơ-ra-ên tin rằng có một Đức Chúa Trời tối cao duy nhất, Đức Chúa Trời chân thật và hằng sống, danh Ngài là Đức Giê-hô-va. “Ta là Ta” Điều răn thứ nhất nói rằng “Trước mặt ta người chớ có các thần khác” (Xu 20:3) và điều răn thứ hai cấm dân Do Thái làm một hình tượng về Đức Chúa Trời họ hay về bất cứ vật gì khác trong vũ trụ mà họ có thể thờ lạy như một thần.

Chúa duy nhất này là Đấng sáng tạo muôn vật và có quyền năng vô hạn. Ngài bày tỏ quyền năng đó qua việc giáng những tai vạ cho Ê-díp-tô và sau đó mở Biển Đỏ để Y-sơ-ra-ên có thể ra đi. Ngài bày tỏ vinh hiển Ngài ở núi Si-nai nhưng Ngài cũng bày tỏ ân điển và sự thương xót của Ngài khi Ngài lập một giao ước với Y-sơ-ra-ên (Phu 4:32,37). Chúa là Đức Chúa Trời thành tín giữ Lời Ngài và sẽ không thất tín với dân sự Ngài. Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên yêu dân sự Ngài và muốn họ yêu Ngài. Ngài ghen tương với dân Ngài (c.24 5:9 16:16), giống như một người chồng ghen tương với vợ mình.

Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là Đức Chúa Trời sửa phạt dân Ngài nếu họ bất tuân Ngài. Giao ước của Ngài cho biết rõ rằng Ngài sẽ chúc phước khi dân Ngài vâng lời Ngài và giáng sự sửa phạt khi họ bất tuân Ngài, và cả hai hành động đều là những chứng cứ về tình yêu cùng sự thành tín của Ngài. Trong sự thương xót của Ngài, Ngài sẽ tha thứ nếu dân sự ăn năn và trở lại với Ngài, nhưng Ngài sẽ không dung thứ cho sự chống nghịch.

Đức Chúa Trời tuyên bố Lời Ngài qua những tôi tớ được chọn như Môi-se, và Ngài mong dân sự Ngài lắng nghe Lời Ngài, ghi nhớ và vâng theo. Giống như Y-sơ-ra-ên là một dân của Lời Chúa, Hội Thánh ngày nay cũng là một dân của Lời Chúa. Đức tin của chúng ta không phải là cái gì đó chúng ta tự tạo ra, vì nó được ban cho chúng ta cách nhân từ qua Lời Chúa, Lời Đức Chúa Trời là sự sống của chúng ta, và không có Lời Chúa, chúng ta không thể biết Đức Chúa Trời, biết ý muốn Đức Chúa Trời, hay thờ phượng và hầu việ Đức Chúa Trời cách xứng đáng . Những điều răn của Đức Chúa Trời là những điều Đức Chúa Trời có thể làm được.

Chúng ta được đặc quyền có Lời Chúa được viết ra bằng ngôn ngữ của chúng ta, được tự do để đọc và chia sẻ nó cho người khác. Giống như Y-sơ-ra-ên, Hội Thánh phải là một “dân của lời Chúa”, vì mọi điều chúng ta cần cho đời sống và sự tin kính đều được tìm thấy trong lời được hà hơi của Đức Chúa Trời (II Phi 1:3 ITi 3:16-17).

2. “Khá nhớ rằng người đã làm tôi mọi (Phu 5:15)

Lời khuyên này cũng được tìm thấy trong 15:15 16:3,12 24:18-22. Mỗi lần dân Do Thái dự lễ Vượt Qua, họ được nhắc nhở về những thử thách dân tộc trải qua ở Ê-díp-tô, và điều này phải dẫn họ đến chỗ yêu mến Chúa càng hơn về điều Ngài đã làm cho họ. Khi hành trình trở nên khó khăn, dân Do Thái thường muốn trở lại với sự an toàn và tình trạng nô lệ ở Ê-díp-tô thay vì tin cậy Chúa và hưởng sự tự do Ngài ban cho họ. Mặc dù chúng ta không muốn nhắc lại những tội lỗi của quá khứ, nhưng có lợi cho chúng ta để nhớ Chúa đã cứu chúng ta ra khỏi điều gì khi chúng ta tin nhận Đấng Christ. Dân Do Thái phải nhớ ngày Chúa đã đem họ ra khỏi ách nô lệ của họ (16:3). Không có gì sai trái với việc biệt ra “những ngày kỷ niệm” đặc biệt khi chúng ta ôn lại sự nhân từ của Chúa đối với chúng ta.

Việc dân Do Thái từng là khách lạ trong một xứ ngoại bang phải thúc đẩy họ đặc biệt tử tế với những khách lạ trong xứ (10:19). Điều đó cũng phải khích lệ họ tử tế với tôi tớ của họ (24:14). “Yêu mến lẫn nhau” đơn giản có nghĩa là chúng ta đối xử với người khác như cách Chúa đối xử với chúng ta.

3. “Hãy nhớ Đức Chúa Trời đã dẫn dắt các ngươi thế nào” (Phu 8:2)

“Và hãy nhớ rằng Giê-hô-va Đức Chúa Trời đã dẫn các ngươi trọn con đường”. Đức Chúa Trời không bỏ rơi Y-so-ra-ên khi họ ra khỏi Ê-díp-tô, nhưng dẫn dắt họ bằng một trụ mây ban ngày và một trụ lửa ban đêm. Dân Do Thái không phải lúc nào cũng hiểu con đường Chúa chọn, nhưng Ngài không bao giờ dắt họ đi lạc lối. Chúng ta có thể chắc rằng ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ dẫn chúng ta đến nơi mà ân điển Đức Chúa Trời không thể nắm giữ chúng ta hay quyền năng Đức Chúa Trời không thể giúp chúng ta quy vinh hiển danh Chúa.

Một trong những bài học khó nhất mà dân Đức Chúa Trời phải học là chấp nhận ý muốn Đức Chúa Trời và vâng lời Ngài mà không chống đối hay than phiền. Nếu dân Do Thái để thời gian nhìn lại và nhớ lại hành trình của họ từ Ê-díp-tô đến Ca-na-an, họ sẽ thấy rằng mỗi giai đoạn trong hành trình đều dạy họ nhiều hơn về chính họ và về Chúa. Họ sẽ thấy mình đang sống trong quá khứ và sợ hãi tương lai, nghi ngờ tình yêu Đức Chúa Trời và khả năng Ngài giúp họ vượt qua khó khăn. Sự phàn nàn thường xuyên của họ bày tỏ họ thiếu lòng yêu mến đối với Chúa, và sự chống nghịch của họ cho thấy sự thiếu đầu phục của họ đối với ý muốn Ngài.

Dù sống ở đâu, nhà truyền giáo J.Hudson Taylor đều trao tấm bảng ghi: “Ebenezer-Jehovah-Jireh”. Những từ tiếng Hê-bơ-rơ này nghĩa là “Chúa đã giúp đỡ chúng ta cho đến nay. Chúa chắc chắn sẽ giúp đỡ chúng ta”. (ISa 7:12 Sa 22:14). Khi dân Đức Chúa Trời nhìn lại, chúng ta thấy rằng Chúa đã thành tín, và khi chúng ta nhìn phía trước, chúng ta biết Ngài sẽ chu cấp. Vậy, tại sao phải lo lắng và phiền muộn?

4. “Hãy nhớ núi Si-nai” (Phu 4:9-13)

Chúa không dẫn Y-so-ra-ên trực tiếp từ Ê-díp-tô đến Ca-na-an vì không sẵn sàng để vào xứ và đối đầu với kẻ thù. Sự tự do không giống như sự trưởng thành. Thật ra, không có sự trưởng thành, sự tự do là một điều nguy hiểm, Đức Chúa Trời không ban

luật pháp Ngài cho Y-so-ra-ên như một phương tiện của sự cứu rỗi vì Ngài đã cứu chuộc họ bằng huyết của Chiên Con lễ Vượt Qua. Ngài ban cho họ luật pháp Ngài để hoàn thiện họ, vì họ giống như trẻ con cần một người giữ trẻ (Ga 4:1-7).

Dân Y-so-ra-ên học được gì ở núi Si-nai? Điều quan trọng trước tiên, họ biết rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời thánh khiết Đấng phải được kính sợ và tôn trọng. Đức Chúa Trời đã bày tỏ đại quyền và vinh hiển Ngài tại núi Si-nai và dân sự run rẩy sợ hãi. Nhưng nếu sự sợ hãi đó không trở nên sự tôn kính trong lòng, nó không bao giờ có thể biến đổi đời sống. Y-so-ra-ên cũng biết rằng Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời nhân từ và thương xót Đấng ban sự tha thứ và ban một phương tiện để thờ phượng và hầu việc Ngài.

Tuy nhiên, cũng chính tại núi Si-nai, dân sự khám phá sự nóng nảy, thiếu kiên nhẫn và sự vô tín của họ khi Môi-se ở trên núi quá lâu. Họ có một ham muốn về những thần tượng trong lòng, và họ đã thờ phượng con bò vàng. Họ đã thấy Đức Chúa Trời nhanh chóng xét đoán tội lỗi ghê gớm của họ ra sao và họ cũng biết rằng Đức Giê-hô-va sẽ tha thứ họ và ban cho họ một khởi đầu mới.

Mọi tín hữu phải học vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời như được trình bày trong Lời Đức Chúa Trời. Một thử nghiệm về sự đầu phục của chúng ta là một thiện ý chờ đợi Chúa mà không theo đuổi những điều thay thế. Cho dù bò vàng được các thầy tế lễ chấp nhận, nó vẫn là xấu xa và trái nghịch ý muốn Đức Chúa Trời.

5. “Hãy nhớ người đã chọc giận Đức Chúa Trời ra sao” (Phu 9:7)

“Hãy nhớ và chớ quên người đã chọc giận Giê-hô-va Đức Chúa Trời người trong đồng vắng ra sao” (NKJV). Ít nhất vào hai lần, Chúa đã đoạ huỷ diệt cả dân sự và lập một dân tộc mới từ Môi-se. Nhưng dân Do Thái phải được khơi gợi về điều gì? Chúa Đấng nhân từ giải cứu họ khỏi Ê-díp-tô, cũng đã ban cho họ mới thứ họ cần trong hành trình, đánh bại những kẻ thù của họ, và ban cho họ một xứ đơm sữa và mật.

Vấn đề cơ bản của họ là sự vô tín (He 3:1-4:16). Đơn giản là họ không tin cậy Đức Chúa Trời. Họ không tin những lời hứa của Ngài hay vâng theo những điều răn của Ngài, nhưng tìm cách làm theo ý riêng mình, và điều này dẫn đến sự chống nghịch và sự sửa phạt. Và họ dường như chưa bao giờ học bài học của mình. Giống như những đứa trẻ bướng bỉnh và bất trị, dân Do Thái bị đánh đòn và trở lại ngay với tội lỗi mình!

Là con cái Chúa, chúng ta phải thú nhận rằng không có ân điển Đức Chúa Trời, không có gì tốt ở trong chúng ta (Ro 7:18) và bản chất sa ngã của chúng ta không thể thay đổi được. “Hễ chi sanh bởi xác thịt là xác thịt” (Gi 3:6). Và nó sẽ luôn là xác thịt! Khả năng phạm tội vẫn ở với chúng ta, nhưng chúng ta phải bớt đi tham muốn phạm tội. Nhờ công việc thánh hóa của Thánh Linh và lời Chúa (Gi 17:17 IICo 3:18), con người bên trong của chúng ta phải càng thích ứng với Đấng Christ, khao khát và vui mừng trong những điều thuộc về Đức Chúa Trời.

6. “Hãy nhớ kẻ thù các người” (Phu 25:17)

Đây không phải là một mệnh lệnh mang những mối hận thù, nhưng phải nhận biết những kẻ thù thật sự chống nghịch Chúa và chúng ta. Dân A-ma-léc đã tấn công Y-so-ra-ên sau cuộc kinh lý rời Ê-díp-tô và Giô-suê cùng đội quân Do Thái đã đánh bại họ (Xu 17:8-16). Đó chính là lúc Đức Chúa Trời tuyên chiến trên mọi thế hệ dân A-ma-léc cho đến khi kỷ niệm về dân tộc này sẽ bị xoá sạch khỏi mặt đất. Dân Y-so-ra-ên không bị tấn công ở Ê-díp-tô nhưng sau khi Chúa giải phóng họ khỏi ách nô lệ. Điều này nhắc nhở chúng ta rằng thế gian, xác thịt và ma quỷ không tấn công tội nhân chết, vì họ đã ở dưới sự điều khiển của chúng (Eph 2:1-3). Tuy nhiên một khi Chúa đã giải phóng chúng ta, những kẻ thù này theo sau chúng ta, và cuộc chiến sẽ diễn tiếp cho đến khi chúng ta gặp Chúa Giê-xu Christ.

Một mục sư trẻ người Ê-cốt đã tham dự một hội nghị “đòi sống Cơ Đốc đắc thắng” và đi đến chữ tin rằng ông đã “đạt chiến thắng” trên các kẻ thù của đời sống thuộc linh. Ông chia sẻ tin mừng này với Alexander White, mục sư nổi tiếng ở Edingburgh là người đã nói: “À, đó là một cuộc chiến ác liệt cho đến cuối cùng!” Đó là một suy nghĩ nghiêm túc mà một số người trong Kinh Thánh là những người phạm tội trong với Chúa đã không nghĩ vậy khi họ còn trẻ. Áp-ra-ham trốn đến Ê-díp-tô và nói dối về vợ mình, Môi-se mất bình tĩnh, A-rôn làm một tượng vàng, Đa-vít phạm tội tà dâm và giết người, và Phi-e-rơ chối Chúa mình. Chúng ta đừng bao giờ làm phát triển những cảm dỗ và những cuộc chiến.

7. “Hãy nhớ điều Chúa đã làm cho Mi-ri-am” (Phu 24:9)

Câu chuyện về sự chống nghịch của Mi-ri-am được tìm thấy trong Dan 12:1-16. Mặc dù A-rôn có liên can với nàng, nhưng dường như nàng là đầu sỏ của vấn đề vì nàng là người đã bị trừng phạt. Mi-ri-am đã ghen tị với vợ của Môi-se và chỉ trích em trai mình vì có hôn nhân của người (2) Đức Chúa Trời nhìn thấy lòng nàng, nghi những lời của nàng và trừng phạt tội lỗi nàng bằng cách giáng cho nàng bệnh phung. Để bày tỏ sự nhu mì và tình yêu vốn của mình, Môi-se cầu thay cho nàng và Đức Chúa Trời chữa lành cho nàng. Tuy nhiên, bệnh phung khiến cho nàng bị ô uế và nàng phải rời trại quân một tuần cho đến khi thầy tế lễ có thể xác minh rằng bệnh phung đã khỏi. Tội lỗi của nàng đã làm trì hoãn cuộc hành quân của Y-so-ra-ên, vì tội lỗi luôn ngăn trở bước tiến của dân Đức Chúa Trời.

Những tội lỗi về tinh thần cũng gây phá hoại như những tội lỗi và thể xác và đôi khi chúng tồi tệ hơn. Mi-ri-am đã phạm tội kiêu ngạo, ghen ghét, nói xấu và thiếu tình yêu. Nhưng hơn thế, những tội lỗi trong gia đình đặc biệt gây đau khổ, cũng như những tội lỗi giữa vòng các lãnh đạo của dân sự Đức Chúa Trời. Nếu Đức Chúa Trời giáng bệnh phung cho mọi lãnh đạo nào ghen ghét những lãnh đạo khác và chỉ trích họ, sẽ không có nhiều người khoẻ mạnh còn lại!

Những điều nhắc nhở đặc biệt này áp dụng cho chúng ta hôm nay. Những ký ức xấu có thể dẫn đến những thái độ cùng hành động xấu và thường dẫn đến sự bất trung đối với Chúa. Mặc dù sách Phục Truyền Luật Lệ Ký là một sách dài, đây những mục khác nhau, nhưng bài học thuộc linh nổi bật đó là chúng ta phải được Chúa trang bị để đối

diện những thử thách và những cơ hội của tương lai. Sự trang bị đó đến từ việc nghe Lời Chúa, gìn giữ và vâng theo. Trong lúc có một số điều chúng ta phải quên, cũng có một số điều chúng ta phải nhớ nếu chúng ta muốn làm đẹp lòng Chúa, qui vinh hiển cho Ngài và thực hiện công việc Ngài giao cho chúng ta làm.